



# CAO ĐÀI GIÁO LÝ

**MỪNG ĐẠI LỄ  
KHAI MINH ĐẠI ĐẠO 2013**

Di sản của  
Thượng Đế

Trách nhiệm  
hoằng hóa Đạo Thầy



Hòa trong  
Thế Đạo  
và Thiên Đạo



Buổi Hội ngộ  
Liên tôn với  
chủ đề "Hiệp  
tâm vun đắp  
an hòa"

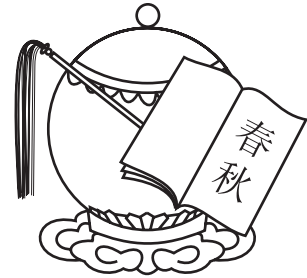


Lòng Đạo  
Khai Minh



Niềm vui theo  
quan niệm của  
đạo Cao Đài

**121**



# Nội san Cao Đài Giáo Lý số 121

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO  
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Nội San Cao Đài Giáo Lý là một trong những chủ lực phổ thông giáo lý sau này... Bước hướng tới tương lai của Nội San là phải có chủ đạo về mặt tư tưởng Giáo Lý Đại Đạo [để] đạt đến tầm vóc thế giới. Có như vậy chư đệ muội mới làm tròn trách nhiệm.

**QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN**



# Nội san Cao Đài Giáo Lý số 121

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO  
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

## mục lục

|  |           |
|--|-----------|
| <b>QUAN ĐIỂM: DI SẢN CỦA THƯỢNG ĐẾ</b>                                   | <b>4</b>  |
| ■ <i>Ban biên tập.</i>   |           |
| <b>TỬ BẤT TỬU NHỤC</b>   | <b>5</b>  |
| ■ <i>Giáo sĩ Huệ Ý.</i>  |           |
| <b>TRÁCH NHIỆM HOẰNG HÓA ĐẠO THẦY</b>                                    | <b>9</b>  |
| ■ <i>Xuân Mai.</i>   |           |
| <b>TAM TÙNG</b>  | <b>13</b> |
| ■ <i>Kim Trinh.</i>  |           |
| <b>ĐẠO CỦA LÃO TỬ</b>  | <b>20</b> |
| ■ <i>Thiện Lý.</i>   |           |
| <b>HÒA TRONG THẾ ĐẠO VÀ THIÊN ĐẠO</b>                                    | <b>31</b> |
| ■ <i>Quách Hiệp Long.</i>  |           |
| <b>KỶ NIỆM 80 NĂM NGÀY ĐẰNG TIÊN CỦA PHỐI SƯ THƯỢNG TÔNG THANH</b>       | <b>36</b> |
| ■ <i>Đạt Tường.</i>  |           |
| <b>DƯỠNG CHƠN TẬP - ĐÔI DÒNG CẢM XÚC</b>                                 | <b>39</b> |
| ■ <i>Tử La Lan.</i>  |           |
| <b>TÍNH KHOA HỌC TRONG GIÁO LÝ</b>                                       | <b>43</b> |
| ■ <i>Thiện Lý.</i>   |           |
| <b>THÔNG CÔNG</b>  | <b>47</b> |
| ■ <i>Đạt Tường.</i>  |           |
| <b>NIỀM VUI THEO QUAN NIỆM CỦA ĐẠO CAO ĐÀI THAM LUẬN CỦA CQPTGLĐĐ</b>    | <b>52</b> |
| ■ <i>Thiện Quang.</i>  |           |
| <b>KINH NGHIỆM GIẢNG GIÁO LÝ HẠNH ĐƯỜNG</b>                              | <b>58</b> |
| ■ <i>Giáo sĩ Huệ Ý.</i>  |           |
| <b>VÀI GỢI Ý NHÌN LẠI VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHO VIỆC ĐÀO TẠO THẾ HỆ TIẾP NỐI</b> | <b>61</b> |
| ■ <i>Đạt Tường.</i>  |           |
| <b>SỰ THẬT VỀ LUÂN HỒI</b>   | <b>67</b> |
| ■ <i>Quách Hiệp Long.</i>  |           |

|   |            |
|---|------------|
| <b>MỘT CHÚT SAY THƠ ĐỜI THƠ ĐẠO</b>                           | <b>81</b>  |
| ■ <i>Bửu Long.</i>  |            |
| <b>TRANG TĐGS:</b>  |            |
| <b>PHÓNG SỰ: BUỔI HỘI NGỘ LIÊN TÔN VỚI CHỦ ĐỀ</b>             | <b>87</b>  |
| <b>“HIỆP TÂM VUN ĐẮP AN HÒA”</b>                              |            |
| <b>TẠI TRUNG TÂM MỤC VỤ TỔNG GIÁO PHẬN TP.HCM</b>             |            |
| ■ <i>Ban Liên Giao Tập Đoàn Giáo Sĩ.</i>                      |            |
| <b>LỜI KHUYÊN DÀNH CHO NHỮNG AI</b>                           | <b>89</b>  |
| <b>MUỐN THUYẾT PHỤC NGƯỜI KHÁC</b>                            |            |
| ■ <i>Cao Bạch Liên sưu tầm.</i>                               |            |
| <b>PHẬT HOÀNG TRẦN NHÂN TÔNG</b>                              | <b>95</b>  |
| ■ <i>Diệu Thuận.</i>  |            |
| <b>VAI TRÒ THÍCH HỢP CỦA TÔN GIÁO TRONG THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI</b> | <b>104</b> |
| ■ <i>Thiện Chí sưu tầm.</i>                                   |            |
| <b>TRANG THƠ:</b>   |            |
| <b>KHAI ĐẠO – KHAI TÂM</b>                                    | <b>108</b> |
| ■ <i>Đỗ Thế Sơn.</i>  |            |
| <b>LÒNG ĐẠO KHAI MINH</b>                                     | <b>108</b> |
| ■ <i>Lý Như.</i>  |            |
| <b>VUI HỌC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI</b>                                 | <b>109</b> |
| ■ <i>Trần Ngọc Tâm biên soạn.</i>                             |            |
| <b>TRANG TIẾNG ANH: LÀM THẾ NÀO PHÂN BIỆT ĐƯỢC</b>            | <b>111</b> |
| <b>CÁC TÔN GIÁO LỚN?</b>                                      |            |
| ■ <i>Ban biên tập.</i>  |            |
| <b>ĐỌC BÁO: THỰC PHẨM CHAY</b>                                | <b>113</b> |
| <b>CHO CÁC PHI HÀNH GIA THĂM HIỂM HỎA TINH</b>                |            |
| ■ <i>V.T. sưu tầm.</i>  |            |
| <b>CÂU CHUYỆN DNA</b>   | <b>115</b> |
| ■ <i>Hồng Phúc sưu tầm.</i>                                   |            |
| <b>TRANG DINH DƯỠNG: BÍ ĐỎ NHƯ THẦN DƯỢC</b>                  | <b>117</b> |
| ■ <i>V.T. sưu tầm.</i>  |            |
| <b>TRANG SỨC KHỎE: MUỐN KHỎE ĐẸP</b>                          | <b>118</b> |
| <b>HÃY UỐNG MỘT LY NƯỚC CHANH MỖI NGÀY</b>                    |            |
| ■ <i>Diệu Thuận sưu tầm.</i>                                  |            |
| <b>TRANG KHOA HỌC: VẬT LIỆU MỚI CÓ THỂ LÀM BIẾN ĐỔI</b>       | <b>120</b> |
| <b>THẾ GIỚI: GRAPHENE</b>                                     |            |
| ■ <i>Hồng Phúc tổng hợp.</i>                                  |            |
| <b>RỒNG THIÊN</b>   | <b>122</b> |
| ■ <i>Hồng Cẩm.</i>  |            |
| <b>CHUYỆN HAI NGƯỜI QUÉT RÁC</b>                              | <b>124</b> |
| ■ <i>Diệu Thuận sưu tầm.</i>                                  |            |
| <b>GIÁ TRỊ CỦA NGHỊCH CẢNH</b>                                | <b>127</b> |
| ■ <i>Phong Hiếu sưu tầm.</i>                                  |            |
| <b>THEO DÒNG ĐẠO SỰ</b>                                       | <b>129</b> |
| ■ <i>Thanh Hiên.</i>  |            |



# DI SẢN

## CỦA THƯỢNG ĐẾ

Đối với nhân loại, di sản là những gì do lịch sử tiến hóa của loài người để lại, có giá trị duy trì tinh hoa của loài người đồng thời thúc đẩy tiếp tục phát huy những giá trị ấy. Trong lịch sử nhân loại đã bao hàm lịch sử tôn giáo. Thật ra tôn giáo có nguồn gốc từ tín ngưỡng. Người ta thường cho rằng, tín ngưỡng là những niềm tin rất thô sơ, là mặc cảm tự ti giữa thiên nhiên hùng vĩ, là nỗi sợ hãi trước sức mạnh vô cùng của nó. Suy cho cùng, niềm tin thô sơ ấy là một tâm thức bẩm sinh, có trước khi con người chào đời. Còn nỗi sợ hãi là cảm tính giữa ngoại cảnh. Cái trước mới là cái di sản vô hình trên đường tiến hóa của vạn vật, nghĩa là chỉ có con người mới có tín ngưỡng.

Tín ngưỡng thô sơ ấy cũng tiến hóa dần dần khi con người thoát khỏi mặc cảm nhỏ bé và cảm tính sợ sệt trước các hiện tượng thiên nhiên. Con người bắt đầu tự tin và vẫn cảm thấy có một mối liên hệ mật thiết nào đó với môi trường mình đang sống. Con người bắt đầu hiểu rằng thế giới đem lại sự sống cho mình và tình yêu thiên nhiên nảy nở. Từ đó con người

khám phá rằng, không phải hòn đá hay cây đa đem lại lẽ sống, mà phải có một quyền năng vô hình sáng tạo ra cả thế giới muôn loài. Và tín ngưỡng không còn là niềm tin thô sơ nữa mà trở thành đức tin. Tôn giáo bắt đầu hình thành để thờ kính và biết ơn quyền năng ấy. Rồi trên đà văn minh tiến bộ, con người lại cảm thấy chính mình cũng có quyền năng sáng tạo và tình yêu hỗn nhiên. Đến lượt tôn giáo khám phá rằng, con người là hiện thân của Đấng Sáng Tạo, Đấng Nguồn gốc của Tình thương vô biên vĩnh cửu.

Và thiên kinh vạn điển của các tôn giáo ra đời. Bao nhiêu giáo thuyết, giáo điều, thực chất rốt ráo chỉ nhằm dạy rằng, con người sinh ra dù thuộc giai cấp nào, dân tộc nào đều đương nhiên có nghĩa vụ hay sứ mạng thừa kế quyền năng và tình thương của Đấng ấy để tự tiến hóa và góp phần tiến hóa cho đồng loại. Quá trình thừa kế đó chính là thừa kế “di sản” của Đấng mà đạo giáo tôn thờ làm Cứu cánh.

Đến thời Tam Kỳ Phổ Độ này, Đức Thượng Đế không thể chờ sự giác ngộ của toàn thể chúng sanh về sự thừa kế “di sản”

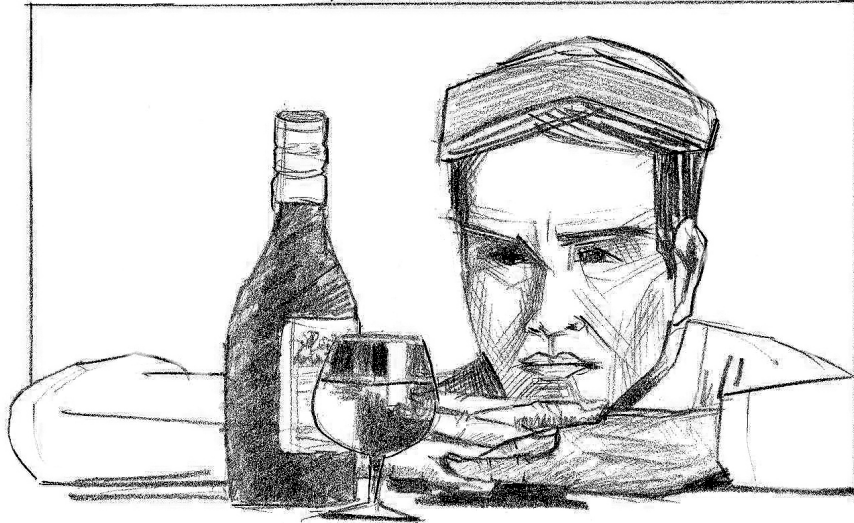
ấy, nên Ngài minh thị quả quyết rằng: “*Từ thuở khai Thiên tịch Địa sắp bày trần thế đến ngày nay, các con chỉ hiểu đạo khai trong những thời kỳ hỗn loạn để cứu thế, hay đạo khai trong cơ biến dịch đất trời. Đến ngày nay, Thầy đã dạy rất nhiều và rất rõ ràng cho các con từ mấy mươi năm qua, Đạo là con đường duy nhất của vạn linh sanh chúng, từ Thầy ban phát đến thế gian, và từ thế gian các con trở lại cùng Thầy. Thầy là Hư Vô Chi Khí thì Đạo cũng đồng nghĩa đó thôi.*”<sup>1</sup> Và “*Các con, hay nói chung là nhân loại, những hạt giống linh căn được chọn gieo vào vũ trụ, được ban phát quyền tạo hóa để lập thành cuộc ngự trị cõi thế gian mà các con gọi là đời. Mọi sự vật trên đời, nguyên nhân là Lý, là Đại Đạo, là Thầy, là Cha chung của vạn loại. Các con đã sanh trong Đại Đạo, hãy noi theo Đại Đạo mà thành về cõi thượng thiên Vô Cực.*”<sup>2</sup>

Vậy, Khai Minh Đại Đạo là khai phóng tôn giáo, khai phóng di sản của Thượng Đế là Đạo trong tiềm năng tâm linh của con người. ■

1. Đức Chí Tôn, Ngọc Minh Đài, 29-12 Bình Ngộ (08-02-1967).

2. Đức Chí Tôn, Minh Lý Thánh Hội, 09-01 Mậu Thân (07-02-1968).

# TỨ BẤT TỬ NHỤC



## ■ GIÁO SĨ HUỆ Ý

*Minh họa: Bửu Long*

Về ngũ giới cấm, chúng ta thấy:

– Giới thứ nhất “cấm sát sanh” đặt đứng đầu vì thực hiện sát sanh rồi không thể lập lại tình trạng cũ. Con vật đã bị sát hại, khó thể cứu sống lại.

– Giới thứ tư “bất tử nhục” (cấm rượu thịt), khi đã phạm giới này, khó lòng giữ được bốn giới khác.

*Giới này phạm không lo chữa bỏ,  
Bốn giới trên rất khó giữ tròn,  
Nếu sát sanh, đạo, vọng, dâm bôn,  
Ắt trụy lạc, tâm hồn thống khổ.<sup>1</sup>*

## HỌC LỜI ĐỨC CHÍ TÔN DẠY VỀ “GIỚI TỬU”

*Tây Ninh, 18-01-1927 (Rằm tháng Chạp Bính Dần).*

■ NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐỂ VIẾT CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG

*Các con, chư chúng sanh! Bình thân chư Thiên Phong, còn các chúng sanh ngời... Các con nghe:*

---

1. Minh Lý Đạo, “Bồ Cáo, Sám Hối, Tịnh Nghiệp Văn, Nhục Tụng, Giác Thế”, tr.194, 2011.

Vì sao mà phải giới tửu?

Thầy đã dạy rằng: Thân thể con người là một khối chơn linh cấu kết lại; những chơn linh ấy đều là hằng sống; phải hiểu rằng: ngũ tạng lục phủ cũng là khối sanh vật mà thành ra, nhưng mà phận sự chúng nó làm, hiểu biết hay là không hiểu biết, đều do nơi linh Thầy mà phán dạy.

Trước Thầy nói vì có nào rượu làm hại cho thân thể con người về phần xác.

Hình chất con người vẫn là thú, phải ăn uống mới nuôi sự sống, như rượu uống vào tỳ vị nó chạy vào ngũ tạng lục phủ đủ hết, thì trái tim con người chẳng khác nào như cái máy chánh để trữ sự sống, cũng phải bị nó thâm nhập vào làm cho sự lao động quá chừng đổi thiên nhiên đã định, thôi thúc huyết mạch phải vận động một cách vô chừng mà làm cho sanh khí nơi phổi chẳng đủ ngày giờ nhuận huyết tinh sạch cho được. Trước huyết ấy thối lại cùng trong thân thể, để vật chất ô trược vào trong sanh vật. Mỗi khối ấy ăn nhằm phải bệnh, một ngày thêm một chút, hết cường tráng, cốt chỉ lẫn lẫn phải chết thì thân thể các con phải chết theo. Nhiều kẻ bị chết nửa thân, vì rượu nên ra đến nỗi.

Thầy dạy về hại của phần hồn các con, là khí chất (le sperme évaropé) nó bao bọc thân thể các con như khuôn bọc vậy, nơi trung tâm của nó là óc, nơi cửa xuất nhập của nó là mở ác, gọi tiếng chữ là Vi Hộ; nơi ấy Hộ Pháp hằng đứng mà gìn giữ chơn linh các con khi luyện thành Đạo dặng hiệp một với Khí, rồi Khí mới thấu đến Chơn Thần hiệp một mà siêu phàm nhập Thánh, thì óc là nguồn cội của Khí mà óc cũng bị huyết mạch vận động vô chừng làm cho đến nỗi tán loạn đi thì chơn thần thể nào dặng an tịnh mà điều khiển; thân thể phải ra ngậy dại, trở lại chất thú hình; mất phẩm nhơn loại rồi, còn mong chi dặng phẩm Thân, Thánh, Tiên, Phật. Lại nữa, buổi loạn thân ấy để cửa trống cho tà mị xung đột vào, giục các con làm việc tội tình mà phải phận luân hồi

muôn kiếp. Vậy Thầy cấm các con uống rượu, nghe à!

Thầy ban ơn cho các con. Thầy thăng.”

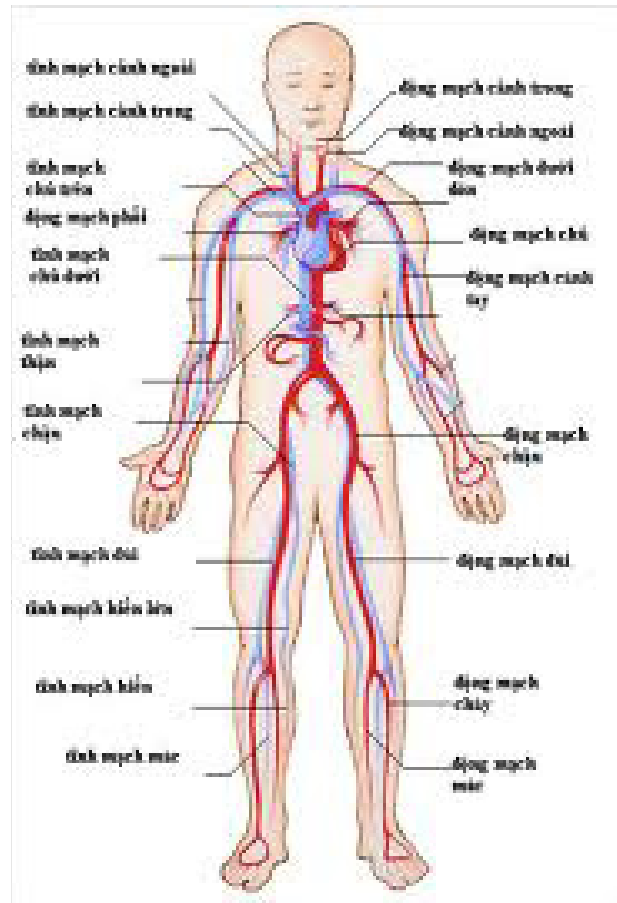
Học lời Đức Chí Tôn dạy:

## 1. CHÚNG SANH TRONG CHÚNG SANH

Mỗi cá nhân là một đại chúng sanh bao gồm nhiều chúng sanh nhỏ. Người là một chúng sanh cao cấp, là thượng sanh. Đức Chí Tôn dạy về chúng sanh nhỏ “*phận sự chúng nó làm, hiểu biết hay là không hiểu biết, đều do nơi linh Thầy mà phán dạy.*”

## 2. RƯỢU HẠI PHẦN XÁC CỦA CON NGƯỜI

Hệ tuần hoàn đưa máu đỏ đi khắp châu thân nuôi cơ thể, máu đen trở về tim để đưa lên phổi thanh lọc. Khi uống rượu vào, tim không còn làm việc theo chế độ thiên nhiên nữa mà bị tăng tốc theo nồng độ của rượu trong máu, phổi không lọc kịp máu đen thành máu đỏ, số máu đen tăng dần trở thành độc tố và gây nhiễm độc cho chúng sanh nhỏ lẫn chúng sanh lớn. Độc tố



tàn phá dần từng phần cơ thể cho đến bán thân bất toại rồi toàn thân...

(...) *chẳng nên dùng rượu mạnh,  
Vị nồng cay, kích tánh loạn tâm,  
Uống say sưa, trí phải hôn trầm,  
Tránh sao khỏi lỗi lầm việc.*<sup>2</sup>

Uống rượu, từng bước hủy hoại bản thân rồi làm khổ gia quyến, tiêu tan sự nghiệp:

*Gương trước mắt, nhiều điều đáng tiếc,  
Người trở nên mất nết, hư thân,  
Lại còn thêm tánh bạo hay sân,  
Khổ gia quyến, đổ lẩn cơ nghiệp.*<sup>3</sup>

### 3. RƯỢU HẠI PHẦN HỒN CỦA CON NGƯỜI

Bộ não của người liên quan đến tinh, thần trong việc luyện đạo. Khi uống rượu vào làm não bị tán loạn khiến con người làm những việc mất nhân phẩm, khi nhân phẩm không giữ được thì sẽ thoái hóa, chịu tiếp tục trôi lăn trong vòng luân hồi sanh tử, không mong gì trở lại non Bồng nước Nhược, hay Niết Bàn, Cực Lạc.

Đức Di Lạc Thiên Tôn dạy về mất phẩm giá con người như sau: *“Nếu tâm trung không làm chủ thập tam ma, ắt phải phạm nhằm luật ngũ giới cấm, từ đó sẽ rơi vào bốn vách tứ đồ tường. Từ tứ đồ tường nảy sanh tứ khổ, tứ khổ giày vò tẩm thân tứ đại ở nơi cõi trần,*

- *nào say sưa đến mất phẩm giá con người,*
- *nào đam mê sắc dục, tiêu tán điểm linh quang,*
- *nào bạc bẽo tiêu ma sự nghiệp, đói rét nghèo*

2. SDD.

3. SDD.



*nàn, chẳng những cho chính bản thân mà còn lụy liên đến thế nhi tôn tử, lặn hụp trong mê hồn trận của nha phiến làm gầy gò thân xác.*

*Rồi thử hình dung một kiếp con người đó ở cõi đời này, nào say sưa mất phẩm giá, nào đói rét nghèo nàn, nào loạn luân sắc dục, nào tiêu tụy thân xác, hỏi con người đó đặt ở một cương vị nào trong xã hội loài người?”<sup>4</sup>*

## TÂN LUẬT CHƯƠNG IV, ĐIỀU THỨ 21

Điều thứ 21, (...) *“Tứ Bất Tửu Nhược, là cấm say mê rượu thịt, ăn uống quá độ, rối loạn tâm thần, làm cho não động xóm làng, hoặc miệng ước rượu ngon, bụng mơ đồ mỹ vị.”*

- Cấm say mê rượu thịt: người bắt đầu nhập môn học tu, sống đạo là đã ý thức cuộc đời là vô thường, kiếp người là khổ nên ăn để mà sống chứ không phải sống để mà ăn. Người tu phải tìm thiện tri thức để giúp đỡ nhau trên bước đường tu, dứt lẩn việc tập hợp bạn rượu để cụng ly vừa mất ngày giờ, vừa hao tổn sức khỏe.

- Ăn uống quá độ, rối loạn tâm thần, làm cho não động xóm làng: Các Đấng Tiên Khai Đại Đạo khi soạn Tân Luật quy định việc cấm uống rượu để phòng ngừa việc ăn uống say sưa quá độ, tâm thần rối loạn, không làm chủ được bản thân dẫn đến việc gây náo động xóm làng, không chỉ làm mất an ninh trật tự công cộng mà có khi còn đưa đến những tai họa cho bản thân. Dưỡng Chơn Tập còn dạy về việc ăn uống *“Ăn nhiều bệnh nhiều, ít ăn ít bệnh.”*

- Miệng ước rượu ngon, bụng mơ đồ mỹ vị: phòng bệnh hơn chữa bệnh, tác ý là đã gây nghiệp, hưởng hồ thốt ra lời. Luật pháp trừng phạt tội đã làm, tôn giáo trừng phạt tội từ ý nghĩ.

## LÀM SAO ĐỂ BỎ RƯỢU?

### 1. QUYẾT TÂM HAY SỨC MẠNH Ý CHÍ

Tu là khừ trước lưu thanh, hành giả đã bước vào đường Đạo biết rằng thân này là giả

4. Trúc Lâm Thiền Điện, 02-01 Bính Ngũ (22-01-1966).





thì dùng nông chiều nó nữa, ngược lại huấn luyện thuần thực nó để đưa hành giả đi trọn đường tu. Không ai cấm chúng ta vừa phấn đấu với chính bản thân, vừa cầu nguyện để Ôn Trên hộ phù để chiến đấu với “tửu bệnh”, Đúc Quan Thế Âm Bồ Tát hứa trong Kinh Cứu Khổ:

*Nhờ Bồ Tát Như Lai lân mẫn,  
Độ cho tôi tinh tấn tu hành,  
Bên lòng chặt dạ kinh thành,  
Lâm chung may đặng vãng sanh thiên đàng.<sup>5</sup>*

## 2. CHUYỂN HÓA MÔI TRƯỜNG:

Hãy rũ “bạn rượu” của mình trở thành “bạn đạo” để cùng nhau học, tu, sống đạo.

## 3. THAM VẤN BÁC SĨ, LƯƠNG Y:

Rượu là chất độc thì phải có dược chất khác khắc chế. Hành giả hãy tham vấn các bác sĩ, lương y quen biết để được sự giúp đỡ.

Sau khi học lời Ôn Trên dạy, chúng ta phấn đấu:

1. Tuân hành giới luật, đó là khuôn thiêng, hành giả là khối bột chưa định hình, nhờ khuôn ép mà thành bánh ngon, có giá trị gia tăng, đó là hình tượng cụ thể ở thế gian. Về mặt tu học, Đúc Trần Hưng Đạo dạy:

*Giải thoát lấy công phu làm chính,  
Học tu tuân luật lệnh làm đầu.*

2. Rượu không những hại về thể xác mà còn hại về tinh thần của hành giả, luôn cả dòng dõi con cháu. Rượu làm cho người nghiện không làm chủ được bản thân, phạm tất cả ngũ giới cấm, mất phẩm giá con người thì mong chi tiến lên hàng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

3. Đã lỡ nghiện rượu, nay vào đường tu học, hành giả hãy quyết tâm sửa đổi, vừa cầu nguyện Ôn Trên hộ phù, vừa chuyển môi trường sinh sống, vừa nhờ các thân hữu bác sĩ, lương y giúp đỡ.■

5. Minh Lý Đạo, “Bổ Cáo, Sám Hối, Tịnh Nghiệp Văn, Nhứt Tụng, Giác Thế”, NXB Tôn Giáo 2011, tr.128.

Thầy mừng thấy các con hội hiệp,  
Cùng vui ngày giao tiếp Đạo khai,  
Nam phương mở rộng Cao Đài,  
Trường thi Đại Đạo hồng khai hội này.

Cơ phục thi vẫn xoay diễn biến,  
Luật tuần hườn luân chuyển không ngừng,  
Dặn con từ lúc đầu xuân,  
Hè sang, thu mãn, đông quân lại về.

Trái một cuộc giác mê nhân sự,  
Đường trăm năm sanh tử luân hồi,  
Tiến trình Thầy dặn khúc nôi,  
Cao Đài lý Đạo con ôi học hành.

Nơi bất biến hằng sanh tâm Đạo,  
Lòng đảo điên khó bảo kim thân,  
Ngoài ra bốn phạm vi nhân,  
Trong còn sứ mạng Thiên ân Tam Kỳ.

Hãy ý thức mỗi khi thiết lễ,  
Hầu kiện toàn nội thể đệ huynh,  
Đỡ nâng trên bước tiến trình,  
Pháp quyền sứ mạng lý tình dung thông.

Muốn sửa lòng, ngắm lòng Từ Phụ,  
Tu thân nhìn vũ trụ là thân,  
Thái Sơn, biển cả, vi trần,  
Tình thương chứa đựng trong phần vô tư.

Vật hữu hình chơn như nội tại,  
Cũng âm dương phúc tải tạo thành,  
Ban ân cho trẻ đêm thanh,  
Trên đường sứ mạng hoàn thành nghe con!

(...)

■ ĐỨC CHÍ TÔN, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 15-10  
GIÁP DẪN (28-11-1974).

*trách nhiệm*

# HOẰNG HÓA ĐẠO THẦY

## ■ XUÂN MAI

**Đ**ể góp phần cứu độ nhân loại trong thời mạt kiếp, mỗi người tín hữu Cao Đài cần mở rộng được lòng nhân và đạt đến tâm linh tiến hóa. Người hiền dâng, các bậc hướng đạo lại càng phải đạt đến giá trị phẩm chất và giá trị hợp nhất. Giá trị phẩm phải được rèn đúc thường xuyên. Giá trị đức tin vững mạnh, giá trị nhân ái và giá trị trí thức, tất cả phải được nung nấu và cải thiện hoàn mỹ luôn luôn. Giá trị hợp nhất phải được ý thức cao độ và thể hiện chân thành, tinh tế ngay trong quá trình tu học và hành đạo. Giá trị trí năng phải luôn tiến kịp với thời đại thì mới dẫn dắt và lèo lái thời đại được. Muốn vậy, công năng hiền dâng phải ngang tầm văn minh của thời đại và tâm huyết hiền dâng phải trọn vẹn chỉ vì mục đích phụng sự nhơn sanh.

Do vậy, việc đầu tiên là Đức Cao Triều Phát đặt vấn đề: Chúng ta hiền dâng cho ai; Hiền dâng với mục đích gì?

### **HIẾN DÂNG CHO NHAU VÀ ĐỂ PHỤNG SỰ NHƠN SANH**

Đức Cao Triều kêu gọi Thanh thiếu niên, mỗi người viết bản tự nguyện hiến dâng. Đức Cao Triều tiếp nhận và dạy:

*“Bản tự nguyện hiến dâng có bút ký của các em đã đến Tiên Huynh, Tiên Huynh vừa thương lại vừa tội nghiệp. (...)*

*Các em không biết phải hiến dâng cho ai, hiến dâng với mục đích gì. (...)*

*Nhớ rằng không phải hiến dâng cho Thượng Đế nhé! Thượng Đế không bảo ai hiến dâng những gì cho Ngài. Ngài vì nguyên căn, vì nhân*

*loại mà khai đạo cứu rỗi, dạy bảo con người phải hiến dâng cho nhau để tạo cảnh thiên đàng tại thế gian. (...)*

*Chỉ có một câu mà Tiên Huynh có thể lưu ý được, đó là các em tình nguyện suốt đời giữ đạo Cao Đài. Cười... Các em ơi! Tại sao lại phải giữ đạo Cao Đài?”<sup>1</sup>*

Nhưng muốn suốt đời giữ đạo Cao Đài thì chúng ta phải xác định được đã tìm hiểu rõ lý tưởng và mục đích cao cả của đạo Cao Đài.

*“(...) Nếu các em chưa tìm hiểu lý tưởng, mục đích cao cả của đạo Cao Đài, cũng như nếu không biết đặt lý tưởng mình dung hợp với đạo Cao Đài để xây dựng những gì cao cả, ích lợi thiết thực cho non sông tổ quốc, đạo lý và nhân loại thì sự giữ đạo Cao Đài không ích lợi gì. Chẳng khác nào các em giữ một món đồ cổ trong muôn ngàn món đồ cổ khác.”<sup>2</sup>*

Xác định được lý tưởng Đại Đạo rồi, làm sao hoàng dương Đại Đạo? Đức Chí Tôn đến thế gian khai Tam Kỳ Phổ Độ là sự hy hữu thứ nhất. Con người có tiếp nhận và hoàng khai được Đại Đạo hay không là sự kiện hy hữu thứ hai.

### **TỰ NGUYỆN GÓP PHẦN VÀO CÔNG CUỘC HOẰNG GIÁO ĐỘ NHÂN, LÃNH LẤY SỨ MẠNG TỰ ĐỘ ĐỘ THA TÙY THEO TIỀM NĂNG TIẾN HÓA TÂM LINH**

Người tu học, dù là Giáo sĩ, Tu sĩ, xuất gia hay tại gia, đều có 3 nhiệm vụ lớn phải thực hiện. Đó là: Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

1. Đức Cao Triều Phát, Ngọc Minh Đài, 08-7 Kỳ Dậu (20-8-1969).

2. Ibid.

Ngày xưa, Đức Phật giác ngộ trong khoảnh khắc, nhưng Ngài dành cả một đời để “giác tha,” để hoằng dương chánh pháp. Như thế, dù thấy việc “giác tha” có tầm mức quan trọng như thế nào trên con đường tu tập.

Chúng ta giác ngộ, nhập môn cầu Đạo là đã nhận thức tính ưu việt của giáo lý Đạo Thầy, cảm nhận được sự hữu duyên, diễm phúc lớn lao của mình và sống trong niềm tin đó, thì tất yếu phải nỗ lực hoằng Đạo. Không thể nói tu học theo Đại Đạo mà lại đứng bên ngoài hoạt động hoằng giáo, trách nhiệm giác tha để mang lại nhiều hơn an vui, lợi lạc cho tất cả chúng sinh.

Những hoạt động đạo sự như: Góp phần xây dựng hệ thống giáo lý phổ quát; mở rộng và phát triển cơ sở đạo; Làm cho cơ đạo được thống nhất tinh thần; giáo dục, đào tạo thế hệ tiếp nối là những việc hoằng khai Đạo, đều thuộc về nhiệm vụ “giác tha” của người tu học, là giúp mọi người đều được giác ngộ như mình. Nếu không làm nhiệm vụ giác tha, hay làm mà không tận tụy, không quan tâm có kết quả hay không, có thật sự giúp được người giác ngộ về Đạo hay không, thì không thể nói là đã tu tập đúng nghĩa được, không thể giác hạnh viên mãn được.

Do vậy, bất cứ ai, không phân biệt chức sắc hay tín đồ nếu có tâm thành vì Đạo, có nhận thức đạt lý Đạo đều có thể góp phần độ tha.

Một khi đã có được nhận thức đúng đắn về Đạo, bước chân vào con đường tu học theo chánh pháp thì phải ngay lập tức giác tha, hoằng khai Đạo tùy theo khả năng của mình. Có thể bước đầu chỉ đơn giản là cố gắng tu học làm gương sáng để từng bước đưa người thân, bạn hữu cùng đến Thánh sở nghe giảng giáo lý, tu tập như mình.

Chúng ta nỗ lực hoằng khai Đạo thì sẽ có công đức. Có công đức thì việc tu tập sẽ luôn tinh tấn, bất thối chuyển trên con đường an vui, giải thoát. Khi đó dù là người đạo Cao Đài bình thường cũng trở nên người sứ mạng, như lời

Đức Mẹ dạy: “Các con tiếp tục siêng tu siêng học giúp đỡ người đời, làm sáng điểm Đạo tự hữu của họ. Đó là sứ mạng Thiên ân chấp trì quyền pháp của con đó vậy.”<sup>3</sup>

Là Giáo sĩ, Tu sĩ Cao Đài giáo Việt Nam, con dân của dân tộc Việt – một dân tộc được chọn, diễm phúc được Thầy ban trao sứ mạng Kỳ Ba, hơn ai hết chúng ta càng tỏ ra xứng đáng với trọng trách tiên phong hóa hoằng Đạo Thầy:

*“Trên con đường sứ mạng Phổ Độ Kỳ Tam của các con mà chư Phật Tiên hăng nói là “một dân tộc được chọn,” phải tiên phong đảm đang lãnh trọng trách hóa hoằng Đạo Thầy, dĩ nhiên các con phải gánh gồng mọi khó khăn trước thiên hạ, nhưn loại thế giới. Những khó khăn trên đường hành đạo là những bước tu tiến trên lộ trình đến Long Hoa Đại Hội.”*<sup>4</sup>

Ý thức trọng trách tiên phong chính là ý thức sứ mạng. Ý thức sứ mạng chính là luôn gắn bó với mục đích của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ: đó là “Thế đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát.”

#### VỀ MẶT THẾ ĐẠO:

Với sự giác ngộ rằng tất cả chúng sinh vạn vật đều cùng là điểm linh quang của Thượng Đế, người tín đồ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ý thức được: Thương yêu chúng sinh vạn vật là thương yêu Thượng Đế; nhìn nhận tất cả đều là anh em cùng có chung một Đấng Cha Trời, và muốn phụng sự Thượng Đế thì trước hết hãy phụng sự con người. Điều cần yếu nhắm đến đó là tình huynh đệ đại đồng, là thế nhưn hòa – điều kiện căn bản để kiến tạo hòa bình, an lạc trên thế giới.

Do đó, sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ còn nhằm dẫn dắt nhân loại đạt đến cứu cánh Thế đạo đại đồng, tức là xây dựng một xã hội đại đồng, an lạc, không kỳ thị, phân chia trong đó con người sống chung nhau trong tình thương

3. Đức Mẹ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỷ Mùi, (03-10-1979).

4. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Quý Sửu (18-3-1973).

tự nhiên của tạo hóa để cùng thực hiện sứ mạng vi nhân.

(...) “Dòng sông tiến hóa trường lưu bất tận, những điểm Đạo được sáng tỏ khi các con hoàn thành sứ mạng trong cuộc đời nhân thế.”<sup>5</sup>

#### **VỀ MẶT THIÊN ĐẠO:**

Khi người tín hữu ý thức thực hành xây đắp Cao Đài nội tại, phát huy rộng lớn cái Đạo tự hữu của chính mình là đang tích cực góp phần hoàng khai Đại Đạo:

“Muốn Hoàng khai Đại Đạo phổ độ nhưn sanh, mỗi người phải phát huy rộng lớn cái Đạo to tát ở nơi mình. Chính lúc chư đệ muội khởi công đắp xây Cao Đài, cũng là lúc tự phát huy lần lần cái Đạo tự hữu để mình định mọi việc khó khăn hầu phổ thông giáo lý trên đường sứ mạng được ban trao.”<sup>6</sup>

#### **THỰC HIỆN ĐỒNG THỜI: XÂY DỰNG HỆ THỐNG GIÁO LÝ PHỔ QUÁT VÀ NÂNG CAO TÂM MỨC GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO**

Muốn hoàng khai Đạo có kết quả, người sứ mạng phải góp phần xây dựng hệ thống giáo lý phổ quát, đáp ứng được nỗi khao khát một ý thức hệ nhân bản, phục hồi giá trị con người, đem lại ý thức về ý nghĩa cao quý của kiếp người.

Nhân bản là nguyên lý, là Đạo mà Thượng Đế vốn đã ban cho mỗi cá nhân, để chung tay nhau xây dựng một đời sống cộng đồng tốt đẹp. Một khi con người lãng quên hay làm lu mờ nguyên lý ấy, thì cá nhân đã tự đánh mất nhân bản nơi chính mình. Nghĩa là, khi nhân bản bị đánh mất, con người dù xét trên khía cạnh nào trong mọi cộng đồng nhân sinh hay trong chính tiểu vũ trụ của mình đều không tìm thấy được một điểm tựa bền vững nào để làm cứu cánh cho đời sống. Trên tinh thần đó, hiểu biết, hành động phục vụ, phụng sự mà không nằm

trong nhân bản sẽ đưa đến những hậu quả khốc liệt nhất cho xã hội.

Như vậy, để nhân loại được hưởng một tương lai thái bình và Thánh đức, thì phục hồi nhân bản là công cuộc cấp thiết hơn hết. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là con đường rộng lớn nhất để phục hồi nhân bản cho toàn nhân loại. Nói khác đi, phục hồi nhân bản cho nhân loại là lý do chủ yếu dẫn đến việc khai mở cơ cứu thế kỳ ba của Đức Thượng Đế.

Nhưng trong tình hình xã hội học vấn tri thức ngày nay, bên cạnh việc góp phần xây dựng hệ thống giáo lý phổ quát, Đức Cao Triều Phát trao nhiệm vụ mới cho chúng ta là nâng cao tầm mức giáo lý Đại Đạo cho có tính triết học, khoa học, văn học để thêm tính hấp dẫn và phổ biến vì giáo lý Đạo nếu quá giản lược sẽ không đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu của các giới. Nhiệm vụ nâng cao tầm mức giáo lý Đại Đạo thuộc về thế hệ trẻ, trong đó có các bạn Thanh Thiếu Niên, Tu sinh, Tu sĩ.

Như thế, trách nhiệm của người Thanh Thiếu Niên Cao Đài, Tu sinh, Tu sĩ thật lớn lao và cũng rất nặng nề. Song song với sứ mạng của Đại Đạo, ý thức và hành động của thế hệ trẻ phải luôn gắn vào mục đích chung của tập thể. Có tâm đức trí năng, người thanh thiếu niên mới có thể góp tay vào việc hoàng giáo, có hạnh đức và tài năng, người thanh thiếu niên mới góp sức vào việc độ đời.

#### **MỖI NGƯỜI TÍN HỮU CAO ĐÀI PHẢI THỰC SỰ TU CHỨNG:**

• Vong kỷ vị tha – một tiêu chuẩn quan trọng tiên quyết để đánh giá sự tu chứng

Khi hành giả đã trang bị cho mình đầy đủ tư lương để thực hiện tâm nguyện hoàng khai Đại Đạo rồi, thì cần phải có tinh thần vô ngã vị tha nữa, tức là sự hy sinh bản thân, chịu đựng sự gian lao cực khổ để truyền bá giáo pháp. Việc truyền bá chánh pháp chủ yếu là càng có nhiều người quay về nương tựa nơi chánh pháp càng tốt, đó là việc chính, không phải mục đích

5. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–10 Quy Sứ (09–11–1973).

6. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29–3 Mậu Ngọ (05–5–1978).



truyền bá để nhiều người theo mình, càng nhiều, càng đông là việc chính, còn theo người khác thì không được. Nếu ta có tư tưởng như vậy có nghĩa là làm trái lại với mục đích đại đồng, hiệp hòa của Đại Đạo và tinh thần vạn giáo nhưt lý, đồng thời ta làm lu mờ và phá hoại chánh pháp mà không hay biết.

• Có thực sự vong kỷ vị tha mới có khả năng cảm hóa được người khác, đem lại niềm tin dẫn đến sự giác ngộ ban đầu cho tha nhân. Muốn cảm hóa nhưn sanh phải biết hy sinh và cảm hóa người bằng tình thương. Bản chất của Nhân hòa là sự hòa ái, hòa hiệp, cảm thông, cho nên tạo thể Nhân hòa là phải đến với người khác bằng tình thương, bằng sự hợp tác cởi mở chân thành, để cảm hóa họ đi theo con đường mà mình đang đi như lời Đức Quan Thánh Đế Quân đã dạy:

*“Mình muốn người khác thương mình, trước phải tự mình thương người đã. Đừng ngồi một chỗ kêu gọi thiên hạ đến với mình, mà phải bản thân mình đến với thiên hạ trước đã. Đừng bảo hoặc yêu cầu ai thương mình, nếu trong khi đó mình thiếu tác phong cử chỉ hành động đối với họ. Đừng sợ người ta không thương mình, chỉ tại e mình thiếu tác phong nhân cách phẩm hạnh đạo đức để được xứng đáng cho người ta thương mà thôi. Đừng sợ không ai hợp tác với mình, chỉ ngại mình không có nhiệt tình muốn hợp tác với người ta. Cũng như đừng sợ phí kiếp tu hành mà không đắc Đạo, chỉ ngại cho mình không thiết tha hành đạo lập công bồi đức và tu học mà thôi.”*<sup>7</sup>

## LỜI KẾT

Ngày Đại Lễ Khai Đạo năm Bính Dần là một sự kiện vô cùng quan trọng trong lịch sử tiến hóa của nhưn loại trên quả địa cầu 68 này. Nó báo cho nhưn loại biết một thời kỳ tiến hóa mới bắt đầu. Đức Thượng Đế khai minh Đại Đạo để giúp nhân loại nhìn rõ chơn lý Đạo là một sự

hy hữu. Chí Linh đến hiệp với Vạn Linh khai mở tâm linh giúp cho con người tu tâm, tiếp nhận nguồn chân lý sáng suốt để tiến hóa và còn đóng góp vào cơ quy nguyên của Đại vũ trụ; khai tâm chúng sanh giúp nhân loại giải thoát khỏi dục vọng hướng đến xây dựng một thế giới hòa hiệp an lạc. Nhưng hoàng khai được Đại Đạo hay không còn phải chờ vào tâm thành, chí quyết của con người biết giữ lấy sứ mạng và trách nhiệm được ban trao, tiếp tay cùng Thượng Đế xây dựng thế giới hòa bình, cần khôn an định.

*“Đại Đạo Khai Minh là để giúp các con, nhân loại trở về với chơn lý thật sự ở nơi mỗi cá thể chúng sanh. Nếu các con hiểu lời Thấy: “Thấy là các con, các con là Thấy,” thì thế giới này sẽ hòa bình, cần khôn sẽ an định.”*<sup>8</sup>

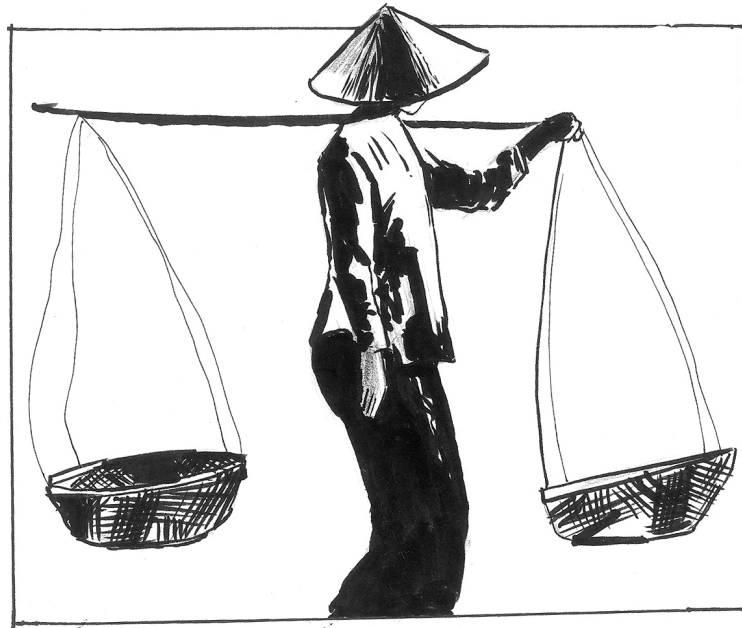
Đời nay, nhân loại thường bị lý trí chế ngự lương tri, nên mới nảy sanh bao nhiêu thảm cảnh. Là những người con tin yêu của Đấng Cao Đài, chúng ta hãy cùng nhau làm sống dậy tinh thần đạo đức, đem lý trí phục vụ lương tri, để vun trồng hạnh phúc chung cho nhưn loại. Sao đành làm ngơ hay dừng bước trên đường hành Đạo trong khi còn người đang ngập chìm trong biển khổ bởi thiếu tình thương và tâm hòa hiệp. Thấy đến trần gian chỉ dựng một chữ Hòa. Chỉ cần con người biết thương yêu nhau, biết quay về tâm thì sẽ hiệp nhưt cùng Thấy. Hiệp nhưt Thiên – Nhân chính là điều kiện căn bản và cần yếu để thực hiện tôn chỉ mục đích Quy Nguyên Phục Nhất, để thực hiện cơ Quy Nhất Đạo – Đời, xây dựng thế giới đại đồng, thánh đức.

*Con tin đạo, tâm thành phụng sự,  
Thấy ban trao gìn giữ pháp quyền,  
Tình thương sự sống tương liên,  
Thực hành đúng đạo, lưu truyền hậu sanh.*<sup>9</sup>■

7. Nam Thành Thánh Thất, 15-02 Kỷ Dậu (01-4-1969).

8. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Quý Sửu (09-11-1973).

9. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Quý Sửu (09-11-1973).



# TAM TÙNG

■ KIM TRINH

*Minh họa: Bửu Long.*

Ngày nay, thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế ban Đại ân xá cho nữ phái được song hành cùng nam phái trên đường tu công lập đức, điều mà hai kỳ phổ độ trước chưa từng có. Nữ phái giờ đây đã có cơ hội tu hành lập vị và có thể ngửa mặt với đời. Nhưng việc tu hành của nữ phái trong thời buổi văn minh vật chất này không hề dễ dàng, quan niệm về lễ giáo gia phong của lớp trẻ ngày nay có phần thay đổi đi nhiều. Cho nên việc tìm hiểu Tam Tùng, Tứ Đức có làm cho lớp trẻ e ngại chằng, có làm cho chúng ta trở về quá khứ không? Hay là chúng ta phải mạnh dạn nhận lấy sứ mạng khơi lại nguồn đạo mạch làm sống lại nét đẹp ngàn đời của nữ phái.

Để giúp cho nữ phái niềm tin và sức mạnh, Đức Mẹ đã dạy rằng:

*Gìn câu Tứ Đức, Tam Tùng,*

*Đó là Thánh Nữ Lạc Hồng Nam Bang.*

Người phụ nữ giữ trọn đạo Tam Tòng, Tứ Đức là đạt được hạnh Thánh Nhân rồi vậy.

Lời dạy của Đức Mẹ đã giúp nữ phái vững niềm tin trên đường tu thân để rồi từng bước tiến lên đường Thiên đạo. Học Tam Tòng, Tứ Đức là trở về cội nguồn dân tộc, vì đó là đạo lý muôn đời của người phụ nữ Á Đông nói chung, của người phụ nữ Việt Nam nói riêng mà đôi lúc văn minh vật chất đã làm nhạt nhòa.

Đây không phải là sợi dây ràng buộc nữ phái như thời phong kiến ngày xưa, mà là đạo lý, là nét đẹp ngàn đời của người phụ nữ.

Cuộc đời của người phụ nữ lúc còn nhỏ ở cùng cha mẹ là giai đoạn Tại gia tòng phụ; lớn lên lập gia đình theo chồng là giai đoạn Xuất giá tòng phu và khi chồng chết thì lo nuôi con là giai đoạn Phu tử tòng tử.

## I. TẠI GIA TÒNG PHỤ

Là giai đoạn con gái còn nhỏ ở cùng cha mẹ và phụng dưỡng song thân. Nuôi con lớn khôn, bậc làm cha mẹ chỉ mong con mình được hạnh phúc nên người, mấy ai chờ đợi sẽ nhờ cậy con sau này. Nhưng phận làm con, phải canh cánh bên lòng câu: “Thần hôn định tỉnh.” Thuở nhỏ, cha mẹ dày công nuôi dưỡng sánh tày non Thái, như nước trong nguồn. Năm canh dài thức đủ năm canh. Các con làm sao biết được.

Đến khi con trưởng thành thì cha mẹ đã già, trở thành gánh nặng cho con. Phận làm con phụng dưỡng cha mẹ đâu nhất thiết phải sang giàu mới là đúng Đạo. Thế nên, nuôi cha mẹ không chỉ là bổn phận của con mà là Đạo, đạo Hiếu vậy.

Dân tộc Việt Nam vốn là một dân tộc có cội, có nguồn, tôn trọng lễ giáo gia phong, và tôn thờ đạo Hiếu. Phần lớn các gia đình ở thôn quê, người ta thường lập một bàn Thiên ngoài sân để đêm đêm thắp nhang nguyện cầu:

“Đêm đêm thắp ngọn đèn Trời,

Cầu cho cha mẹ sống đời với con.”

Tình thương của con đối với cha mẹ, nhất là với người mẹ công lao sánh bằng núi cao, biển rộng, sông dài.

“Bao nhiêu nước mắt ngoài hiên,

Bấy nhiêu nước mắt mẹ hiền chảy ra.”

Đến khi mẹ không còn nữa, lời than của con làm chúng ta xúc động:

“Năm xưa tôi còn mẹ,

Trăng sáng khắp gian nhà,

Năm nay mẹ đã mất,

Trăng chênh chếch đầu non.”

Và ta đã không cảm được nước mắt khi nghe bài kinh cúng cửu:

*Ơn sanh thành ơn vi cao dày,*

*Nghĩa dưỡng dục nghĩa tày lớn rộng,*

*Kìa chín chữ cù lao lỏng lộng,*

*Nọ mười phương dưỡng dục minh linh.*

Ngày xưa, một Mẫn Tử Khiên, một Tăng Sâm, Tử Lộ sống hàn vi đạm bạc mà đã làm rạng ngời đạo Hiếu, xứng đáng được lưu danh hậu thế trong hàng “Nhị Thập Tứ Hiếu.”

Bất kỳ tôn giáo nào cũng đều tôn vinh đạo Hiếu. Người xưa dạy rằng: “Nhơn sanh bách hạnh hiếu vi tiên”, đạo Hiếu đứng đầu trăm nết. Đức Phật ngày xưa đã dạy các môn đồ về đạo Hiếu qua hình ảnh một cây chuối. Mỗi cây chuối chỉ trở một buồng chuối rồi chết. Đời người con cũng vậy, chỉ một mẹ mà thôi. Vì vậy người ta cũng đã nhắc:

“Ai còn mẹ xin đừng làm mẹ khóc.

Đừng để buồn nước mắt thấm đôi mi.”

Ngày xưa khi được hỏi về đạo Hiếu, thì Đức Khổng Tử tùy trường hợp mà trả lời:

“Nuôi cha mẹ chỉ có sắc mặt là khó nhất, phụng dưỡng cha mẹ bằng chân tình ấm lạnh, sắc mặt phải luôn luôn vui vẻ. Nếu xem việc nuôi cha mẹ là gánh nặng sắc mặt lạnh lùng cau có thì chữ Hiếu còn có nghĩa gì đâu.”

Một lúc khác, Ngài dạy người con hiếu là người con phải biết giữ gìn sức khỏe, tránh tật bệnh vì có những người con nhà quyền quý chỉ lo ăn chơi hay mắc bệnh làm cho cha mẹ buồn rầu lo lắng. Ngài còn dạy: “Phụ mẫu tại, bất viễn du, du tất hữu phương.” Nghĩa là: cha mẹ còn sống, đừng đi xa, nếu có đi thì phải cho cha mẹ biết ở nơi nào để khi hữu sự cha mẹ biết mà tìm, đừng để cha mẹ phải lo âu.

Thế nên, việc con cái đi thưa về trình có ý nghĩa như vậy và là lễ đối với bậc sanh thành. Ngày nay, dù đã có phương tiện thông tin dễ dàng thì việc trình thưa vẫn là Hiếu đạo vậy.

Kinh Thánh Huấn Giáo Hóa Nữ Nhi có dạy rằng:

*“Tùng phụ là thực hiện một sự việc trong những phương diện thi hành đạo Hiếu của người con gái đối với cha mẹ khi con ở với cha mẹ. Đối với cha mẹ phải tôn kính, vâng lời cha mẹ dạy những việc phải làm, tuân và noi theo ý định của mẹ cha giáo dục, trau sửa ý chí, cương quyết đạo đức, tín nghĩa, khéo biết phân biệt cái hay, cái dở.”*

Cái hay thì noi theo, không được cải sửa, cái sai của cha mẹ thì cung kính cản ngăn cho kỳ được để cho cha mẹ tự suy xét lại mà hoán cải, để cho danh giá gia đình được tốt đẹp với đời, đó mới là phần hiếu đạo làm con đối với mẹ cha, chớ không phải gặp thế nào thì hay thế ấy, nhắm mắt mà noi theo.

Chuyện kể rằng: “Một bữa nọ, Tăng Sâm đi học mình mấy đũa thương tích, Đức Khổng Tử hỏi ra mới biết Tăng Sâm vừa bị cha trong cơn giận đã dùng gậy đánh con. Đức Khổng Tử không nói gì, lại đuổi Tăng Sâm ra ngoài và cấm không cho gặp mặt. Các học trò không hiểu thì được Đức Khổng Tử giải thích rằng: “Khi cha mẹ giận, dùng gậy gộc đánh con nặng nề thì phải chạy tránh nơi khác, đợi đến khi cha mẹ bớt giận thì xin lỗi, chớ rui ro cha mẹ lỡ tay đánh chết con thì phải mang tù tội và làm cho cha mẹ ân hận suốt đời. Đó không phải là người con Hiếu vậy.”

Xem thế, thì đạo Tùng Phụ không phải cha làm thế nào con cũng làm theo thế ấy. Và lại, khi thấy cha có làm gì trái lẽ đạo đức thì bốn phận làm con phải lấy lời lẽ cung kính, khéo léo cản ngăn, hầu để cho cha khỏi xâm phạm những điều lầm lỗi. Ấy mới thật là Hiếu đạo “tại gia tùng phụ.”

Đức Mẹ dạy:

*Đạo Tùng phụ ở trong chữ Hiếu,*

*Phụng thờ cha là điều làm con,*

*Gia trung mọi sự cho tròn,*

*Đáp ơn dưỡng dục, chịu, lòn kính vâng.*

Bên cạnh đó, việc giữ gìn tiết hạnh cho trong sáng lúc còn ở với mẹ cha là điều tối cần. Làm con gái không thể có cuộc sống buông thả làm tổn hại đến danh dự gia đình và cả tương lai mình sau này.

Nguyễn Du trong Truyện Kiều đã viết:

*“Ra tuồng trên bệ trong dàu,  
Thì con người ấy ai cầu làm chi.”*

Đức Mẹ dạy:

*Gái đức hạnh, song thân vui vẻ,*

*Hiếu đạo gìn, mọi lễ khâm tuân,*

*Cập kê khi đã đến tuần,*

*Mẹ cha đặt để, phán, vâng, nghe lời.*

*Chẳng phải duyên, con thời thưa lại,*

*Để mẹ cha phải trái phân minh,*

*Giữ đừng xử tiết, ô danh,*

*Đạo nhà “Tùng phụ” chí thành ở con.*

Điều này có nghĩa là khi mẹ cha định đoạt hôn nhân với người mình không vừa ý thì phải mạnh dạn trình bày mọi lẽ với cha mẹ, vì đây là hạnh phúc của cả đời mình, lại còn phải chờ đợi một lễ cưới cho phải Đạo, bởi lẽ việc sống chung nam nữ mà không có cưới xin thì sẽ phạm tội tà dâm. Lễ cưới đâu cần phải rình rang tốn kém, càng không phải là dịp để phô trương xa xỉ với đời, mà là lúc chúng ta trình với Đức Thượng Đế và các Đấng, trình với xã hội đời, hợp thức hóa việc sống chung. Lúc bấy giờ cưới hỏi sống chung là hợp đạo lý, trả hiếu cho mẹ cha và cũng là việc lưu truyền nòi giống vậy.

Trong cuộc đời người phụ nữ, đây là giai đoạn học làm người để sau này trong cương vị làm mẹ, sẽ hiểu rõ các con mà hoàn hảo việc giáo dục con mình.

## II. TÙNG PHỤ

Đến lúc trưởng thành yên bề gia thất thì đây là lúc người phụ nữ phát huy vai trò nội tướng của mình. Đức Mẹ dạy trong kinh Giáo Hóa Nữ Nhi:

*“Khi lớn lên lập gia đình thì phải kính trọng cha mẹ chồng như cha mẹ mình và trọn giữ một niềm yêu thương lễ độ. Đối với gia đình chồng cũng phải giữ hạnh khiêm nhường, thuận thảo*



thật sự mến thương, đừng để dạ tranh đua ganh ghét. Nếu duyên may gặp được người chồng học thức, hiền lành đạo đức, phong cách tế chỉnh, bằng ngược lại ta cũng phải luôn luôn lo lắng công việc nhà chồng, xem xét việc làm hằng ngày của chồng để kịp thời an ủi, khuyến khích chồng khi gặp phải lúc thất bại, thối chí ngã lòng.”

Cuộc đời có bao giờ lặng yên xuôi dòng mà luôn luôn dậy sóng với bao nhiêu thịnh suy bỉ thối. Điều quan trọng là lúc vui không thái quá, lúc buồn lại không quá bi quan mà lụy đến thân mình.

Hôn nhân là việc hệ trọng vừa là duyên vừa là nghiệp tiền kiếp nên có nhiều cảnh đời may rủi khó lường.

Mẹ dạy:

*Mẹ nhìn khắp các tầng nữ giới,*

*Thế hệ này con hồi nghĩ sao,*

*Trót sanh trong kiếp má đào,*

*Vụng tu nên chịu ra vào trầm luân.*

*Có những người vô phần bạc phước:*

*Sống trong cảnh vô phần bạc phước,*

*Thân đọa đày cửa tước nhà quan,*

*Lăn thân một kiếp cơ hàn,*

*Lo ăn chạy mặc khó toan vẫn vùng.*

(...)

*Sống trong cảnh hàn vi cơ khổ,*

*Phải lăn thân xó chợ đầu đường,*

*Dãi dẫu một kiếp nắng sương,*

*Liều bỏ với cảnh đoạ trường song song.*

*Cũng có người may mắn hơn:*

*Sống trong cảnh lâu đài quyền quý,*

*Gót đài trang ngựa hí xe chờ,*

*Bạc vàng chọn tóc kén tơ,*

*Trong hàng mệnh phụ ngoài chờ chiều dương.<sup>1</sup>*

Thế nhưng, dù trong cảnh giàu sang quyền quý hay chịu hàn vi cơ khổ, đó chẳng qua là sự hơn thua về vật chất mà thôi, còn bốn phận và trách nhiệm của nữ phái xưa và nay có khác gì nhau đâu.

Soán truyện quẻ Khôn dạy rằng:

“Chí tai khôn nguyên, vạn vật tư sanh, nãi thuận thừa thiên.”

Người nữ phái học theo Khôn Đạo là học đức nhu thuận, thuận theo Kiến Đạo mà hậu đức tải vật, học đức sâu dày của đất chứa chở trùm che muôn loài vạn vật.

Giờ đây, khoa học tiến bộ, những tiện nghi vật chất giúp cho người phụ nữ đỡ nhọc nhằn. Nữ phái đã được sánh vai cùng nam phái trong việc đi học, làm việc, tu hành. Nhưng bên cạnh đó, việc tế gia nội trợ vẫn là bốn phận mà người phụ nữ không thể chối từ, bởi đây không phải là sợi dây ràng buộc, ngăn chặn nữ phái trên đường hội nhập vào xã hội văn minh mà là thiên chức. Cũng không phải ta gán hai chữ thiên chức để ràng buộc nữ phái mà sự thật hiển nhiên, là vai trò nữ phái vô cùng quan trọng trong việc:

– Tá trợ nam phái

– Và nuôi dạy các con để sau này lớn lên sẽ là những công dân tốt cho quốc gia xã hội.

Một gia đình thật hạnh phúc êm đẹp biết bao nếu trong đó có một người vợ đảm, một người mẹ hiền và chính người mẹ này sẽ dìu dắt các con những bước đi vững chắc trên đường đạo lẫn đường đời.

Với thiên chức lớn lao này, Đức Mẹ đã dạy:

*Con ơi! Nội tướng tài thành,*

*Cho nên phận gái Mẹ dành hồng ân.<sup>2</sup>*

Học theo đạo Khôn, người quân tử hãy chọn đường mà đi, chọn phương mà đến, chọn Đạo mà thờ, chọn Thầy mà học, chọn bạn mà chơi, chọn nơi trao thân gửi phận, biết được đất lành ta ở, đất dữ ta lánh mới được bạn đồng tâm đồng đức cộng sự với mình. Hoàn thành tốt vai trò của mình về mọi mặt là người phụ nữ đã làm sáng được Đạo tài thành.

Dịch Kinh quẻ Thái dạy: “Thiên Địa giao, Thái, hậu dĩ tài thành Thiên Địa chi đạo, phụ tướng Thiên Địa chi nghi.”

• Tài: nghĩa là cắt xén.

• Thành: thành tựu được trọn vẹn khéo léo.

1. Diêu Trì Bửu Điện Thánh thất Bình Hòa, 28-8 Đinh Mùi (01-10-1967).

2. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-12 Quý Sửu (07-01-1974).

Tài thành là đạo Trời Đất. Thánh nhân dạy phải xử sự cho mọi việc được vẹn tròn, như Âm Dương được hòa hợp thì vạn vật được sung mãn. Sách dạy rằng: “Nên thể theo lòng Trời mà sinh thành vạn vật, lo bỏ cứu những chỗ khuyết điểm.”

Trời có nóng, có lạnh, hình đất có cao có thấp, nhưng tựu trung có thái quá, có bất cập thời Thánh nhân mới theo đó mà cắt xén, khiến cho đâu đó được vuông tròn thành tựu. Ấy là Tài thành Thiên Địa chi Đạo. Tỷ như mùa Xuân phát sanh vạn vật, mùa Thu tạo thành vạn vật, Thánh nhân cũng theo Trời mà dạy con người mùa Xuân thì cày, mùa Thu thì gặt hái.

Nếu ta ví bốn phận người phụ nữ trong gia đình với vai trò của một vị tướng chỉ huy ba quân thì suy cho cùng có khác gì nhau đâu. Làm người chỉ huy phải có tài thao lược, biết rõ lòng dân, kế sách, chiến lược, để phòng địch quân từ mọi hướng. Sai một li thì mạng của ba quân khó bảo toàn.

Người đời cũng hết sức hữu lý khi gọi người phụ nữ là nội tướng vì họ cũng phải tả xông hữu đột, nào lo hiếu đạo hai bên gia đình, nào lo đói no thiếu đủ, bốn phận đối với chồng, nuôi dạy các con, lúc nghèo biết hy sinh cần kiệm, khi giàu có không hề phung phí.

Đức Mẹ dạy:

*Thân nữ nhi vất vả suốt ngày,*

*Tổ gia nội trợ trong ngoài,*

*Nước, cơm, may vá, cuộc cày, chăn nuôi.<sup>3</sup>*

Ôi! Vô số công việc không tên trong gia đình đã đặt lên vai người phụ nữ. Nếu sự quyết định sai lầm của một vị tướng soái làm ngựa nghiêng vạn nước thì sự kém hiểu biết vụng về của người phụ nữ cũng đủ làm mất hạnh phúc gia đình.

Và nếu ta ví một nội tướng tài thành như một người thợ may khéo thì đây là hình ảnh thật ấn tượng. Dù mảnh vải to hay nhỏ, đẹp hay tầm thường thì dưới bàn tay khéo léo của người thợ may, mảnh vải sẽ trở thành chiếc áo dài hay áo ngắn lợi ích mà không hề phí phạm. Trong vai trò nội tướng, người phụ nữ thực hiện cho

thật tốt sẽ là một phụ tá đắc lực cho chồng trên đường sự nghiệp cùng chia sẻ chuyện buồn vui đắc thất bại thành.

Sử sách còn ghi lại những tấm gương hiền phụ đã vì tương lai sự nghiệp của chồng mà chịu lắm hy sinh, có người đã cắt tóc đem bán làm lộ phí cho chồng đi học. Ở nước ta, có biết bao người phụ nữ muôn đời được tôn vinh.

Người ta còn nhớ đến ông Bùi Hữu Nghĩa, người Hậu Giang, tỉnh Cần Thơ. Tài học xuất chúng, ông đỗ Giải Nguyên thời Minh Mạng nên người đời thường gọi ông là Thủ khoa Nghĩa. Cuối triều vua Tự Đức, ông được bổ làm Tri Huyện ở Trà Vinh. Thanh liêm và cương trực, Bùi Hữu Nghĩa được lòng dân bao nhiêu thì trái lại ông bị đám quan lại tham ô thù ghét bấy nhiêu. Tai họa đã giáng xuống đời ông do các quan hãm hại, ông bị kết án tử hình.

Khi ta nhắc đến Bùi Hữu Nghĩa là ta muốn nhắc đến người vợ hiền của ông là Bà Nguyễn Thị Tồn, con gái vị ân nhân đã nuôi ông ăn học thuở hàn vi. Bà từ Hậu Giang ra tận để kinh để minh oan cho chồng. Biết bao gian khổ trên đường đi không làm người phụ nữ này chùn bước vì thời buổi ấy việc đi lại khó khăn khi thì đi ghe, đi ngựa, lúc phải cải nam trang. Bà tìm đến dinh Phan Thanh Giản, lúc bấy giờ giữ chức Lại Bộ Thượng Thư, và trình bày hết các sự việc xảy ra và tỏ ý muốn dâng sớ kêu oan. Phan Thanh Giản nghe xong có lời an ủi và giúp bà thảo sớ. Ngày nọ, vào lúc canh năm, bà đến trước sân chầu, đánh ba hồi trống làm kinh động cả tam cung lục viện.

Vua Tự Đức lâm triều xét xử. Sau đó, bản án được giảm. “Tha cho Bùi Hữu Nghĩa khỏi tử hình, nhưng phải quân tiền hiệu lực, đoái công chuộc tội,” nghĩa là phải ra trận lập công.

Lúc bấy giờ bà Từ Dũ, mẹ vua Tự Đức nghe được tin có người đàn bà ở Đồng Nai lặn lội ra kinh đô để minh oan cho chồng. Bà rất cảm động cho vờ vào yết kiến và tặng cho bà tấm biển khắc bốn chữ: “Liệt phụ khả gia.”

Khi trở về quê hương, bà kiệt sức và mất lúc

3. Thánh tịnh Kim Thành Long, 18-02 Quý Sửu (22-3-1973).

ông Bùi Hữu Nghĩa phải trốn thù đồn xa, không về được để an táng vợ. Ba năm sau về quê, ra trước mộ phần, ông đã khóc vợ rằng:

“Tớ nghèo mình lo giúp, tớ oan mình lo kêu, làng xóm đều khen mình đáng vợ. Mình đau tớ chẳng nuôi, mình chết tớ chẳng táng, giang sơn thẹn mặt tớ làm chồng.”

Lời khóc vợ của Bùi Hữu Nghĩa đã làm rơi nước mắt biết bao người và đã được ghi vào văn học sử Việt Nam. Xưa nay nhắc đến Thủ khoa Nghĩa, ngoài tác phẩm “Kim thạch kỳ duyên” một trong những kiệt tác của nền văn học nước nhà, người ta luôn nhắc đến người vợ hiền liệt phụ khả gia của ông, một người đàn bà Việt Nam quê mùa mộc mạc đã giả trai, quá giang ghe ra tận đế kinh, nổi trống nơi Tòa Tam Pháp minh oan cho chồng đã cho ta hiểu rõ câu “Tài thành Thiên Địa chi Đạo” vậy.

### III. TÙNG TỬ

Nếu một mai chồng mất sớm thì người vợ phải đảm nhận vai tuồng làm cha các trẻ. Việc giáo dục các con trở nên người hữu dụng trong trường hợp này thật không dễ dàng gì.

Trong kinh Triết Luận Huấn Nữ, Đức Mẹ dạy:

*Khi chồng chết tùng mà con trẻ,  
Nương náu nhau mọi lẽ cho xong,  
Dạy con, vợ thế quyền chồng,  
Cho con học tập thành công giúp đời.*

(...)

*Lo nuôi nấng mấy trai còn bé,  
Dạy Ngũ thường chỉ vẽ Tam Cang.*

(...)

*Gái cần dạy trau dồi Tứ Đức,  
Cùng Tam Tùng rèn đức giá cao,  
Lớn khôn đáng phận thơ đào,  
Làm gương hậu tấn, sáng lâu bốn phương.*

Ngày nay, xã hội bên ngoài có muôn màu nghìn vẻ, có sức quyến rũ mãnh liệt, trong khi đó nếu trong gia đình có quá nhiều luật lệ nghiêm khắc sẽ vô tình đẩy các con ra khỏi vòng tay người mẹ. Gia đình không đơn thuần là nơi nghỉ ngơi sau những giờ làm việc mệt nhọc mà còn

là nơi các thành viên trong gia đình chung sống với nhau qua những năm dài tháng rộng; cùng vui cùng buồn, cùng thương yêu nhau với biết bao kỷ niệm gắn bó. Tình huynh đệ thiêng liêng được ràng buộc do chính tay người mẹ lo toan. Người ta sẽ tìm thấy nơi người mẹ lòng khoan dung nhân hậu, sự khéo léo ứng xử, sự công bình và một tình thương con không gì so sánh được.

Đối với các trẻ bất hạnh, chịu thua thiệt về hình hài thể chất hay trí năng, lại càng phải được gia đình, nhất là người mẹ chăm sóc chu đáo hơn để bù đắp lại những mất mát to lớn trong đời con và giúp con mình đỡ tủi thân.

Chuyện xưa kể rằng: “Một bà mẹ kia có nhiều con, người nào cũng có tư phận. Riêng người con út thì nghèo hơn cả. Các anh em bàn với nhau là thay phiên nuôi mẹ, lại quy ước rằng mỗi khi trao mẹ cho người con kế tiếp thì phải cân mẹ, xem mẹ có được nuôi kỹ càng hay không, có bị sụt cân không? Vì vậy mỗi khi đến lượt người con út nuôi mẹ, bà bị sụt cân nên thương đứa út nghèo hơn hết bà bỏ chì vào áo để bù lại trọng lượng đã mất. Hai chữ “bù chì” có nghĩa như vậy.

Sách có câu:

“Thương con mẹ chẳng có chi,  
Cho nên mẹ phải bù chì cho con.”

Đối với các con ngoan hiền dễ dạy thì việc giáo dục các con sẽ dễ dàng. Nhưng không phải ai cũng may mắn được các con ngoan hiền. Những đứa trẻ nghịch sẽ là gánh nặng cho xã hội mai sau.

Chịu chuộc chúng ư? Càng làm cho chúng thêm nhiều tật xấu.

Còn dùng roi vọt để răn đe ư? Chúng sẽ cảm thấy gia đình đầy khổ ải cần phải tìm vui nơi bạn bè. Chúng sẽ rời xa gia đình không hề luyến tiếc. Xã hội sẽ càng thêm nặng gánh. Làm thế nào để giáo hóa các trẻ này? Đây quả thật là vấn đề làm đau đầu các bậc phụ huynh và các nhà xã hội học.

Một vấn đề không kém phần quan trọng cho tương lai đầm ấm của gia đình. Đó là sự hòa thuận giữa các con. Phận làm cha mẹ sẽ vô cùng cay đắng trước sự bất hòa của các con. Một chút nghiêng

lệch, bất công sẽ đưa đến thảm họa sau này. Ngày nay, trên báo chí hằng ngày có nhiều anh em ruột thịt kiện cáo nhau, giết hại nhau do tranh giành gia tài hay bất đồng ý kiến. Đọc truyện Tam Quốc, Tào Tháo có hai người con là Tào Phi, Tào Thực. Tào Phi theo võ nghiệp, tánh tình mạnh bạo còn Tào Thực là một văn nhân, thi thơ tài giỏi. Tào Tháo rất thương yêu Tào Thực. Hai anh em không thuận nhau. Nhưng sau Tào Tháo nhường ngôi cho Tào Phi. Do đó, Tào Phi luôn mang tâm trạng sẽ bị em mình đoạt ngôi nên tìm cách hãm hại. Một hôm, trong một buổi thiết triều, Tào Phi ra lệnh cho Tào Thực: “Nghe đồn nhà người giỏi chữ, vậy ta lệnh cho người trong bảy bước đi phải làm xong một bài thơ nói lên tình huynh đệ mà không được dùng đến hai chữ Huynh Đệ.

Tào Thực từng bước đi trong sự lo lắng, hồi hộp của triều thần. Đến bước thứ bảy, bài thi được đọc lên:

Củ đậu nấu đậu sồi,  
Đậu khóc ở trong nồi,  
Vốn sanh từ một gốc,  
Sao đành nở vậy ôi.

Bài thi này gọi là “Thất bộ thi” được truyền tụng về sau này.

Tạo hòa khí trong gia đình nhất là dạy các con thương yêu hòa thuận nhau là vấn đề không dễ dàng gì. Suy cho cùng điều này còn tùy thuộc vào duyên nghiệp của từng cá nhân, từng nhân quả của mỗi người.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:  
*Con còn dại, còn khờ trong trắng,  
Tập tánh cho chúng đặng hiền lương,  
Ban cho chúng nó tình thương,  
Chọn người bạn tốt trên đường tiến thân.<sup>4</sup>*

Việc giáo dục con cái phải lấy thân giáo làm trọng, đó là gương sáng cho các con noi theo. Người mẹ hiền, đức hạnh đoan trang, tài giỏi khéo léo sẽ làm cho các con kính trọng, chúng sẽ ngoan ngoãn nghe theo lời mẹ dạy.

4. Giáo hội Tiên Thiên Minh Đức, 20–9 Đinh Mùi (23–10–1967).

Sách Thánh hiền xưa đã kể lại gương Mạnh Mẫu dạy con cách đây hơn 25 thế kỷ, bà mẹ này đã dạy con nên bậc Thánh hiền. Mạnh Mẫu đã nhiều lần dời nhà để tìm nơi ở tốt cho con, đã từng cắt khung cửi đang dệt để dạy con chăm chỉ học hành. Sự tích này gọi là “Đoạn trũ cơ”.

Có bà mẹ như Mạnh Mẫu, hậu thế mới có được ngài Mạnh Tử là bậc Á Thánh. Đó là những hiền phụ, những bà mẹ kiệt xuất đã cống hiến cho đời những bậc vĩ nhân, những nhà bác học lấy lòng tên tuổi.

Đức Quan Âm Bồ Tát đã ca ngợi rằng:

*Xưa Mạnh Mẫu cảm chân Mạnh Tử,  
Theo học đường trung thú lễ nghi,  
Ngày nay tiết nghĩa còn ghi,  
Nho Tông Khổng Mạnh Đông Tây kính nhường.<sup>5</sup>*

Ngày nay, người phụ nữ còn phải tiếp tay với chồng trong vấn đề sinh kế. Dĩ nhiên chu toàn việc gia đình, gánh thêm việc xã hội, những điều này đòi hỏi người phụ nữ phải cố gắng rất nhiều và cần có sức khỏe, tài năng và sự khéo léo. Hoàn thành được việc này tức là đã thực hiện được sứ mạng vi nhân.

Tuy nhiên, người phụ nữ trong Tam Kỳ Phổ Độ không chỉ dừng chân ở vị trí nội tướng mà phải thăng tiến trên phần tâm linh trong sứ mạng Đại Thừa, vì đây là thời kỳ nữ phái được ban ân, do đó người mẹ còn có bổn phận dìu dắt các con vào đường đạo đức.

Mẹ dạy:  
*Ngại chi thiên lý nan trùng,  
Con ôi có Mẹ hộ cùng cho con.<sup>6</sup>  
Khi hoàn thành xong sứ mạng, là lúc nữ phái  
được Mẹ ban ơn:*

*Mẹ sẽ dành hồng ân cho trẻ,  
Biết tu thân Mẹ sẽ dắt dìu,  
Để khi bóng ác về chiều,  
Cờ tiên sứ điệp Linh Tiêu chực châu.<sup>7</sup> ■*

5. Ibid

6. Ngọc Minh Đài, 01–01 Tân Hợi (27–01–1971).

7. Thiên Lý Đàn, 01–01 Canh Tuất (05–02–1970).



■ THIÊN LÝ

# Đạo

## CỦA LÃO TỬ

Đức Lão Tử coi Đạo là nguồn gốc của vũ trụ: “*Có một vật gì đó sinh ra cả trời đất, lặng lẽ, trống không, đứng riêng biệt không đổi thay, tuần hoàn không biết mệt mỏi, có thể làm mẹ thiên hạ; ta không rõ tên là gì, gọi nó là Đạo (hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh, tịch hễ liêu hễ, độc lập bất cái, chu hành nhi bất đãi, khả dĩ vi thiên hạ mẫu; ngô bất tri kỳ danh, tự chi viết Đạo.*”<sup>1</sup> Những nhà triết học, tôn giáo, khoa học càng muốn khuôn mẫu hóa về khái niệm Đạo của Đức Lão Tử thì lại thấy càng rối rắm và có cảm giác luôn luôn chưa đầy đủ. Càng định hình, định dạng lại càng thấy chông chênh, đúng như câu mở đầu của Ngài về Đạo thường hằng ở đệ nhất chương của tác phẩm Đạo Đức Kinh duy nhất để lại cho hậu thế: “*Đạo khả đạo, phi thường Đạo. Danh khả danh, phi thường danh.*” (Đạo mà có thể giảng giải được thì không phải là cái đạo thường hằng. Tên

---

1. Wikipedia: Lão Tử.

2. Lão Tử, Đạo Đức Kinh, NXB Thanh Niên, 2008, Đệ Nhất chương, tr. 20.



*Minh họa: Bửu Long.*

mà có thể gọi được thì không phải là cái tên thường hằng.)

Một khái niệm mà tư duy nhân loại không thể xác định một cách hoàn hảo suốt hơn hai ngàn năm trăm năm, vậy mà các bậc trí giả hoặc chơn tu vẫn đi theo cùng tận và cảm nhận rằng dường như nó luôn ở phía trước, chưa bao giờ là hoàn hảo! Trí tuệ giới hạn của con người bình thường có lẽ chỉ nhận ra Đạo một cách tương đối ở vài khía cạnh và có lẽ, cái nhìn đó là vô dụng, nhưng không sao! Vẫn có thể tìm ra được một ít hữu dụng nào đó trong cái vô dụng ấy! Đạo của Lão Tử cũng chỉ mong đợi như thế! Những khái niệm mà được tưởng chừng như là những logic của nghịch lý, những logic mà không thể suy diễn bề mặt đến mức độ sâu sắc để chỉ có thể tạm được là sự mơ hồ, dị, huyền khi Đức Lão Tử nói về Đạo thường hằng.

## **1. ĐẠO CỦA SỰ IM LẶNG**

Nói về Ngài – Đức Lão Tử, là một trong Tam giáo Đạo tổ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, người tín đồ Cao Đài luôn luôn tôn kính và mong ước hành theo đạo của Ngài, mặc dù những lời dạy thật thâm sâu và người tín đồ muốn hiểu logic ấy, phải tạo ra “con mắt” tâm linh của chính mình, chớ không thể chỉ bằng đôi mắt tự nhiên sẵn có.

Suốt chín mươi năm đối đãi với cuộc sống phần lớn chỉ là sự im lặng của Ngài và với các học trò có lẽ chỉ học được từ Ngài qua sự im lặng. Chắc chắn rằng không ít lần các học trò đã đề nghị Ngài viết hoặc giảng về Đạo. Nhưng lịch sử đã chứng minh Ngài không nói và viết ra bất kỳ điều gì về Đạo, về chơn lý truyền dạy cho học trò. Bởi vì, tác phẩm Đạo Đức Kinh là bộ kinh duy nhất mà Ngài đã viết ra trong vài ngày nghỉ chân tại ải Hàm Cốc trên con đường vân du giải

thoát và kể từ đó không còn ai biết về Ngài nữa và có thể bởi vì: “Đạo có thể nói ra thì không là Đạo thường hằng.”

Bề mặt ngữ nghĩa của lời dạy này đã cho ta thật sự rối rít khi gặp một mệnh đề có tính phủ định: Đạo có thể nói ra không phải là Đạo thường hằng, nếu có thể nói khác đi là: Chơn lý có thể nói ra được thì trở thành không đúng! Một ai đó, chưa cần hẳn là nhà khoa học thì sẽ không chịu nổi cái logic ương gàn ấy và sẽ nhao nhao hỏi: Vậy làm sao để biết chơn lý có tồn tại ở thế giới này?

Nghịch lý như thế, vậy mà Ngài là một Thánh nhân và suốt trên hai ngàn năm trăm năm, dù văn minh nhân loại đã phát triển đến phi thường mà vẫn phải mò mẫm đến cảm nang duy nhất của Ngài còn để lại và vẫn phải run rẩy như chạm được một cổ vật cao quý vô giá! Để hiểu được logic của Đức Lão Tử không phải là sự giản đơn, có lẽ loài người cần phải tạo thêm “con mắt” tâm linh cho chính mình mới có thể nhìn ra!

Phân tích câu kinh này, chìa khóa nằm ở chỗ sự phủ định của việc nói ra, tức phải là im lặng! Bạn chỉ có thể nhận ra Đạo, chơn lý qua sự im lặng. Bởi vì, Đạo không phải là sự tư duy (thinking) hoặc ý tưởng (ideal), nếu Đạo là tư duy hoặc ý tưởng thì bạn có thể diễn đạt được, ngay như cả học thuyết tương đối phức tạp của Albert Einstein cũng diễn đạt và nói ra được. Bạn có thể suy nghĩ, có thể tự do nói về Đạo cho đến khi việc nói bên trong của chính bạn đã chấm dứt thì Đạo sẽ mới khả dĩ được nhận ra. Đạo chỉ có thể hiểu được, cảm nhận được trong sự im lặng bằng kinh nghiệm của chính mình. Sự diễn giải bằng ngôn ngữ, chữ viết đã là sự giới hạn bởi văn hóa đặc thù của nhiều quốc gia, chủng tộc, bởi quy tắc đặt để của người sáng lập ra ngôn ngữ. Tuy vậy, cái Đạo có thể được truyền trao bằng ngôn ngữ là phần “hữu” của Đạo, còn phần “vô” thì có lẽ cần phải thêm điều kiện mà phải chính tự cá nhân đó tạo ra. Đức Lão Tử đã im lặng suốt, học trò của Ngài cũng

phải im lặng suốt và sự đạt Đạo có được lại là chính sự im lặng đã gỡ cửa “chơn thần” vốn là báu vật Trời ban ở mỗi cá thể con người. Đạo truyền trao không phải chỉ duy nhất là sự ý thức mà cái chính yếu là kinh nghiệm được hấp thụ bởi sự truyền trao từ Đức Tôn Sư trong im lặng. Học trò của Đức Lão Tử theo Ngài học gì về đạo thiên nhiên, đạo luân lý, trong khi Ngài chẳng nói, chẳng viết gì cả? Họ gẩn gù Ngài, đơn giản là họ hấp thụ sự hiện hữu của Ngài, họ cố gắng không nghĩ gì cả và họ càng trở nên im lặng. Trong sự im lặng, Đức Lão Tử đã đến gỡ cửa chơn thần của họ!

*Vô vi lặng lẽ trang lim*

*Ngắm mò đáy biển châu chìm vớt lên...<sup>3</sup>*

Đó là lời dạy của Đức Lão Tử vào thời điểm hơn hai ngàn năm trăm năm sau, để hiểu hơn một chút, nhưng vẫn thật kín ẩn huyền diệu. Bởi vậy, may mắn cho những ai đến thời đại này vẫn còn Đức Thầy vô vi chỉ dẫn chơn lý và đạo pháp. Chỉ buồn tiếc cho những ai chưa biết im lặng để nhận trọn vẹn, để thông trọn vẹn và hành trọn vẹn Đạo hằng thường!

Đến đây, tôi chợt nhớ đến khẩu khuyết Sơ thiên đã được học từ lâu lắm rồi mà giờ đây ý nghĩa của sự “lặng tìm” mới chợt vỡ ra:

*Trước xem xét thân tâm, khẩu ý*

*Sau lặng tìm yếu lý lưu hành*

*Cho tường nẻo hóa nguồn sanh*

*Đoạt cơ mầu nhiệm mới thành chơn tiên...<sup>4</sup>*

Đạo có thể được truyền trao khi chúng ta hiện hữu cùng Thầy của chúng ta, không cần tư duy, suy nghĩ, không cần phải hô mưa gọi gió, không cần làm gì cả, chỉ cần hiện hữu cùng với Tôn Sư, hấp thụ những yếu lý vốn có trong sự im lặng; Chơn lý, Đạo ắt sẽ được truyền trao.

Truyền tụng rằng: Sau khi tìm kiếm được một vĩ nhân “Lão già” có trí tuệ toàn vẹn, thật vĩ đại mà không ai biết đến là Đức Lão Tử, Đức Khổng Tử rất thích thú, nên bôn ba xa xôi ngàn

3. Lý Lão Tử, Đại Thừa Chơn Giáo, NXB Tôn Giáo 2011, tr. 24.

4. Ngọc Minh Đài, 24-4 Bính Ngọ (12-6-1966).

dậm để được đạo đàm cùng với Ngài đủ mọi đề tài từ vũ trụ đến nhân sinh. Cuối cùng Đức Lão Tử bảo: “Ngài học và biết quá nhiều những lời của cổ nhân. Thật đáng tiếc! Những cổ nhân đã chết rục xương, lời họ cũng đã hôi thối, rữa nát từ lâu. Sao còn nhai đi nhai lại nó làm chi?”<sup>5</sup> Truyền tụng này chắc là truyền thuyết chỉ để nói lên “Đạo có thể nói ra thì không là Đạo thường hằng.”

## 2. ĐẠO LÀ SỰ BẤT KHẢ LUẬN

Có thể còn nhiều cách lý giải lý do “không thể nói ra” về Đạo, một trong các lý giải hợp lý là ý thức, tư duy con người là giới hạn, và Đạo là cái xuất hiện trước cả trời đất theo cách diễn đạt của Đức Lão Tử: “Có một vật gì đó sinh ra cả trời đất, lặng lẽ, trống không...ta không rõ tên là gì, gọi nó là Đạo.” Do vậy, Đạo là sự bất khả luận! Người tín đồ Cao Đài may mắn được Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng trực tiếp giảng dạy về Đạo. Dù vậy, nếu chỉ là sự nhận biết bằng tư duy, lý trí ở mặt “hữu” thì Đạo được truyền trao chỉ là những danh từ gọi hình, gọi tính!

*Đạo mầu sản tạo càn khôn  
Hư vô chi khí Chí Tôn chuởng quyền  
Hóa sanh Phật Thánh Thần Tiên  
Muôn loài vạn vật lưu truyền thi chung  
Đạo vô tận, Đạo vô cùng  
Đạo là mẹ đẻ khắp chung muôn loài.<sup>6</sup>*

Nếu bằng tư duy khoa học hiện hữu của con người với phương pháp duy vật biện chứng và lý luận chứng cứ thì e rằng không biết đến bao giờ mới có một thiên bẩm trí tuệ cao tuyệt nào đó xuất hiện để làm công việc lý giải về “Hư vô chi khí” hoặc quy trình con người hóa thành Phật Thánh Thần Tiên là như thế nào. Ngay cả khi nếu có được chứng cứ, những tín đồ của những tôn giáo khác gắn với đức tin mãnh liệt

cũng có thể chưa “cảm” được và những kẻ theo chủ nghĩa hoài nghi vẫn sẽ tiếp tục phủ bác. Có lẽ, để dễ hiểu hơn, có thể nêu ví dụ như thế này: Một người mù được nghe diễn tả về ánh sáng nhưng không thể trao đổi thêm được gì về ánh sáng, thậm chí người mù ấy có thể trở thành một chuyên gia về kỹ thuật ánh sáng, nhưng cả cuộc đời người mù ấy vẫn không hề biết gì về ánh sáng vì họ không có cảm nhận của sự trải qua kinh nghiệm của chính bản thân với ánh sáng.

*Đạo Trời vô ảnh, vô hình  
Vô vi, vô xú, vô thính, vô trần.<sup>7</sup>*

Vì thế, cho dù có cố gắng thêm nhiều cách lý giải để hiểu và luận về Đạo, bản chất vô vi của Đạo vẫn không thể diễn đạt bằng ngôn ngữ và là bất khả luận. Chỉ nên biết và hành theo. Thay vì luận bàn quá mức về mặt vô vi của Đạo, chỉ bằng nghe theo lời Đức Lão Tử:

*Tu đơn chí khí vững bền  
Để tâm thanh tịnh làm nền Tiên gia  
Đạo truyền im ẩn sâu xa  
Chỉ phương tu luyện thoát ra biển trần.<sup>8</sup>*

Vậy để có thể hiểu về Đạo thường hằng, không thể đòi hỏi phải “tri” một cách trọn vẹn, hoàn hảo về Đạo, mà con người cần phải bắt đầu bằng kinh nghiệm được hấp thụ bởi sự truyền trao lời dạy từ Đức Tôn Sư trong im lặng! Tôi và bạn thử cố gắng suy tư trong im lặng một lần nữa, xem có thể có được một chút ít thấu đạt điều huyền diệu nào về sự bất khả tri của Đạo qua lời kinh:

*Vô danh, thiên địa chi thủy  
Hữu danh, vạn vật chi mẫu  
Cố thường vô, dục dĩ quan kỳ diệu  
Thường hữu, dục dĩ quan kỳ hiểu  
Thử lưỡng giả đồng xuất nhi dị danh  
Đồng vị chi huyền  
Huyền chi hựu huyền  
Chúng diệu chi môn.<sup>9</sup>*

5. Đạo Đức Kinh, NXB Thanh Niên 2008, tr.13.

6. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, NXB Tôn Giáo 2011, tr. 39.

7. SDD, tr. 40

8. Lý Lão Tử, Đại Thừa Chơn Giáo, NXB Tôn Giáo 2011, tr. 24.

9. Lão Tử, Đạo Đức Kinh, NXB Thanh Niên 2008, tr. 20.

Tạm dịch:

Không tên là khởi đầu của trời đất, có tên là mẹ của muôn vật. Cho nên thường không để nhìn thấy cái có vi diệu trong cái không. Thường có để nhìn thấy cái không vi diệu trong cái có. Hai cái đó cùng một nguồn gốc, nhưng tên khác nhau, đều gọi là huyền. (Cái) huyền ấy thâm sâu hơn cả những gì thâm sâu; chính là cửa phát sinh ra mọi điều huyền diệu.<sup>10</sup>

Và mỗi chúng ta không tự nói ra, chỉ để nó thấm thấu vào tâm thức của chính mình. Không nói ra cũng không ai biết được chúng ta có hoặc không!

### 3. ĐẠO CỦA SỰ TỒN TẠI CÁC MẶT ĐỐI LẬP

|  |  |
|--|--|
| <i>“Thiên hạ tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ, giai tri thiện, chi vi thiện, tư bất thiện dĩ.</i>  | Thiên hạ đều biết tốt là tốt, thì đã có xấu rồi; đều biết lành là lành; thì đã có chẳng lành rồi.  |
| <i>Cổ, hữu vô tương sinh, nam dị tương thành, trường đoản tương giáo, cao hạ tương khuynh, âm thanh tương hòa, tiền hậu tương tùy.</i>   | Bởi vậy, có và không cùng sanh; khó và dễ cùng thành; dài và ngắn cùng chiều; cao và thấp cùng nhau; giọng và tiếng cùng họa; trước và sau cùng theo.  |
| <i>Thị dĩ Thánh nhân xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo, vạn vật tác yên nhi bất từ, sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, công thành nhi phát cư, phù duy phát cư thị dĩ bất khứ.<sup>11</sup></i> | Vậy nên hiền nhân: Dùng vô vi mà xử sự; dùng vô ngôn mà dạy dỗ; để cho mọi vật nên mà không can; tạo ra mà không chiếm đoạt; làm mà không cậy công; thành công mà không ở lại. Vì không ở lại, nên không bị bỏ đi. |

10. Lê Anh Minh dịch.

11. Lão Tử, Đạo Đức Kinh, Nxb Thanh Niên 2008, Đề Nghị chương, tr.23

Thoạt đầu, vừa mới đọc qua chúng ta thấy lý lẽ của Đức Lão Tử rất mâu thuẫn khi đưa ra tiền đề: “(...) biết tốt là tốt thực ra đã có xấu rồi; biết lành là lành thực ra đã có chẳng lành rồi.” Suy tưởng trong im lặng thấy Ngài rất có lý khi mô tả rất chính xác sự vật, hiện tượng tồn tại thành cặp mâu thuẫn lẫn nhau trong thế giới nhị nguyên này. Thế giới khi chưa có loài người, thế giới khi mới có loài người nguyên thủy và ngay cả khi thế giới loài người phát triển thì đã và đang luôn tồn tại các cực đối lập mà bất chấp con người có nhận thức được hay không nhận thức được. Có cơn mưa mát, ẩm đất thì cũng có cái nắng cháy bỏng, khô hạn. Có những con thỏ, hươu, nai ăn cỏ, dễ thương thì cũng có loài thú ăn thịt hung dữ như cọp, beo, sư tử. Biết đến người hiền lành chất phác như Thạch Sanh, thì phải có Lý Thông gian hiểm, độc ác. Cõi nhị nguyên này là thế!

Tương truyền, trong lần gặp gỡ Đức Lão Tử, Đức Khổng Tử hỏi: “Thầy nói gì về đạo đức? Thầy nói gì về tu dưỡng tính cách tốt?”

Lão Tử cười to, và nói, “Nếu ông vô đạo đức, chỉ thế thì câu hỏi về đạo đức này mới nảy sinh. Và nếu ông không có tính cách nào, chỉ thế thì ông mới nghĩ tới tính cách. Con người của tính cách hoàn toàn quên lãng về sự kiện rằng bất kỳ cái gì như tính cách tồn tại. Cho nên đừng cố gắng chọn lựa! Và đừng cố gắng tu dưỡng. Chỉ tự nhiên.”<sup>12</sup>

Đoạn tương truyền này có thật hay không thì chưa rõ, nhưng nó cho thấy việc hình thành lối tư duy phân liệt, nhị nguyên ở con người bình thường đã có từ khi khởi thủy hình thành tổ chức xã hội và từ khi loài người bắt đầu những nhận thức đơn giản nhất: đẹp và xấu, thiện và ác, đạo đức và vô đạo đức. Nói như thế, có lẽ rất nhiều nhà giáo dục cổ kim đều sẽ không đồng ý, bởi lẽ con người tốt, gương mẫu là phải biết sàng lọc và chọn lựa điều tốt, điều lành, không thể nào dung nạp cái xấu làm chi để rồi tiêu hóa nó! Chắc chắn là thế, bởi sự tồn tại nhị nguyên

12. OSHO – Đạo: Ba Kho Báu Tập 1, NXB Tôn Giáo 2011, tr.4.



đã bắt con người tiến bộ phải chọn lựa! Giáo dục trẻ thơ phải bắt đầu từ điều lành, điều tốt!

Khác với tư tưởng đạo Khổng, tư tưởng Đạo vô vi của Đức Lão Tử chấp nhận cả xấu và tốt, lành và chẳng lành, có và không... đã khiến cho nhiều người nghĩ rằng Ngài là ba phải và dĩ nhiên không ít người không thể đồng thuận theo sự lưng chừng, dường như khó hiểu và có vẻ như ba phải đó. Giáo lý Đại Đạo đã xác tín sự tồn tại hằng thường của các cực đối lập và khả năng tiềm ẩn vốn có như sự mạc khải độc lập của từng cá thể trong vạn vật để duy trì sự tương hòa, tương hiệp cấu tạo nên sự tồn tại của vũ trụ vô hình:

“Mọi cái bất liên tục nằm trong cái liên tục. Vũ trụ đã ghép nó vào trong mạng nhện vô vi, con người là một điểm sinh động trên khung trời ấy. Nhắc lại ở đây, Vũ trụ không phải cấu tạo ở những cái rời rạc riêng tư, hay năng chiếm cố định, mà chính nó đã tự mạc khải cái trách nhiệm vạn hữu, duy trì sự tương hiệp, tương hòa của hằng vạn cá thể chứa đựng trong đó.”<sup>13</sup>

Nhìn ra được sự “tự mạc khải cái trách nhiệm vạn hữu,” thấy được sự “duy trì sự tương hiệp, tương hòa của hằng vạn cá thể” tức là đã có chuyển động từ “thức thần” thành “chơn thần.” Tức là đã tạo được con mắt “tâm linh” nội tại. Hãy nhìn những bụi hồng có những bông hoa đẹp và có gai; gai không chống lại cái đẹp của bụi hồng mà là sự hài hòa, nên không thể tuốt đi những chiếc gai trên cành hồng để thấy rằng bụi hồng đẹp hơn. Ngược lại, làm như thế sẽ mất đi sự hài hòa, mất đi cái đẹp thiên nhiên tương thuộc vốn có. Đi trên đường dốc xuống một tảng đá, đừng vứt nó, hãy làm thành bậc thang để tiếp tục đi.

Đức Lão Tử cho rằng cái thực sự đối lập là không phải đối lập, chúng bù trừ cho nhau, chúng phụ thuộc lẫn nhau, tồn tại cùng nhau như bề mặt ngoài vỏ trái ớt và mặt trong vỏ trái ớt, như lòng bàn tay và mu bàn tay, như ngày và

đêm và theo dịch lý là hai mặt âm dương của một sự vật, hiện tượng. Không thể phủ nhận sự tồn tại của chúng. Đừng phân biệt, đừng lựa chọn, hãy để tự nhiên, hãy dung nạp nếu tất cả cùng đến, cái chính yếu là dung nạp để rồi trở thành “Không” trong sự tĩnh lặng. Cuộc sống nhân sinh là sự hòa âm, là sự đồng bộ của các mặt đối lập và là khả năng lớn nhất luôn tồn tại, không thể phế bỏ. Nó sẽ là bình thường hay rất tầm thường theo cách nhìn này, nhưng sẽ là phi thường theo cách nhìn khác.

Mọi đối lập đều tương thuộc, đều là phần tử đặt định cho cuộc sống. Cuộc sống là sự tương thuộc, không thể trở thành phụ thuộc một cực để phủ nhận cực đối lập còn lại. Chế độ cực đoan về chủng tộc, tôn giáo, đảng phái... luôn chọn lựa một cực của các thể đối lập, hoặc sự đấu tranh giai cấp để tiêu diệt giai cấp đối lập trong xã hội. Hẳn nhiên là đã bị văn minh tiến bộ loài người chối bỏ! Tuy vậy, mục tiêu của sự nhận ra được các cặp đối lập tương thuộc chỉ nhằm ý nghĩa tạo nên động cơ để vượt qua nó. Bằng cách nào đó để cái khác của sự hiện hữu không còn ảnh hưởng đến tâm của mình nữa và thông dong bước trên đường Đạo. Đạo thường hằng!

#### **4. ĐẠO VÔ VI: LẤY TĨNH CHẾ ĐỘNG HÓA GIẢI CÁC CỰC ĐỐI LẬP**

Thật ra, để nói ra những khía cạnh về Đạo, Đức Lão Tử đưa những cái tồn tại dễ thấy, dễ hiểu rồi chỉ ra một triết lý sâu xa. Triết lý đạt ở tầm mức mà tự nó trở nên trống rỗng, phi lý hoặc ngớ ngẩn bởi vì nó được chứa đựng trong một cái tâm rất thông thoáng, một cái tâm trong suốt, một tấm gương vô ảnh, gọi là “tâm không” cũng được, gọi là “chơn tâm” cũng được hoặc là Đạo cũng được. Theo quan điểm cá nhân, tôi nghĩ rằng lời dạy về Đạo thường hằng của Ngài, có lẽ chỉ dành dạy cho những ai đang tìm kiếm sự chứng nghiệm vô vi của chính mình. Nếu phân tích đoạn kinh về Đạo thường hằng theo những chiều suy diễn hợp lý của các tư duy khoa học, đạo học thì cho dù kết quả là thế nào vẫn chỉ là những nhận thức

13. Đạo Học Chỉ Nam, Chương IV, tiết 2, mục 2, tr.263.

vô hiệu. Con người dù có được kết quả nhận thức thì vẫn chỉ có thể đứng yên trong tiến trình tiến triển im lặng của vũ trụ, của nhân sinh, nếu như không có sự chuyển động từ “thức thần” biến thành “chơn thần” của chính họ.

Sự chuyển động này bắt nguồn từ sự dung nạp các mặt đối lập của các sự vật, hiện tượng xung quanh và bước ngoặt quan trọng nhất của quá trình nhận thức này là sự nhận ra tính thống nhất, hòa hiệp của các mặt đối lập đó. Và có lẽ Đạo Vô vi chỉ dành cho những bậc tu Đại thừa. Đức Lão Tử có lý luận rất chặt chẽ khi dạy con người phải biết chấp nhận sự tồn tại song song của các đối cực cũng giống như lời dạy của Đức Giáo Tông vô vi của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ:

*“Muốn tiến lên nấc thang Đại thừa Thiên Đạo, càng phải trau dồi hoàn hảo hơn để chơn tâm như gương trong sáng thấu nhận tất cả hình ảnh tốt xấu, dữ lành mà không hình bóng nào lưu lại.”<sup>14</sup>*

Việc thu nhận và không lưu lại hình ảnh tốt xấu, dữ lành tương đồng với việc không lựa chọn. Hãy “thấu nhận tất cả hình ảnh tốt xấu, dữ lành mà không hình bóng nào lưu lại” là một việc làm không đơn giản chút nào, nếu không nói là cực khó, nhưng cũng chẳng phải là không làm được. Con người phàm bình thường, tư duy hợp lý bình thường không dễ gì thống nhất được các mặt đối lập ấy. Không dễ gì có mấy ai chấp nhận cái tốt và cái xấu; cái lành và cái chẳng lành; có và không cùng tồn tại. Mấy ai nhìn được cái hư vô được ẩn kín bên trong cái hiển thị rõ ràng trước mặt. Mấy ai nhìn thấy được cái lành của người hung dữ, xấu tính. Mấy ai thấy được vắng sáng trong rục rở trong thâm cảnh u tối để thấy được Đạo vô vi trong cái hữu hình. Muốn có được phải dung nạp cả các đối cực, phải thống nhất và để rồi không thấy gì cả bằng cái tâm vô ảnh, tâm trống rỗng; tâm không lưu lại sự tồn tại của mọi hiện tượng.

14. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Đinh Tỵ.

*Tâm vô sở sanh,  
Pháp vô sở trụ;  
Nhược đạt tâm địa,  
Sở trụ vô ngại...<sup>15</sup>*

*“Thiên hạ đều biết tốt là tốt, thì đã có xấu rồi; đều biết lành là lành; thì đã có chẳng lành rồi. Bởi vậy, có và không cùng sanh...”* Đức Quan Thế Âm Bồ Tát sẽ cho chúng ta một nhận thức dễ hiểu hơn, cụ thể hơn và dễ rót vào tâm người tu đạo với cùng ý nghĩa đoạn kinh trên:

*“Trong một tổ chức giáo hội, một Thánh đường hay một cơ thể con người đều có cái thiện, cái ác, cái động, cái tịnh, cái thanh, cái trước. Nhìn mặt đại dương lúc tịnh bằng phẳng như tờ giấy trải, khi động thì tác hại vô cùng.*

*Người tu biết đạo, Thiêng Liêng thường khuyên nên lấy tĩnh chế động, lấy thiện chế ác, lấy phải chế trái. Một sự kiện xảy đến cho mình, dầu nội cảnh hoặc ngoại cảnh đều có nguyên nhân của nó. Từ cái nhân đưa đến cái quả. Con người phải sáng suốt bình tĩnh, vượt trên tất cả, sẵn sàng tiếp nhận và chế ngự mọi sự kiện ấy.”<sup>16</sup>*

Cảnh giới dung nạp được cả xấu và tốt, thiện và ác và cho dù là cực nào đi nữa, chơn tâm vẫn phẳng lặng, thanh khiết như một tấm gương vô ảnh là cảnh giới của bậc Đại Thừa Thiên Đạo. Nghe mà thấu hiểu, nhìn mà thông suốt là diệu minh và im lặng để các cực đối lập theo đó mà đi sâu vào nội tâm để được chuyển hóa, dung hòa, thống nhất và tan biến là Đạo của Lão Tử. Những ý niệm gút mắc, phản bác được lưu giữ lại trong tâm thức, thì không bao giờ đạt đến cảnh giới vô vi hay là cảnh giới Đại Thừa Thiên Đạo. Do vậy, người tu đạo vô vi đừng sợ hãi cái xấu, cũng đừng vội mừng rỡ khi gặp điều lành; đừng sợ hãi khi đối diện với ma quỷ; sự sợ hãi cái xấu và ma quỷ chỉ khiến cho Thượng Đế bao năm tạo dựng trong tâm bạn chỉ là một cái tên!

*Hễ tâm chỗ Có bỏ nơi Không,*

15. Đức Tây Phương Giáo Chủ, Huần Cung Đàn, 08-4 Ất Tỵ.

16. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Minh Lý Thánh Hội, 02-4 Kỷ Dậu (17-5-1969).

*Đứa ấy còn đương nhất tại lòng,  
Đạo cả vô vi chơn chánh lý,  
Tu tâm luyện tánh ở bề trong.*<sup>17</sup>

Tùy bạn, bạn có quyền quyết định cho chính mình bởi vì không ai hiểu bạn hơn bạn. Bạn có quyền lựa chọn điều tốt và tìm phương cách tránh né điều xấu hoặc thân nhiên để cả xấu và tốt tự đến rồi tự đi. Tuy nhiên, xin nhớ rằng khi có lựa chọn là có sự trông đợi, có sự trông đợi làm tâm bạn sẽ động, tâm động là điều đi ngược lại phép tu, tâm động là có ma quỷ lên vào con người bạn. Nâng lên một tầm cao cái nhìn về tâm tĩnh lặng, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

*“(...) Tâm thức sẽ lặng lẽ để phát hiện linh quang. Ánh linh quang đó chính là Thượng Đế nội tại. Chư đệ muội sẽ gần gũi với Thượng Đế và không còn sợ sệt tà ma quỷ quái bên ngoài làm le sát hại nữa.”*

Chắc rằng đến đây, một số quý vị sẽ không hài lòng bởi sự diễn giải chỉ dẫn đến kết luận là con người theo Đạo Lão Tử như lừng lững mà không đạt đến sự hoàn hảo, hoặc không tuyệt đối hoàn hảo. Bạn có thể trở thành Phật khi bạn hoàn hảo tuyệt đối, bạn sẽ luôn bay bổng lên tầng trời cao. Nhưng khi hòa cùng chơn tâm của Đức Lão Tử, bạn đã có hàng ngàn vị Phật trong tâm, bạn đang ở tầng trời nhưng chân của bạn vẫn ở trên mặt đất, bạn đang sống giữa đời thường bằng trái tim Phật! Không có sợ hãi, không có sự đau khổ, không có sự tuyệt vọng và sám hối cùng cực; không có sự trông ngóng, mong đợi Thiên đường hoặc Niết bàn bởi bạn đang tương thuộc với cuộc sống. Đạo vô vi của Đức Lão Tử giúp bạn bình thường hóa sự tiếp cận với những cực đối lập, bạn sẽ lướt qua được nó trong vô ý thức mà bạn không hề hay biết hoặc giả bạn sẽ đang tự tin mỉm cười rất ư là đạo hạnh với nó.

Tư tưởng “Vô vi” hay “Trung Đạo” đều phản ánh tính chất cái tâm vô ảnh, vô xúc, vô thính, vô trần phải chăng là nền tảng cơ bản xuyên

suốt các lời kinh dạy của Đức Lão Tử? Trong Đại Thừa Chơn Giáo, quyển kinh Thầy để dành dạy cho các bậc Thiên ân nhận lãnh sứ mạng Đại thừa trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có dạy:

*Đạo Trời chẳng ngoại như thân  
Đạo khi trôi sục, xa gần lại qua  
Đạo không xen chánh lẫn tà  
Đạo không non nớt, yếu già, mau lâu  
Đạo Trung cơ bí nhiệm mầu  
Đạo không không ấy quày đầu về nguyên.*<sup>18</sup>

Đạo của Thầy dạy là Trung Đạo, không khác gì Đạo vô vi mà Đức Lão Tử đã dạy, có khác chăng, chỉ ngôn ngữ của Thánh giáo là thuần Việt, dễ hiểu, dễ biết, không phải diễn dịch từ chữ Hán Trung.

*“(...) Vậy nên hiền nhân: Dùng vô vi mà xử sự; dùng vô ngôn mà dạy dỗ...”*

Đức Lão Tử nêu ra các cực đối lập rồi bảo hãy im lặng để giải quyết sự đối lập! Im lặng để trở thành động lực cho sự chuyển động theo xu hướng “Bảo hợp Thái hòa.” Nghe như có vẻ nghịch lý, nhưng sẽ thật là diệu dụng khi bạn trực diện với cái động hỗn loạn bên ngoài thân hoặc bên trong tâm thức của bạn! Tại sao vậy? Bạn muốn công bằng, bạn lên tiếng, điều đó đã chỉ ra cái tự ngã chính mình! Bạn muốn phê bình điều sai, bạn lên tiếng, điều đó đã chỉ ra cái hơn, cái giỏi của bạn và cũng đã chỉ ra cái tự ngã chính mình. Tự ngã không thể dạy dỗ, không thể quy phục được tự ngã, bởi tự ngã chánh niệm hay tà niệm cũng là đồng bản chất tự ngã nếu bạn còn khư khư giữ lấy cái quyền được phán xét và hành động! *“(...) Vậy nên hiền nhân: Dùng vô vi mà xử sự; dùng vô ngôn mà dạy dỗ...”* Nói như vậy, chắc rằng sẽ rất nhiều người sẽ bất dung và kịch liệt phản đối, sẽ quay trở lại câu hỏi mở bài: “Vậy làm sao để biết chơn lý có tồn tại ở thế giới này?” *“(...) Dùng vô vi mà xử sự...”* Vô vi có nghĩa là sẽ phải không làm gì? Vô vi có đồng nghĩa với việc nhắm mắt làm ngơ? Về

17. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, NXB Tôn Giáo 2011, tr. 55.

18. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, NXB Tôn Giáo 2011, tr. 40.



điểm này hãy lắng nghe Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

*“(...) Điểm đích trước tiên của người tu luyện công phu là lấy sự thanh tịnh làm tông. Thanh tịnh nơi đây không có nghĩa là ngồi sững như cây khô, như vách đá, bất giác vô tri, mà thanh tịnh giữ cho tâm đừng xao xuyên, ý đừng động, để noi theo cái lý vận hành của trời đất giáng thẳng để sống, để làm cho tự thân, cho bốn phận vi nhân...”*

Một số quan điểm cho rằng tu Vô vi là từ bỏ, là trốn tránh. Ví như họ so sánh sự ẩn dật của Lão Tử là tiêu cực và trách rằng tại sao Thánh nhân ngày đó không góp công, ra sức cải tổ chánh trị, luân lý đạo đức cho xã hội có phải là tích cực hơn không? Tổng quan về cách thể hiện thái độ cư xử của con người đứng trước hiện tượng của cuộc sống có thể tóm lược các khả năng xảy ra như sau:

### **A. HÀNH ĐỘNG MÀ KHÔNG NGHĨ ĐẾN**

#### **LỀ TIỀM ẨN VÔ VI:**

Bạn sẽ là người của thế giới vật chất, cái có luôn là bản chất, sự sở hữu, tự ngã đã xâm chiếm trọn tâm của bạn.

### **B. VÔ SUY NGHĨ VÀ VÔ HÀNH ĐỘNG TUYỆT ĐỐI:**

Bạn không hề nhận ra thế giới (hữu hình hay vô hình) và cả việc không nhận ra chính mình. Bạn không thuộc thế giới nào cả, dù là thế giới tiên thiên vô vi hay thế giới nhị nguyên hữu hình này! Bạn sống giống như một thể tự kỷ của sự phân loại về nhân cách theo Hiệp hội Tâm thần học Quốc tế và bạn đã tự tách mình ra khỏi vũ trụ Trời–Người.

### **C. HÀNH ĐỘNG TRONG TRẠNG THÁI**

#### **SUY TƯ VÔ HÀNH ĐỘNG:**

Bạn có chuyển động nhưng tĩnh lặng bên trong. Bạn là người tu theo Đạo vô vi. Đạo của Lão Tử. Bạn đang sống giữa chợ, nhưng không có một âm thanh, không một hành vi, thái độ nào của chợ sống trong bạn.

Đức Lão Tử không từ bỏ, trốn tránh. Ngài đi tìm trung tâm của cơn lốc xoáy, nơi trung tâm đó không có gì chuyển động, không có cái gì khuấy động, không có sự hủy diệt bạo tàn. Tất cả các cuộc chiến tranh, dù ở quy mô rộng hay hẹp hay tất cả những mâu thuẫn hận thù dù nhỏ hay lớn đều khởi đầu bởi cái động mà không hề nghĩ đến cái vô vi tiềm ẩn bên trong cái động ấy. Sự chuyển động ấy càng mãnh liệt thì càng cuốn theo biết bao nhiêu hậu quả đáng thương, đáng tội. Giả như người có quyền lực trong thế giới này khi được nói và được quyền hành động thì chỉ cần đi vào trung tâm của cơn lốc trong một khoảnh khắc; nơi đó có sự tĩnh lặng, không khuấy động, ắt rằng thế giới đã có được sự yên bình nhiều hơn! Vô vi ở đây là sự thấu rõ diệu minh, là Đạo Trung vô niệm. Chúng đắc được diệu minh, vô niệm thì sẽ tạo nên thái độ cư xử thích hợp đúng theo đạo Trời, như bạn đang đứng giữa chợ mà lòng vô nhiễm tựa sự tĩnh lặng của hồ thu, thiên hạ sẽ xem và thông hiểu thái độ của sự im lặng, họ sẽ xoay chuyển tạp niệm, sẽ muốn tắm mình trong dòng nước ngọt mát tĩnh lặng.

Đạo Vô vi là chiếc máy với động năng vô tận và tiềm tàng một con mắt thứ ba, con mắt của tâm linh. Chỉ có con mắt tâm linh ấy mới khiến bạn có thể đi sâu vào sự tĩnh lặng, mới có thể khiến thiên hạ quày đầu, hài hòa được các cực đối lập, rồi lãng quên như chưa bao giờ có nó! Làm sao để có được “con mắt tâm linh?” Chỉ có một cách duy nhất và trường cửu là nuôi dưỡng “chơn thần” của bạn. Nhiều pháp môn để nuôi dưỡng chơn thần, đạo học và các môn khoa học đời thường đều có thể. Bởi Thần là Tánh. Chơn Thần tức là Chơn Tánh! Do vậy, không chỉ phải tu theo pháp của đạo Phật, của đạo Lão, của đạo Khổng mới có thể đạt đến cảnh giới của Tâm vô niệm, Tánh “Bảo hợp Thái hòa,” mà là bất kể pháp môn nào thuộc về và giữ nguyên bản của đạo Trời cũng sẽ đạt được mục tiêu ấy. Sự tuyệt vời hết sức cao quý của nhận thức con người là nhận ra được đạo Vô vi của Đức Lão Tử trong mọi pháp môn! Đạo pháp cơ bản “khởi hành và

đến đích” của người tu theo Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được truyền dạy rất súc tích, cô đọng vào giai đoạn buổi đầu khai đạo như sau:

*Y pháp hành trì cứu kiều thông*

*Đạo tâm thanh tịnh chiếu minh hồng*

*Hiệp hòa thần khí nương hơi thở*

*Thường chuyển pháp luân hội cạp rồng.<sup>19</sup>*

*An vui mùi đạo Thánh nhân*

*Song tu tánh mạng diệt lần nghiệp duyên...<sup>20</sup>*

Đó là sự chuyển động trong trạng thái tâm tĩnh lặng. Nói ra rằng dễ, nhưng dễ mấy ai thực hành đạt Đạo. Tư tưởng dụng vô vi mà xử sự cũng giống như quan điểm vô ngã của đạo Phật. Cái khác ở đây là Đạo nhà Phật bảo hãy tránh xa cái xấu, cái ác, ma quỷ. Đạo của Lão Tử bảo hãy dung nạp nó, chấp nhận nó. Dầu vậy, kết quả chung cuộc của Đạo nhà Phật và Đạo của Lão Tử đều là chữ “Không,” như kinh Đại Thừa Chơn Giáo viết: “Đạo không không ấy quày đầu về nguyên.”

## **5. ĐẠO IM LẶNG – ĐẠO VÔ VI LÀ SỰ KHIÊM CUNG CỦA ĐẠO TRỜI**

Tạo ra mà không chiếm đoạt

Làm mà không cậy công,

Thành công mà không ở lại.

Những lời kinh này đối với người tu đạo thì không có gì khó hiểu, nó dạy đức khiêm ở con người và đó chính là Đạo thường hằng. Tạo nên dồi dào sinh quyển, là nguồn sống của loài người mà chẳng có ngọn cây nào kể công; sự cân bằng nhiệt độ cho trái đất để loài người được tiện nghi mà chẳng có đại dương nào lên tiếng và vô vàn giống côn trùng, thảo mộc thú cầm đóng góp cho sự cân bằng sinh thái cho loài người được sống yên lành mà cũng không hề thấy cậy công đòi hỏi. Chỉ có loài người chiếm đoạt, sở hữu, cậy công và càng ngày càng quên lãng Đạo Trời! Riêng đối với bậc Thiên ân sứ

19. Lý Lão Tử, Đại Thừa Chơn Giáo, NXB Tôn Giáo 2011, tr. 25.

20. SĐĐ, tr. 24.

mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Mẹ dạy về đức khiêm cung để người sứ mạng làm lời kinh nhật tụng:

*“Mẹ tiếc vì chưa thấy ai là hiện thân của Võ Vương, nghe lời lành liền cúi lạy. Vì vậy, chưa gặp được minh quân. Chưa thấy ai kiên tâm dâng dếp ba lần, vì thế chưa gặp được hàng lương tế. Chưa thấy ai phục thiện hạ sĩ bất văn bá Thần đồng, vì thế chưa gặp Thánh Nhơn xuất thế độ đời.”<sup>21</sup>*

“Vi không ở lại nên không bị bỏ đi.” Đây cũng là một trong những logic “nhà quê” của Đức Lão Tử. Nhà quê đến độ ngớ ngẩn. Không ở lại, thì làm sao có mặt, không có mặt thì làm sao bị bỏ đi? Ngớ ngẩn thật đấy! Nhưng xin bạn đừng vội cười nhạo! Bởi vì không khéo thì chính bạn mới là nông cạn, hủ lậu hơn cả nhà quê. Bạn hãy nhìn lại lịch sử Việt Nam và thế giới: Vụ án oan vườn Lê Chi, công thần Nguyễn Trãi bị tru di tam tộc vào thời hậu Lê, vụ án oan công thần Nguyễn Văn Thành âm mưu phản quốc vào đời vua Gia Long; xa hơn nữa thời Trần, vua Trần Dụ Tông (1341–1369) đã xử trảm đại thần Nguyễn Chế Nghĩa chỉ vì vua muốn trả thù và vì uy danh chấn động của ông.<sup>22</sup> Hãy tìm lại lịch sử về Alexanders Đại đế, Napoléon; Thành Cát Tư Hãn; Hitler... để biết rằng vì ở lại, nên bị bỏ đi. Đối chiếu qua kinh Dịch bạn sẽ thấy lời kinh này ứng với hào thượng cửu của quẻ Bát thuần Kiền: Kháng long hữu hối: “Bằng cứ công cao mà tự đại, mà không lùi, thì động dụng khó tránh không gặp điều hữu hối.”<sup>23</sup> Con người

21. Đức Mẹ Diêu Trì Kim Mẫu, Thánh Giáo Sứ Tập 1965, Hườn Cung Đàn, 01–4 Ất Tỵ

22. Wikipedia: Các vụ án oan đời Trần. Nguyễn Chế Nghĩa là người đã có công lao rất lớn giữ yên bờ cõi phương bắc và mở mang dân trí, phát triển dân sinh suốt bốn triều vua đời Trần, được phong là An Nghĩa Đại vương. Do khi còn đương quyền, ông không ủng hộ Trần Dụ Tông lên ngôi, nên khi lên được ngôi vua, Dụ Tông mang lòng oán hận tìm cách hãm hại ông. Mặc dù ông đã 76 tuổi, Vua Dụ Tông vẫn ra lệnh tru di tam tộc họ nhà ông với án tạo mưu phản loạn.

23. Nguyễn Minh Thiện kết tập, Châu Dịch Huyền Nghĩa, NXB Tôn Giáo 2013, tr. 192.

bình thường khó ai có thể kềm chế được việc ra đi ngay sau khi đã đạt thành tựu. Nếu có thì thường bị cho là bị si ngốc hoặc lệch pha, có ngờ đâu bậc Thánh nhân minh triết đã dạy như thế! Thánh nhân sai chằng? Lịch sử ghi chép lại sai lệch ư? Không cần phải trả lời và xin bạn cũng đừng cười logic nhà quê ấy!

*“Ôi! Đạo lý tối đại không thể nghị bàn. Chỉ có một điều rất dễ cho mọi người là muốn tìm đạo lý, phải tìm ở bản thân mình trước nhất. Tâm thức phải sáng ngời để mọi linh cảm được thông công cùng thiên không vũ trụ. Biết nhìn chỗ tối chỗ sáng, biết chọn việc dữ việc lành, biết nẻo tà nẻo chánh, biết cơ nguy vong, biết thời thành tựu. Có như thế thì mới gọi là tu.”<sup>24</sup>*

## 6. KẾT LUẬN

Đức Lão Tử chỉ có Đạo Đức Kinh và có nhiều huyền thoại lưu hậu thế. Mọi huyền thoại đều ẩn chứa bên dưới câu chuyện là tính cách, quan điểm, thái độ cư xử của Ngài đối với cuộc sống của chính mình và thiên hạ. Đạo Đức Kinh để lại cho người trần gian một cảm nang quá siêu việt cao thâm để con người noi theo Đạo Trời-đạo Vô vi mà xử sự. Đức Lão Tử chứng đắc đạo Vô vi nhưng Ngài không từ bỏ cái có để chỉ tầm cái không như mọi người thường nhầm tưởng. Có và Không cùng sanh ra, cùng tồn tại. Sự tĩnh lặng để đạt sự thông quán các cực đối lập của cuộc sống, để chấp nhận sự cùng tồn tại đồng thời, cho dù đó là hình tướng, tính chất, thời gian hay không gian, Ngài đều dung nạp nó. Bởi vì, đó là Đạo thường hằng, là sự nuôi dưỡng cả thân xác tạm thời và một nguyên thần bất hoại. Ngài không chối bỏ cái xấu, cái chằng lành. Cái chính yếu của Đạo Vô vi là dung nạp và tự mình đưa cái hữu đến chỗ hư không mà không trông đợi bất kỳ sự lệ thuộc nào.

Đức Lão Tử là người phát ngôn cho cuộc

sống mặc dù suốt cuộc đời của Ngài hầu như im lặng. Đạo Vô vi ở trong Ngài đã chuyển hóa được nhận thức con người trong thế giới vật chất hữu hình, bởi vì đạo ấy là phù hợp với lẽ tự nhiên. Người phàm có thể sợ hãi khi đối diện trước Thượng Đế và Đức Phật, nhưng sẽ không cảm giác sợ hãi khi đối diện với vị Đạo tổ Lão Tử này. Bởi vì, bất cứ thời điểm nào, cho dù vào phút chót của sự tuyệt vọng, tội lỗi, Đạo của Lão Tử vẫn luôn luôn ở bên trong họ. Đạo Vô vi mà họ có thể níu được vào phút cuối bằng chính kinh nghiệm của cuộc đời trong sự tĩnh lặng của họ. Họ cảm thấy sẽ được chế giảm đi một ít tội lỗi khi đứng trước Ngài hơn là trước Đức Phật hoặc Thượng Đế. Nhưng thật sự rất khó để nhận ra một Lão Tử hoặc để trở thành một Lão Tử đời nay! Để nhận ra một vị Phật bạn không cần là Phật, nhưng để nhận ra một Lão Tử bạn đã là Lão Tử rồi! Cho nên bạn càng sẽ phải im lặng trong suốt cuộc đời nếu như bạn theo Ngài-Lão Tử. Khi đó, khó có ai tôn kính bạn, họ sẽ cười nhạo bạn nhiều hơn!

*Rửa lòng ăn những muối dưa  
Mượn y bá nạp mà chừa dục tâm  
Người tu giả đại, giả cầm  
Giả đui, giả điếc lo tâm Đạo cao.<sup>25</sup>*

■

Giòng suy tưởng bỗng dừng tôi bị ngắt ngang, tôi như bưng tỉnh, không hiểu và quên mất tất cả những gì mới vừa viết về Đạo Lão Tử. Bên ngoài sân, trên hè phố một người đàn ông đang cười to si dại, tóc tai rối bời, chân trần lang thang xiêu vẹo và hát nghêu ngao:

Có và không cùng sanh,  
Khó và dễ cùng thành,  
Dài và ngắn cùng chiếu,  
Cao và thấp cùng nhau,  
Giọng và tiếng cùng họa,  
Trước và sau cùng theo...  
Tôi không biết ông ấy là ai.■

24. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 09-4 Kỷ Dậu (1969).

25. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, NXB Tôn Giáo 2011, tr. 27.



■ QUÁCH HIỆP LONG

# *hòa*

*trong thế đạo  
và thiên đạo*

*“Hòa là một món báu linh,  
Là chìa khóa mở Ngọc Kinh bước vào.”*

**Đ**ức Chí Tôn dạy trong Đại Thừa Chơn Giáo bài Hòa Hiệp, đàn ngày 09-9 Bính Tý (17-10-1936): “*Hòa là chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc Kinh.*” Như vậy, tu tập, thực hiện cho được đức hạnh Hòa Hiệp là chúng ta sẽ vào được thiên đình kinh trình Đức Chí Tôn, sau khi thực hiện xong sứ mạng ở trần gian. Thầy đã dạy:

*Cao thượng làm nên lẽ hiệp hòa,  
Hiệp hòa mới có các con ra,  
Ta thành Tiên Phật do hòa hiệp,  
Hiệp nứt hư không ở với Già.*

Hòa Hiệp vừa là mục tiêu để thực hiện “Thế Đạo Đại Đồng”, vừa là điểm nhắm điều hòa âm dương trong nội thân để Thần Khí tương hòa, tương hội, Tâm

Vật hài hòa mà thành đạt “Thiên Đạo Giải Thoát”.

## **1. CAO THƯỢNG LÀM NÊN LỄ HIỆP HÒA**

Ngay từ khi mới khai Đạo, Đức Chí Tôn đã minh định: “*Thầy đến lập Tam Kỳ Phổ Độ chỉ vụ một chữ HÒA...*”<sup>1</sup> Không những thế, Hòa vừa là mục đích của đời tu hành mà cũng là phương tiện để Thầy lập Đạo. “*Sự yên tịnh và sự hòa bình là hai điều Thầy dựng mà gieo mối Đạo.*”<sup>2</sup> Là mục tiêu, sự Hoà Hiệp là điều kiện

1. Đức Chí Tôn, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Q. 2, Tây Ninh (Chùa Gò Kén), đàn ngày 13-02-1927 (12-01 Đinh Mão).

2. Đức Chí Tôn, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Q. 2, đàn ngày 03-3-1927.



tất yếu để thực hiện mục đích “Thế Đạo Đại Đồng” của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Chúng ta thử tự đặt câu hỏi: làm sao để thế giới đại đồng? Cái gì làm cho thiên hạ bất hòa, giữa cá nhân với nhau, từ trong gia đình đến ra ngoài xã hội, và xa hơn nữa, giữa các quốc gia trên bình diện thế giới? Ai ai cũng mong mỏi, ước nguyện hòa bình... Nhưng hòa bình chờ mãi không đến. Chiến tranh cứ xảy ra, từ ngàn xưa cho đến ngày nay, khắp nơi trên quả địa cầu theo dòng lịch sử nhân loại. Có thể có nhiều lý do. Xét cho tận cùng, chúng ta có thể nói vì con người chưa làm chủ được nội tâm của mình. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy: “Bởi con người thiếu chủ trị nội tâm nên thiên hạ bất hòa. Bởi con người thiếu tự tín tự lập nên mới ươn hèn trước uy quyền của những kẻ chia phe lập đảng. Bởi các tín đồ, đạo hữu, sứ mạng Thiên phong không giữ tròn trách nhiệm mình trong nội tâm chí thành mới chịu nhiều khảo đảo. Biết như vậy nên quan trọng ở nội tâm trước nhất. Có quan trọng nội tâm thì hình thức mới đáng quan trọng.”<sup>3</sup>

Trong cửa đạo, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy rõ ràng: “Bởi các tín đồ đạo hữu sứ mạng Thiên phong không giữ tròn trách nhiệm mình trong nội tâm

chí thành mới chịu nhiều khảo đảo.” Đây là điều mà mỗi chúng ta cần lưu tâm thực hành.

Sự bất hòa thường bắt nguồn từ:

- Sự bất đồng tư tưởng, cái Ta còn quá lớn!

- Và từ lòng tham, muốn được phần hơn, muốn người khác phải theo ý kiến của mình.

“Cái Ta là cái đáng ghét”. Thế mà tại sao mình lại cứ thương nó? Tại vì mình còn thương mình hơn thương người. Chúng ta thiếu sự hy sinh, thiếu tình thương. Một trong những sự hy sinh cao thượng và quý giá là sự hy sinh cái ý kiến của mình. “Hy sinh cái ý kiến tư hữu của mình cũng là điều quan trọng không kém sự hy sinh tánh mạng!”<sup>4</sup>

Mỗi khi lòng muốn nổi nóng, phải nhớ đến Đức Giáo Tông Vô Vi luôn kề cận sáng soi hòa dịu: “(...) Bản Đạo là người anh mật thiết cộng sự với chư đệ muội trong Tam Kỳ Phổ Độ. Chư đệ muội có lỗi, Bản Đạo không tránh được sự quở trách của Đức Chí Tôn, nên Bản Đạo khuyên chư đệ muội nhớ, khi nào lửa lòng bốc cháy, tự ái dâng cao, hãy nhớ đến Thái Bạch Kim Tinh đang cận kề tất cả chư đệ muội để sáng soi hòa dịu.”<sup>5</sup>

“(...) Người tu coi thân mình

4. Đức Trần Hưng Đạo, Thiên Lý Đàn, 10-4 Ất Tỵ (10-5-1965).

5. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Đinh Tỵ (29-8-1977).

nhẹ như lông nhạn, chỉ giữ lấy chơn tâm thiện tánh mà ở đời, chẳng quản đường danh, nẻo lợi. Người tu bụng đặc mà lòng trống, chuyện thị phi vô ngả trước, ra ngả sau, chẳng hề chất chứa vào lòng. Phật, Tiên thì quản xuất hết địa cầu, không chi mà không hay biết. Nếu chẳng phải là bực Đại Từ Bi thì làm sao mà ngồi yên trên không trung choặng. Kẻ học Đạo Tiên cũng vậy, việc thế dẫu phải quấy, nên hư chi cũng mặc!

Hơi sức nào luận tới, bàn lui. Vả chẳng, mình tu tới bực Đại Thừa thì phải có khoan dung đại độ. Trong đệ huynh dẫu có chuyện chi xảy ra thì nên dung chế nhau mới có chỗ yêu đương nhau, chớ chẳng nên trách cứ nhau mà thành ra chỗ bất hòa. Trước hết là phải kèm thúc nhau mà tu luyện cho vững bước cùng đường, chỉ lỗi mà sửa cho nhau mới đặng toàn thiện, toàn mỹ.”<sup>6</sup>

Sự hòa thuận là lễ hiến dâng Thầy rất trân trọng: “Thầy vui muốn cho các con thuận hòa cùng nhau hoà, ấy là lễ hiến cho Thầy rất trân trọng. Phải chung lo cho danh Đạo Thầy. Đạo Thầy tức là các con, các con tức là Thầy, phải làm cho nhau đặng thể lực, đừng ganh gổ nghe! Các con giữ phận làm tùy ý Thầy muốn, ngày kia sẽ rõ thấu ý muốn của Thầy.”<sup>7</sup>

6. Đức Giác Minh Kim Tiên, Chiếu Minh Long Ẩn Đàn, 16-9-1936.

7. Đức Chí Tôn, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Q.1, đàn ngày 20-02-1926.

3. Trúc Lâm Thiền Điện, 07-7 Nhâm Tý (15-8-1972).

Còn về lòng tham, dục vọng. Đây là giới cấm thứ hai trong Ngũ Giới Cấm. “Nhị Bất Du Đạo” cấm không được tham lam, trộm cướp, lường gạt, v.v. Đúc Chí Tôn dạy: “(...) gian tham đã thâm nhập vào lòng, thì lòng hết đạo đức. Tham gian nhập vào nhà, thì nhà không chánh giáo. Tham gian đã nhập vào nước, thì nước hết chơn trị. Tham gian đã lộng toàn thế giới, thì thế giới hết Thánh Thần. Thấy không cần nói sự gian tham có thể giục các con lỗi đạo cùng Thầy mà bị lằm điều tội lỗi. Ấy vậy gian tham là trọng tội.”<sup>8</sup>

Lòng tham đứng đầu trong tam độc “Tham, sân, si”. Tham từ việc nhỏ đến việc lớn. Không những về vật chất mà còn danh vọng, quyền hành, bản ngã... Người tu phải cố gắng ngăn ngừa. Đó cũng là bước đầu tự chiến thắng bản thân, tránh sự bất hòa do cạnh tranh, giành giật, hơn thua...

Sự hy sinh và tình thương là lòng cao thượng sẽ làm nên được sự Hòa Hiệp. Đó cũng chính là sứ mạng, là Cao Đài. Đúc Chí Tôn dạy: “*Tâm chí thành và sứ mạng hòa hiệp của các con là Cao Đài.*”<sup>9</sup>

## 2. HIỆP HÒA MỚI CÓ CÁC CON RA

Tại sao Thầy dạy “Hiệp hòa

8. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Q. 2, đàn năm Mậu Thìn 1928.

9. Đúc Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Quý Sửu (09-11-1973).

mới có các con ra”? Đạo Đức Kinh, chương 42 viết: “Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật: vạn vật phụ âm nhi bão dương, xung khí vi hòa.” Nhất là Thái Cực, nhị là Âm Dương, tam là âm dương giao hoà, điều hòa mà thành tựu nhờ xung khí vi hòa. Trong Đại Thừa Chơn Giáo, Đúc Chí Tôn dạy: “*Khí âm dương hỗn hiệp nhau, đụng chạm mà hóa hóa sanh sanh là do trong chỗ điều hòa, tương ứng tương cảm, huân chủng đằm ắm mới tạo thành nghìn giống muôn vẻ, thiên hình vạn trạng. Khí âm dương bắt đầu sanh hóa ra muôn loài vạn vật, muôn loài vạn vật cứ hóa sanh mãi mãi, đời nọ sang đời kia không bao giờ ngưng nghỉ. Đó là một sanh hai, hai sanh ba, ba sanh vạn vật.*”<sup>10</sup>

Đạo Học Chỉ Nam viết:

*Thiên Địa Nhơn, tam tài nhất thể,*

*Thế “Trung Hòa” liên hệ thiết tha.*

*Thế Trung bộc phát thế Hòa, Thế Hòa xuất hiện, manh nha sanh thành.*<sup>11</sup>

## 3. TA THÀNH TIÊN PHẬT DO HÒA HIỆP

Đúc Cái Thiên Cổ Phật (Đúc Quan Thánh Đế Quân), Tam Trấn Oai Nghiêm Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ dạy:

10. Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 03-8 Bính Tý (1936), bài Tiên Thiên Cơ Ngẫu.

11. Tam Tông Miếu, 2011, tr. 65.

*Đạo đức thành do một chữ Hòa,*

*Xem người, người ấy cũng như ta,*

*Luận bình phải trái là nhân thế,*

*Mà phận người tu quyết phải xa.*<sup>12</sup>

Vậy muốn thành Đạo phải thực hiện cho được chữ Hòa! Thành Đạo hay đắc Đạo là như thế nào? Đúc Chí Tôn dạy: “*Đắc đạo không phải như sự hiểu lầm của các con từ lâu, chết rồi được cứu, mà đắc đạo là đắc được ý Thầy, tạo thành vạn vật, đắc được ý người, thuận lẽ thành tựu cho thế gian. Con còn mê, mê theo cái vọng, vọng lại chỗ cầu kỳ không thực tế, mà con đường trung đạo như khó chứng. Nếu hai lẽ mâu thuẫn của Trời đất thiếu chỗ điều hòa thì làm gì các con và vũ trụ còn được cho đến nay? Nếu lấy mâu thuẫn để phân tranh thì lúc nào cũng thấy rối loạn xáo trộn, mà mâu thuẫn là then chốt của Trời Đất, là then chốt của sự đắc đạo của các con làm gì thiếu được. Song sự vận hành của cơ tịnh động là phương tu để đắc đạo. Đắc đạo là ở thế thái hòa, mà thái hòa là đường Trung Hưng Trung Đạo.*”<sup>13</sup>

Làm sao để hòa với nhơn tâm, cùng Thiên Lý? Đúc Mẹ dạy: “*Các con muốn hoàn toàn giác ngộ để thấm nhập nghĩa*

12. Thánh thất Tàn Định, 03-01 Ất Tý (04-02-1965).

13. Tịnh Đường Trung Tông Thánh Tịnh, 15-3 Ất Tý (16-4-1965).

lý siêu mẫu của Đạo pháp thì đừng bao giờ quên những món báu là: từ hòa, khiêm tốn, bác ái, khoan dung, nhẫn nại, tri thủ và hy sinh mọi cái tư hữu của chính con. Bao nhiêu đó con hòa được với cảnh, hòa được với nhưn tâm, tự khắc sẽ hòa cùng Thiên lý.”<sup>14</sup> Đúc Lý Giáo Tông Vô Vi dạy phải tham thiền để “đắc nhứt” thì tâm sẽ hòa với muôn vật, phối hiệp cùng Trời:

*Đắc nhứt tâm rồi thế mới yên,  
Muốn tâm đắc nhứt phải tham thiền,*

*Tham thiền tâm sẽ hòa  
muôn vật,*

*Hòa ấy làm nên Đạo phối  
Thiên.*<sup>15</sup>

Thái hòa là phối hiệp âm dương. Quẻ Địa Thiên Thái là tượng của sự hòa hiệp, quân bình âm dương. Là mùa Xuân, cỏ cây hoa lá tốt tươi, vạn vật sanh sôi nảy nở tốt lành. Là tình thương, là sự sống của muôn loài. Là Đạo Tâm, là Tâm Xuân miên viễn nơi lòng. Con người do âm dương tú khí cấu tạo mà thành. Trong bất cứ người nào cũng có điểm tốt, cũng còn điều xấu. Đạo là khử trừ lưu thanh. Hay tấn dương hóa, thối âm phù. Làm sao triệt tiêu tánh hư, tật xấu, tăng trưởng tánh tốt, tánh thiện từ. Phàm tâm tử, Đạo tâm sanh. Lần lần đạt đến chỗ thuần dương, trở về cùng

tự tánh, minh đức sáng soi, hiển lộ trong tư cách, lời nói, việc làm dễ cảm, dễ thương. “Người mà đạt đến bản thể tự tánh của mình, thì đồng quyền cùng Tạo Hóa. Nên trong quẻ Thái có câu: “Tài thành Thiên Địa chi Đạo, phụ tướng Thiên Địa chi nghi, dĩ tá hựu dân.” Đó là con người đã chứng được Đạo, đã tận được tánh, đã cùng Tạo Hóa mà hoàn tất công việc sanh thành.”<sup>16</sup>

Đúc Hưng Đạo Đại Vương có lần dạy ở Bác Nhã Tịnh Đường (12–12 Tân Hợi 1971):

*Khí Âm Dương hiệp nhứt,  
Lấy Khảm đắp Ly hào.  
Trở về Kiến Khôn quái,  
Là mối Đạo rất cao!*

Nghĩa là âm dương hiệp lại thành quẻ Thái, mà Thái là Hoàng Cực Đại Trung; Âm Dương có hợp thì vạn vật mới sanh; Thần Khí có giao thì kim đơn mới kết. Thần phải ngưng, khí mới tụ. Mà thần lìa thì khí tán. Pháp tu kim đơn chỉ có thần khí mà thôi! Thần thì vô phương, khí thì diệu tán nhưng luôn luôn khí theo sát cùng thần...

Đây là khẩu quyết luyện Đạo.

#### **4. HIỆP NHỨT HƯ KHÔNG Ở VỚI GIÀ**

Thượng Đế là Đạo, là Hư Vô chi khí. Đấng Tạo Hóa sinh ra muôn loài vạn vật trong đó có con người. Con người đến thế

gian này là trường đời, để học hỏi, lập công bồi đức và thanh toán nghiệp quả trần duyên từ nhiều kiếp. Sau khi hoàn thành sứ mạng vi nhân sẽ trở về hiệp nhất cùng Trời. Từ Hư Vô, mỗi tiểu linh quang xuống trần thực hiện Thiên trách của mình, rồi trở về với Hư Vô với sự lập vị của mình tùy theo công đức và sự nghiệp đã tạo được cho chúng sinh:

*Có Trời mới có chúng sanh,  
Có con, con mới tu thành  
Phật Tiên.*<sup>17</sup>

Đạo Đúc Kinh, chương 40: “Phản giả Đạo chi động, nhược giả Đạo chi dụng. Thiên hạ vạn vật sinh ư hữu, hữu sinh ư vô.” Trở về là cái động của Đạo. Yếu mềm là dụng của Đạo. Muôn vật dưới Trời sinh ra từ cái Có, cái Có sinh từ cái Không.

Để được trở về với Thấy, với Hư Vô, chúng ta phải hy sinh những gì tư hữu của mình để thực hành công quả, những tánh hư tật xấu phải được thanh lọc, sửa sang cho trọn công trình tu thân và phải giữ tâm thanh tịnh trong những giờ công phu. Theo Đạo phải bỏ bớt, đã bớt phải bớt thêm nữa, bớt cho đến tận hư vô thì mới có thể phối hiệp cùng Trời. Bí quyết tu luyện là “Thiếu tư: ít riêng tư, tư hữu; và “Quả dục”: ít lòng ham muốn, bỏ tuyệt tham dục.

*Tánh mạng song tu dụng  
Khí Thân,*

14. Vĩnh Nguyên Tự, 11–11 Bính Thìn (31–12–1976)

15. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–7 Ất Mão (21–8–1975).

16. Đạo Học Chỉ Nam, Minh Lý Thánh Hội, 2011, tr. 187.

17. Đúc Chí Tôn, Thiên Lý đàn, 14–01 Bính Ngọ (04–02–1966).

Tương hòa, tương hiệp giữa  
Thiên nhân,

Thiếu tư quả dục, minh  
tâm tánh,

Bí quyết Tiên gia để thoát  
trần.<sup>18</sup>

## 5. TẠO THỂ NHÂN HÒA

Trong thế “Tam tài đồng  
đẳng”: Trời, Người, Đất như  
nhau trong bản vị, sứ mạng và  
vai trò xây dựng đạo Thái Hòa  
nơi trần gian. Con người đứng  
giữa trời đất, làm móc nối cho  
Càn Khôn dựng đạo Thái Hòa.<sup>19</sup>

“Từ ngày xưa cũng đã có  
người muốn thực hiện đường  
lối bình thiên hạ với ba điều  
chánh yếu: Thiên thời, địa lợi  
và nhân hòa. Nhưng nhân hòa  
mới là đối tượng, còn hai điểm  
kia chỉ hỗ trợ một cách khách  
quan mà thôi. Khi nội tâm được  
quân bình thì xã hội cũng sẽ  
tiến đến chỗ hòa thuận thương  
yêu, không còn tranh chấp chi

18. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Vĩnh  
Nguyên Tự, 10-5 Đinh Tỵ (25-6-1977).

19. Đạo Học Chí Nam, 2011, tr. 195.

nữa. Bởi vậy, nhân hòa là một  
động năng của tôn giáo thúc  
đẩy người tu cần phải thiết thực  
một cách chu đáo về phương  
diện độ thế trị đời. (...)

Mục đích thiêng liêng đã  
và đang kính cần tâm nguyện  
của bất cứ tôn chỉ nào, đó là  
hòa hiệp nhân loại để tiến hóa.  
Trách nhiệm lớn lao và cao  
thượng nêu trên, Thượng Đế  
đã giao cho dân tộc bé nhỏ này,  
một dân tộc đã trải bao nhiêu  
lần tàn khốc. Dù muốn hay  
không nhận, sứ mạng vẫn được  
giao phó. Dù muốn hay không,  
để được sinh tồn giữa dòng nước  
lũ, con người phải cố gắng vượt  
lên. (...) Tuy nhiên, không phải  
sự có mặt của Đại Đạo Tam Kỳ  
Phổ Độ là để chỉ có những tòa  
thánh, hội thánh, thánh thất,  
thánh tịnh. Cái quan trọng là sứ  
mạng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ  
Độ có thực hiện được hay không  
trên viễn đồ hiện tại và tương lai.

(...) Hiệp mà không hòa thì  
trước sau gì cũng tan rã. Hòa  
mà không hiệp thì lâu mau gì  
cũng hiệp, nhưng hòa mới là

điều quan trọng. (...) Tóm lại,  
thế nhân hòa là điều cấp thiết  
giữa giai đoạn này từ lãnh vực  
tôn giáo, quốc gia đến nhân loại.  
Tuy nhiên gần hơn hết là Đại  
Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Muốn  
tạo thế nhân hòa cho thiên hạ,  
trước tiên ta hãy tạo thế nhân  
hòa cho chính bản thân.

Vậy điều phải quyết định  
đầu tiên là tạo thế nhân hòa  
trong lãnh vực Đại Đạo Tam  
Kỳ Phổ Độ, sau đó sẽ làm động  
năng kiến tạo toàn thế.”<sup>20</sup>

## KẾT LUẬN

Xin mượn bài “Thần thi”  
sau đây của Đức Lý Giáo Tông  
Vô Vi Đại Đạo thay lời kết luận:

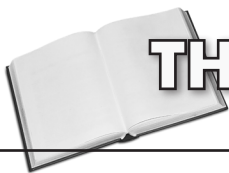
Khó nhọc ba trăng chẳng  
nặng hà,

Vì đời hoàng Đạo phải quên ta,  
Ta quên hay nhớ, này Ta bảo:

Quên nhớ, đừng quên một  
chữ Hòa!<sup>21</sup> ■

20. Đức Lê Đại Tiên, Nam Thành  
Thánh Thất, 14-02 Kỷ Dậu (31-3-  
1969).

21. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7  
Đinh Tỵ (29-8-1977).



# THÁNH GIÁO

Điều mà Bản Đạo vui mừng nhưt là thế hệ tiếp nối tiến hóa hiện tại trong Đại Đạo. Sự hiến dâng của những tâm hồn ngây thơ trong trắng đã làm đẹp lòng Chí Tôn Từ Phụ trong lúc này. Bản Đạo ước mong những tay thợ vườn của khu vườn Đại Đạo khéo tay vun quén để còn các bước chân sau tiếp nối trong công cuộc cứu độ. Bản Đạo cũng thay lời chư Tiên Khai Đại Đạo để lời khuyến nhủ các trò phải cố gắng trên công trình, trên chánh đạo, vì sứ mạng trong tương lai sẽ ban trao cho những ai biết nhận lãnh sứ mạng.

■ ĐỨC ĐÔNG LÂM TIÊN TRƯỞNG, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 15-10 ĐINH TỶ (25-11-1977).



# KỶ NIỆM 80 NĂM NGÀY ĐĂNG TIÊN CỦA PHỐI SƯ THƯỢNG TÔNG THANH

---

## ■ ĐẶT TƯỜNG

---

**B**ên cạnh những công lao to lớn của các Ngài: Đầu Sư Thượng Trung Nhật, Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư, Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh, bà Phối Sư Lâm Hương Thanh, bà Giáo Sư Hương Hiếu, v.v. trong buổi đầu nhà Đạo độ dẫn nhưn sanh nói chung và hướng dẫn bốn đạo công quả xây dựng Thánh địa Tây Ninh, nhứt là người đàng Thổ thuộc các dân tộc thiểu số, không thể không nhắc đến chư vị đã đặt nền móng cho công cuộc hoàng khai Đại Đạo, phổ độ một số các dân tộc anh em qua việc dịch Thánh ngôn như các Ngài Vương Quang Kỳ, Vương Thành Tông, v.v.

Phối Sư Thượng Tông Thanh, ngoài công quả được Đức Chí Tôn ân ban dịch Thánh ngôn sang tiếng Miên và tiếng Hoa thì những công quả khác của Ngài cũng cần phải được hậu thế ghi nhớ.

1. Nửa tháng sau khi “Lễ Thánh Thất”<sup>1</sup> khởi sự để công khai Cao Đài giáo ra trước quốc dân và bá tánh, người đàng Thổ bắt đầu kéo đến Thiên Lâm Tự, ngôi Thánh thất Cao Đài đầu tiên. Lúc bấy giờ, mỗi ngày đều có nhiều người đàng Thổ đến hầu đàn và xin nhập môn. Vì thế nhu cầu thông dịch tóm gọn Thánh ngôn từ tiếng Việt sang tiếng Miên rất cấp thiết. Khi đó có một người Hoa đang làm ăn sinh sống ở bên

---

1. Thánh Ngôn chép tay: Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh, tờ 187A, đàn 12-10 Bính Dần (16 Novembre 1926): “*Trung, Trang, con mời thiện nam cùng tín nữ đến cầu Đạo ra ngoài. Thấy khuyên chúng nó lên Thánh thất, nơi ấy mở cửa cho cầu Đạo trọn ba tháng thì có ngày giờ nhiều cho tâm thành chúng nó thoả nguyện. Thấy mắc lo lập Lễ Thánh thất nghe à!...*”

Lễ Thánh thất: Tên gọi lịch sử được Đức Chí Tôn sử dụng cho Đại Lễ 15-10 Bính Dần, ngày nay được chánh thức gọi là lễ Khai Minh Đại Đạo do Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc ban cho.

Campuchia, ông đi theo những người đảng Thổ kéo về viếng nơi mà Sư Cả nằm mộng thấy Phật đã vào nước Nam.

Và rồi ông được Đức Chí Tôn điểm danh, trọng dụng vào ngày 19 tháng 11 Bính Dần 1926. Đó là ông Vương Thành Tông, thuở trai trẻ đã từ Trung Hoa sang mưu sinh ở miền Nam Việt. Ông lập gia đình với người Việt rồi sau đó sang Campuchia làm ăn, cho nên ông rành cả 2 thứ tiếng Việt và Miên.

Khi ông Tông liễu đạo, Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt có nhắc lại sự kiện này trong bài ai điều Phối Sư Tông:

“Trước khi khép nắm mồ. Tôi xin bày tỏ lai lịch của Thượng Tông Thanh ngô hầu ngày sau ghi trong Sử Đạo.

Hiền hữu Thượng Tông Thanh sanh trưởng Trung Huê, Quảng Đông tỉnh, Triều Châu phủ. Vì câu: Làm trai hổ thỉ tứ phương, nên thuở 18 tuổi trải qua Nam Việt, hồi buổi ban sơ theo người đồng hương ở Chợ Lớn lập thân lần đầu. Nhờ tánh tình siêng năng hay lo cần kiệm mới có tư bản riêng, lên Soài Riêng khẩn đất sấm vườn lập nên cơ nghiệp.

Trời khéo đưa duyên kết châu trần người Nam Việt, sanh con, sanh cháu thiết đông, nhành quế nảy chồi chi lan đượm nhánh, phước hậu nhờ nhiều cháu, nhiều con ít ai bì kịp.

Người Trung Quốc mà lòng rất mến Nam, Thổ. Tánh tình độ lượng bao dung, ngoài xóm làng cũng ngợi khen. Gặp người hèn ra tay tế độ, lòng hằng chẳng vạy chẳng tham, nên người Annam và Cao Miên tôn lên làm Hương Cả. Giúp việc đình, việc miếu, tu kiêu bồi lộ chẳng tiếc công và của. Âm chất người đều bỏ tứ phương, chí hào kiệt quy dân lập ấp, lòng kia không ngớt, của tiền bù sớt cho anh em Nam Thổ như thể đồng hương.

Tháng qua, ngày lụn tuổi sáu mươi dư, lòng thiết thiết tư tư muốn tầm chốn u nhàn, tu tâm dưỡng tánh. Nghe Gò Kén Thiển Lâm Trời khai Đại Đạo, lúc Hạ ngươn năm Bính Dần, thiên hạ tứ phương dư ngàn cầu Đạo. Thầy giảng cơ kêu:

“Trung, con mời Vương Thành Tông vô đây Thầy dạy việc.” Tôi cùng mấy môn đệ của Thầy hồi đó không biết kêu ai, nên tôi phải kêu lớn lên. Hiền hữu (Thượng) Tông (Thanh) mới vào đàn nội. Tôi biểu trình giấy thuê thân và tờ Sớ thì rõ như tên của Thầy giảng viết ra.”

Trong Đạo Sử Xây Bàn, bà Chánh Phối Sư Hương Hiếu có ghi lại đàn hôm đó như sau:

Đàn ngày Jeudi 23 Décembre 1926 (19–11 Bính Dần)<sup>2</sup>

“Trung! Con cho một sắc dân rất yêu dấu của Thầy là người Thổ vào hầu nội.

Mời Tông (...)

Tông, phải giải nghĩa cho chúng nó nghe con.

Chơn Thần cứu biển giáo nhưn gian,

Tịnh giả tâm thanh đắc lạc nhàn

Nhứt kiếp “Như Lai” Kinh Phật Tổ,

Nhị căn “Lão Tử” phẩm Tiên ban.

Tam ngươn chuyển thể truyền chơn Đạo,

Khảo tánh trùng hoan độ khách phàm,

Luyến ái hậu tình khuynh thủ đảo,

Thâu hồi chúng tử thoát hồng trần.

(...) Thầy toàn thâu.”

Hôm sau, đàn ngày Vendredi 24 Décembre 1926 (20–11 Bính Dần)<sup>3</sup> Thầy dạy tiếp:

“Thầy vui gặp các con... Cười...”

Trung! Con phải tính với Tông dịch Thánh ngôn ra tiếng Thổ... nghe à.”

Tiếp theo, đàn ngày Dimanche 26 Décembre 1926 (22–11 Bính Dần)<sup>4</sup>:

“Toàn thâu: 91 thiện nam, 41 tín nữ.

Wương Thành Tông, Hương Cả làng Ba Vệt, S.R.”

– Hơn 3 tuần sau khi lãnh nhiệm vụ công quả thông ngôn và phiên dịch Thánh ngôn, vào ngày 12 tháng Chạp Bính Dần, trong đợt Thiên phong mới, ông Tông được Thầy ân phong cho phẩm Phối Sư phái Thượng:

“Thái Bạch (...)

2. Thứ Năm, 23–12–1926.

3. Thứ Sáu, 24–12–1926.

4. Chủ nhật, 26–12–1926.

*Phải nhập hội liền; phò loan cho Thầy phong Thánh.*

*Ngọc Hoàng Thượng Đế Viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương.*

*Các con, (...)*

*Tông, con phải lo phổ độ nhơn sanh Trung Huê và Cao Miên. Thầy phong cho con chức Phối Sư phái Thượng...”*<sup>5</sup>

Còn Đức Quyền Giáo Tông nhắc lại:

*“Thầy thấu hiền hữu (Thượng) Tông (Thanh) ở luôn tại chùa lo làm công quả. Nào làm thông ngôn tiếng đàng Thổ, nào thấu số nhập môn, phát kinh sách, lo lúa gạo nuôi người tới lui (...) Thầy mới phong Thượng Tông Thanh Phối Sư phái Thượng.”*

2. Tiếp theo sau đó, trong việc độ dẫn những người đàng Thổ, công của Phối Sư Thượng Tông Thanh quá sức to lớn. Xin trích dẫn tiếp lời ai đó để chúng ta mở rộng tầm hiểu biết về công lao to lớn của một bậc tiền bối trong buổi đầu cực kỳ gian khó. Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt viết tiếp:

“Đây qua năm Đinh Mão lúc hạ tuần Thượng ngươn, đất bằng sóng dậy. Trời đang thanh bạch khiến ngút tỏa mây giăng, mỗi Đạo hăng mang ách nạn, nhà thoàn đòi đất chùa phải trả mau mau vì có đơn vào chánh phủ.

Bốn muôn dư đồ đệ của Đấng Chí Tôn lòng dạ ủ ê, ngồi nhìn cảnh non sầu tuyết phủ, giọt lệ tuôn dầm, lo dòi quả Càn Khôn, cốt Phật Tổ, Tòa Bát Quái, Tượng Ngũ Chi phải đem qua đất mới (về) Long Thành nơi Đại Từ Phụ và Đức Lý đã chọn.

Hết lớp dòi chùa tới cường quyền áp chế, nếu kể hết truân chuyên khổ não thì hiền hữu Thượng Tông Thanh đồng chịu ráo.

Tôi nhớ lắm khi hết gạo, tôi cùng hiền hữu Phối Sư Tông lo sắp lo ngựa đặng nuôi đạo hữu nhứt là Bắc Chiên và Soài Riêng bị lụt. Tòa Thánh phải nuôi ăn hàng ngày trên hai ngàn miệng ăn.

5. Đản ngày 12-12 Bính Dần (Thứ Bảy, 15-01-1927).

Người hùng anh, chí chẳng hề xao lãng, giữ một dạ thủy chung như nhứt, thương mấy hồi khốn cực nhiều nỗi...”<sup>6</sup>

Hành đạo được gần trọn 7 năm, Ngài trở về phục lệnh Đức Chí Tôn vào ngày 24 tháng 10 Quý Dậu (1933).

Khoảng 2 năm sau khi liễu đạo, Đức Thượng Tông Thanh được phép về giảng đàn thăm viếng đạo hữu:

GIÁO TÔNG ĐƯỜNG, NGÀY 04-8 ẤT HỢI (01-9-1935)

PHÒ LOAN: HỘ PHÁP - TIẾP ĐẠO.

*“Thượng Tông Thanh. Chào mấy anh lớn và mấy em.*

*Cười... Tôi đặng về cùng mấy Cô Diêu Trì.*

*Ngày nay đặng đi chơi thiệt sướng quá! Tôi để cơ cho ông Hoài. Thăng.”*

Nhân dịp kỷ niệm 80 năm đăng Tiên của Tiên Khai Vương Thành Tông, cũng trùng vào thời gian kỷ niệm mùa Khai Minh Đại Đạo, chúng ta thắp nén hương lòng tưởng nhớ và nhắc lại công lao và đức hạnh của người đi trước để làm bài học chung cho các tín hữu Cao Đài chúng ta thấy được tinh thần Đại Đạo của lớp người tiền phong nói chung và của Cố Phối Sư Thượng Tông Thanh nói riêng.

Một Đường Nhơn Trung Hoa đã trọn lòng thành hiến thân vì đại cuộc phổ độ chúng sanh, đặc biệt với Tản Nhơn (người Kampuchia, người bộ tộc Tà Mun) và Hoa kiều, trong công cuộc cứu độ vạn linh của Đức Chí Tôn trong Tam Kỳ Phổ Độ.

*Tình dân tộc đổi tình nhân loại,*

*Nghĩa nước non ra nghĩa Đại Đồng.*

Tấm gương sáng của Ngài mãi mãi luôn là ngọn đuốc soi đường, thắp sáng ngọn lửa Huynh Đệ Đại Đồng các dân tộc, trong lòng các thế hệ tiếp nối trên đường chung tay góp phần thực hiện sứ mạng Khai Minh Đại Đạo cho vạn linh sanh chúng. ■

6. Tiểu sử Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt.

7. Hiền tài Nguyễn Văn Hồng, Thánh Ngôn Sư Tập, quyển 2, bài số 8.

# DƯỠNG CHƠN TẬP

## *đôi dòng cảm xúc*

■ TỬ LA LAN

*Vuốt áng mây ngang đường mây mặt  
Để ngô không không nẻo đất trời.*

### 1. ĐỘC TIỂU THANH KÝ, ĐỢI TRI ÂM

Năm 1804, lúc đang làm tri phủ Thường Tín, Nguyễn Du về thăm Cổ Nguyệt Đường thì Xuân Hương đã làm lẽ người ta. Thương cho số phận Hồ Xuân Hương sao mà giống số phận của Tiểu Thanh (sống ở Tây Hồ – Trung Quốc, làm lẽ cho họ Phùng, vợ cả ghen đốt thơ văn; Hồ Xuân Hương, sống ở Tây Hồ – Việt Nam, làm lẽ Tổng Cóc, vợ cả ghen không cho làm thơ), Nguyễn Du viết “Độc Tiểu Thanh ký,” với hai câu kết nổi tiếng:

*Bất tri tam bách dư niên hậu  
Thiên hạ hà như khắp tổ như.*

Chữ “Tổ Như” trong hai câu thơ trên có người cho là bút hiệu của Nguyễn Du. Khi đó, hai câu thơ trên được chúng tôi tạm dịch là:

*Ba trăm năm nữa về sau  
Biết ai người khóc thi hào Tố Như.*

Trong Dưỡng Chơn Tập, tác giả viết: “Danh là phần tạo vật rất kỳ..., người quân tử quên phút hết tâm háo thắng, khoe tài, không muốn ai biết đến mình...” Nẻo đời đã tỏ, lối Nho gia, Đạo học chắc phải tri tường. Nguyễn Du chẳng mong chi một chữ “danh” càng cầu làm gì ba trăm năm nữa có ai đó khóc cho ta. Huống chi, “tổ



như” có nghĩa là “giống như tơ.” Đấng mà râu xưa khó lấy làm bút hiệu cho mình. Cho nên, “tổ như” có thể không phải là bút hiệu. Ở đây, có lẽ Nguyễn Du muốn hỏi rằng ba trăm năm nữa, có ai là kẻ tri âm cùng mình, để khóc cho một phận hồng nhan, chẳng?

*Ba trăm năm nữa về sau*

*Biết ai người khóc niềm đau má hồng.*

## 2. BẠCH TẮN LÃO NHƠN

Mười bảy năm trước đó, năm 1787, ở chót núi Hiếu Phong (Trung Quốc), khi đề tựa cho Dưỡng Chơn Tập, Bạch Tẩn Lão Nhơn không nhận là tác giả quyển kinh này, chỉ cho biết đó là sách của một ẩn sĩ hiệu Dưỡng Chơn Tử soạn ra, mình chỉ là người thêm chút ý ngu. Nhưng khi đọc Dưỡng Chơn Tập, với phần chú thích thông quán Tam Giáo của Bạch Tẩn Lão Nhơn, ta không khỏi muôn phần cảm khái.

Ôi! Càn khôn lớn thế này, phải có khách tri âm; còn thế giới rộng dường kia, há không người kiến tánh.

Khi nhấp chén rượu ngon, nhân sinh còn muốn mời ly bằng hữu. Tràn cảm xúc trước nỗi đau bạc phận, Nguyễn Du sẵn lòng đợi ba trăm năm một khách tri âm. Và lời ao ước của Bạch Tẩn Lão Nhơn mong gặp bạn kiến tánh, cũng là đáng đáp của tấm lòng những Giáo Sĩ Cao Đài hôm nay, mong đem muôn lời châu tiếng ngọc của Thầy Mẹ và các Đấng Thiêng Liêng, gieo vào khắp cõi con người...

## 3. DƯỠNG CHƠN TẬP

Ngắn gọn, súc tích. Nhưng lời lẽ cao thâm. Đọc Dưỡng Chơn Tập, ta có cảm giác như người xưa cũng được mạc khải, như tín đồ Cao Đài ngày nay được Phật Tiên về dạy thông qua đồng tử, cơ bút. Bằng không, thì Phật nhập thế, hay Thần Tiên đắc đạo tại trần mới có kỳ bút như thế, mà từng chữ, từng chữ như thể rơi xuống tự thiên nhai.

Cho nên, khi bày món bấu lên bàn Đạo tiệc, Bạch Tẩn Lão Nhơn chia sẻ trong niềm vui Đạo khôn cùng: Nạp tử (tăng lữ) nếm vị này

rồi thì chẳng cần mười quyển Lăng Nghiêm. Võ khách (Đạo sĩ) nào thử miếng rồi, nào dụng tới năm ngàn chữ trong Đạo Đức Kinh. Ai muốn tìm Lý Chơn, đâu cần tới quán Bạch Vân, ai muốn tầm Đạo chánh, khỏi phải vào lầu Hoàng Hạc.<sup>1</sup>

## 4. ĐÔI DÒNG CẢM TÁC

Đã 225 năm, từ ngày Bạch Tẩn Lão Nhơn đưa ra khắc bản và ước mong có khách tri âm. 171 năm sau, ngày 23-7-1957, Ngài Nguyễn Minh Thiện đề tựa cho bản dịch ra chữ quốc ngữ. Năm 2013, Minh Lý Đạo – Tam Tông Miếu tái bản, dàn trang và trình bày đẹp hơn, để tỏ chút tri âm với người xưa, để hết lòng kiến tánh mà noi theo. Kết hợp với những điều đã học biết được từ Thánh giáo Cao Đài, chúng tôi mạo muội, phối đạo ý Bạch Tẩn tiên bối thành đôi dòng thơ, xem như tập tễnh hòa theo khúc Tiểu ngạo giang hồ, mà lão tiên bối Phong Thanh Dương<sup>2</sup> – Bạch Tẩn Lão Nhơn đã ngày nọ say sưa trên đỉnh núi Hiếu Phong.

1. Bạch Tẩn Lão Nhơn để bút, hiệu Càn Long, Đinh Mùi (1787-1788), ứng với Việt Nam thời vua Lê Chiêu Thống (1787-1788).

2. Tiểu ngạo giang hồ (State of Divinity) là bộ tiểu thuyết kiếm hiệp đặc sắc nhất của Kim Dung, cũng là tiêu đề của bản hợp tấu cầm-tiêu ẩn trải suốt tác phẩm. Trong đó, nhân vật chính Lệnh Hồ Xung được dịch giả Nguyễn Tôn Nhan khái lược:

*Giang hồ đen trắng thị phi*

*Chính tà chìm đắm trong ly rượu nồng.*

Một trong những tiểu đoạn hay nhất truyện là lúc Lệnh Hồ Xung so kiếm với Điện Bá Quang trên đỉnh Hoa Sơn. Vạn lý độc hành Điện Bá Quang còn có tên Thái Hoa dâm tặc. Những lần đầu chạm gươm, Lệnh Hồ Xung đều thất thủ trước ma dâm, phải nhờ thái sư thúc Phong Thanh Dương – đang ẩn cư – xuất hiện dạy cho 9 đường tuyệt kiếm, được miêu tả như con thần long phiêu hốt, thấy đầu mà không thấy đuôi – theo Đạo học, đây là huệ kiếm – dẫn hàng phục được ma dâm. Độc cô huệ kiếm mà Phong Thanh Dương dùng để thắng ái dục nhẹ nhàng như một cuộc ngao du:

*Thần Long rất mực phiêu bồng*

*Ngẫu nhiên về cõi trần hồng đạo chơi.*

Nhẹ nhàng, thật ra là một đường gươm thả lỏng của bực võ lâm cao thủ, còn cuộc đại chiến của nhân gian với ái dục nhiều lắm gian nan. Bởi vậy, khi dùng huệ kiếm, Dưỡng Chơn Tập dạy: như giết kẻ giặc, một đao phải lia hai đoạn.

## THƠ ĐƯỜNG LUẬT:

### 1. AN

Nghiệp Nho Thiên Pháp dưỡng Phật tông  
Bát Nhã kim đơn một chữ không  
Năm xưa yếu lý rỗng vẽ vách<sup>3</sup>  
Ngày nọ chơn truyền Phật cầm bông<sup>4</sup>  
Định tâm cùng bực đề diên cạp<sup>5</sup>  
Dứt niệm tận nơi thả hống rỗng<sup>6</sup>  
Mỗi bước nấc thang lần bước Đạo  
Chẳng xây lầu cát giữa trung không.

### 2. ĐỊNH

Trung không khổ hải vạch đường an  
Giữ đi danh lợi thắm vị nhàn

#### 3. Rỗng vẽ vách:

Tích xưa có Trương Tăng Diêu vẽ bốn con rồng trên vách tường chùa An lạc, Kim lăng, mà không điểm nhãn, nói rằng sợ nó bay đi. Người nghe chuyện đều cho là hoang đường. Họ Trương bèn điểm nhãn thủ một rồng, chột sấm sét nổi lên đánh đổ vách tường, con rồng được điểm nhãn liền cưỡi mây bay về trời...

#### 4. Phật cầm bông:

Cầm bông nhắc tích Đức Thế Tôn cầm bông dạy chúng ở hội Linh Sơn. Khi ấy, ai cũng không hiểu, duy có Ca Diếp – đứng hàng thứ ba trong mười đại đệ tử của Phật – cười chúm chím. Thế Tôn mới dạy rằng: Ta có chánh pháp nhãn tàng, Niết bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, vi diệu pháp môn chẳng dùng văn tự, là phép tâm truyền, nay Ta đem dạy cho Ma Ha Ca Diếp.

Vẽ vách hay cầm bông muốn nói đến yếu điểm, tâm pháp.

#### 5. Diên cạp:

Diên là chì, tượng cho khí, vì chì có chất trầm và dễ bay mất. Khí lại được ví như cạp bởi nó hung hăng, khó phục hàng. Khi định tâm cùng bực thì khí tan đi, như lúc đang sống mà mũi miệng không còn thấy khí nữa, hơi thở tịch nhiên như không, đạo gia lúc ấy phân bốn hoàn nguyên, như trẻ còn trong bụng mẹ, ngập chìm trong nước ối mà vẫn an nhiên.

Trong Thánh giáo Cao Đài, Đức Quán Pháp Chơn Tiên khi về đàn có dạy về chữ khí như sau:

*Giờ đây tự tại hư vô cõi*

*Thần động, tinh cô, khí trụ hình.*

#### 6. Hống rỗng:

Hống là châu sa, màu đỏ, tượng cho thần, mà thần được ví như rỗng. Niệm động thì thần đi, niệm dứt thì thần về. Dứt niệm tận cùng thì thoát thai thần hóa.

Gãy khúc tân truyền<sup>7</sup> trường Liêm Lạc<sup>8</sup>

Vẽ tranh bông lạc<sup>9</sup> lớp Khổng Nhan

Ba Giáo hiệp về còn nguyên mối

Trăm nhà gom lại chỉ một đàng

Bạch mã thanh ngư là huyền tướng

Thiên tâm thủy điện<sup>10</sup> mới nhân gian.

### 3. HUỆ

Nhân gian tinh khí cậ tâm điên

Định phát thần quang giữa tịch nhiên

7. Tân truyền: Tân là củi, truyền là dạy. Tân truyền là nói cây củi này cháy hết thì bắt qua cây củi khác, giữ lửa không dứt. Thấy trò truyền cho nhau cũng thế, nên gọi là tân truyền.

8. Liêm lạc: Liêm là chỉ Châu Đôn Di ở Lạc Dương. Nho sinh ngày trước ở nước ta thường gọi là Chu Tử (1017–1073), tên tự là Mậu Thúc, trước làm quan, sau cáo bệnh về ở dưới núi Liên Hoa, thuộc Lư Sơn. Ở đó có một cái khe, ông đặt tên là Liêm Khê và lấy làm tên hiệu cho mình. Ông xây dựng nên lý học đời nhà Tống và có công làm sống động lại đạo Nho. Sách viết nổi tiếng của ông có Thái Cực Đồ Thuyết, Thông Thư, Ái Liên Thuyết...

Lạc chỉ anh em họ Trình ở Lạc Dương. Đây là hai nhà lý học thời Bắc Tống. Người anh là Trình Hạo (hiệu Minh Đạo), người em là Trình Di (hiệu Y Xuyên).

Chuyện xưa kể: một hôm nọ, hai anh em đến dự tiệc ở nhà một người bạn. Giữa bữa tiệc, có mấy cô ca kỹ đàn hát giúp vui. Trình Di nhìn không quen, phẩy tay áo bỏ ra về. Trình Hạo vẫn uống rượu tự nhiên như không có gì, đến khi tan tiệc mới ra về.

Hôm sau, Trình Di đến thư phòng Trình Hạo, lòng còn không vui, có ý trách. Trình Hạo thấy vậy, cười nói:

Đệ còn nhớ chuyện ấy sao? hôm qua bữa tiệc có ca kỹ, trong lòng ta lại không có ca kỹ; hôm nay trong phòng ta không có ca kỹ, mà trong lòng đệ lại có ca kỹ.

Trình Di nghe vậy cúi đầu hổ thẹn, thấy mình tu chưa bằng anh...

9. Bông lạc: Mạnh Tử nói rằng: quân tử có ba niềm vui:

1. Vui về thiên luân (cha mẹ song toàn, anh em vô sự). 2. Vui về tánh phận (ngược lên không hổ cùng Trời, cúi xuống không thẹn với người). 3. Vui về danh giáo (tự hiệp bực anh tài, chỉ dạy cho biết Đạo). Đây là niềm vui của người quân tử theo Khổng học. Nhưng đối với thiên gia, niềm vui này có lúc cũng cần buông bỏ đi, để tâm không có cả tâm.

10. Thiên tâm thủy điện: Thiên tâm là lòng Trời (ở giữa trời, ngụ chỉ Bản lai diện mục, hay là Thiên tánh). Thủy điện là mặt nước. Nói Thiên tâm thủy điện là mượn câu:

*Nguyệt đảo Thiên tâm xứ*

*Phong lai thủy điện thì.*

Tạm dịch:

*Trăng vàng ngụ giữa trời cao*

*Nhẹ nhàng mặt nước lao xao gió về.*

Đây muốn nói tới cảnh chí tịnh.

Viên thực mã thuần<sup>11</sup>đường huệ khai  
Công thành hạnh mãn<sup>12</sup> lối diệu nguyên  
Cưỡi ngựa ra đi tầm vân thủy  
Quay thuyền trở lại lạc cung tiên  
Mây trắng hạc vàng là đây cả  
Thoát xác thân bay đoạn não phiền.

Bảo tinh, dưỡng khí, trì giới, để giữ thân an, dứt niệm để khí định, thần khí bền vững, hư tâm thuận lý (vũ thái định), thì phát sanh thiên quang, cũng là định huệ. Đức Ngô Minh Chiêu năm 1938 sau khi xuất thế có về đàn dạy:

*Mỗi người tự thức lấy mình*

*Thân an khí định thánh linh tự về.*

An không phải là tập hợp con của định, định cũng không thuộc về huệ, mà tựa như suối-sông-biển, hòa trộn không có ranh giới, luôn nương tựa và luôn cần có nhau, để rồi mệnh mông như đại dương. Trãi ra, chảy đi, chảy đi, đến tuyệt cùng...

## 5. LỜI CUỐI

Ôi, càn khôn lớn thế này, phải có khách tri âm; còn thế giới rộng dường kia, há không người kiến tánh!

Ta tự hỏi: sao Bạch Lão tiên bối lại mong mỗi tri âm đến thế.

Cõi nhân gian, nhiều người nghĩ: ăn hiền ở lành là đủ, cần chi học đạo, lắm điều, gian nan. Hãy tận lực giúp người nghèo khổ quanh ta, tu cho riêng thân làm gì?

Để tìm câu trả lời, ta hãy mở lòng, và tìm hiểu từng bước:

1. Nhìn lại quanh ta. Trên, người thành đạt, dành tâm huyết cho danh lợi nhiều hơn an dân. Dưới, không ít trai trẻ mê mải vào rượu chè, sắc

11. Viên thực mã thuần: Trong Tây Du Ký, Tể Thiên tượng cho tâm – thay đổi và nhậy nhót nhanh như vượn, bạch mã tượng cho ý – phi như ngựa. Xiềng con vượn – tâm, cột con ngựa – ý là làm giống như Tam Tạng thuần thực Tể Thiên và Bạch mã.

12. Công thành hạnh mãn: Nếu viên thực mã thuần giống như công phu tu tịnh, thì công thành hạnh mãn muốn nhắc đến công quả giúp đời và công trình tu thân, mà Thánh giáo Cao Đài luôn xem như kim chỉ nam trên đường tu:

*Công phu công quả công trình*

*Ba công hội đủ đường tu dễ dàng.*

dục, nghiện ngập. Nếu không có dòng sông dơ đen, sẽ không có một thi sĩ Phạm Phú Hải muốn gánh nước tưới sông. Và nếu chỉ nghĩ cho riêng thân, ở tận chót núi Hiếu phong, đã không có một Bạch Tẩn, gánh Đạo trên đôi vai già cả vụng về, mong rưới khắp cây đời...

2. Hơn hai ngàn năm trước, thái tử Cổ Đàm sẽ kế vị vua cha Tịnh Phạn để làm vua. Với lòng nhân ái vô biên, Ngài thừa sức giúp đỡ người khổ nghèo. Nhưng khi đi qua khắp bốn cửa thành, thọ nhận thấy niềm đau vô biên, sanh lão bệnh tử của nhân gian vượt quá mọi tầm kiểm soát con người, Thái tử chợt giác ngộ lẽ vô thường. Đang đêm, Ngài rời bỏ hoàng cung, để bắt đầu hành trình tìm Đạo, để giải thoát khỏi xiềng xích của xác thân, trói buộc của luân hồi.

3. Còn ta. Tu, để được gì ?

Dưỡng Chơn Tập có câu trả lời đơn giản: tu là cái học ở chính nơi ta. Tâm sẽ mở rộng, thân sẽ tươi nhuận, bệnh có thể mạnh, chết có thể khỏi. Ích lợi này, thì còn ích lợi nào hơn...

Tâm sẽ mở rộng, là như thế nào?

Hỡi các bạn chưa biết Đạo, quý vị đang trên đường tìm chân thiện mỹ, chớ bằng hữu chọn nẻo ăn hiền ở lành, chúng tôi có những niềm vui bất tuyệt khi học đạo, và chúng ta hãy cùng chia sẻ một trong những niềm vui ấy:

Năm xưa, theo PHÁP BẢO ĐÀN KINH, Đức Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn muốn tuyển người thừa kế y bát thiền tông, giao hẹn ai làm được bài kệ tỏ thấy được tánh mới được chọn làm Lục Tổ. Huệ Năng làm bài kệ:

*Bồ Đề bản vô thụ*

*Minh kính diệp phi đài*

*Bản lai vô nhứt vật*

*Hà xứ nhạo trần ai.*

Bài kệ ấy đã làm cả chùa xôn xao, kinh ngạc. Và hôm nay, khi học hiểu bài kệ này, chúng tôi đã có một niềm vui ngỡ ngác, như cuộc dạo chơi vào giữa một miền trăng bất tận...

Bài kệ thần sầu này đã được nhiều người

(XEM TIẾP TRANG 60)

# TÍNH KHOA HỌC TRONG GIÁO LÝ

## ■ THIÊN LÝ

### SỰ QUÂN BÌNH, CÂN BẰNG SINH THÁI TRONG TRỜI ĐẤT

Không biết câu chuyện có thể bắt đầu vào chủ đề cân bằng sinh thái được hay không, để thấy có một thực thể tồn tại và các luật tắc tự nhiên của vũ trụ trao tặng thế giới này? Câu chuyện ví dụ thật đơn giản, dễ thương trong sách giáo khoa: Trên các cánh đồng cỏ, chuột thì hay bị chim, cú mèo, rắn, trăn hay chồn, cáo săn bắt ăn thịt. Con người thì hay bắt chim, rắn, thú để ăn thịt.

Thông thường theo tự nhiên, dân số chuột và chim, rắn... luôn cân bằng với nhau, Nay chim, rắn, thú... bị con người nồng nhiệt tìm kiếm và tiêu diệt, sự mất cân bằng sinh thái xảy ra, dân số chuột tăng lên, mùa màng bị thất bát, bệnh dịch thì lây lan gây thiệt hại đến sức khỏe và đời sống tinh thần con người. Tiếc thay! Con người lại có thể kể hàng trăm câu chuyện không còn đơn giản, dễ thương nữa mà thật khốc liệt về chuyện mất cân bằng sinh thái do con người gây ra để tạo nên “sự nổi giận của các vị thần” từ những cơn sóng thần, lũ lụt, bão tố, bão tuyết, phun trào nham thạch, cháy rừng, nhiệt độ khí hậu thay đổi đa cực, không khí, nguồn nước bị ô nhiễm, thực phẩm bị nhiễm độc... Con người biết, con người than vãn, nhưng con người vẫn làm những điều phá vỡ luật tắc cân bằng tự nhiên. Luật không phải do con người đặt định mà sự đặt định này con người vẫn thường vô tình gọi là “Trời cho” như kêu một chiếc taxi!

“Trời sanh voi sanh cỏ” là một tục ngữ dân gian để biết về luật quân bình của trời đất, để hiểu hơn là tìm hiểu ý nghĩa về dịch học: “Thiên tôn địa ty. Càn khôn định hỷ” (Trời cao đất thấp

mà càn khôn an định)<sup>1</sup> hay “Địa thể khôn, quân tử dĩ hậu đức tải vật” (Thế của đất là quẻ khôn, quân tử coi theo đó mà dùng đức dày để chở đỡ muôn vật)<sup>2</sup> hoặc giả: “Vạn vật tác yên nhi bất tử, sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị” của Đạo Đức Kinh (Làm cho muôn vật [sinh hóa] mà không từ chối, sinh ra mà không chiếm đoạt, làm mà không cậy công) Dù có nhiều nhận thức, nhiều ngôn ngữ, sự quân bình Trời Đất, Càn Khôn là một nguyên lý bất dịch trong sự biến dịch của vũ trụ; được hiển thị không phụ thuộc vào nhận thức con người mà cũng không biết từ đâu ra, Đức Lão Tử gọi Đạo; Đức Chí Tôn cũng gọi là Đạo. Đại Thừa Chơn Giáo viết:

*Đạo mẫu sản tạo càn khôn*

*Hư vô chi khí Chí Tôn chương quyền*

*Hóa sanh Phật Thánh Thần Tiên*

*Muôn loài vạn vật lưu truyền thi chung*

*Đạo vô tận, Đạo vô cùng*

*Đạo là mẹ đẻ khắp chung muôn loài*

(...)

*Đạo mẫu luân chuyển hoát khai*

*Vạn hành nhứt nguyệt trở day ngũ hành*

(...)

*Đạo không giảm bớt tăng thêm*

*Đạo là lặng lẽ khép kềm vạn linh.<sup>3</sup>*

Không giảm bớt, không tăng thêm, lặng lẽ điều hòa vạn hành vũ trụ vạn vật là lời giải thích giản dị, dễ hiểu, mang đủ ý nghĩa triết học lẫn khoa học của Thầy về nguyên lý quân bình (cân bằng) của Đạo trong cõi đời hậu thiên này! Ý nghĩa của chữ Đạo trong giáo lý Cao Đài được

1. Nguyễn Minh Thiện, Chu Dịch Huyền Nghĩa, Nxb Tôn giáo 2013, tr.310.

2. Sđđ, tr.248.

3. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đại Thừa Chơn Giáo, tr.40.



sử dụng đến để minh giải cho sự cân bằng sinh thái hay còn gọi là sự cân bằng của vũ trụ hữu hình này.

### CẤU TẠO CÁC THỂ Ở CON NGƯỜI.

“Nhân chi sơ tánh bốn thiện”, câu chữ Hán trong quyển Tam Tự Kinh đã trở thành quen thuộc với người dân Việt, có nghĩa khởi thủy con người vốn có tính hiền hòa nhu thuận, tâm ngay thẳng, tấm lòng nhân nghĩa yêu thương đồng loại vạn vật. Trong giáo lý Cao Đài có nêu khái niệm quan trọng về cấu tạo các thể ở con người: “*Con người có ba thể: thể thứ nhất là xác thân do cha mẹ sanh ra, thể thứ nhì gọi là đệ nhị xác thân của Đức Phật Mẫu ban cho, thể thứ ba là Linh hồn do Đức Chí Tôn ban cho*”<sup>4</sup> Thể thứ nhất là thân xác thuộc về hữu hình hay còn gọi là Ngươn Tinh. “Thể thứ hai hay đệ nhị xác thân, là vía, là Chơn Thần, là Tâm, là Ngươn Khí có nguồn gốc từ Vô Cực, thể thứ ba hay đệ tam xác thân là Tiểu Linh Quang, là Linh Hồn, là Ngươn Thần, là Tánh, có nguồn gốc từ Thái Cực”<sup>5</sup> Tinh-Khí-Thần là Tam Bửu của con người. Thể thứ ba này có ý nghĩa sâu sắc, nói lên sự bình đẳng tuyệt đối của mọi con người trong vũ trụ, dù là già hay trẻ, dù ở mọi giai tầng trong xã hội pháp quyền. Câu “Nhân chi sơ, tánh bốn thiện” rất đặc hợp với giáo lý Cao Đài, bởi bản chất tánh thiện vốn là từ Tánh Trời mà ra. “*Ấy là nhưn bản, Trời người một đạo. Tánh Trời là tánh người, tánh là bản thể của vũ trụ.*”<sup>6</sup> Nếu vũ trụ Trời người cùng chung bản tánh, cùng chung một Đạo thì vũ trụ ắt phải cân bằng, quân bình. Như vậy, có thể nói khác đi rằng sự cân bằng quân bình sinh thái trong vũ trụ này là mặc nhiên bởi những nguyên lý, những luật tắc tự nhiên mà có. “*Lẽ biến hóa là công lệ của đất trời. Sự biến hóa này theo một nhịp điều hòa, tinh tú vẫn xoay,*

*bốn mùa thay hóa càng mới mẻ, thông đạt tươi vui, đổi thay khí hậu, giải thoát mọi ràng buộc chật hẹp của cảnh thế và lòng người.*”<sup>7</sup>

Tuy nhiên, nếu khẳng khẳng định chỉ có thể thứ ba Linh Hồn (Tánh) mới là tuyệt đối quyết định sự cân bằng hòa hiệp tương hỗ thì e rằng không còn chỗ cho thể thứ hai của con người ở vũ trụ này. Mà chính thể thứ hai lại mới là thể quyết định tánh người có hòa hợp được cùng tánh Trời hay không, hay là có thể chuyển đổi tánh người đi ngược lại với tánh của Trời, dù rằng “Nhân chi sơ tánh bốn thiện.” Bởi thể thứ hai là biểu thị Tâm của con người. Tâm con người là giá trị quyết định cao nhất trong trường tiến hóa xã hội tinh thần và linh hồn. Nó có thể khiến cho vũ trụ và bản thân con người cùng bị hủy diệt, hoặc cùng đưa nhau đi đến chỗ quân bình, an lạc, thái hòa. Đến đây, thể thứ nhất lại lên tiếng: “Không có tôi mấy anh làm được cái gì?” Cho nên nói một cách đầy đủ và chính xác rằng thể thứ hai và thể thứ ba của con người đóng vai trò quyết định cho thể thứ nhất thực hiện được sự trật tự, cân bằng, hòa nhập cùng vũ trụ chung của vạn vật. Thân – Tâm – Tánh hay Tinh – Khí – Thần như vạc ba chân để con người trụ vững, an bình và cực lạc trong vũ trụ này. Do vậy, Đức Ngọc Lịch Nguyệt Đại Tiên có dạy:

*Khí âm dương hình hài un đúc,  
Chất tinh ba cốt nhục dưỡng sanh,  
Từ trong tam giới ngũ hành,  
Cũng đều riêng một máy linh đất trời,  
(...)  
Tạo Hóa đã riêng dành nhưn loại,  
Nhơn loại còn oằn oại núi sông,  
Đỉnh thần một chủ nhưn ông,  
Tâm linh một quả ngự trong hình hài,  
Tâm chúa tế trong ngoài bính trị,  
Tánh với tình sự lý tế khanh.*<sup>8</sup>

Thật vậy, khoa học ngày nay cho dù phát triển văn minh tốt bậc, có thể tạo nên những kết quả

4. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Yếu Điểm Giáo Lý, Nxb Tôn Giáo 2008, tr.155.

5. Ibid.

6. Đạo Học Chỉ Nam, tiết III, mục 4, tr. 93.

7. Ibid.

8. Huồn Cung Đàn, 01-4 Nhâm Dần (03-5-1962).



vượt khỏi nguyên lý tự nhiên đi chẳng nữa thì điều then chốt quyết định vẫn ở cái tâm của con người. Không có cái tâm, khoa học sẽ khập khiễng; không có tâm, sự ứng dụng khoa học dẫn đến sự tiêu diệt con người lẫn nhau và tàn phá môi trường sinh thái, hủy hoại “nguyên liệu sống” vốn dĩ do tự nhiên sanh ra. Ví dụ như sự biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay như: sự nóng lên của khí quyển, của lòng trái đất; tuyết tan ở Bắc cực, lũ lụt, bão giông; ô nhiễm không khí, nước hoặc là sự nhiễm độc thực phẩm; chiến tranh tàn phá môi trường, giết chóc con người... đều có nguyên nhân từ chính cái tâm của con người. Cái tâm mà đã đi ngược lại, đối lập với tánh tự nhiên của Trời; cái tâm mà đã bị lu mờ và xóa đi “tánh bản thiện” của con người từ lúc mới sanh ra. Như vậy, Tâm của con người có hai mặt trái ngược nhau, mặt sáng và mặt tối; mặt tốt và mặt xấu; mặt chánh và mặt tà; mặt chơn và mặt giả:

*Thân sanh giữa hồng trần trọng trước,*

*Tâm là nguồn họa phúc tạo nên,*

*Tâm là ngôi Phật Thánh Tiên,*

*Cũng là quý tiện nghiệp duyên thú cầm.<sup>9</sup>*

Và Đức Cao Triều Phát dạy rằng: “Đời tiến bộ, đời văn minh, đời khoa học, đời đạo lý, có rất nhiều nhà bác học đại tài lên cung trăng, dò đáy biển. Có những nhà phát minh nguyên tử, một tiếng nổ ngã gục hàng ngàn sanh mạng, một loạt hơi cũng đủ cho rừng cây nội cỏ ú lá khô cành. Những cái phát minh hùng hậu trong lý trí con người đang lấn át cả nội tại, chỉ còn cái vỏ bên ngoài. Tiến bộ, văn minh, khoa học, đạo lý không đủ sức ngăn chặn hòn bi trên dốc lừng đang xuống, xuống vực thăm cơ hàn và tiêu diệt...”<sup>10</sup>

Do vậy, sự trọng yếu của mối quan hệ hòa hợp giữa con người và con người; giữa con người và vũ trụ không thể là cái gì khác ngoài tâm, mà giáo lý Cao Đài còn gọi là Chơn Thần; Đệ nhị xác thân hay là Nguơn Khí (Nguyên Khí) hay là vía

tùy thuộc vào các phạm trù, khái niệm được đề cập. Quan điểm hữu thể của Tâm theo giáo lý Cao Đài cũng như quan điểm khoa học xã hội hiện nay về cái tâm đã cùng khẳng định “nó” chính là nguyên nhân chủ yếu để làm mất đi sự quân bình, cân bằng tự nhiên giữa vũ trụ và con người. Giải quyết được cái tâm là sự giải quyết căn cơ từ gốc rễ của vấn đề. “Chữa bệnh phải chữa tận gốc” luôn luôn là lý lẽ hợp lý, trường cửu không riêng cho y học mà còn cho tất cả các lĩnh vực khoa học khác. Vậy nên, có thể kết luận chắc chắn rằng, để dừng lại, cải thiện và nâng cấp thực trạng bất ổn về sự cân bằng vũ trụ, môi trường mà con người hay nói một cách bình dị hơn là sự quân bình trời, đất và con người hiện nay phải bắt đầu chữa từ “cái tâm không chánh đạo.”

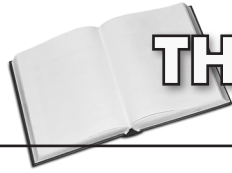
Về việc chữa bệnh tâm này, không riêng gì tôn giáo Cao Đài mà rất nhiều tôn giáo nhân bản khác đều có thể chữa được, vì đây là đặc điểm sở trường của những tôn giáo có nền giáo lý chơn chánh. Đức Cao Triều dạy: “*Dẫu thế nào cũng chưa phải bất lực, vì Thượng Đế đã đến với hiện trạng và ở trong lòng mỗi người. Mọi người sẽ vượt qua tất cả mọi hoàn cảnh nếu biết có Thượng Đế đang ngự trị ở lòng mình. Con người sẽ tiến bộ, quốc gia sẽ văn minh. Khoa học sẽ giúp người đạt địa, đạo lý sẽ giúp người thông thiên...*”<sup>11</sup>

Bài viết này không đi vào phương thuốc cho cái tâm mà chỉ dừng lại ở việc chỉ ra rõ ràng yếu điểm giáo lý Cao Đài luôn có đặc tính khoa học mà văn minh loài người hiện nay đã bắt gặp và chấp nhận. Thiên đạo trong Thế đạo hay việc nhận ra một cách khoa học những nguyên lý, chơn lý của đạo Trời là nhiệm vụ của người nghiên cứu giáo lý của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Qua sự giới thiệu về cân bằng sinh thái hay còn gọi là sự quân bình của vũ trụ cùng với nguyên nhân gốc chủ yếu gây ra sự mất quân bình này, bằng giáo lý Cao Đài và quan điểm khoa học hiện nay, bài viết mong muốn góp phần minh giải đặc tính khoa học của giáo lý Đại Đạo. Đây chưa phải

9. Ibid.

10. Đức Cao Triều Phát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Giáp Dần (01-9-1974).

11. Ibid.



# THÀNH GIÁO

là bằng chứng duy nhất để khẳng định tính khoa học trong giáo lý Cao Đài mà còn rất nhiều, rất nhiều các yếu điểm giáo lý khác để từ đó có thể kết luận tính khoa học trong giáo lý như theo lời Đức Cao Triều đã dạy: “*Các em cần nâng cao tâm mức giáo lý cho có triết học, khoa học, văn học để tăng thêm tính chất hấp dẫn và phổ biến.*”<sup>12</sup>

Nếu tiếp tục luận về chữ Tâm hoặc cấu tạo các thể Tinh, Khí, Thần, của con người, chúng ta sẽ tiếp tục nhận ra tính khoa học của các khái niệm giáo lý đó qua những chứng cứ và lý luận biện chứng của những ngành khoa học khác. Nhiệm vụ quá rộng lớn và rất gian nan, e rằng không thể dựa vào một vài bài viết lẻ loi, đơn độc của một vài cá nhân để đăng trên bản tin nội bộ hoặc để thuyết minh giáo lý mà trông đợi sự phát huy giáo lý Cao Đài trong giai đoạn văn minh tiến bộ của khoa học hiện nay. Điều này lại dẫn đến việc xác nhận giá trị con người là điều kiện tiên quyết để hoàn thành sứ mạng Đại Đạo, mà giá trị trên hết các giá trị của con người lại là chữ Tâm. Có lẽ xin không chấp ngã cho bài viết vì lại thấy chữ Tâm ở dòng kết thúc và vì thấy lời dạy của Đức Ngọc Lịch Nguyệt Đại Tiên như một câu trả lời kết luận:

*Tâm linh sáng suốt dồi dào,  
Chớ cho vọng động, chớ xao khí thần,  
Luyện ngưng tinh, tinh thần hóa khí,  
Khí vận hành, hành kỹ Thiên cơ,  
Ngưng thần an trụ kịp giờ,  
Xây dựng đắp móng để chờ vị ngôi.  
Hiểu Chơn Đạo, ta Trời có một,  
Thuận nghịch hành, tiên tục hóa hai,  
Bởi chưng sáu cửa không gài,  
Bảy tên tướng cướp bên ngoài xâm lăng.  
Tâm danh lợi tham tàn khát vọng,  
Tâm tước quyền hách hống tự cao,  
Mắt nhìn tâm lại động xao,  
Tánh tình khó nổi đón rào ma tham.*<sup>13</sup> ■

12. Đức Cao Triều Phát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-02 nhuận Ất Sửu.

13. Huồn Cung Đàn, 01-4 Nhâm Dần (03-5-1962).

(...)

Ngoài thế cuộc hời còn ly loạn,  
Trong đạo tâm phải ráng giữ gìn,  
Tâm con là chỗ chí linh,  
Là nơi hiệp nhứt nhân sinh cùng Thầy.

Những diễn biến đó đây vì bởi,  
Nhơn tâm nhiều dục giới tội căn,  
Gây nên oan trái xích thằng,  
Phải đâu sóng dậy đất bằng hời con.

Thầy khuyên ráng giữ tròn tâm đạo,  
Là phù linh phép báu hộ thân,  
Để qua khỏi bước đường trần,  
Quay về bến giác thoát lẩn bến mê.

Con thức tỉnh gần kề Từ Phụ,  
Hãy nhớ người phong vũ truân chuyên,  
Cùng con một hội một thuyền,  
Hạ ngưng mặt kiếp nơi miền trần ai.

Cơ tái tạo sắp ngày xây tạo,  
Bước tiến trình trọng bảo nguyên nhân,  
Khôn ngoan tự thấp đức thần,  
Ân hồng dành để riêng phần mỗi con.

■ ĐỨC CHÍ TÔN, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 15-10  
GIÁP DẦN (28-11-1974).

Vững vàng tu niệm các con ôi!  
Xuôi ngược rồi ra cũng chẳng rồi,  
Nước lạnh minh châu tìm thấy bóng,  
Sóng xao chi dễ trẻ yên ngôi!

Yên ngôi mới thấy việc nên hư,  
Phước hãy tạo thêm, họa phải từ,  
Chớ mộng Thiên cơ trong ảo tưởng,  
Cho lòng sáng suốt hiện chơn như.

■ ĐỨC CHÍ TÔN, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 15-10  
GIÁP DẦN (28-11-1974).

# THÔNG CÔNG

(TIẾP THEO CDGL 119)

## ■ ĐẠT TƯỜNG

### CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC LẬP ĐÀN CƠ

#### 1. SẮC LỆNH LẬP ĐÀN

#### 2. NHÂN SỰ VÀ NHIỆM VỤ

#### 3. PHƯƠNG TIỆN

#### 4. NGHI THỨC LẬP ĐÀN

“Còn việc thi hành đúng nguyên tắc luật lệ Hiệp Thiên thì luôn luôn lúc nào cũng phải được tôn trọng, nhất là những trường hợp phổ độ, bởi vì có trang nghiêm, có quy tắc, có trật tự mới gây lòng kính nể của chúng sanh.”<sup>1</sup>

Lời dạy của Đức Lý Giáo Tông nhắc nhở mọi người được hầu đàn nhất là Bộ phận Thông Công phải luôn ý thức:

#### A. CÂN Y TẾ CHÍNHH:

Toàn thể mọi người tham dự phải mặc đạo phục toàn trắng. Bộ phận Thông Công và các vị Thiên ân sứ mạng đều phải mặc đại phục. Ôn Trên nhiều lần đã nhắc nhở nghiêm chỉnh y cân để tránh thất lễ. Có một lần Đức Chí Tôn từ bi nhắc nhở chung:

“Từ đây các con, mỗi khi lập đàn cơ phải đồng nam nữ đẳng đẳng đại tiểu y cân chỉnh tề hầu lệnh, chớ có thất lễ. Thấy là khoan hồng đại độ, còn các vị Thần chẳng tư vị đó. Hiểu chẳng các con?”<sup>2</sup>

Đức Đông Phương cũng nhắc Bộ phận Hiệp Thiên Đài:

“Lẽ ra giờ phút này Bản Đạo không còn nhắc lại những việc rất bé vi, nhưng Bản Đạo nhận thấy chư hiền đệ muội có đôi phần thiếu sót. Vậy từ nay về cân y của các Bộ phận Hiệp Thiên Đài phải đúng, nhất là các trò Đồng Tử đến Pháp

Đàn cũng như Tứ Bửu. Đôi khi các hiền thiếu lễ lúc hành sự, phải nên lưu tâm.”<sup>3</sup>

Vài thí dụ kỷ luật Đồng Tử để răn dạy Bộ phận Thông Công:

– Vì quên dùng khăn che nửa mặt cho Đồng Tử:

“Đây, từ khi Hiệp Thiên Đài hành sự... chưa lần nào bị khiển trách thật rất đáng khen. Nhưng một sơ ý, một sơ ý mà không người quan tâm đến, Bản Đạo cũng nhân thừa ý Đông Phương Chương Quán Hiệp Thiên Đài để dạy Đồng Tử trước nhất làm gương về nghi lễ đạo phục cân y bất cần.

Tuy là một việc thường nhưng trong phần tương quan giữa Thiên điển và chư liệt vị trung đàn cũng mất vẻ uy nghi để cho Thần khâm quý phục.

Ấy vậy, sau khi mãn đàn, Đồng Tử... phải quỳ một hương thọ tội bất cần thành vô lễ. Từ nay về sau, chẳng những Đồng Tử mà thôi, chư hiền đệ hiền muội cũng phải như thế, tinh khiết uy nghi thể hiện tác phong đạo hạnh trước chánh thể Chí Tôn. Chư hiền đệ hiền muội lưu ý phần đó.”<sup>4</sup>

– Vì Đồng Tử mang dây sắc lệnh chưa trấn thần:

“Về phần Trấn Tinh mang sắc lệnh chưa trấn thần sẽ được thưởng một nhang... Hãy tạ lễ sau khi mãn đàn.”<sup>5</sup>

#### B. LỄ BÁI

Bắt đầu buổi lập đàn, vị Pháp Đàn mời toàn thể Bộ phận Thông Công vào lễ bái Ôn Trên.

#### C. TRẤN ĐÀN

Sau đó Pháp Đàn xin nước phép với bùa Tam Thiên và trấn ngũ phương; trấn Ngọc Cơ, bàn

1. Đức Lý Giáo Tông, Thiên Lý Đàn, 22–8 Giáp Thìn (27–9–1964).

2. Đức Chí Tôn, Minh Tân, 26–11 Tân Mão (Mardi, Le 24 Décembre 1951).

3. Đức Đông Phương, Hườn Cung Đàn, 03–9 Quý Mão (19–11–1963).

4. Đức Lý Giáo Tông, Ngọc Minh Đài, 15–7 Mậu Thân (08–8–1968).

5. Đức Quan Âm, Hườn Cung Đàn, 14 rạng 15–12 Quý Mão (28–01–1964).

cơ, ghế ngói của Đồng Tử. Sau đó vị Pháp Đàn đến vị trí Đồng Tử quỳ đang đưa hai bàn tay lên trước mặt, dùng nước phép khử trừ đôi bàn tay và rải lên Nê Huồn<sup>6</sup> của Đồng Tử.

#### D. LẬP THỆ

Sau đó, Pháp Đàn mời toàn thể Bộ phận Thông Công vào lập thệ bằng bài kinh.

*“Đầu cúi lạy Thiên Hoàng Thượng Phụ,  
Độ cho con xuống bể qua đèo (...)  
Nếu con trẻ vì thân thích thuộc,  
(...) đọa miễn trăm luân.”*

Sau đây là lời thề của Đồng Tử bên cơ tuyên độ Chiếu Minh:

*“Voici la formule de serment que vous prêterez prochainement (...)*

*“Nom, prénom, âge. Je me prosterne devant l'autel divin et fais la promesse ferme de professer la Foi CAODAIQUE avec une sincérité absolue. Je prends à témoins Ngọc Hoàng Thượng Đế appelé DIEU CAODAI, Lý Thái Bạch Kim Tinh Pape, Quan Âm Bồ Tát, Quan Thánh Đế Quân et tous les esprits supérieurs. Au cas où je ne tiendrais pas ma promesse, j'accepterais d'avance, toutes les punitions sévères de Lý Thái Bạch.*

*Avant chaque séance, faites ce serment à hautes voix.”*<sup>7</sup>

(Đây là lời thề mà các Đồng Tử sẽ tuyên thệ: Họ, tên, tuổi.

Đệ tử quỳ trước Thiên bàn và xin long trọng hứa sẽ giảng dạy đức tin Cao Đài với một sự chân thành tuyệt đối. Xin Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế Chí Tôn Cao Đài, Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch Kim Tinh, Đức Quan Âm Bồ Tát, Quan Thánh Đế Quân và các Đấng Thiêng

6. Nê huồn = đỉnh đầu.

<sup>7</sup>“Cao Đài là chỗ cao nhất của mỗi chúng sanh, Đức Cao Đài Thượng Đế thường ngự trên đó.”

(Đức Đông Phương Chương Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-9 Giáp Dần, 1974).

<sup>8</sup>“Giữ lòng thanh bạch vô ưu,

Cao Đài đỉnh thượng chực châu đưng quên.”

(Đức Vạn Hạnh Thiên Sư, Trúc Lâm Thiên Điện, 07-3 Giáp Dần, 1974).

7. Đức Ngô Văn Chiêu, Gia Định, 28-02 Quý Dậu (23-3-1933).

Liêng chúng chiếu. Nếu đệ tử không giữ lời hứa, đệ tử xin chấp nhận trước tất cả các trừng phạt nghiêm khắc của Đức Lý Thái Bạch.

Trước mỗi đàn cơ, Đồng Tử phải đọc to lời minh thệ này.)

#### E. BỘ PHẬN THÔNG CÔNG VÀO VỊ TRÍ

– Sau đó Đồng Tử ngói vào ghế trước bàn cơ, xông trầm hai bàn tay. Vị Pháp Đàn quỳ xuống nâng Đại Ngọc Cơ đưa qua lư trầm đang nghi ngút khói và trao cho Đồng Tử hai tay cầm nâng lên ngang trán.<sup>8</sup>

Tất cả mọi chi tiết và trình tự của nghi thức lập đàn cơ đã được Ôn Trên chỉ dẫn phải được tuân thủ nghiêm ngặt. Đoạn Thánh giáo sau cho thấy sự nghiêm túc của nghi lễ:

*“Này chư phận sự Hiệp Thiên Đài, hành lễ có đúng nghi thức chăng?”*

*Địa Hựu trả lời: nhờ Ôn Trên chỉ dạy.*

*Cười! Cười!... Hiền Pháp Đàn quá dễ dãi... Lão ân hồng đàn nay xá lỗi cho nghe, nếu tái phạm thì Già Lam chẳng vị đâu. Nghe dạy đây: Trước, khi dâng Ngọc Cơ rồi phải lạy ba lạy mới đọc bài “Cầu Tiên.” Hiểu chăng?”*<sup>9</sup>

#### F. ĐỌC KINH CẦU CƠ

Tiếp theo, toàn thể Bộ phận Thông Công đọc kinh Cầu Cơ.

Tuy nhiên cũng có trường hợp đặc biệt Ôn Trên chỉ dạy không được đọc kinh. Trong lễ An vị cảnh Hư Vô Chơn Nhứt, Đức Mẹ Tây Thiên Mẫu giảng dạy:

*“Nam nữ đại tịnh là không tụng kinh, chỉ im lặng mà thôi, phải hành trong một giờ. (...) đúng Tý thời lập đàn cơ. Đàn cơ không tụng đọc chỉ ngói tịnh, Thiêng Liêng sẽ chuyển điển nhập Đồng Tử.”*<sup>10</sup>

### 5. DIỄN TIẾN MỘT BUỔI LẬP ĐÀN CƠ

8. Theo lời của Đồng Tử Hoàng Mai: nếu chấp bút viết bóng thì vẫn thực hiện đầy đủ nghi thức như vậy.

9. Đức Quan Thánh, Đạo tràng Chánh Hưng, 01-10 Mậu Tuất (1958).

10. Đức Mẹ, Thánh Giáo Dạy Đạo 66, Ngân Hoa Đàn, 18-10 Đinh Dậu (1957).



– Khởi đầu, đọc Kinh Cầu Cơ<sup>11</sup>  
“Kìa là chốn bồng lai thanh tịnh,  
Cảnh thiên nhiên ca vịnh phú thi,  
Định thần hồn xuất vân phi (...)”

Thông thường khi đọc kinh đến câu:  
“Họa Tam Thiên linh phù tiếp điển,  
Xin Tiên đồng mau chuyển Thần Cơ...”

Vị Pháp Đàn khế dùng đầu họa phù Tam Thiên thì hai tay Đồng Tử bắt đầu chuyển động và quay tròn.

Người viết cũng nhận thấy có trường hợp phải đọc bài Kinh Cầu Cơ đến lần thứ ba thì cơ mới quay. Qua đó cũng cho thấy cấp độ của Đồng Tử cũng như mức độ trợ điển của các thành viên trong Ban Thông Công. Tất cả phải thành tâm cầu nguyện:

“Bản Đạo thấy sự chênh lệch cần nên sửa đổi:  
Tất cả Hiệp Thiên Đài đọc bài cầu cũng như  
Pháp Đàn khi họa phù.”<sup>12</sup>

Cũng có khi phải đọc thêm bài Thúc Cơ.<sup>13</sup>  
Trời còn sông biển đều còn,  
Khấp xem côi dưới núi non đượm nhuần(...)<sup>14</sup>  
(...) Thần, Tiên vốn chẳng xa chi,<sup>15</sup>  
Có lòng triêm ngưỡng nhứt thì giáng linh.<sup>16</sup>

Khi thấy Ôn Trên đã bắt đầu giáng cơ, hai tay Đồng Tử thủ Đại Ngọc Cơ quay đều thì toàn thể Bộ phận Thông Công đọc bài Kinh Mừng.

– Sau đó tay Đồng Tử chuyển động hạ xuống, Cơ bắt đầu viết trên mặt bàn cơ. Tiếng ma sát giữa đầu bút cơ và mặt bàn phát ra âm thanh “kít kít,” thỉnh thoảng cơ gõ nhịp nghe “cộp, cộp.” Lâu lâu nếu tiếng ma sát lớn quá, vị độc giả rướn lên bàn cơ một ít rượu. Cơ viết liên tục đều đều,

11. Thuở ban đầu thì đọc bài Thông Minh Chú: “Cửu Thiên Đại La...”

12. Đức Quan Âm Bồ Tát, Ngọc Điện Huỳnh Hà, 03-01 Giáp Thìn (15-02-1964).

13. Quyển Lịch sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu, đó là bài Cầu Tiên, tr. 67.

14. Kinh Tam Nguơn Giác Thế: “Khấp xem côi dưới nước non đượm nhuần.”

15. Kinh Tam Nguơn Giác Thế: “Cúi xin Tiên Phật từ bi.”

16. Quyển Lịch sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu, xin xem thêm nơi tr. 67.

đôi lúc ngưng lại rồi quay tròn như Ôn Trên đang suy nghĩ lời văn cho đoạn kế tiếp, sau đó lại gõ nhẹ vài cái trên mặt bàn rồi lại viết tiếp.

Thí dụ đoạn Thánh giáo sau cho chúng ta thấy một phần diễn tiến buổi đàn cơ:

“Thiện Tài Đồng Tử, Tiểu Thánh chào chư Thiên mạng, chào chư liệt vị đàn tiền.

Vâng lệnh Đức Quan Âm Bồ Tát báo đàn, chư liệt vị thành tâm nghinh tiếp. Tiểu Thánh xuất ngoại ứng hầu, thăng.

TIẾP ĐIỂN:

THI

Một tấc Quan Âm một tấc vàng,  
Thương đời Bồ Tát giáng trần gian,  
Đem mầm chơn lý gieo cùng khắp,  
Nhắc nhở nhơn sanh tỉnh mộng tràng.

Quan Âm Bồ Tát, Bản Sĩ chào chư hiền sĩ hiền muội đàn trung đẳng đẳng.

Thừa sắc lệnh Linh Tiêu Bửu Điện, thay mặt Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Bản Sĩ giáng đàn hôm nay để chứng tẩm lòng thành kính chư hiền sĩ hiền muội tụ họp về đây để thiết lễ dâng Chí Tôn nhơn ngày quý Vía...

Chư hiền sĩ hiền muội sửa soạn nghinh tiếp Linh Quang Thổ Địa sắp nhập đàn, Bản sĩ ban ân lành toàn thể, thăng.”<sup>17</sup>

Thông thường khởi đầu bao giờ cũng có một vị có phẩm vị thấp hơn đến báo đàn<sup>18</sup>. Và sau khi có một Đấng Thiêng Liêng giáng đàn xưng tên thì Cơ sẽ tạm ngưng viết<sup>19</sup> mà chỉ chuyển động quay vòng tròn chờ đợi tất cả những người hầu đàn lễ bái chào trong lúc đọc bài kinh chào mừng:

Mừng thay chi xiết nổi mừng,

Hào quang chiếu diệu ngàn từng không trung...<sup>20</sup>

17. Ngọc Minh Đài, 09-01 Đinh Mùi (17-02-1967).

18. (Các Đấng Thiêng Liêng phẩm vị từ hàng: Chơn Nhơn, Kim Tiên thuộc Tiên vị, Bồ Tát thuộc Phật vị trở lên thường có Đồng Tử đến trước báo đàn.)

19. (và Đồng Tử ngưng xuất khẩu).

20. Quyển Lịch sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu, xin xem thêm nơi tr. 68



Thí dụ: Khi Thiện Tài Đồng Tử báo có Đức Quan Âm Bồ Tát lai đàn và thăng thì Bộ phận Thông công đọc bài kinh mừng Tam Trấn Oai Nghiêm. Rồi khi Đức Quan Âm báo có Đức Thổ Địa lâm đàn và thăng thì cũng đọc kinh để mừng.

Vậy sau khi đã xong phần dạy Đạo của mình, Thiêng Liêng sẽ cho biết Đấng nào giáng đàn tiếp theo.

– Trong một vài trường hợp được sự chỉ dạy cụ thể thì nghi lễ chào mừng sẽ được châm chế đơn giản. Ví dụ:

“*Hôm nay Ban Cai Quản và các cháu địa phương cử hành lễ kỷ niệm trùng tu tái thiết Vĩnh Nguyên Tự, có Tam Trấn Oai Nghiêm giáng lâm và chư vị Tiền Khai Đại Đạo.*

*Lão đến trước báo tin để chư hiền và các cháu thủ lễ nghinh tiếp. Mỗi vị đạo khách đến khỏi đọc bài mừng, xá một xá thi lễ thay vì lễ bái. Lão sẽ trở lại với chư hiền. Lão xuất ngoại tiếp nghinh. Lui.*”<sup>21</sup>

“*Chào chư Thiên mạng, chào chư hướng đạo và liệt vị đàn tiền, Thánh Nữ được lệnh truyền, tiếp theo đây sẽ có hàng tiền bối đạo hữu giáng cơ. Chư liệt vị khá bình thân,*”<sup>22</sup> không quỳ, không ngối. *Thánh Nữ chào chung, xin lui đi.*”<sup>23</sup>

“*Địa hữu sứ mạng lai đàn, kiểm điểm quả công, chào mừng chư Thiên mạng, chư phận sự. Khi này Đức Giáo Tông quên dặn chư Thiên mạng lúc tiếp dẫn các vị Sơn Thần thì miễn lễ bái, vì tuy là Sơn Thần, nhưng nguyên căn các vị ấy kém Thiên mạng rất xa.*

*Địa mời chư Thiên mạng đàn trung an tọa. Địa mời luôn cả Pháp Đàn.*”<sup>24</sup>

– Việc lễ bái và đọc kinh mừng cũng được Ôn Trên hướng dẫn thực hiện cho đúng

21. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 15-3 Bính Thìn (14-4-1976).

22. là đứng lên.

23. Đức An Hòa Thánh Nữ, Thiên Lý Đàn, 14-01 Bính Ngũ (04-02-1966).

24. Thiên Lý Đàn, 08-6 Giáp Thìn (16-7-1964).

lễ. Chúng ta thấy điều này qua những đoạn Thánh giáo sau:

“*Giờ Sửu đến đây, các đệ nghinh tiếp đàn tràng, mở cửa Lôi âm khai đường Bạch Ngọc để rước Xuân, nghe Thầy giáo hóa. (...) Đánh 9 tiếng trống, 12 tiếng chuông. Thôi Lão chào.*”<sup>25</sup>

“*Long giá sắp kê, Tiểu Thánh Bạch Hạc Đồng Tử vội vã vào đây sắp đặt Ban Cai Quản sở tại đánh ba hồi chuông trống để tiếp giá (...)*”<sup>26</sup>

“*Bản Đạo giáng đàn hôm nay chỉ dạy mọi điều cần thiết đã xong. Toàn thể hiền đệ hiền muội đàn trung hãy nghiêm chỉnh tiếp giá Đức Chí Tôn. Ban lễ hãy thay đổi một số tam bửu trên Thiên Bàn. Lưu ý chư hiền đệ hiền muội, trong giờ Chí Tôn ngự giá, có cả Tam Giáo, Tam Trấn Oai Nghiêm hộ phò Chí Tôn trên không trung. Sự trật tự yên lặng trong ngoài khá nghiêm chỉnh.*”<sup>27</sup>

“*Khi Đức Chí Tôn giáng, chẳng nên mặt niệm điều chi và chẳng nên chạy qua chạy lại. Đánh chuông phải sắp đặt cho có một vị đứng hầu chung cho sẵn. Đến khi xưng tên thì mới hầu chung.*

*(Bạch: Xin bà cho biết, lay rồi mới hầu chung, phải chăng?)*

*Xưng tên rồi, cơ ngưng sẽ hầu chung. Khi Chí Tôn thăng, quý anh, quý chị, cả thầy phải lay đưa, rồi tái cầu...*”<sup>28</sup>

“*Bộ phận Thông Công từ giờ trở đi phải làm đúng theo pháp chính cơ lập pháp, nghĩa là phải xưng tán công đức Phật, Tiên, chào mừng chư Thiêng Liêng đến ngự giá trước, chớ đừng để các Đấng ấy đến chào chúng ta, chúng ta mới chào lại.*”<sup>29</sup>

25. Đức Quan Thánh, Thánh Truyền Trung Hưng, tập 2, Thánh thất Thái Hòa, 01-01 Ất Mùi (24-01-1955).

26. Nam Thành Thánh thất, 01-01 Ất Tỵ (02-02-1965).

27. Đức Lý Giáo Tông, Ngọc Minh Đài, 15-02 Đinh Mùi (25-3-1967).

28. Đức Bát Nương, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển 2, tái bản 1966, tr. 08.

29. Đức Thánh Trần Hưng Đạo, Thánh Truyền Trung Hưng tập 2, Trung Hưng Bửu Tòa, 02-01 Bính Thân (13-02-1956).

- Thông thường, các Đấng Thiêng Liêng ban ân cho phép ngồi nghe dạy đạo đến khi Thiêng Liêng thăng thì mọi người quỳ lên để lạy tạ, chuẩn bị đón chào Đấng Thiêng Liêng kế tiếp. Tuy nhiên những lúc nhận Sắc lệnh hay nghe dạy việc quan trọng thì Ôn Trên chưa ban ân cho “an tọa.” Thí dụ trong một đàn tại Hội Thánh Truyền Giáo, khởi đầu Đức Quan Âm Bồ Tát giảng đàn dạy Đạo, trước khi thăng Ngài dạy:

*“Hôm nay Bản Đạo đến cũng để thử lòng chí thành chí kính đến đâu, nên không miễn lễ, vì vậy chúng tỏ quyền pháp đen tối lắm rồi. Bản Đạo từ bi nhắc thêm là cố gắng để cầu Đức Mẹ, đừng vô phép nhe.”*<sup>30</sup>

Sau đó Đức Mẹ giảng. Đức Mẹ từ bi nên sau khi xưng danh bằng bài thơ tú tuyệt, Mẹ liền ban ân cho ngồi nghe dạy một thi bài 15 vế (60 câu). Tiếp đó Mẹ dạy:

*“Các con quỳ thẳng nghe đọc, tập lấy quyền pháp đối với Mẹ.”*

Nội dung đại ý:

*“(…) Muốn giải thoát phải có chí làm Phật làm Tổ... Con nào có chí đó? (...) có chí làm Thánh làm Tiên mới có quyền làm Giáo Sĩ (...) không (...) có lòng ham danh ứng lợi để đứng đầu, đi trước múa lưôi chúng tài...”*

- Trường hợp cá nhân hay tập thể một bộ phận đạo hữu khi được ban lời dạy dỗ thì quỳ nghe và khi được dạy xong thì lạy tạ ân. Thí dụ:

*“Tiên Huynh chào chư Thiên mạng, chào liệt vị đàn tiền, mừng các em Thanh Thiếu Niên. Thừa lệnh Tam Giáo Tòa, Tiên Huynh giảng để tiếp nối phận sự trong chương trình Thanh Thiếu Niên Phổ Thông Giáo Lý. Mời tất cả đồng an tọa. Riêng phần Thanh Thiếu Niên hãy quỳ và nghiêm chỉnh nghe lệnh dạy. Đàn hôm nay Đức Lý Giáo Tông chủ tọa.”*<sup>31</sup>

- Có trường hợp, Ôn Trên cho chơn linh chưa

đắc vị chính thức được nhập cơ. Khi đó sẽ được Đấng Thiêng Liêng báo tin, trước khi nhường bút, không cần lễ bái khi tiếp vong linh. Thí dụ:

*“Thành Hoàng Bốn Cảnh – Bốn Thần xin phép chư Thiên mạng đến trấn giữ trong ngoài để chơn linh hạ bút. Xin chào chư Thiên mạng, Bốn Thần báo trước, chớ nên quỳ lễ bái nghe. Bốn Thần xin xuất ngoại, thăng.”*<sup>32</sup>

Trong buổi lập đàn, khi Đấng Thiêng Liêng đang giảng cơ không có báo tin để chuẩn bị đón tiếp Đấng nào tiếp theo mà lại có lời từ già, điều này có nghĩa là buổi hầu đàn sắp chấm dứt. Mọi người nếu đang được ngồi hầu đàn sẽ quỳ lên để chuẩn bị lạy già từ. Khi Ôn Trên thăng thì ngọn cơ từ tay Đồng Tử không còn viết nữa nhưng từ từ rung rung được nâng lên trên quá đầu và giữ nguyên vị trí. Khi đó, Bộ phận Thông Công đọc kinh Tiên Chư Thiên. Tất cả đồng lạy tạ ơn.

*Đầu cúi lạy già từ Thiên điển,*

*Cách âm dương luân chuyển (...)*

*Lời châu tiếng ngọc truyền ra độ đời.*

*Nay Thiêng Liêng để lời dạy bảo,*

*Đến giờ này hải đảo chia phân...*

Dứt tiếng kinh, vị Pháp Đàn bước đến đỡ nhẹ Ngọc Cơ ra khỏi hai tay Đồng Tử, nói khẽ vài lời bên tai, Đồng Tử tỉnh lại vén khăn che mặt lên và rời khỏi vị trí bàn cơ rồi quỳ xuống. Tất cả hành lễ bãi đàn.

■

Nếu như hình thức lên đồng của tín ngưỡng dân gian thờ Mẫu có nguồn gốc ở miền Bắc Việt Nam còn nặng về hình thức âm thanh sắc tướng trong nghi lễ “chầu văn,” các “cô, cậu” và những người đi hầu lễ không cần thiết phải chay tịnh khiết và được ăn mặc tự do thì nghi thức lập đàn cầu cơ trong Cao Đài giáo cần phải hết sức nghiêm túc; tất cả Bộ phận Thông công cũng như những người hầu đàn đều phải mặc đạo phục tề chỉnh và chay tịnh thanh khiết tối đa.

(CÒN TIẾP).■

30. Thánh Truyền Trung Hưng 4, Trung Hưng Bửu Tòa, 15-8 Nhâm Dần (1962), tr. 224.

31. Đức Cao Triều Phát, Ngọc Minh Đài, 30-10 Đinh Mùi (01-12-1967).

32. Thiên Lý Đàn, 20-5 Ất Tỵ (19-6-1965). Xin xem thêm nơi mục 6b “độc đồng” trong số tới.

# Niềm vui

## THEO QUAN NIỆM CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

THAM LUẬN CỦA CQPTGLĐĐ

■ THIÊN QUANG

Sáng 28-09-2013, Tu viện Phănxicô Đakao đã tổ chức một buổi gặp gỡ, hội thảo và chia sẻ liên tôn giáo nhân mùa kỷ niệm Ngày Về Trời của Thánh Phănxicô Atxidi (tiếng Ý: San Francesco d'Assisi). Theo tinh thần sống hòa bình và vui tươi của Thánh Phănxicô, cũng như theo chủ trương đối thoại liên tôn giáo của Ngài, buổi hội thảo đã diễn ra quanh chủ đề “Quan niệm NIỀM VUI theo Phật giáo, Cao Đài và Công giáo”. Dưới đây là bài tham luận hội thảo của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

**V**ui” là một trạng thái tình cảm mà trong đó con người đạt được sự hài lòng do thỏa mãn ước muốn của mình. Trong tiếng Việt của chúng ta, chữ “niềm” trong cụm từ “niềm vui” được dùng để nhấn mạnh rằng trạng thái tình cảm này là một trạng thái của nội tâm hơn là trạng thái của ngoại cảnh; người Việt mình hiểu rằng, trên thực tế, không bao giờ tồn tại những cảnh vật vui tươi đối với một người đang buồn, mà cũng không có chuyện gì thật sự đáng buồn đối với một người đang vui. Như vậy, niềm vui là một trạng thái nội tâm thể hiện sự hài lòng do thỏa mãn ước muốn; và bản chất của niềm vui phụ thuộc vào bản chất của ước muốn.

Quán xét những kinh nghiệm nơi bản thân và nơi tha nhân, chúng ta thấy rằng mọi niềm vui của con người ở thế gian này có thể được phân thành hai loại cơ bản: một loại giúp con người nâng cao giá trị

của mình, còn một loại lại làm cho phẩm giá của con người bị hạ thấp. Nếu sử dụng ngôn từ theo phong cách Cao Đài, loại thứ nhất là niềm vui đúng đạo lý, và loại thứ hai là niềm vui trái đạo lý. Trong niềm vui đúng đạo lý, con người càng đạt được sự hài lòng bao nhiêu thì càng thánh hóa được bản thân và tha nhân bấy nhiêu; ngược lại, với niềm vui trái đạo lý, con người càng thỏa mãn thì càng trở nên vô minh, mê muội, và do đó càng dễ lầm lỗi. Thế nên, niềm vui đúng đạo lý là loại niềm vui mà mỗi cá nhân cần tạo ra, nuôi dưỡng, và phát triển nơi bản thân cũng như tha nhân; còn niềm vui trái đạo lý là cái mà tất cả chúng ta phải phòng ngừa và xa lánh.

### **NIỀM VUI ĐÚNG ĐẠO LÝ**

Nói đến đạo lý là nói đến cả ba giá trị: chân, thiện, mỹ. Thuộc về đạo lý phải là những gì vừa đúng đắn (chân), vừa tốt lành (thiện), vừa đẹp đẽ (mỹ). Đây cũng là ba giá trị nhân bản, nghĩa là ba giá trị căn bản của nhân loại tính, mà mọi người từ tận trong tiềm thức của mình đều khát khao hoặc ngưỡng vọng. Bởi vậy, trong sự vươn đến chân, thiện, mỹ, một bước tiến bé nhỏ cũng có thể đem đến cho con người sự hài lòng to lớn. Điều này giải thích tại sao bất cứ con người nào trên cõi đời này cũng tìm thấy những niềm vui tuyệt diệu khi nắm bắt được một vài tia sáng của chân lý, trải nghiệm được một vài ý tưởng thánh thiện, hay thực hiện được một vài hành động đẹp đẽ. Chúng ta hãy xét mấy ví dụ.

Thứ nhất là niềm vui do trải nghiệm cái đúng đắn (chân). Khi còn là học sinh, nhiều người trong chúng ta đã trải nghiệm được niềm vui khó tả khi giải được một bài toán hóc búa. Lớn lên, bước vào đời, mỗi lần phát huy trí tuệ và giải quyết thành công những bài toán trong bốn phạm làm người, niềm vui tương tự lại xuất hiện. Các nhà tư tưởng trên thế giới vẫn trải nghiệm được niềm vui đó mỗi khi khám phá ra được một sự thật còn đang được ẩn giấu trong tự nhiên hay xã hội.

Còn với những người có đức tin tôn giáo, mỗi khi chúng ta trải nghiệm được một sức mạnh của tâm linh, một điều kỳ diệu của đức tin hoặc nhận thức được một nội dung giáo lý cao siêu, đều thấy cả trí tuệ lẫn tâm linh mình phấn khởi lạ thường. Đó là những trải nghiệm hồn nhiên và có ý nghĩa về niềm vui dưới ánh sáng chân lý.

Thứ hai, niềm vui do trải nghiệm cái tốt lành (thiện). Mỗi khi chúng ta làm được một việc thiện, giúp ích cho thế nhân, lòng chúng ta thấy vui sướng nhẹ nhàng. Chúng ta hãy thử xem điều gì sẽ xảy ra nếu mình mở rộng phạm vi giúp ích? Chẳng hạn, ban đầu là việc giúp cho những người nghèo đói bệnh tật có được cơm áo thuốc men, dần dần tiến đến việc cảm hóa những thành phần bất hảo trong xã hội trở nên những người có ích cho xã hội. Càng mở rộng phạm vi giúp ích, việc thiện càng trở nên khó khăn hơn, đòi hỏi chúng ta phải quên mình nhiều hơn, hy sinh cho tha nhân nhiều hơn, nhưng chính vì vậy, tác dụng của sự giúp ích sẽ sâu rộng hơn, số người hưởng được sự giúp ích cũng nhiều hơn, và niềm vui của chúng ta cũng gia tăng thêm. Như vậy, niềm vui của sự thánh thiện càng to lớn khi chúng ta càng dẹp bỏ bản ngã riêng tư của mình và hy sinh cho hạnh phúc của đại chúng.

Thứ ba, niềm vui do trải nghiệm cái đẹp đẽ (mỹ). Chúng ta tìm thấy niềm vui này khi chúng ta hạ mình để đem những vinh quang đến cho tha nhân trong ánh sáng của đạo đức, hoặc khi chúng ta thương yêu những người oán ghét chúng ta, lấy tình thương đền đáp lại sự thù hận. Đây là sự trải nghiệm cái thẩm mỹ, cái trác tuyệt trong nhân cách, và rõ ràng, bất cứ ai cũng tràn ngập hạnh phúc khi thấy được cái thẩm mỹ, cái trác tuyệt đó xuất hiện trong nhân cách của chính mình.

Đó là một số ví dụ về niềm vui đúng đạo lý, do sự trải nghiệm chân, thiện, mỹ. Trên thực tế, cả ba giá trị chân, thiện, mỹ thường xuất hiện đồng thời. Chẳng hạn, việc đem yêu thương báo

đáp sự thù hận chẳng những là một lối hành xử tuyệt đẹp, mà còn là một việc làm hết sức tốt lành, hết sức đúng đắn.

Mọi niềm vui đúng đạo lý đều có bản chất sâu xa là sự an lạc. Chữ “an lạc” ở đây có nghĩa là “vui, vì đạt được sự bình yên trong tâm hồn”. Sự bình yên này không thể do một tác nhân ngoại tại nào đem đến, mà chỉ có thể do chúng ta chủ động tạo ra bằng cách tự giữ cho nội tâm của mình thanh tịnh trong mọi hoàn cảnh của cuộc đời. Người thanh tịnh sẽ không để cho mình bị xao động, và dĩ nhiên, không để cho mình bị kích động vì những tác động khác nhau của ngoại giới. Một người như vậy càng gặp những thử thách qua những nghịch cảnh càng cảm nhận được những niềm vui thánh khiết, vì những cái khắc nghiệt ấy của cuộc đời là cơ hội để trui rèn và gia tăng những giá trị nhân bản trong con người mình.

Mục đích của đạo Cao Đài là “thế đạo đại đồng, thiên đạo giải thoát”. Diễn giải ra, mục đích ấy có nghĩa là vừa đưa toàn nhân loại đến thế giới đại đồng, vừa đưa từng cá nhân trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống mà Ky Tô giáo gọi là Nước Trời và Phật giáo gọi là Niết Bàn. Trong cả phạm vi cá nhân lẫn phạm vi xã hội, sự an lạc đều đóng một vai trò quan trọng.

Ở phạm vi cá nhân, sự an lạc là một động lực tích cực trong việc giải thoát tâm hồn ra khỏi những dục vọng tầm thường. Những dục vọng này, tự chúng, không hề tồn tại trong bản thể của con người. Chúng chẳng phải là cái gì khác hơn những trạng thái bị kích động của tâm hồn dưới tác động của ngoại cảnh; nhưng nếu chúng cứ xuất hiện liên tục, cái này được sinh ra và rồi chồng chất lên cái khác, chúng sẽ trở thành những cơn bão ham muốn không giới hạn, ngăn cản không cho con người sống với bản thể của chính mình. Thế nên, càng giữ cho tâm hồn được thanh tịnh, thì theo thời gian, những dục vọng càng suy thoái rồi tiêu vong. Một khi chúng đã tiêu vong, con người sẽ thấy được bản thể, và hơn nữa, sẽ thấy rằng

bản thể ấy chính là Thượng Đế, là Phật trong tự tại. Vì sự an lạc chỉ có thể có nơi một tâm hồn thanh tịnh, nên sự an lạc là một động lực mạnh mẽ giúp cho tâm linh của con người tiến hóa, trở thành Phật và huyền đồng với Thượng Đế.

Ở phạm vi xã hội, sự an lạc là một trong những yếu tố giúp xây dựng các xã hội nhân hòa, nghĩa là những xã hội hòa bình. Trong phạm vi này, giáo lý Cao Đài chủ trương “tạo lập trật tự an lạc để thực hiện hạnh phúc cho nhân sanh.”<sup>1</sup> Chỉ khi nào trật tự xã hội là một trật-tự-do-sự-an-lạc-mà-có thì mọi người mới thật sự hạnh phúc và xã hội mới thật sự trở thành xã hội an lạc. Nhưng muốn có được xã hội an lạc, trước hết, phải có được những cá nhân an lạc. Những cá nhân ấy không phải là những con người cầu an, nhưng là những con người đã giải thoát được tâm hồn mình ra khỏi những dục vọng tầm thường và đạt được sự an lạc tự tại. Nhờ vậy, con người đó mới phát huy được lòng từ bi bác ái để dẫn thân vào những nghịch cảnh của cuộc đời, giải tỏa những khổ nạn của chúng sinh, trong khi vẫn duy trì và phát triển được sự thanh tịnh, sự bình an trong tâm hồn và thể xác của chính mình. Đây cũng là điều mà Thánh Phanxicô Assisi đã viết: “Những ai chịu đựng mọi gian khổ trên đời vì lòng yêu mến Chúa Giê-su Kitô, mà vẫn giữ được tâm hồn và thân xác bình an, họ mới thật là người xây dựng hòa bình.”<sup>2</sup>

## NIỀM VUI TRÁI ĐẠO LÝ

Những niềm vui trái đạo lý là những cái vui không phù hợp với ba giá trị căn bản của nhân loại tính. Đó là những cái vui không đúng đắn,

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Thánh Giáo Suu Tập 1970-1971, Nxb Tôn Giáo 2011, tr.35.

2. Norbertô Nguyễn Văn Khanh, ofm., Thánh Phan-xi-cô Át-xi-di, con người của hòa bình, <http://www.ofm.vn.org/linh-dao/thanh-phanxico/1378-Thánh-Phan-xi-cô-Át-xi-di,-con-người-của-hòa-bình>, 27-09-2013.



chẳng tốt lành, mà cũng chẳng đẹp đẽ. Chúng không nằm trong bản thể chân như. Khi Thiên Chúa tạo dựng con người, Ngài không tạo ra chúng. Thế thì chúng do đâu mà có?

Theo giáo lý Cao Đài, trong cơ cấu của một con người mà Thiên Chúa đã tạo dựng, có sáu cơ quan làm nền tảng tâm-sinh lý cho sự nhận thức. Sáu cơ quan đó được gọi là lục căn, bao gồm: mắt (nhãn 眼), tai (nhĩ 耳), mũi (tỵ 鼻), lưỡi (thiệt 舌), thân (thân 身), và ý (ý 意). Đây là “sáu cơ quan tối trọng để tạo thành con người hiện hữu nơi thế gian”<sup>3</sup>. Tựa như những hệ thống radar, chúng thường ở vào tình trạng sẵn sàng thu nhận các tác nhân kích thích tương ứng của ngoại cảnh. Tình trạng sẵn sàng này của chúng tạo thành sáu loại ham muốn ở cả mức độ cảm giác và lẫn mức độ tri giác của con người. Sáu loại ham muốn ấy được gọi là lục dục, bao gồm: nhãn dục, nhĩ dục, tỵ dục, thiệt dục, thân dục và ý dục. Nếu linh hồn biết làm chủ lục căn, sử dụng chúng vào những việc đúng đạo lý, thì lục dục sẽ trở thành sáu phép mầu nhiệm để thông thiên đạt địa. Ngược lại, nếu linh hồn không làm chủ được lục căn, thì lục dục sẽ mù quáng thực hiện những điều sai đạo lý và trở thành “sáu ngã đường tà vạy”<sup>4</sup> làm cho con người phải sa đọa triền miên.

Mức độ và cường độ của sự thỏa mãn hoặc không thỏa mãn các loại dục vọng nói trên sẽ làm xuất hiện trong con người bảy trạng thái tình cảm khác nhau; đó là các trạng thái: mừng (hỷ), giận (nộ), buồn (ai), vui (lạc), thương (ái), ghét (ố), sợ (cụ). Bảy trạng thái tình cảm này được gọi là thất tình. Chúng đều là những trạng thái bị kích thích của nội tâm, xuất hiện khi con người chịu những tác động từ ngoại cảnh mà không có sự chủ động an định nội tâm của linh hồn. Những trạng thái này chỉ là những trạng

thái giả tạo và tạm thời; mỗi trạng thái trong số chúng sau khi xuất hiện chỉ có thể tồn tại một thời gian nào đó rồi chuyển hóa thành một trạng thái khác.

Niềm vui trái đạo lý chính là trạng thái “vui” trong bảy trạng thái tình cảm vừa nêu. Những niềm vui này phát sinh và tồn tại dựa vào lục dục, nên chúng chỉ là những hưng phấn giả tạm do sự thỏa mãn các ham muốn tâm-sinh lý trong bản năng vô thức của con người. Nếu nói một cách khác, qua ngôn ngữ tâm phân học của Sigmund Freud chẳng hạn, những niềm vui này bắt nguồn từ những “xung lực phát ra từ [những] tổ chức thể chất”<sup>5</sup> và là sự thỏa mãn những đòi hỏi thể chất trong tâm thần của con người<sup>6</sup>.

Nếu người ta vui vì mắt của họ được nhìn thấy những sắc đẹp giới tính, hay những sắc thái lệ hoa của sự giàu sang về vật chất,... thì đó chỉ là cái vui của nhãn dục. Nếu vui do tai được nghe những lời tâng bốc, ngợi khen, những lời thêu dệt, xiêm gièm,... thì đó chỉ là cái vui của nhĩ dục. Nếu vui do mũi được ngửi những mùi hương tạo nên sự phấn khích cho thể xác, đó chỉ là cái vui của tỵ dục. Nếu vui do lưỡi được nếm những thức ăn ngon, đó chỉ là cái vui của thiệt dục. Nếu vui do thân được thỏa mãn những ham muốn khác của xác thịt, đó chỉ là cái vui của thân dục. Và nếu vui do tư tưởng được thỏa mãn những suy nghĩ càn quấy, phóng túng, sa đọa... đó chỉ là cái vui của ý dục.

Cái vui của ý dục là môi trường dung dưỡng những cái vui của mọi loại dục vọng khác. Đằng sau khả năng nhận thức sinh lý học của các cơ quan thể chất (ví dụ cái thấy của đôi mắt sinh học, cái nghe của đôi tai sinh học,...) còn có khả năng nhận thức tâm lý học của những bản năng vô thức tương ứng (ví dụ cái thấy của bản năng vô thức, cái nghe của bản năng vô thức...). Cái thấy, cái nghe...

3. Hội Thánh Trung Ương Trung Việt tại Tam Quan, Tam Thừa Chơn Giáo (Q. 2, Trung Thừa Chơn Giáo), “Đoạn Trừ Lục Dục”, tr.68.

4. Ibid.

5. D. Stafford-Clark, Freud Đã Thực Sự Nói Gì?, tr.151.

6. Ibid., tr. 154.

của bản năng được khơi dậy trong tâm thần thông qua sự hoạt động của các cơ quan thể chất và được nuôi dưỡng bằng ý dục. Những ham muốn do bản năng vô thức như vậy mới là phần đáng sợ nhất của lục dục.

Đối với những ham muốn do bản năng vô thức, con người không thể kiểm soát và chế ngự chúng bằng ý thức hay lý trí, nhưng phải bằng một quá trình tu tập lâu dài trong suốt cuộc đời mình. Việc hướng dẫn cho con người cách thức tu tập hiệu quả, trên thế gian này, ngoài các tôn giáo ra, không ai có thể thực hiện thành công. Và đây cũng là một lý do giải thích vì sao nhân loại cần đến tôn giáo.

### **SỐNG VỚI NHỮNG NIỀM VUI HÀNG NGÀY**

Niềm vui đúng đạo lý và niềm vui trái đạo lý, như vừa được trình bày bằng những ngôn từ của giáo lý Cao Đài, cũng đã được các tôn giáo trên thế giới đề cập đến với những cách thức có thể ít nhiều khác nhau nhưng nội dung về cơ bản thì tương đồng. Trong Phật giáo, có những kinh sách dùng chữ “an lạc” và “dục lạc” để chỉ hai loại niềm vui này<sup>7</sup>. Trong Ky Tô giáo, thánh Thomas Aquinas phân biệt cái vui thực và cái vui giả, cũng như cái vui tốt và cái vui xấu.<sup>8</sup>

Nơi những con người bình thường, mỗi niềm vui đều có thể thuộc một trong hai, hoặc cũng có thể là một tổ hợp nào đó giữa hai loại niềm vui trên đây. Việc nhận diện ra bản chất mỗi loại có ý nghĩa thiết thực trong việc tạo nên giá trị của bản thân. Điều này đòi hỏi con người phải rèn luyện thói quen theo dõi, kiểm soát, chế ngự và chọn lọc các trạng thái tâm lý của chính mình.

Trong đời sống hàng ngày, chúng ta có thể

gặp những niềm vui mà dường như không thuộc loại nào trong hai loại kể trên. Vui vì tốt nghiệp được đại học, vui do mới tìm được việc làm, vui nhờ đi du lịch, vui bởi Tết sắp đến... Thật ra, tính chất “đúng đạo lý” và “trái đạo lý” không nằm ở bản thân những sự kiện như “tốt nghiệp đại học”, “tìm được việc làm”, “du lịch” hay “Tết”, mà nằm ở mức độ bình an của nội tâm, nghĩa là mức độ tự chủ lấy nội tâm, khi chúng ta trải qua sự kiện đó. Ví dụ, nếu trong tâm hồn của người sinh viên, tốt nghiệp đại học là niềm vui do hoàn tất một bổn phận đối với gia đình, đánh dấu một bước tiến của bản thân, thì đó là niềm vui đúng đạo lý; bởi ở chỗ này, giống như đã được thánh Thomas Aquinas định nghĩa, sự vui sướng là trạng thái an tĩnh của tâm hồn sau khi đã đạt được mục tiêu, tức là điều thiện<sup>9</sup>. Tuy nhiên, nếu người sinh viên xem việc tốt nghiệp đại học là cái vui trút bỏ vĩnh viễn những nhiệm vụ học hỏi, hoặc, trong một sự hào hứng bốc đồng khác, là cái vui dẫn đến việc nhậu nhẹt ăn mừng, rồi say sưa không làm chủ được bản thân, dẫn đến những tai nạn cho bản thân hoặc người khác, thì đó là cái vui trái đạo lý.

Để nhận diện được trong tâm hồn mình niềm vui đúng đạo lý và niềm vui trái đạo lý, cũng như, để ngăn ngừa cái thứ hai và phát triển cái thứ nhất, con người rất cần đến sự giúp đỡ của tôn giáo. Mỗi tôn giáo đều có những phương thức thích hợp dành cho những đối tượng khác nhau. Đạo Cao Đài có phương pháp Tam Công. Phương pháp này bao gồm: Công Quả, Công Trình và Công Phu.

Công Quả là làm những việc có ích cho tha nhân trong tinh thần hiến dâng, không nghĩ đến bản thân mình, cũng không vọng cầu bất kỳ hình thức tưởng thưởng nào kể cả những phần thưởng do Thượng Đế hay các Đấng Thiêng Liêng ban cho. Thánh giáo Cao Đài dạy: “Hãy lấy niềm vui khi làm cho kẻ khác. Hãy lấy làm

7. Pháp Nguyễn, An Lạc và Dục Lạc, [http://chuahaiquang.com.vn/NewsDetails.aspx?\\_214=268](http://chuahaiquang.com.vn/NewsDetails.aspx?_214=268). 25-09-2013.

8. Lm Giuse Phan Tấn Thành op, Thần Học Niềm Vui 03: Chứng Nhân Niềm Vui, <http://2010menchuayeunguoi.blogspot.com/2010/01/than-hoc-niem-vui-03-chung-nhan-niem.html>. 25-09-2013.

9. Ibid.



hãnh diện khi xả thân cho tha nhân.”<sup>10</sup> Việc hy sinh cho tha nhân là một niềm vui mà trên đời không phải ai cũng có cái may mắn được trải nghiệm, mặc dù những cơ hội hy sinh như vậy xuất hiện mọi lúc mọi nơi. Và niềm vui này tự nó đã là một phần thưởng vô giá.

Công Trình là rèn luyện cá tính, trau dồi nhân cách và sửa đổi tác phong theo tiêu chuẩn chí chân, chí thiện, chí mỹ. Với sự trợ giúp của giới luật, Công Trình là cách thức chủ yếu để theo dõi, kiểm soát, chế ngự hoặc đào thải những niềm vui trái đạo lý. Nỗ lực căn bản của Công Trình là làm chủ lấy lục dục và thất tình, chuyển hóa chúng thành những sức mạnh đúng đạo lý của bản thân.

Công Phu là thiền định. Ở mức độ phổ thông, việc thiền định được thực hiện thông qua sự tập trung tư tưởng lúc đọc kinh, cầu nguyện trong các thời cúng, trong các buổi lễ, và trong nhiều sinh hoạt thường nhật khác (trước khi ăn cơm, trước khi đi ra đường, sau khi trở về, trước khi đi ngủ,...) Ở các mức độ nâng cao và chuyên sâu, việc thiền định được thực hiện nhờ hệ thống các pháp môn thuộc phần nội giáo tâm truyền của đạo Cao Đài. Sự thiền định một mặt giúp con người thường xuyên giao cảm với các Đấng Thiêng Liêng, nhưng mặt khác quan trọng hơn, giúp con người rèn luyện sự thanh tịnh tự chủ trong nội tâm. Do đó, thiền định là giải pháp cho phép vừa diệt trừ mọi nguồn gốc phát sinh những niềm vui trái đạo lý, vừa xây đắp nền tảng vững bền cho sự an lạc nội tâm.

Như vậy, sống với những niềm vui hằng ngày, theo đạo Cao Đài, là “đạo lý hóa” bản chất của chúng, làm cho chúng trở thành những niềm vui chân, thiện, mỹ nếu như chúng chưa đạt được những giá trị căn bản ấy của nhân loại tính. Cách sống này, tự nó, cũng là một niềm vui đúng đạo lý, một niềm vui bất tận trong cuộc đời mỗi con người đang tìm lại bản thể chân như trong ơn cứu độ của Thượng Đế. ■

10. Đúc Cao Triều Phát Tiên Bối, Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Ất Tỵ (02-02-1965).

Chung bạch thủy này ở từ lòng suối Mẹ,  
Từ khắp cùng bốn biển với muôn sông,  
Nuôi vạn linh và vạn vật chẳng nề công,  
Về Nam địa tạo cho giống Tiên Rồng đầy  
nhựa sống.  
Cạn chung bạch thủy để cho tâm trần ta  
lắng đọng,  
Và tiêu tan theo gió lộng khắp ngàn khơi.  
Còn lại đây dòng huyết quản của con người,  
Con người ấy đã vào đời từ Chí Tôn  
Thượng Đế.  
Là một tín đồ, là một Thiên ân tế thế,  
Là đã mang dòng nước Mẹ tận hư không.  
Bước gian nguy trên thế lộ chẳng ngại ngừng,  
Dầu sa mạc mênh mông, ta cùng khơi dòng  
cho mát mẻ.  
Cho lửa bỏng dầu sôi với bớt nhẹ,  
Cho lòng người đừng chia rẽ ly tan,  
Cho đạo tâm nhân thế thủy huy hoàng,  
Cho đất nước ngập tràn ơn hạnh phúc.  
Ba chung cạn rồi, sau cùng, ta xin chúc,  
Chúc các em tri túc với tri nhân,  
Đem tình thương thực hiện Đạo Trời ban,  
Hè thu đông mãn xuân sang mấy hồi.

■ CHÚ ĐẠI TIÊN TIÊN KHAI ĐẠI ĐẠO, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 15-10 KỶ MÙI (04-12-1979).



# *kinh nghiệm* GIẢNG GIÁO LÝ HẠNH ĐƯỜNG

■ GIÁO SĨ HUỆ Ý

## I. NHIỆM VỤ CỦA GIẢNG VIÊN HẠNH ĐƯỜNG

### 1. GIẢNG VIÊN : NGƯỜI TRAO TRUYỀN CHÂN LÝ

Trường học bên ngoài, thầy cô vừa là người truyền trao kiến thức vừa là người gieo niềm hy vọng.

Nguyên tắc sư phạm là “biết mười để dạy một”.

Trong cửa Đạo, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

*Phần nghiên cứu hợp đồng kết quả,*

*Thuyết trình là diễn tả lý chơn,*

*Do theo lẽ Tạo tuần hườn,*

*Tre tàn măng mọc giang sơn đắp bồi.<sup>1</sup>*

Trong đạo thì người đứng lớp cũng không thể bỏ qua nguyên tắc “biết mười để dạy một” mà còn thêm nguyên tắc “thuyết hành song đôi”.

Ởn Trên dạy:

*Thuyết hành lưỡng điểm cân phân,*

*Từ trong cái thuyết tả chân cái hành.*

Cổ đức dạy “điều gì chưa làm mà nói đó là vọng ngữ”. Huynh đệ nào chưa trường chay mà thuyết bài “Trai giới”, không những

---

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Rằm tháng 7 Quý Sửu (13-8-1973).

phản tác dụng với người nghe mà tự mình ra bài thi, khảo bản thân trong việc tu hành nữa.

## **2. GIẢNG VIÊN: NGƯỜI TRẤN AN TÂM ĐẠO, CÙNG CỐ ĐỨC TIN**

*Ngũ nguyện thánh thất bình an,  
Hai ngày sóc vọng dâng đàn thuyết minh,  
Trấn an tâm đạo nhân sinh,  
Vai trò un đức đức tin đạo đồng.<sup>2</sup>*

Giảng viên là người nói điều mình đã học, đã tu, đã hành, vừa bồi dưỡng kiến thức giáo lý, vừa kiên định đức tin cho thính giả.

## **II. CHUẨN BỊ**

### **1. NHẬN BÀI GIẢNG**

Trước hết là nhận bài giảng, nên nhận bài tương đối chuyên môn (đã từng thuyết một đề như vậy, hay gần như vậy để dễ triển khai, nhứt là trong thời gian ngắn). Giảng bài khác hơn thuyết đạo với một đề tài tự chọn. Cần biết rõ thính giả là ai, và thời lượng cho phép giảng bài (bài nhận giảng trong một giờ, hay giảng trong một ngày).

### **2. CẦU NGUYỆN**

Cầu là xin Ôn Trên phù hộ. Nguyện là đem hết tâm sức thực hiện bài giảng.

Chúng ta làm được việc gì thành công là nhờ sự phấn đấu của tự thân và sự phù hộ của Ôn Trên.

Mưu sự tại nhân, thành sự tại Thiên.

Làm hết tâm sức của mình trước đã rồi phần còn lại là của Đức Chí Tôn.

Cầu nguyện trước khi giảng, trong khi giảng và luôn sau khi giảng.<sup>3</sup>

---

2. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 15-3 Bính Thìn.

3. Câu chuyện một vị sư phải 500 năm bị làm chôn vì câu trả lời “bất lạc nhân quả”, ngài Bách Trượng cứu cho bằng câu “bất muội nhân quả”.

– Sau khi giảng, bổ sung ngay các ý tưởng vừa được Ôn Trên ban cho để hoàn thiện hơn nữa bài giảng.

## **3 CÁC BƯỚC CHUẨN BỊ – THỰC HIỆN GIÁO ÁN**

### **1. NĂM VỮNG MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CỦA BÀI GIẢNG:**

Ban soạn thảo có đề cập, nhưng bản thân phải đọc thật kỹ để nắm bắt mục đích yêu cầu của bài, bằng cách đặt các câu hỏi thành con số, thường là theo số mục bao nhiêu phần chính.

### **2. CHUẨN BỊ BÀI GIẢNG:**

Việc làm của giảng viên là chuẩn bị giáo án trên cơ sở giáo trình để giảng. Giáo trình là cái nhà đã nghiệm thu. Giáo án là bổ sung phần sáng tạo của giảng viên nhưng không thay đổi cấu trúc căn nhà. Một cách hình tượng khác có thể nói, giáo trình cung cấp chất liệu, mỗi giảng viên là một bếp trưởng để nấu một bữa ăn cho thính giả, hương vị khác nhau là nghệ thuật của mỗi người. Đây là biến bài của ban Soạn thảo thành bài giảng thực tế của giảng viên, nhờ vậy chúng ta mới có lửa để nói bài.<sup>4</sup>

Xem mỗi phần chính gồm bao nhiêu câu hỏi có thể đặt ra. Đây là các tiểu mục. Mỗi tiểu mục bao nhiêu ý chính. Đó chính là đề cương chi tiết của bài giảng.

Thông tin bổ sung: chuẩn bị tài liệu minh chứng, minh họa: các lời tiên tri về đạo Cao Đài, bài báo, hình ảnh cần thiết, kinh sách cần thiết... chiến tranh tôn giáo, sự xuống cấp về môi trường sống, xuống cấp về môi trường đạo đức, tâm linh.

– Viết dàn ý chi tiết.

– Học thuộc lòng dàn ý chi tiết.

– Dành hai giờ để viết bài sẽ giảng như viết một bài thi: viết thành bài (điểm nào quên bỏ qua). Xem lại để học những chỗ quên. Ôn Trên ban ơn tư tưởng mới, lập luận mới. Ít nhất phải viết được một lần thì chúng ta mới đủ tự tin bước lên bục giảng.

– Biên tập lại bài viết (sửa chữa bài viết lần đầu).

– Thực tập thuyết với bài mình đã viết đã kiểm

---

4. Các việc cần chuẩn bị:

Nắm vững mục đích yêu cầu

Chuẩn bị bài giảng

Thông tin bổ sung

Hoạt động giảng dạy

Câu hỏi và bài tập

Rút kinh nghiệm để hoàn hảo nữa



tra thời gian, thái độ... Thực sự là mình học bài đó trước. Ca sĩ thuộc bài thì hát truyền cảm với cả tâm hồn. Nếu chính tác giả hát nữa thì chính xác từng chấm phết, nhả giọng.

**3. HỌC ĐỂ CƯƠNG CHI TIẾT.**

**4. VIẾT BÀI GIẢNG.**

**5. THỰC TẬP BÀI GIẢNG**

Có thân hữu nghe, góp ý cho hoàn chỉnh. (để nắm thời gian và phong cách.)

**III. GIẢNG BÀI**

**1. ĐẾN TRƯỚC**

- Dán, viết dàn bài.
- Thử âm thanh.
- Ngồi tịnh tâm.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy: *“Bản Tăng cũng dạy thêm về thời thuyết pháp ngày mai: vị giảng viên thuyết trình hãy đem hết tinh thần chú tâm vào hội trường, vào dự thính viên và tất cả các thính giả, giải thích thật rõ ràng để hiểu để nghe để mọi người thấu hoạch được cái lý tất yếu của buổi thuyết trình mới xứng đáng công lao của người diễn giả.”*<sup>5</sup>

**2. CẦU NGUYỆN**

- Xin các Đấng Thiêng Liêng hộ phù thuyết đúng, thuyết đủ để củng cố đức tin cho thính giả, hiểu đúng, hành đúng cho cơ đạo tiến lên.
- Tạo sự tập trung cho hội trường.
- Hiệp thông vào bài.<sup>6</sup>

**3. THUYẾT GIẢNG**

**VÀO ĐỀ:**

- Ngâm một bài Thánh giáo để mở đầu.<sup>7</sup>
- Kể một câu chuyện để mở đầu...

**THUYẾT GIẢNG:**

5. Trúc Lâm Thiền Điện, 07-4 Canh Tuất (11-5-1970).

6. Bên ngoài gọi là nhập vai.

7. Để chỉ thành:

Tôn giáo ấy cửa vào tìm Đạo,  
Đạo là đường hoà hảo nhân sanh,  
Người tu ý thức tri hành,  
Hể vào cửa Đạo chí thành mà tu.

- Cố gắng thuyết chứ không đọc (càng nhiều càng tốt, để giữ sự tập trung cho thính giả). Nếu đọc thì đọc diễn cảm. Tạo mối đồng cảm giữa giảng viên và học viên. Điều chỉnh giọng điệu thích hợp là công cụ trình bày hiệu quả nhất. Nhập vai bằng tư tưởng điệu bộ (hát một đoạn, đổi giọng lúc kể chuyện) khi bài giảng đòi hỏi cho buổi giảng sinh động.

- Đặt câu hỏi và có phần thưởng cho hào hứng buổi giảng.

**NHỮNG ĐIỀU CẦN TRÁNH:**

- Không nhận xét phê bình những sự kiện hay nhân vật thuộc các Hội Thánh, Thánh thất bạn.
- Không nêu những quan điểm về chính trị.
- Không dẫn chứng những sự việc có thể làm tổn thương người khác (quá vãng hay sinh tiền).
- Không giảng quá giờ hoặc thừa giờ hoặc bỏ sót nội dung.

**KẾT LUẬN:**

Bằng những điểm chính rõ ràng ngắn gọn cho thính giả dễ nhớ. Gợi ý những vấn đề liên hệ đến bài giảng hôm nay. Cám ơn thính giả.

**4. GIỚI THIỆU THÊM**

- Câu hỏi cuối bài giảng (nếu tài liệu chưa ghi sẵn).
- Tài liệu đọc thêm.■

# DƯỠNG CHƠN TẬP ĐÔI DÒNG CẢM XÚC

(TIẾP THEO TRANG 42)

dịch. Nhưng riêng chúng tôi, niềm vui Đạo thật nhẹ nhàng mà sâu lắng khi học bài kệ này thành thơ lục bát. Kính mong được chia sẻ với quý đạo hữu yêu thơ.

Xin tạm dịch:

Bồ Đề vốn chẳng là cây

Như gương sáng chẳng mặt mày hình dong

Bản Lai chỉ có chữ không

Thì còn đâu chỗ bụi hồng trần đeo.■



# VÀI GỢI Ý NHÌN LẠI VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHO VIỆC ĐÀO TẠO THẾ HỆ TIẾP NỐI

## ■ ĐẠT TƯỜNG

*“Đặc điểm của tâm hồn có giáo dục là biết thưởng lãm ý kiến mà mình không đồng ý.”*

## ■ ARISTOTELES.

Mỗi lần kỷ niệm Khai Minh Đại Đạo, đối tượng được Ôn Trên quan tâm nhiều nhất là Thanh Thiếu Niên, đặc biệt là thành phần trẻ trong các Tu sinh – Tu sĩ. Khi bàn đến giới trẻ, việc luôn được xã hội quan tâm đến là lãnh vực giáo dục, bởi vì đây là một khía cạnh trọng yếu của văn hóa. Mà văn hóa là động lực cho sự phát triển và “Kẻ sau hơn người trước thì... mới vinh quang.”

Nền giáo dục Việt Nam trong mấy chục năm qua đã bộc lộ nhiều bất cập, không đáp ứng kịp nhu cầu đổi mới và hội nhập toàn cầu. Những người có trách nhiệm trong chính phủ và đảng cầm quyền đang tích cực cải cách tư duy và

phương thức giáo dục với hy vọng sẽ đáp ứng được nhu cầu của thời đại.

“Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội” là một câu kinh điển của triết học Duy Vật Biện Chứng Marx – Lênin. Chúng ta sống và tất nhiên phải chịu ảnh hưởng của thực tại xã hội mình đang hiện hữu. Chính vì thế, phần lớn những khuyết điểm trong lãnh vực giáo dục của xã hội Việt Nam hiện nay cũng đang hiện diện trong công tác đào tạo thế hệ tiếp nối nơi Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo của chúng ta! Thậm chí có một số mặt, chúng ta còn trở bộ chậm hơn hẳn so với cuộc sống sinh động ở bên ngoài bởi sự nặng nề kém năng động do

tuổi tác hay tư tưởng ngại đổi mới ngay trong nội bộ. Bởi vì khi muốn thực hiện cải tổ thì cần phải học và làm nhiều hơn nữa, nhưng những việc này lại hao tổn nhiều công sức và thời gian mà kết quả không hề đến ngay!

### **1. VỀ NĂNG LỰC VÀ KỸ NĂNG SỰ PHẠM:**

Chương trình đào tạo tại Cơ Quan chúng ta lâu nay chỉ mới thực hiện được việc bồi dưỡng về kỹ năng thuyết trình.

Từ nhiều năm qua, hầu như chúng ta đã không quan tâm đúng mức đến việc bồi dưỡng năng lực sự phạm cho các cấp giảng viên. Những phương pháp và kỹ năng sự phạm căn bản vẫn chưa được bồi dưỡng và đào tạo. Hầu như chúng ta đã thả tự do trong một thời gian khá dài để các giảng viên tự bơi trong việc trang bị năng lực cho mình tùy theo ý thích và tâm thành của mỗi người.

Việc tổ chức rút kinh nghiệm, học tập lẫn nhau giữa giảng viên các cấp đã không còn được tiếp tục từ khi Giáo sĩ Diệu Như (Thanh Sương) hết thời gian chịu trách nhiệm quản lý Vụ Giáo Sĩ – Tu Sĩ vào đầu thiên niên kỷ thứ ba này.

Đã mấy lần, khi hướng về thành phần giảng viên, Đức Lý Giáo Tông có dạy với ý:

– “*Luân phiên thay đổi giảng viên để tránh sự nhàm chán cho học viên.*”

– “*Các giảng viên được lựa chọn trong thành phần Thiên Liêng sắp đặt và phải có thực hiện nghiên cứu giáo lý.*”

Như vậy, có nên chăng Cơ Quan đặt lộ trình sẽ không tiếp tục phân công cho những ai có tiêu chuẩn được giảng nhưng qua một thời gian dài đã không hề tham dự các khóa bồi dưỡng giáo lý nâng cao để học hỏi nghiên cứu hầu nâng cao năng lực bản thân như lời dạy của Đức Lý?

“*Nếu muốn biểu dương giáo lý Cao Đài là quy Tam giáo nó phải đòi hỏi đến sự học thức rộng rãi từ văn chương đến pháp đạo (...) Đó các hiền hướng đạo thấy trách nhiệm quan trọng dường bao. Con đường nhứt định phải đến nhưng bao giờ sẽ đến.*”

*Vậy thì điều căn bản (...) là sau đây ai là người thiết tha vì chơn lý đạo thì nên tìm học những nhu cầu mà Bản Đạo vừa tạm sơ qua. Sự học phải đòi hỏi cấp bách, nếu thời kỳ này không thực hiện được, thì Thượng Đế buộc lòng phải đem chánh pháp giao cho một dân tộc khác. Rồi chừng ấy con cái Đức Cao Đài hiện tại sẽ ăn năn nhưng quá muộn.”<sup>1</sup>*

Gần đây, khi Văn phòng Tổng Thư Ký xin phê duyệt bổ sung giảng viên, Đức Giáo Tông có ý trách: “*(...) các Giáo sĩ tự xét lại mình xem đã tròn bổn phận đối với các em chưa.*”

### **2. MÔI TRƯỜNG SỰ PHẠM:**

Giữa hai yếu tố thuyết giáo và thân giáo, mọi người đều hiểu thân giáo có giá trị hơn hẳn. Chất lượng bài giảng tuy chưa cao nhưng có thể cải tiến dần theo thời gian. Còn tác phong của giảng viên nếu không chuẩn mực sẽ ảnh hưởng tức khắc đến tâm lý học viên và nếu điều này cứ lặp đi lặp lại nhiều lần sẽ ảnh hưởng nhiều đến lòng tin và hứng thú học tập của các em.

Thí dụ: theo lịch giảng, một giảng viên A có giờ lên lớp nhưng vì lý do nào đó không đến lớp được nhưng lại không thông báo. Nếu hiện tượng này lặp lại vài lần sẽ làm giảm sút lòng kính trọng với giảng viên. Và trong hoàn cảnh như thế, nếu công tác giáo vụ không sâu sát để tìm người thay thế kịp thời hay có thể cử một ai đó đến để sinh hoạt duy trì lớp học mà lại bỏ trống tiết giảng thì rõ ràng môi trường sự phạm đã khập khiễng.

Giảng viên là người truyền thụ kiến thức chuyên môn trong lãnh vực phụ trách nhưng quan trọng hơn nữa, qua thân giáo của mình trong khi đứng lớp, tất cả các giảng viên đều đang thực hành bài giảng về phong cách sự phạm để các học viên được thị phạm. Vì thế tác phong, ngôn ngữ của các giảng viên phải đúng chuẩn mực mô phạm. Khi xử lý một tình huống bất chợt, cho dầu điều đó có gây bức xúc cao

1. Đức Lý Giáo Tông, Nam Thành Thánh thất, 23-8 Mậu Tuất (1958).

nhưng bao giờ người giảng viên cũng phải ý thức giữ gìn tác phong và ngôn ngữ đúng mực của người đứng lớp trước các học viên. Điều này lại càng có ý nghĩa quan trọng hơn nữa trong môi trường sư phạm của tôn giáo!

Khác với ngoài đời, giảng viên là thầy, nhưng trong môi trường Cao Đài giảng viên chỉ là huynh tỷ hay đúng hơn nữa phải là người bạn thân thiết của các em. Vì thế, tác phong ngôn ngữ gia trưởng phải là điều xa lạ, chúng ta cần thi hành đúng với tinh thần của Tứ Đại Điều Quy “Trên dạy dưới lấy lễ.” Ngay cả trong trường hợp có học viên thất lễ thì lời Thánh giáo: “Lấy tình thương làm hình phạt” vẫn luôn là kim chỉ nam.

*“Vẫn biết đạo lý là kim chỉ nam cho địa bàn hoạt động Thanh Thiếu Niên, cũng cần quan niệm đến tuổi tác của mỗi thế hệ. Đối với lứa tuổi đang lên, cấp hướng dẫn cần khéo léo và tế nhị ở mặt tâm lý và sinh hoạt.”*

Câu “Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội,” vào đầu thế kỷ 20 được nhà sinh học người Nga Pavlov qua thực nghiệm đã chứng minh được và gọi tên là “Phản xạ có điều kiện.” Nó trở thành nguyên lý căn bản cho ngành sư phạm.

“Một sự việc (âm thanh, ánh sáng,...) khi tác động vào đối tượng sẽ tạo nên một vết trên vỏ não, điều hành một phản xạ. Nếu sự việc này được lặp đi lặp lại nhiều lần, vết hằn trên vỏ não sẽ khắc sâu và gây ra những phản xạ y như nhau, lâu dần phản xạ thành thói quen. Từ đó, mỗi khi có một hiện tượng tương tự xuất hiện thì đối tượng sẽ tự động phản ứng y như đã từng phản xạ trước đó.”

Phản xạ có điều kiện này có thể hình thành nên thói quen tốt khi thường tiếp cận với những việc tốt nhưng ngược lại chắc chắn sẽ tạo thành thói quen xấu khi cứ tiếp xúc với những sự kiện xấu. Người Việt, ông bà chúng ta kết luận qua câu “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.”

---

2. Đức Phan Thanh – Bạch Liên Tiên Trưởng, Liên Hoa Cửu Cung, 01-11 Đinh Mùi (02-12-1967).

Như thế nếu thanh tra (Minh Tra) không phát hiện và kịp thời nhắc nhở các hiện tượng này để Ban Giám Hiệu (Văn Phòng Tổng Thơ Ký) uốn nắn ý thức và hành vi của giảng viên hầu duy trì tính chuẩn mực của môi trường đạo đức thì hậu quả sẽ đến qua hai khía cạnh: một số Thanh thiếu niên cảm thấy thất vọng với những tác phong ngôn ngữ phi đạo hạnh này và so sánh với môi trường sư phạm bên ngoài mà các em đang được thụ hưởng sự giáo dục rèn luyện để rồi dần dần dẫn đến giảm sút lòng tin vào Đạo. Nguy hiểm hơn, có một bộ phận khác trong Thanh thiếu niên và Giáo sinh sẽ bị nhiễm lấy tác phong không mô phạm này nhưng các em lại chưa đủ trí khôn để thấy đó là điều không bình thường không đáng để noi theo! Chúng ta cần ý thức là sẽ có một số em dần dần sẽ đi theo khuôn mẫu đã được uốn nắn rồi sẽ tiếp tục nhân rộng khuôn mẫu ấy lên nếu như những hình mẫu tốt đẹp về phong cách đạo hạnh khác lại không đủ sức chiếm ưu thế chủ đạo!

Điều quan trọng hơn nữa, đừng quên rằng trong thành phần học viên Thanh thiếu niên, Tu sinh có nhiều em đến từ các Hội Thánh khác. Những điều tốt bao giờ cũng được tiếp thu chậm chạp nhưng những điều ngược lại sẽ được lan truyền nhanh chóng dẫu chẳng ai mong muốn!

Cố Giáo sĩ Lập Hạnh đã từng là Vụ Trưởng Vụ Giáo Sĩ – Tu Sĩ, là người đã đóng cả hai vai trò quản lý và giảng viên. Chị là hình mẫu, là tấm gương sáng cho Thanh thiếu niên qua tác phong đạo hạnh chuẩn mực của mình. Mặc dầu đôi lúc trong quản lý, chị cũng phải đối mặt với tình huống thất lễ của đàn em nhưng bao giờ chị cũng dừng lại sự việc với ngôn từ nghiêm chỉnh, bình tĩnh nhắc nhở chỗ sai quấy để đàn em thấy được những điều không đúng của mình chứ chưa bao giờ la mắng hay làm mất mặt đối tượng trước tập thể. Chính điều đó đã tạo được môi trường sư phạm gây tạo lòng tin cậy và tình cảm mến yêu với Đạo với Cơ Quan cho nhiều thế hệ Thanh thiếu niên, Tu sĩ, Giáo sĩ.



### **3. ĐẦU TƯ ĐÚNG MỨC VÀ HUẤN LUYỆN**

#### **ĐÀO TẠO BÀI BẢN:**

Vừa qua, đội banh U19 Việt Nam với thành phần nòng cốt là các em học viên của Học Viện Bóng Đá Hoàng Anh Gia Lai – Arsenal đã tạo được vài tiếng vang trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương sau khi thắng một số đội mạnh nhất là chiến tích trước đội U19 của Úc với tỷ số 5-1, mặc dầu nền bóng đá nước nhà vẫn còn nằm trong vùng trũng của châu lục! Không chỉ đạt kết quả về thi đấu mà kỷ luật về tác phong fair play trên sân cỏ luôn được các em tuân thủ cũng khiến các đội bạn khâm phục, mặc dầu khá nhiều lần bị đối phương chơi xấu nhưng các em vẫn không phản ứng theo cách mắt trả mắt, răng đến răng. Kết quả tác phong này các em có được nhờ vào sự rèn luyện lâu dài những đức tính tốt như khiêm nhường, lễ phép, v.v... đồng thời Học Viện Bóng đá cũng quản lý chặt chẽ các sinh hoạt thường ngày của mỗi em nhờ những điều kiện được sống tập trung, chương trình học tập có sự cân đối giữa chuyên môn đá banh và văn hóa phổ thông. Môi trường sinh hoạt tránh xa những tật xấu mà các thế hệ cầu thủ tài năng đàn anh không thể có được khi ở nhà.

Đây là một thí dụ điển hình về việc đầu tư đào tạo có bài bản đáng để chúng ta suy gẫm. Với việc hợp tác cùng một trung tâm đào tạo bóng đá trẻ Arsenal của Anh quốc sau khoảng thời gian 6 năm, và được giao lưu cọ xát với các đội trẻ ở những quốc gia khác của học viện Arsenal mà kết quả thành tích bước đầu và tác phong trên sân cỏ của các em khá phấn khởi.

Một thực tế trong việc đào tạo giới trẻ ở Cơ Quan lâu nay, vấn đề kinh phí đầu tư cho các nhu cầu giáo dục vẫn chưa thật sự được quan tâm đúng mức. Nguồn tài chánh của Vụ Giáo Sĩ – Tu Sĩ khi trước và Tập Đoàn Giáo Sĩ hiện nay hầu như chỉ từ những đóng góp cá nhân của một số huynh tử và cựu Thanh thiếu niên. Nếu như chúng ta nhìn nhận việc đào tạo thế hệ tiếp nối là một trọng điểm hoạt động đạo sự của Cơ Quan thì nên chẳng cứ vào đâu mỗi niên trình,

cần cứ vào quỹ tài chánh đang thực có, cần dự trù cấp một khoảng kinh phí tối thiểu cho các hoạt động đào tạo và huấn luyện. Cần chuyển từ cơ chế “xin – cho” sang “cấp kinh phí hoạt động.” Tất nhiên việc minh bạch công khai tài chánh phải luôn được báo cáo định kỳ hàng quý như Vụ Giáo sĩ – Tu sĩ đã từng thực hiện trước kia.

Một vấn đề cần bàn chúng ta cần phải quyết tâm thực hiện là sớm tăng lên tiết huấn luyện thực tập trong chương trình đào tạo trước khi đạt đến chuẩn lý tưởng thiết kế số tiết và các môn phải thực tập sẽ đạt tới 30% trong quỹ thời gian của chương trình huấn luyện đào tạo.

Một hướng gợi mở ở tương lai, cần có sự liên kết hợp tác với các cựu nhân viên Cơ Quan đã sinh hoạt Thanh thiếu niên Phổ Thông Giáo Lý trước kia, xây dựng và thực hiện chương trình trao đổi huấn luyện con em tiếp nối. Làm thế nào để phát huy được sức mạnh tổng lực của cả bên trong và ngoài nước để vào khoảng năm Đạo 90-91 trở đi chương trình khởi động qua việc đưa một vài con em nhân viên ở hải ngoại về Việt Nam học tập giáo lý, giúp nâng cao khả năng sử dụng ngoại ngữ cho các bạn Việt và tham dự những trọng điểm hoạt động kỷ niệm 90 năm Cao Đài hiện diện. Sau đó, từng bước theo kế hoạch, một vài Thanh thiếu niên, Tu sĩ sẽ được đưa ra nước ngoài tu nghiệp ngoại ngữ. Nếu thực hiện được trong vòng 10 năm thì đến thời điểm 100 năm Cao Đài, việc truyền giáo ra nước ngoài mới có nhân lực từ cả bên trong lẫn bên ngoài hợp sức biến hy vọng trở thành hiện thực.

### **4. GIÁO DỤC CẬP NHẬT TÍNH HAI MẶT CỦA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, NGÔN NGỮ THỜI ĐẠI:**

Ngày nay, internet đã phát triển đến mức khá thông dụng trong đời sống xã hội Việt Nam. Việc sở hữu và sử dụng các phương tiện thời đại ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập, giải trí, giao lưu với mọi người, mọi thành phần trên thế giới đã trở nên hết sức dễ dàng. Các máy tính xách tay (laptop) máy tính bảng



(tablet), smart phone (điện thoại di động thông minh) ngày càng có giá thành hợp lý gần với người tiêu dùng bình dân hơn. Hiện nay, phần lớn các em Tu sinh đều phải có một chiếc laptop nếu muốn học tập hiệu quả.

Trong thực tế như thế, nếu chúng ta không chủ động để có kế hoạch hướng dẫn, định hướng cho các em biết khai thác mặt tốt của phương tiện công nghệ và biết làm chủ lấy mình, tự giác nói không với những cám dỗ xấu trên “mạng internet” thì các em vẫn tự nhiên tham gia vào xu thế của thời đại công nghệ. Bị “Nghiện” công nghệ điện tử hay bị lôi kéo vào một hoạt động không lành mạnh nào đó là những thí dụ thực tế đang diễn ra trên thế giới và tại các thành phố lớn ở Việt Nam. Một khi đã mắc phải thì việc điều trị cho các loại bệnh này không hề dễ dàng và khá tốn kém!

Hội nhập công nghệ cao, hội nhập toàn cầu là quy luật tất yếu của nhu cầu tiến bộ. Các mạng xã hội Facebook, Twitter, Instagram, v.v. ngày càng phát triển đáp ứng nhu cầu kết nối mọi người với nhau, không còn bị hạn chế bởi không gian ngay cả các quan điểm về kinh tế – chính trị, tôn giáo, v.v. trong thời đại ngày nay đúng với nghĩa “Năm châu chung chợ, thế giới chung nhà.” Nếu được định hướng tốt, mạng xã hội có thể sẽ đáp ứng phần lớn nhu cầu phổ thông giáo lý mà ít tốn chi phí và công sức nhất. Nhưng hiện nay, trên mạng Facebook chúng ta chưa thấy có em nào trong Thanh Thiếu Niên Phổ Thông Giáo Lý quan tâm đúng mức thực hiện việc này, trong khi đã kết nối được với bạn bè Thanh thiếu niên Đại Đạo ở nhiều Thánh thất, Thánh tịnh thuộc các chi phái trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Hầu như các em chỉ dùng mạng để giải trí là chánh.

Điều quan trọng của những người làm công tác giáo dục là tiên liệu, định hướng, có kế hoạch đào tạo huấn luyện cho lớp người trẻ sao cho có đủ năng lực về chuyên môn và đạo đức hầu đáp ứng được nhu cầu xã hội, thậm chí đón đầu hay dẫn dắt. Đức Cao Triều có dạy:

*“Muốn thực hiện thế nhân hòa mà không dùng ngôn từ của người đời nay, không dùng tâm tư của người đời nay thì mong gì người đời hiểu được ta mà phổ độ.”*<sup>3</sup>

Ngoài đời đang kêu gọi việc chấn hưng giáo dục nước nhà.

Đào tạo và huấn luyện Thanh thiếu niên là thế mạnh của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, là chiếc đầu tàu kéo cho các nơi khác trong Cao Đài giáo trông vào và học tập. Để phát huy thành quả này của Cơ Quan chúng ta, việc chấn hưng cải cách toàn diện lãnh vực đào tạo hầu đáp ứng và đón đầu cho việc hội nhập với đạo với đời, phải chăng đây không phải là điều hết sức cần thiết cho việc thực hiện sứ mạng của Cơ Quan?

*“Cuối cùng Bản Đạo nhắc nhở chư hiền đệ hiền muội Cơ Quan. Một tổ chức đầu lớn đến mức nào đi nữa mà thiếu phương pháp hoạt động cũng khó phát triển.*

*Có phương pháp mà thiếu sự hòa hợp như tâm là làm một công việc của công dã tràng. Điều đáng lưu ý là cần thực hành đúng (...) đúng nguyên tắc đã vạch ra (...) Đạo cứu đời, người đạo phải là gương cho đời nhìn vào mới giúp được đời.*

*Chư hiền đệ hiền muội ghi nhớ.”*<sup>4</sup>

Do đó:

1. Với các Tu sinh – Tu sĩ trong khi còn phải chờ đợi khá lâu mới được học lên chương trình Giáo sĩ trong đó có bồi dưỡng kỹ năng thuyết trình thì nên chẳng ngay từ cấp Tu sĩ chương trình đào tạo huấn luyện cần bổ sung phần bồi dưỡng kỹ năng sư phạm vì các em sẽ áp dụng khi hướng dẫn các cấp ngay tại Cơ Quan hay tại các Thánh thất địa phương của các em. Phần thực tập trong chương trình đào tạo sẽ được bố trí trong các cấp lớp Lễ Nghi và Phổ Huấn.

Nên phục hồi lại việc họp trao đổi kinh nghiệm giảng và quản lý lớp giữa các giảng viên,

3. Đức Cao Triều Phát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-02 Nhuận Ất Sửu (31-3-1985).

4. Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Giáp Dần (01-9-1974).

nếu cứ 3 tháng chưa làm được thì ít ra mỗi 6 tháng có một lần.

2. Một trọng điểm cần sâu sát thực hiện là việc minh tra để nâng cao chất lượng đào tạo. Đây là môi trường sư phạm chuẩn mực gương mẫu, bằng mọi giá phải thể hiện đúng với tác phong đạo hạnh của người tu để có thể huấn luyện nên những lớp người tiếp nối đủ sức gây tạo nên tình cảm mến yêu cho đồng đạo cho Thanh thiếu nhi, khi các Tu sĩ thực hiện sứ mạng giáo dân vi thiện.

3. Muốn thành công, phải đầu tư đúng mức tâm sức, ngày giờ, kế hoạch, phương pháp thực hiện và cả tài chánh nữa.

Trong khi chờ đợi đầu tư xây dựng một cơ ngơi khả dĩ đáp ứng nhu cầu tập trung Thanh Thiếu Niên, Tu sĩ để được quản lý, đào tạo huấn luyện toàn diện cả các mặt tâm hạnh đức tài thì việc điều chỉnh, tăng cường giờ thực tập trong chương trình kế hoạch đào tạo là điều cấp thiết không thể chậm trễ nữa.

4. Cần thực hiện ngay, nghiên cứu định hướng ứng dụng công nghệ thông tin vào việc thực hiện sứ mạng phổ thông giáo lý. Giáo dục cho các em ngay từ lớp Lễ Nghi Đạo Đức thấy được những mặt tốt và mặt hạn chế của internet.

## TẠM KẾT

*“Này các em, vấn đề không phải để than phiền quá khứ, mà phải kiên toàn hiện tại để xây dựng tương lai. Đại Đạo khai minh trên mảnh đất nhỏ bé này, dù trong hoàn cảnh nào, thời gian nào, Đại Đạo cũng đã tự nhận một giá trị, một sứ mạng nào đó rồi. Giá trị ấy, sứ mạng ấy có được,*

*không phải chỉ nằm trong văn kiện, trong giấy trắng mực đen.*

*Đại Đạo đạt được giá trị và sứ mạng có đặt để là nhờ những người nối tiếp cùng nhau xây dựng. Một cá nhân một sứ mạng, mỗi thế hệ một trách nhiệm riêng. Điều cần yếu là cùng nhau kết hợp, cùng nhau nối tiếp để tiến bộ, để xây dựng.”<sup>5</sup>*

Mùa Khai Minh Đại Đạo lại về, với lòng thành hướng về tương lai, nơi đây chỉ là một vài phác thảo cơ bản gợi ý.

Chúng ta chỉ còn khoảng 12 năm khi hướng về thời điểm sẽ kỷ niệm 60 năm hoạt động của Cơ Quan và 100 năm Cao Đài. Thời gian tuy không còn nhiều nhưng cũng đủ để tạo nên đột phá về chất lượng đào tạo hầu đáp ứng cho nhu cầu hội nhập nếu chúng ta chung sức, chung lòng thành tâm thực hiện từ những huynh tỷ Giáo sĩ, Tu sĩ đến các nhân viên nòng cốt ở bên trong đến bên ngoài Cơ Quan.

Tất nhiên ý tưởng vẫn chưa toàn diện và còn có chỗ khuyết khiếm, rất mong có sự hưởng ứng suy tư của quý huynh tỷ đệ muội, nhứt là với những ai đã từng sinh hoạt Thanh Thiếu Niên Phổ Thông Giáo Lý.

*“Đặt trọn lòng tin nơi Đấng Chí Tôn và Đại Đạo.*

*Quyết tâm nắm cờ Đại Đạo để cầm mọi nơi ngõ hầu cứu độ toàn nhân loại.”<sup>6</sup>*

Rất lòng thành kính.

MÙA KHAI MINH ĐẠI ĐẠO QUÝ TỶ - 2013. ■

5. Đức Cao Triều Phát, Nam Thành Thánh thất, 23-8 Canh Tuất (22-9-1970).

6. Đức Cao Triều Phát, Ngọc Minh Đài, 30-10 Đinh Mùi (01-12-1967).



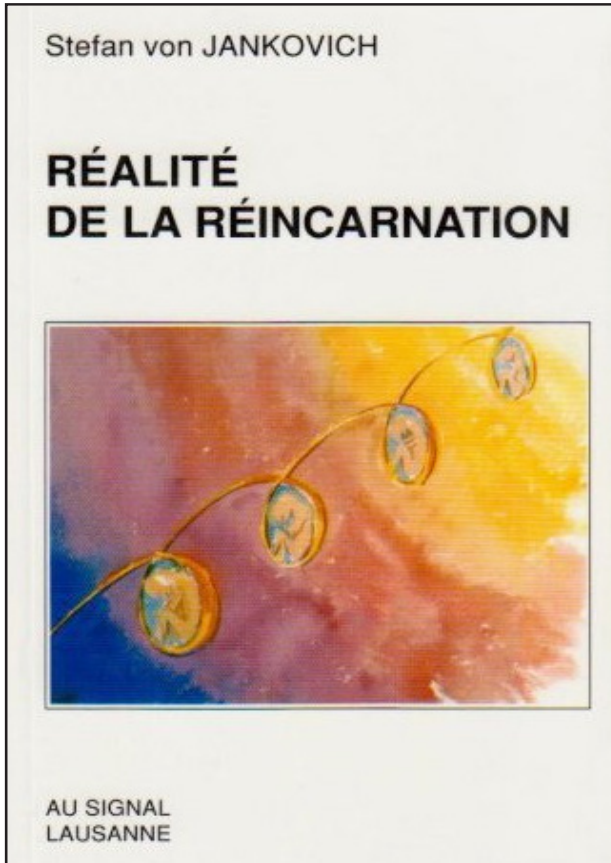
(...)

Trong một tổ chức, một cơ quan với sứ mạng đã được đặt để từ Thượng Đế Chí Tôn, các em hãy thương yêu nhau, hãy tin cậy lẫn nhau, dầu cho đến ngày pháp nạn mà các em vẫn hòa hợp thành một khối tình thiêng liêng thì cũng đã hóa giải được rồi. Ngược lại, các em sẽ tự phá sản trước ngày pháp nạn.

■ CHỮ ĐẠI TIÊN TIẾN KHAI ĐẠI ĐẠO, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 15-10 KỶ MÙI (04-12-1979).

# SỰ THẬT VỀ LUÂN HỒI

■ QUÁCH HIỆP LONG



Có khi nào chúng ta tự đặt câu hỏi “Chết là hết hay không?” và thử suy tư, tìm câu trả lời... Tôn giáo và Khoa học quan niệm ra sao? Đức Chí Tôn có dạy chúng ta về sự Chết như sau: “*Sự chết, thường thế gian gọi chết là hết, là vì dốt không biết Đạo nên tưởng lầm. khắp trong nhân loại trong mặt địa cầu này, phần đông vì kính thờ tà quái mà tà quái vốn chứa sự chết thì tức nhiên chúng nó ở trong vòng sự chết là phải tiêu diệt, thì biết bao giờ biết đặng sự hằng sống là gì... Cười... Nếu Thấy không đến kịp, thì các con cũng vẫn bị trong vòng sự chết.*”

Theo Đạo Học Chí Nam, sanh tử là hiện tượng biến dịch: “*Biến dịch sanh tử là lẽ biến hóa mà ai ai cũng đều nhận thấy được. Vũ trụ*

*và nhơn sanh đều nằm trong công lệ đổi thay của Trời – Đất đó. Nhưng sự biến hóa này chẳng phải ngẫu nhiên, vô căn cứ. Nó là kết quả của sự sanh sống, của tâm tư con người. Hễ tạo nhân thế nào thì phải chịu quả thế đó, như bóng theo hình.*

*Vấn đề sống là một vấn đề quan trọng nên từ xưa đến nay, khắp đông tây, hiền triết đều nhắm vào đó để xác định công lệ biến dịch, giải quyết một phần âu lo thắc mắc của con người.”*

Thật vậy, trong khoảng chừng 20 năm nay, có nhiều sách vở và tài liệu khoa học đặc biệt nghiên cứu về hiện tượng N.D.E. (Near Death Experiences) lúc con người sắp chết. Người ta muốn biết chết là hết hay là có một sự sống khác tiếp tục sau cái chết ở trần gian. Trên site internet của Truyền Hình Radio – Canada, có kể lại hai bác sĩ miền Bắc Âu (Scandinavie) Karl Osis và Erlunder Haraldsson đã thu thập trên 1000 trường hợp những người lúc hấp hối trước mặt các bác sĩ và y tá, tại Ấn Độ và tại châu Mỹ. Các dữ kiện ghi nhận được cho thấy hiện tượng xảy ra ngay sau khi chết không bị ảnh hưởng bởi phong tục, văn hóa hay tôn giáo của người chết cũng như của các người chứng kiến.

Các bác sĩ đã kết luận như sau: “Theo nhận định của chúng tôi, nhiều điểm tương đồng trong các trường hợp khảo cứu tại Ấn và Hoa Kỳ ghi nhận được từ những người sắp chết đều cho thấy một cách hiển nhiên sự hiện hữu một hình thức sống khác sau cái chết của thể xác.”

Năm 1998, trong một tài liệu nghiên cứu khoa học (Journal of Scientific Exploration, vol. 12, n°3, trang 395 đến 398, 1998) của ba bác

1. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Toà Thánh Tây Ninh, 22-7-1926.

2. Đạo Học Chí Nam, Minh Lý Thánh Hội, chương II, tiết 3 “Tánh là Nhân Bản,” mục 3 “Biến Dịch Sanh Tử,” 1971, tr. 46.

sĩ thần kinh học Hoa Kỳ Emily William Cook, Bruce Greyson và Ian Stevenson “Do Any Near-Death Experiences (NDE) Provide Evidence for Survival?,” Đại Học Virginia và trên site internet đài truyền hình Radio-Canada đều có kể lại trường hợp của Ông Stefan von Jankovich, người Hung Gia Lợi, vì các chi tiết ông kể lại rất chính xác. Ông đã do dự rất lâu trước khi cho xuất bản các sách của ông viết vì lúc ban đầu có nhiều người cho là ông bị ảo tưởng (hallucinations). Sau đó nhờ sự khích lệ của linh hồn của một người bạn đã nhập vào một người đồng tử khuyên ông nên xuất bản sách để giúp cho nhiều người biết về thế giới vô hình và sự luân hồi (sẽ kể sau). Ông cũng đã được mời tham dự các cuộc thảo luận trên đài truyền hình Đức, Ý, các cuộc diễn thuyết, Hội nghị Thần học Thiên Chúa, v.v. Ông cũng được gặp Đức Giáo Hoàng Jean – Paul II để trình bày quan điểm của ông về Luân Hồi Sinh Tử, v.v.

## **A. CÂU CHUYỆN CỦA STEFAN VON JANKOVICH**

Stefan von Jankovich sinh ngày 26-01-1920 tại Budapest, theo học ngành Kiến Trúc và giảng dạy về Quy hoạch đô thị (Urbanisme – Town Planning). Năm 1956, ông sang Thụy Sĩ, lập nghiệp tại Zurich và Laguno về Kiến Trúc và Quy hoạch đô thị. Ông là một người Thiên Chúa giáo rất ngoan đạo.

Ngày 16-9-1964, trong chuyến đi từ Zurich đến Lagano, trên chiếc xe nhỏ kiểu xe đua nóc trần, do người bạn đồng nghiệp lái, ông bị tai nạn rất nặng với 18 vết thương, ngất xỉu ngay tại chỗ. Tim ông đã ngưng đập trong gần 6 phút nhưng nhờ có hai bác sĩ trong đoàn xe trên xa lộ cấp cứu liền. Lúc đầu, sau vài phút nhanh chóng cấp cứu, một vị bác sĩ nói là ông đã chết và xin một người lính trong đoàn xe công voa một tấm vải lớn để đắp lên xác ông. Người bác sĩ thú nhĩ quyết định chích ngay vào tim ông đã ngưng đập một liều “adrenalin.” Sau đó, Ông được chở về điều trị tại bệnh viện Bellinzona.

Trong khoảng chừng hơn 5 phút đồng hồ, tim ngưng đập, Ông Jankovich xuất hồn ra khỏi thân xác, quan sát cảnh xe đụng làm ông chết, thấy được một vài tiền kiếp của ông ở Dalmatie, Venise, Egypte, Crète và sự tự phán xét những tội phước của mình trước lương tâm và cảm nhận được tình thương bao la của Thượng Đế...

Trong thời gian hơn 3 năm trị bệnh ở nhà thương, ông đã ghi lại các chi tiết và sau khi lành bệnh ông đã đi tìm lại, kiểm nhận các dữ kiện, bằng chứng mà ông đã thấy được trong trí nhớ trong khi ông suýt chết rồi viết lại nhiều sách:

- La Mort, Ma Plus Belle Expérience
- Les Arcanes Egyptiens, Au Royaume d’Orisis, Isis et Horus
- Réalité de la Réincarnation (do André Delcourt dịch ra tiếng Pháp năm 1994 từ tiếng Đức.)

Những sách này hiện còn bán trên internet và các nhà sách.

Sau đây là lời thuật lại của ông Jankovich trong lúc ông chết đi trong khoảng hơn 5 phút đồng hồ (phỏng dịch lại từ tài liệu của chương trình truyền hình Par 4 chemins của Radio-Canada).

### **I. NHỮNG DIỄN TIẾN SAU KHI CHẾT:**

Kinh nghiệm về sự chết của tôi bắt đầu từ khi tim tôi ngưng đập... Thiếu dưỡng khí, các tế bào của não bộ bắt đầu biến đổi. Đúng lúc đó, hồn tôi xuất ra khỏi thể xác vật chất. Trong khoảng thời gian này, tôi không còn cảm xúc gì nữa. Tôi không nhớ điều gì hết.

(... ) Trong giai đoạn đầu của cái chết của thân xác vật chất (la mort clinique), thân thể vô hình hay đệ nhị xác thân nói theo thuật ngữ Cao Đài (corps astral) và các phần tâm linh cao cả của linh hồn tôi tách ra khỏi cái thân xác thịt xấu xa, giả tạm và bị thương trầm trọng; tôi nhận biết được có một cuộc sống ở trần gian và một cuộc sống bên kia thế giới vô hình đang tiếp tục... Lương tâm của tôi được mở rộng ra (...) Tôi đã trải qua ba giai đoạn sau:

1. Biết mình đã chết.
2. Quan sát thấy cái chết của chính mình.



3. Xem cuốn phim về các tiền kiếp của tôi và sự phán xét của chính tôi về đời tôi.

(...) Thành linh, sự nhận thức của tôi trở lại. Tôi tự cảm thấy được thoát ra khỏi tình trạng hồi hộp, đè nặng làm nghẹt thở ban đầu. Tôi cảm thấy được nhẹ nhàng và tự nói “Mình được sống sót sau tai nạn đụng xe.” Tuy nhiên, tôi tự biết liền ngay tôi thức giấc không như những lúc bình thường, tôi cảm biết rõ ràng liền là tôi đã chết và rất ngạc nhiên khi thấy sự chết không có gì là khó chịu cả, không có gì làm tôi sợ. Không chút gì lo lắng, tôi tự nghĩ “Tôi rất sung sướng đã chết.” Và với một vài tò mò, tôi đang chờ xem các sự việc sắp diễn ra.

Tôi rất vui và tò mò như một đứa trẻ ngày trước đêm Noël. Tôi tự cảm biết tôi bay bổng và nghe một điệu nhạc hòa tấu thật hay trong sự hòa điệu của âm thanh, lời nói và màu sắc. Tôi có cảm giác là tôi không có một mình, song tôi không thấy ai cả. Một sự bình an và hòa điệu tôi chưa từng thấy đang được tràn ngập trong lòng tôi. Tôi sung sướng lắm, không còn vấn đề gì nữa. Tôi tự do: không ai ở dưới thế gian (cha mẹ, vợ con, bạn bè hay kẻ thù) có thể làm xáo trộn được sự bình an thiêng liêng này của tôi.

(...) Sau khoảng thời gian ngắn đó, thành linh bức màn được kéo lên cho một diễn tuồng mới. Thiệt là kỳ lạ khi tôi cảm nhận tôi đang bay bổng, bổng bễ trên không, nhìn thấy cái xác không hồn bị thương nặng của tôi bên dưới. Tôi thấy hết cảnh tượng nơi xảy ra tai nạn. Tôi nhìn thấy chiếc xe hơi của tôi và nhiều người bu quanh. Một hàng dài xe hơi. Một vị bác sĩ đang cấp cứu tôi. Tôi nghe và hiểu tư tưởng của mọi người bên dưới. Một người đàn ông quỳ bên phải xác tôi chích một mũi thuốc vào cánh tay trái. Tôi thấy tay chân tôi bị gãy và máu chảy bên phải... Vị bác sĩ cạy miệng của tôi bằng một thanh gỗ để lấy các miếng chai trong miệng tôi ra. Bác sĩ cố gắng cứu tôi nhưng khi ông thấy xương sườn tôi đã gãy, ông nói ông không thể xoa bóp tim tôi được nữa. Chẳng vài phút sau ông đứng dậy và nói “Thôi hết rồi, không thể làm gì được nữa, ông ta đã chết!”...

Thật là lạ, ở bên trên tôi không những nghe được lời nói mà còn hiểu cả tư tưởng của những người bên dưới. Thí dụ, có một người đàn bà đi với một em bé 7 tuổi. Em bé sợ quá khi thấy xác chết của tôi, muốn bỏ chạy. Bà đã kéo ghì em lại vài phút để cầu nguyện Đức Chúa Trời và Mẹ Maria tha tội cho tôi. Lời cầu nguyện của Bà đã thật làm tôi rất cảm động và tạo cho tôi một niềm vui thật sự. Tôi cảm nhận được một làn sóng tư tưởng thiện cảm. Ngược lại, một ông già có bộ râu mép đã có những tư tưởng xấu về tôi: “Lần này thì ông bị nạn rồi đó, với chiếc xe thể thao này, chắc chắn là ông lái ẩu lắm!” Bên trên, tôi muốn chặn tư tưởng ông ta lại: “Đừng nghĩ bậy này ông! Đâu có phải tôi lái chiếc xe này đâu. Tôi chỉ là người cùng đi trên xe.” Và tôi đã nhận được những làn sóng tư tưởng xấu và ác ý của ông ta.

Tháng 9 năm 1992, Giáo sư Ian Stevenson (USA) đã đến Zurich gặp ông Stefan von Jankovich (SvJ), phỏng vấn ông trong 8 tiếng đồng hồ. Trong tài liệu nghiên cứu NDE (Near-Death Experiences) của Đại Học Virginia, có kể lại là Ông Stefan von Jankovich ba năm sau khi đã được trị lành bệnh, có đi tìm ra được người đàn ông này trong văn phòng làm việc của ông ta nhưng ông JANKOVICH không nói chuyện với ông này. Ông cũng đã tìm ra được người đàn bà với em bé. Khi gặp bà, ông đã nói chuyện với bà như sau:

svj: Có phải bà có một chiếc xe màu đỏ không?

Người đàn bà: Dạ đúng vậy.

svj: Bà có một người con gái 10 tuổi? [Điều này đúng vì tai nạn xe đã xảy ra 3 năm trước].

Người đàn bà: Dạ vâng [Bà gọi em bé trong phòng ra chào].

svj: Bà có nhớ một tai nạn xe cộ trên xa lộ đi Bellinzona cách đây chừng 3 năm không?

Người đàn bà: Không, tôi không nhớ.

svj: Xin Bà vui lòng ráng nhớ lại. Bà đã đi ra khỏi xe có thể là để nhìn cái xác của người đàn ông bị chết.



Người đàn bà: Dạ vâng. Đúng rồi. Tôi nhớ lại rồi.

svj: Và Bà đã cầu nguyện cho người đàn ông đó.

Người đàn bà: Dạ đúng như vậy.

svj: Tôi là người đàn ông đó đây.

Đến đây thì ông Stefan von Jankovich và người đàn bà cùng khóc lên. Giáo sư Ian Stevenson hỏi ông Jankovich cho biết địa chỉ của người đàn ông và người đàn bà để đến phỏng vấn riêng nhưng ông Jankovich trả lời ông không còn nhớ vì đã 28 năm trôi qua rồi từ khi tai nạn xe xảy ra.

Bây giờ chúng ta hãy trở lại câu chuyện của Stefan von Jankovich. Chuyện kể tiếp:

(...) Sau một lúc quan sát chính cái chết của tôi. Tôi đã muốn đi xa hơn... tôi bay lên cao hơn. Tất cả đều thật bình an, tuyệt diệu, hòa điệu. Âm thanh và ánh sáng tràn ngập tâm hồn tôi. Tôi có cảm giác là được bao quanh bởi các Đấng Tốt Lành. (...)

## II. TỰ PHÁN XÉT ĐỜI MÌNH:

Sau khi đã xem lại cuốn phim về các tiền kiếp của tôi... Tôi tự phán xét cuộc đời của tôi bằng chính lương tâm tôi. Điều đặc biệt là chính tôi tự phán xét lấy tôi, chứ không phải một vị Thần Linh hay một Quan Tòa trên cõi vô hình, Đấng Thượng Đế tối cao hay một Quan Tòa của ngọn lửa tận thế nào! Không, đó chính là tôi. Và tôi đã phán xét tôi không bằng các tiêu chuẩn đạo đức trần gian mà theo Luật Điều Hòa Vũ Trụ của Tinh Thương (La Loi de l'harmonie cosmique de l'Amour).

Nằm trên giường bệnh ở nhà thương, tôi đã bỏ ra nhiều thì giờ tìm hiểu các hiện tượng này. Tại sao tôi đã phán xét cho là tốt một hành động mà theo thông thường đạo Thiên Chúa, luật quốc gia và xã hội đều kết án? Tại sao tôi lại kết án những hành động khiến tôi đã phải hy sinh, chịu cực hình? Làm sao mà có thể như thế được? Tôi đã làm nhiều sai lầm như thế trong đời tôi? Sự phán xét của tôi theo những nguyên tắc như thế đã sai lầm hay chính con người đặt ra các luật ở trần gian đã sai lầm?

Ngày nay, tôi tin chắc chắn rằng tất cả mọi tư tưởng, hành động phát xuất từ lòng thương vị

kỷ được xem là tốt và là những phần tử trong sự tiến hóa tâm linh và thăng hoa linh hồn tôi. Tình thương, sự tận tụy hết lòng, sự sẵn lòng giúp đỡ không do dự, tinh thần đạo đức, lòng tốt và sự hòa hợp là những điều mà tôi đã phán xét rằng tốt.

(...) Bắt buộc người khác làm theo ý riêng của mình là rất sai lầm bởi vì can thiệp vào đời sống riêng tư của họ và làm cho họ không thể tự quyết định cuộc đời của họ. (...) Tất cả các quyết định do lòng ganh ghét, thù hận, ham muốn, tìm kiếm cho được quyền hành hay tiền bạc, do lòng tham, khoe khoang, ganh tị, kiêu ngạo... đều bị phán xét là xấu bởi vì nó đi ngược lại Luật Điều Hòa vũ trụ.

(...) Tôi đã suy nghĩ rất nhiều và tôi chợt thấy ra khi chúng ta bắt buộc người khác làm một việc gì dù đó là một hành động tốt cũng làm mất đi sự điều hòa của Thiên Liêng bởi lẽ Thiên Liêng không bao giờ bó buộc. Tôi cũng đã phải nhìn nhận rằng các quan niệm đạo đức của trần gian đều không có một giá trị nào ở thế giới bên kia. Từ đó tôi rất dè dặt, nghi ngại các tiêu chuẩn của trần gian.

(...) Sự Luân Hồi không thể chứng minh được bằng các phương pháp khoa học. Nhưng đó là những điều tôi đã thật sự biết được trong vài phút thân xác tôi chết theo định nghĩa của y học (la mort clinique). Theo tôi, hình như chúng ta không thể nào thực hiện được trọn vẹn con đường tiến hóa cần phải có trong một kiếp sống được.

## III. CÁC TIỀN KIẾP CỦA ÔNG:

Trong khi xem cuốn phim về cuộc đời của ông, tác giả đã tự nhận thức được mình đã phạm lỗi nhiều lần trong nhiều kiếp khác nhau như lòng tham, sự độc tài, sự bất nghĩa, không chấp nhận được ý kiến của người khác, v.v. Ông tự thấy mình đã không biết học hỏi, sửa đổi các tánh xấu đó của mình trong kiếp chót này! Ông đã thấy lại được tám tiền kiếp của ông:

1. Một lần ông đã là một người đánh cá tên là Pietro Mulinar hay Mulnar, sống ở vùng bờ biển Dalmatie (Ý).

2. Đầu thế kỷ thứ 18, ông là một người thợ đóng tàu (ship carpenter) ở miền Nam xứ Anh, vùng Southampton.

3. Cuối thế kỷ thứ 16, đầu thế kỷ 17, ông là một người đàn bà đẹp tên Bianca ở Venice.

4. Vào thế kỷ thứ V trước Thiên Chúa, ông là một người đàn bà nghèo ở Hy Lạp chịu nhiều khổ sở và hình như có 5 người con.

5. Từ 1290 – 1224 trước Thiên Chúa, ông là một người thợ mài đá, dân nô lệ thời Ramsès II. Ông có tài chạm trổ hình nữ hoàng Néfertari trên vách đá. Ngày nay ông còn thấy rõ các nét chạm trổ đó trong trí ông.

6. Trước đó ông là một thiếu nữ trẻ ở Crète và bị chết khi núi lửa Santorin phun.

7. Xa hơn nữa, ông sống ở các quần đảo Polynésie, trên đảo Rarotonga, làm nghề đánh cá và làm ông Cha trong một làng nhỏ.

8. Vào thế kỷ 16, Ông làm tu sĩ và bị xử án tử. Ông đã bị xử tử bằng năm phát súng bắn lên ngực. Phát súng thứ 4 đã làm ông chết. Ngày nay còn một vết bớt trên ngực ông.

Ông không biết tại sao ông biết rõ các chi tiết như vậy. Sau khi lành bệnh, ông đã đi du lịch đến tận nơi từng địa điểm để tìm lại các kỷ niệm này của các kiếp sống trước. Thường khi tìm ra chỗ, ông có cảm giác nơi đó rất quen thuộc như là nhà của ông, ông tìm ra đường đi một cách thật kỳ lạ.

Sau đây, chúng tôi xin trích lại một mẫu chuyện về kiếp làm người đánh cá Pietro, người Ý, một trong 8 kiếp sống của ông. Pietro sanh năm 1856, chết năm 62 tuổi. Pietro rất nghèo và hà tiện lắm. Ông có một người bạn thân là tu sĩ cứ muốn thuyết phục ông theo đạo mà ông không nghe, mặc dù ông rất thán phục. Ông mới hiểu ra là tại sao ông đã hiểu được tiếng Ý một cách dễ dàng ở nhà thương sau khi bị tai nạn xe. Ngày nay, ông nói tiếng Ý mặc dù ông không có học. Ông đã tham dự các hội nghị bằng tiếng Ý và trên đài truyền hình Ý về Sự Luân Hồi.

Trong khi chết đi, ông đã khám phá ra rằng người bạn thân tu sĩ ngày xưa của Pietro tiền

kiếp của ông, ngày nay cũng là một người bạn thân trong hiện kiếp, làm Giám đốc một trong những nhà băng chánh ở Thụy sĩ và là Phó Giám đốc Trung tâm Rockefeller ở Nữ Ước. Ông này lúc bấy giờ được xem là một nhà chuyên môn nổi tiếng về thị trường chứng khoán (la Bourse). Vài năm sau tai nạn xe, ông đã kể chuyện lại cho ông bạn này nghe rằng hai người đã là bạn thân trong thế kỷ trước. Dĩ nhiên, người bạn giám đốc nhà băng không hề tin các câu chuyện này và cho là ông đã sống với các ảo giác (hallucinations). Ông cố gắng thuyết phục người bạn nhưng ông kia cứ mãi không tin. Cuối cùng họ giao ước với nhau, nếu ai chết trước thì phải tìm cách cho người còn sống biết ai sai ai đúng; Mùa thu năm 1970, ông bạn giám đốc nhà băng của ông bị đứt mạch máu nhồi tim (infarctus) chết tại Nữ Ước. Sau đó, ông trông chờ một dấu hiệu của người bạn xưa qua đời nhưng chờ hoài chẳng thấy gì cả!

Cho đến tháng 01 năm 1971, vào một buổi chiều, tại Zurich, ông đến viếng nhà một người quen, vị này có một thiên phú đặc biệt về đồng tử. Trong lúc đang nói chuyện thì bỗng nhiên người quen này lên đồng và nói có một chơn linh muốn nói với ông một vài điều quan trọng. Chơn linh này tự xưng là người bạn giám đốc nhà băng. Ông Jankovich không tin liền và thử đặt một vài câu hỏi mẹo (questions piège) để kiểm chứng coi có thiệt như vậy không? Mỗi lần chơn linh đều trả lời đúng một cách thật chính xác. Nhưng ông cũng còn hơi nghi ngờ vì nghĩ là chơn linh này có thể đọc được tiềm thức của mình. Đến một lúc thì người đồng tử gõ một cái thật mạnh lên bàn và nói “Thôi đủ rồi với sự nghi ngờ ngu muội của ông!”

Tôi có bốn điều muốn nói và vài việc nhờ ông giúp:

1. Ông hãy nói với vợ tôi đừng bán cái nhà ở New Jersey bây giờ. Hãy chờ đợi, sáu tháng sau bà có thể bán cái nhà này giá cao hơn 300000 đô la. Người mua hiện thời muốn lợi dụng tình thế trả giá xuống rất thấp.

2. Nói với vợ tôi là người con gái tên “Mini”

của chúng tôi đã bị mất tích trước đó (Cảnh sát đã cho là bị bắt cóc và ám sát chết) hiện còn sống và sẽ tìm trở về nhà trong nay mai. Hãy tiếp đón Mini với tất cả tình thương.

3. Đúng rồi, tôi với ông là bạn thân nhau trong quá khứ. Ông là người đánh cá và tôi lúc đó là tu sĩ.

4. Những gì ông kể cho tôi về cái chết của ông đều đúng. Bản viết tay của ông về các mẫu chuyện Luân Hồi hay lắm! Hồi trước ông có đưa cho tôi, mà tôi không chịu đọc. Ông nên phổ biến nó để giúp cho nhiều người khác biết về điều này.

Sau khi nói xong bốn điều này thì vong linh bạn tôi từ già mặc dù tôi còn muốn tiếp tục... Tôi thật bàng hoàng, nhưng ngay hôm đó tôi lập tức viết thư báo tin cho người vợ của bạn tôi ở New York. Tôi không dám nói là đồng tử cho biết như vậy mà nói là tôi đã nằm mơ thấy. Sau đó, tôi nhận được thư trả lời: “Stefan thân mến! Thiệt là tốt lắm, anh còn nằm mơ và mơ thấy chồng của tôi! Nhưng cả anh và tôi đều biết là giấc mơ không thật và không thể xảy ra được. Tôi sắp sửa bán nhà. Giấy tờ đã ký tên, còn chờ 4 tuần nữa người mua đi Hong Kong trở lại thì xong. Tôi sẽ có thể trở về Thụy sĩ. Còn về việc đưa con gái Mini, đối với chúng tôi cũng như đối với cảnh sát, việc này đã giải quyết xong rồi. Xin đừng nhắc tới nữa làm sống lại nỗi buồn của tôi.”

Nhưng 10 ngày sau, tôi nhận được điện tín cho hay đưa con gái Mini về nhà bình an. Sau đó, tôi được thư Bà cho biết không bán cái nhà liền và 6 tháng sau bà đã bán được nhà với giá 290000 đô la nhiều hơn.

Các điều này đã khiến ông có can đảm phổ biến rộng rãi các sách viết về Luân Hồi của ông. Sách được viết bằng tiếng Đức và sau đó được dịch ra Anh, Pháp và Ý.

#### **IV. SỰ LUÂN HỒI THEO THIÊN CHÚA GIÁO:**

Ông Stefan von Jankovich đã ra công nghiên cứu để hiểu sự thật trong Kinh Thánh về vấn đề này và thật sự muốn biết Chúa Jésus đã giảng dạy như thế nào? Kinh Thánh ngày nay sau hơn 2000

năm đã thay đổi qua những kỳ Hội Nghị cấp Giám Mục (Concile des Evêques) như thế nào qua những tìm kiếm, khám phá của ông trong lịch sử của đạo Thiên Chúa. Tác giả cũng cho chúng ta biết được một khám phá tình cờ ngay sau đệ nhị thế chiến hơn 800 bản gốc viết tay về các Lời Giảng trong Kinh Thánh (manuscripts bibliques de Qumrân – xem thêm Wikipédia) tại vùng núi non hiểm trở ở bờ Biển Chết (la mer Morte).

Vào năm 68, quân La Mã đã tàn sát hơn 4000 dân Do Thái Esséniens<sup>3</sup>. Để gìn giữ các Lời Dạy Đạo, những người Do Thái Esséniens cuối cùng này đã đem các bản viết tay bằng da về Kinh Thánh cuộn lại cất trong những cái bình bằng đất đập lại kỹ lưỡng rồi đem giấu trong những hang sâu vùng núi non hiểm trở tại bờ Biển Chết. Vài tháng gần đây, đài truyền hình Pháp France 2 cũng đã loan tin các tài liệu văn bản này sẽ được người ta phục hồi trở lại nhờ vào các phương tiện khoa học tiến bộ ngày nay để đem ra tiếp tục khảo cứu chính xác hơn...

Chúng tôi xin nhấn mạnh ở đây ông Stefan von Jankovich là một người Thiên Chúa rất tin đạo, tin Chúa và ông hoàn toàn tin 100 % là có sự Luân Hồi sau lần kinh nghiệm bản thân trong tai nạn xe suýt chết. Bởi lẽ đạo Thiên Chúa ngày nay không có bàn đến luân hồi, tuy không cấm điều này nhưng cũng không công nhận công khai. Theo như lời kể lại của ông trong một cuộc bàn cãi công khai trước công chúng kéo dài 2 giờ 30 phút trên đài Truyền Hình ZDF tại Đức ngày 09-01-1986 của ông với nhà Thần Học Thiên Chúa Andreas Resch, Giáo sư Đại Học Latran tại Rome. Chúng tôi sẽ trích ra một vài đoạn quan trọng lát nữa đây.

---

3. Năm 1948 nhà khảo cổ Do Thái Eleazar Sukenik là người đầu tiên đã viết một tài liệu chứng minh sự liên hệ của những văn bản viết tay bằng da này và nội dung của nó với nhóm dân ly khai Do Thái Esséniens. Một vài tác giả khác cho rằng Chúa Jésus và Jean Baptiste cũng thuộc vào cộng đồng này nhưng không đưa ra được bằng chứng nào. Các sử gia cho biết người Esséniens sống độc thân, ăn chay và có một đời sống rất nghiêm khắc kỷ luật với bản thân theo sự diễn tả trong Kinh Torah của Thánh Moïse. (theo Wikipédia nov 2008).

Sau đây, chúng tôi phỏng dịch lại các nhận xét rất thú vị của tác giả. Theo ông, chúng ta đã trải qua nhiều kiếp và sống ở nhiều nước, nhiều lục địa, lúc là đàn ông, lúc đàn bà, theo nhiều tôn giáo khác nhau và thuộc nhiều giống dân khác nhau. Nhưng ngày nay, tôi (tác giả) là một người theo đạo Thiên Chúa, tôi sẽ không tìm cách giải thích sự Luân Hồi theo những quan niệm đồng phương mà bằng giáo lý của Thiên Chúa.

Tôi biết chắc chắn sự thật hiển nhiên của luân hồi. Thật là đáng tiếc, cái gia tài căn bản đó không được giảng dạy tại các Hội Thánh Thiên Chúa giáo. Sự luân hồi, theo tôi, sẽ trả lời ngay cho chúng ta nhiều câu hỏi về sự hiện diện của con người trên trái đất này. Điều mà giáo hội Thiên Chúa ngày nay hình như không thể trả lời thỏa đáng cho chúng ta. (La réincarnation permettrait, à mon avis, de répondre directement à de nombreuses interrogations sur l'existence de l'homme sur terre, auxquelles les églises chrétiennes actuelles ne semblent malheureusement pas toujours pouvoir apporter des réponses.)

Theo ông, người Do Thái ở xứ Palestine đã hiểu biết rất rõ về Luật Nhân Quả và sự tái sinh của linh hồn trong nhiều thể xác khác nhau trên đời. Trong quyển “La Guerre des Juifs (Chiến Tranh của Người Do Thái), Flavius Josèphe (37 – 100) cho biết rằng đối với dân Esséniens, Nazaréens hay những nhóm người Do Thái Thiên Chúa, thân xác con người thì tạm bợ, trong khi linh hồn thì bất tử, có trước khi sanh và sẽ tồn tại sau khi chết.

Ông đã tự tìm tòi và tìm thấy sự giảng dạy này một cách gián tiếp trong Kinh Thánh (trang 123 Réalité de la Réincarnation) trong Evangiles (Mathieu XI, 11–14, XIV, 1–2 etc); Marc I, 7–8, VIII, 1–2 etc; Luc I, 13–17 etc; Jean III, 3–7 etc. Trong các đoạn Kinh Thánh trên, chính Chúa Jésus đã xác nhận linh hồn của nhà tiên tri Elie sẽ tái sinh lại thành Jean-Baptiste.

Đức Chúa Jésus thành Nazareth có tin vào luân hồi hay không? Ông tự đặt câu hỏi và tìm kiếm câu trả lời. Ông mới biết là trong các bản

viết tay cũ (les manuscrits de Qumrân) của Kinh Thánh ngày xưa mà sau này người ta tìm thấy được sau đệ nhị thế chiến tại vùng biển Chết có thuật lại lời giảng của Chúa như sau:

Đức Chúa ngồi tại cổng vào của đền Thánh và một đám đông tụ lại chung quanh Ngài để nghe lời giảng đạo. Một người đã hỏi: “Thưa Thầy, sự sống được giảng dạy như thế nào?” Chúa trả lời: “Hạnh phúc thay cho những kẻ đã gặp nhiều thử thách trong đời, vì qua sự đau khổ, họ sẽ biết được sự toàn thiện. Họ sẽ là những Thiên thần trên trời và sẽ không chết nữa, không bị tái sinh nữa. Bởi vì sự chết cũng như sự sống sẽ không còn áp chế được họ nữa. (XXXVII, 1–2).

“Cũng như vậy, các sinh vật trong thế giới này đến từ cõi vô hình, sẽ trở về cõi vô hình, rồi lại trở lại thế giới này cho đến khi nào được toàn thiện. Có sự tái sinh ra khỏi thân xác và sự tái sinh trở lại trong thân xác. Và sự thăng hoa của cuộc sống ra ngoài thể xác và sự giáng xuống vào đời sống của thân xác.

“Cái thân xác của các người được chôn xuống mồ hay bị lửa thiêu hủy không là thể xác của lần sau; bởi vì những ai tái sinh sẽ có một thể xác khác. Những gì họ đã gieo trong đời sống, họ sẽ gặt hái trong một kiếp sống khác. Hạnh phúc cho những ai đã chịu những bất công trong kiếp này vì họ sẽ được những niềm vui trong kiếp tới. Hạnh phúc cho những ai đã sống đạo đức trong kiếp này vì họ sẽ được thưởng trong kiếp tới.”<sup>4</sup>

Sự Luân Hồi không bao giờ bị cấm ngăn một cách chính thức trong giáo lý Thiên Chúa mà chỉ bị bỏ trong quên lãng thay vì được dạy trong các Giáo Điều “Credo”. Tại sao?

Vào năm 325, vấn đề “Luân Hồi” đã được nêu lên trong Hội nghị Giám Mục Nicée (Concile de Nicée) tại vùng Tiểu Á (Asie Mineure). Đây là lần đầu tiên Hội nghị cấp Giám Mục công thức hóa các căn bản giảng dạy của đạo Thiên Chúa

4. (XCI I, 2–4) (sách “Réalité de la Réincarnation,” chương VIII, Nxb Au Signal Lausanne).



được đặt tên là “Credo”<sup>5</sup>. Một nhóm đông các Giám Mục và Trưởng Lão đã đề nghị ghi vào Credo sự Luân Hồi. Song le, đa số đã không đồng ý vì bị ảnh hưởng của Nhà Vua. Do đó, ngày nay chúng ta có thể xác định rằng sự Luân Hồi không hề bị ngăn cấm trong đạo Thiên Chúa mà chỉ không được chính thức viết vào giáo lý của giáo hội Thiên Chúa.

Sau đây là một số các dữ kiện về lịch sử trong đạo Thiên Chúa do tác giả viết:

“Để củng cố quyền lực của mình, Hoàng Đế Justinien de Constantinople đã ban hành một lệnh trừng phạt và trục xuất những tín đồ ủng hộ lý thuyết của Origène trong đó chủ trương linh hồn hiện hữu từ các kiếp trước. Năm 543, Đại hội của Giáo hội Đông Phương (le Synode de l’Eglise d’Orient) đã biểu quyết chấp thuận lệnh trục xuất khỏi đạo của nhà vua. Đạo luật trục xuất này thực ra không nhằm vào sự Luân Hồi nhưng muốn chống lại tư tưởng trong học thuyết của Origène về sự hiện hữu của linh hồn trước khi làm người (la préexistence de l’âme). Năm 553, 42 đức Cha đã ủng hộ đạo luật trục xuất này theo ước muốn của nhà vua, 38 vị chống và 4 vị vắng mặt. Đó là những Trưởng Lão ở phương Bắc vùng núi Alpes đã đến trễ vì bị bão tuyết tại đèo Bernina trên đường đi. Họ đến Constantinople ngày 02 tháng 6 năm 553, sau khi Hội nghị đã bế mạc. Đức Giáo Hoàng Virgilius, lúc bấy giờ là tù nhân của nhà vua và đang bị giam lỏng (en résidence surveillée.) đã từ chối không tham dự và điều khiển Đại hội này. Tuy nhiên, 7 tháng sau, ngày 08 tháng 12 năm 553, Ngài đã phải ký tên chấp thuận dưới áp lực của nhà vua; để đổi lại, nhà vua cho quân lính giúp đỡ để đánh lại quân Ostrogoths muốn chiếm các vùng đất của giáo dân.”

Theo tác giả, sự vắng mặt của Đức Giáo Hoàng Virgilius ở Hội nghị Constantinople năm 553, sự hẹp hòi thiếu lòng khoan dung của 11 điều luật

Trục xuất ra khỏi đạo cũng như hoàn cảnh xảy ra trong khi biểu quyết các điều luật Trục xuất này đã tạo cho chúng ta lòng nghi ngờ và nhận thấy điều này trái lại với sự giảng dạy về lòng tha thứ và tình thương mà Đức Chúa Jêsus đã truyền dạy.

Thí dụ, ông đã trình bày điều luật Trục xuất thứ 9 như sau: “Nếu có kẻ nào công nhận hay nghĩ rằng sự buộc tội cho ma quỷ và những người không tin Thượng Đế là tạm thời và có một hạn định theo thời gian hoặc là sẽ có sự tái sinh của ma quỷ và những người không tin Thượng Đế, họ sẽ bị trừng tội, họ sẽ bị nguyên rửa.” (Si quelqu’un affirme ou pense que la condamnation des démons et des hommes sans Dieu est provisoire et connaitra une fin ou qu’il y aura une réintégration des démons et des hommes sans Dieu, c’est-à-dire une apocatastase, qu’il soit anathème, qu’il soit maudit!)

Tác giả đã không đồng ý với các điều luật Trục xuất này và tự hỏi là các hành phạt này có thật là của Thiên Chúa hay không? Theo ông, Đức Chúa Jêsus đã giảng dạy về lòng tha thứ bởi sức mạnh của tình thương. Chúa đã tha lỗi cho kẻ thù của Ngài, Chúa đã khoan hồng cho những kẻ chống lại Chúa và Chúa không nguyên rửa bất cứ một ai!

Ý tưởng về sự Luân Hồi rất quen thuộc với những tín đồ đầu tiên đạo Thiên Chúa. Chúng ta hãy đọc Thánh Kinh, điều luật 90: “Trước khi mà Trời Đất được tạo ra, Ngài là Thượng Đế đời đời. Ngài sẽ để cho con người chết nhưng Ngài nói với họ là “Hãy trở lại, các con cái đã làm người!” Vì một ngàn năm đối với Ngài giống như một ngày trôi qua, giống như một buổi tối.”

Trong các thế kỷ đầu tiên, các linh mục của Giáo hội luôn tuyên bố thật rõ ràng là họ đồng ý với sự Luân Hồi, như Thánh Justin, Clément d’Alexandrie, nhà Thần học Origène, nhà bác học và Thánh giảng đạo Jérôme, Thánh Rufin, Thánh Augustin, Thánh Bonaventure, v.v. Ý niệm “Luân Hồi” giúp các nhà Thần học Thiên Chúa giải thích được tại sao con người sinh ra trên đời này có số mạng khác nhau (người khôn kẻ dại, người giàu kẻ nghèo, v.v.). Họ cũng tin

5. Giáo điều, theo tiếng La Tinh có nghĩa là “Tôi tin” (“Je crois” en Latin).



rằng linh hồn con người tự chọn lựa kiếp sống kế tiếp và mỗi một kiếp sống mới sẽ giúp họ tiến hóa hơn. Như thế sự tái sinh không phải chờ đến thời điểm cuối cùng của thời gian (la fin des temps) nhưng sau mỗi khi chết bằng sự trở lại trong một thân xác mới, hoàn toàn khác với thân xác trước. Họ đã hiểu rất rõ ràng sự tái sinh trong xác thịt khác (la résurrection dans la chair) thay vì sự tái sinh của xác thịt (la résurrection de la chair), một nghịch lý theo luật biến dịch tuần hoàn của vật chất.

Do đó chúng ta hãy vui mừng nhận thấy ngày nay ở phương Tây, càng ngày càng có đông người đồng ý với tư tưởng nguyên thủy của đạo Thiên Chúa khi xưa và nhìn nhận là nhờ ở sự luân hồi mà chúng ta, con người, nhận được ân huệ của Thượng Đế luôn giúp con người thăng hoa lên cao hơn. Tất cả linh hồn đều có phương tiện để đạt đến mục đích đời người là sự hoàn nguyên trở về với Thượng Đế, với nguồn cội, với khởi nguyên hay sự hòa nhập vào cõi Niết bàn.

Ngày 09 tháng 01 năm 1986, trong một chương trình trên truyền hình Đức ZDF, nhan đề “Nhiều Lần Trên Trái Đất” (Plusieurs fois sur Terre,) tiếp theo sau đó là một cuộc bàn cãi công khai với công chúng trong 2 giờ 30 phút về đề tài này. Đến cuối buổi thảo luận, tác giả đã đặt hai câu hỏi thẳng thắn và trực tiếp với nhà Thần học Thiên Chúa Andreas Resch, Giáo sư Đại Học Latran tại Rome như sau:

Sau đây là nguyên văn hai câu hỏi và trả lời trên đài truyền hình:

svj (Stefan von Jankovich): Tôi xin được làm phát ngôn viên của hàng ngàn khán thính giả và được đặt hai câu hỏi còn sót lại với Giáo sư Resch. Câu hỏi thứ nhất: Giáo hội Thiên Chúa có bao giờ đã buộc tội chính thức và bằng bút tự ý tưởng về sự Luân Hồi? Câu hỏi thứ nhì: Là tín đồ đạo Thiên Chúa, tôi có phạm lỗi hay không và có phải là một tội lỗi đáng chết nếu tôi cần đến sự giúp đỡ của thuyết Luân Hồi cho sự tiến hóa của tôi bởi vì tôi cảm thấy rằng tôi không đủ sức đạt được trong một kiếp sống sự toàn

thiện cần phải có để được ra mắt trước mặt của Thượng Đế như đã được dạy trong Kinh Thánh?

Cha Andreas Resch (A.R.): Phải trả lời câu hỏi thứ nhất là không có một quyết định nào về giáo lý của Giáo hội đạo Thiên Chúa chống lại ý niệm Luân Hồi. Còn câu hỏi thứ hai, anh đã nói là anh cần sự giúp đỡ của luân hồi cho sự thăng hoa của mình. Tôi xin thêm vào điều này: nếu mà cách suy tư đó giúp cho anh tiến hóa thì anh hãy theo đuổi con đường đó. Quan trọng là anh hãy đặt vào đó điều mà anh đã nói là giới luật đầu tiên của đạo Thiên Chúa là tình thương, tình thương cho mình, cho người lân cận và Thượng Đế.

Năm 1978, ông Stefan von Jankovich là một trong ba thuyết trình viên đã được giáo hội Thiên Chúa mời đến trình bày về sự luân hồi tại Hội nghị Imago Mundi với đề tài “Sống sau khi chết” (Vivre après la Mort). Tháng 4 năm 1984, Cha Andreas Resch đã trao tận tay Đức Giáo Hoàng Jean-Paul II các tài liệu kết quả của Hội nghị Imago Mundi (14,17 tháng 9-1978).

Ngày 16-6-1985, tác giả đã được gặp riêng nói chuyện với Đức Giáo Hoàng Jean-Paul II về vấn đề này. Tháng 01 năm 1986, người ta thấy lần đầu tiên chữ “luân hồi (réincarnation)” được ghi trong chương trình nghị sự của Đại hội cấp Giám Mục.

Nhà Thần học nổi tiếng Hans Küng<sup>6</sup>, người Thụy Sĩ, cựu giáo sư đại học Tübingen (Đức), cũng cùng quan điểm với tác giả là sự Luân Hồi

---

6. Sinh năm 1928 tại Sursee (Lucerne) Thụy Sĩ, tấn phong linh mục năm 1954, sau khi tốt nghiệp về Thần học tại viện Đại học Grégoire ở Rome. Tiến sĩ Thần học Đại học Sorbonne, năm 1960 làm Giáo sư Thần học viện Đại học Tübingen (Đức) cho đến năm 1996. Bạn học tại đây cùng với Josef Ratzinger hiện là Đức Giáo Hoàng Benoît XVI (từ năm 2005 đến nay). Tháng 12 năm 1979, giáo hội Thiên Chúa không còn công nhận ông là Giáo sư Thần học Thiên Chúa nữa, sau một thời gian dài bất đồng ý kiến về quan niệm học thuyết của Đức Tin Thiên Chúa. Năm 1993, ông sáng lập tổ chức Weltethos “Cho Một Đạo Đức Toàn Cầu” (Pour Une Ethique Planétaire) nhằm phát triển và gia tăng sự hợp tác giữa các tôn giáo trên thế giới. Được trao giải thưởng Hòa Bình Niwano năm 2005. Năm 2007, được giải thưởng của một Phân Hội Franc-Maçon cho các tác phẩm của ông. Tác phẩm nổi tiếng “Être Chrétien” 1971. (theo Wikipédia nov. 2008).

đã được giảng dạy trong giáo lý của đạo Thiên Chúa thời xa xưa.

Tuy nhiên cho đến nay, chúng tôi không biết giáo hội Thiên Chúa ngày nay có nhìn nhận sự luân hồi hay không?

### HIỆN TƯỢNG BƯỚC QUA THẾ GIỚI VÔ HÌNH THEO JOHN WHITE (1939–1990) USA:

John White, người Hoa Kỳ, đã viết nhiều sách nghiên cứu về Sự Chết. Sau đây là những điểm đặc biệt chúng tôi thấy giống như giáo lý Cao Đài dạy về đệ nhị xác thân, linh hồn khi thoát ra khỏi thể xác thì thấy rất nhẹ nhàng sung sướng vì trút được cái gánh nặng như núi Thái Sơn của thể xác đè chặn lên linh hồn (lời dạy của Đức Chí Tôn, 01–10–1936, trong Đại Thừa Chơn Giáo), v.v. Chúng ta thấy lời tường thuật trong quyển “Sự thật hiển nhiên về Luân Hồi” của Stefan von Jankovich cũng giống như vậy. Những đoạn văn này chúng tôi phỏng dịch lại từ quyển “Apprivoiser la Mort” (Làm quen với cái chết), bản Pháp dịch từ nguyên bản tiếng Anh “A Practical Guide To Death & Dying” (xem [www.radio-canada.ca/par4/special/port\\_phenomenes.html](http://www.radio-canada.ca/par4/special/port_phenomenes.html)):

“Theo giả thuyết của chúng tôi, những hình ảnh trước khi chết bao gồm sự cảm nhận khác hơn các giác quan thông thường của con người về cõi vô hình và các sứ giả của cõi vô hình. Chúng tôi đã khảo sát thấy nhiều bệnh nhân, đáp lại lời kêu gọi về thế giới bên kia, đã ra đi dù là theo ý kiến y học, họ có nhiều may mắn còn sống được (...)

Thường thì những sứ giả đó là những chơn linh của các thân nhân trong gia đình họ muốn giúp đỡ người hấp hối trong lúc đi vào thế giới bên kia. Chúng ta phải biết thêm rằng những ảo tưởng của các bệnh nhân về tâm thần hay ảo giác gây ra bởi thuốc phiện rất hiếm khi làm cho người bệnh thấy những người thân của họ.

Các sứ giả ở cõi vô hình có một ý muốn giúp đỡ, dẫn dắt người hấp hối đi qua thế giới bên kia. Sự xuất hiện của họ hình như xuất phát từ một ý riêng của họ. Và đó cũng là một sự tự nhiên, nếu cõi vô hình có thực, những vong hồn đã

chết đến giúp đỡ chúng ta để đi vào cõi ấy. Nhờ vào sự kêu gọi này, những người hấp hối ao ước muốn chết: sự gặp gỡ giữa họ và các sứ giả này hình như là rất khoan khoái, dễ chịu làm mất đi hết mọi giá trị về cuộc sống ở thế gian. Trong vài trường hợp, bệnh nhân thấy biến mất luôn cả các đau đớn.

Chúng tôi cho rằng linh hồn khi tách rời khỏi thể xác sẽ không còn chịu đau đớn hay sự khó chịu. Có vài trường hợp các bệnh nhân về trí óc hay tâm thần tìm lại được sự sáng suốt và cá tính thật của mình trong một khoảng thời gian ngắn trước khi qua đời.

Các công trình nghiên cứu của chúng tôi đã cho chúng tôi rút ra các nhận định như sau:

– Người chết có thể trông thấy, hoặc là một người thân mà họ đã nói cho bác sĩ hay y tá biết, hoặc là một Thánh linh. Trong trường hợp sau, người chết nhận thấy môi trường lạ với họ. Nhưng trong cả hai trường hợp, chỉ riêng người bệnh mới cảm nhận được hiện tượng này. Các hiện tượng này đều tốt lành cho người chết.

– Các kinh nghiệm về sự chết đều giống nhau ở mọi nơi, không lệ thuộc vào trình độ học thức, văn hóa, đàn ông hay đàn bà hay tôn giáo của người chết. Nó liên quan đến một điều rất hệ trọng là có một sự tiếp tục của sự sống sau cái chết của thể xác và cho thấy có sự sắp đặt tổ chức của thế giới bên kia.

– Những người chết trải qua một trạng thái hoàn toàn khác lạ với tình trạng sức khỏe của họ.

– Những người chết hình như thấy sung sướng hơn trong khi các bác sĩ đã cho biết tình trạng của họ thật là bi đát nhưng họ chết trong sự an tịnh, bình an, đức tin và sự phấn khởi tinh thần. Sự thay đổi thái độ này của người chết không do thuốc men hay thuốc an thần, hay do thiếu dưỡng khí ở não bộ hay do bệnh tật của họ.

Tất cả những ảo tưởng, hình ảnh thấy được hay cuộc hành trình về cõi thiên không của người chết hay những xác nhận về cái chết theo định nghĩa y học đều là một giả thuyết không thể chứng minh được.

Có nhiều tác giả đặc biệt nghiên cứu về hiện tượng này như Elisabeth Küber-Ross, Kenneth Ring, Ian Wilson, Michael Sabom, Raymond Moody.

Sau đây là một câu chuyện cũng do John White thuật lại: “Có một người đàn ông đang sắp chết. Trong khi nổi tuyệt vọng của thể xác đã lên đến cùng cực, ông nghe bác sĩ nhận thấy ông chết. Người ta cố gắng cứu ông... Ông bắt đầu nghe một âm thanh ù ù khó chịu và cùng lúc đó ông bị hút rất lẹ vào một đường hầm dài và tối tăm. Sau đó thành linh ông thoát ra khỏi thân xác của ông và nhận thấy thân xác của chính mình từ bên trên... Chừng một lúc sau, ông bắt đầu quen với tình trạng mới lạ này và biết mình có một thể xác khác rất đặc biệt có những khả năng khác với thân xác vật chất mà ông vừa rời bỏ. Tiếp theo ông thấy nhiều linh hồn của bạn bè và thân nhân đã chết trước ông muốn giúp đỡ ông. Và thành linh, có một thực thể ánh sáng tràn đầy Tình Thương hiện ra và khiến ông tự phán xét về cuộc đời mình (...) Ông không còn sợ chết nữa, cảm nhận được năng lực và cả sự sáng suốt của ông gia tăng.”

### THÁNH GIÁO CAO ĐÀI

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển I, Toà Thánh Tây Ninh, Thầy có dạy ngày 22-7-1926 (13-6 Bính Dần) như sau: “(...) Tà mị cũng như một hạt lúa bị hãm mà thúì, thì thể nào mọc đặng mà sanh bông trở trái. Còn bậc chơn tu tí như một hạt giống tốt, hễ gieo xuống thì cây lên, cây lên thì trở bông, trở bông rồi sanh trái, mà biến biến sanh sanh càng tăng số. Vì vậy mà các con phải bỏ xác trần, mà bông trái thiêng liêng các con sanh hoá chơn thân; chơn thân lại biến hằng muôn thêm số tăng lên hoài. Ấy là Đạo.

Bởi vậy, một chơn thân Thầy mà sanh hoá thêm chữ Phật, chữ Tiên, chữ Thánh, chữ Thần và toàn cả nhơn loại trong càn khôn thế giới; nên chi các con là Thầy, Thầy là các con.”

Thánh giáo Đạo Học Chỉ Nam, Minh Lý Thánh Hội, 1971, có dạy như sau: “Xét về Đạo Học thì trong nguyên lý sáng tạo chỉ có sự sống

mà không có sự chết, duy có sự âm dương biến hóa mà thôi. Chữ “Tánh” gồm hai bộ phận “Tâm” và “Sanh” để ám chỉ cơ mầu nhiệm bất di bất dịch, ở trong là biến hóa của âm dương. Âm dương là hai thể đối đãi mà tương thành, đối đãi để chuyển dịch biến hóa từ thể nọ sang thể kia, một trường một tiêu, một thành một hoại, hết hiện đến ẩn, không thấy chỗ nào xen kẽ để nó gián cách nhau mà luôn luôn sống động: hoặc đứng về thể dương thấy là sanh, đứng về thể âm thấy là diệt.

Song có gì sanh thêm hay diệt mất. Trong vũ trụ không hề có một vật nào thêm vô hoặc mất đi. Từ vô thi đến nay, hoặc phải trái qua lại vô cùng, đến đâu cũng chẳng có gì thêm được hay có gì bớt được. Thêm bớt là ý người nhận thức chớ lẽ Trời chưa hề tăng thêm hay suy giảm. Nên người đời nói chết là mất mà ý thức ai cũng lo sợ. Nhưng có mất đi đâu!

Đây, bắt đầc dĩ, Bản Thánh [Đức Thánh Trần Hưng Đạo] cũng tạm nói theo quan niệm của người đời là chết sống để bàn sơ cho rõ nghĩa. Con người từ sinh ra cho đến già nua rồi chết. Thời gian tùy theo sức lực, hoặc dài đôi ba mươi, hoặc năm bảy mươi tuổi. Đó là một đời. Đến khi hết thở, trút linh hồn thì người ta gọi là chết.

Chết rồi đi đâu? Và còn có linh thiêng như ngày còn sống không?

Đó là một vấn đề sẽ bàn tới nhưng sự chết sống theo Đạo Lý thì không nhận chết là mất. Mà đó là sự biến dịch từ thể nọ sang thể kia. Nhưng đâu phải thời gian sáu bảy mươi năm mới có một lần chết mà từ ngày lọt lòng ra chào đời đến già, ta đã chết trăm trăm, ngàn ngàn lần rồi. Trong một giây một phút, một giờ, biết bao sự chết đi sống lại, sống chết liên miên.

Như ta ăn uống vật thực vào trong bụng, vật thực đó tiêu hóa ra khí, ra huyết. Khí huyết đem bổ dưỡng cho cơ nhục tế bào mà gân xương mạnh mẽ, da thịt hồng hào. Đó là sự sống. Nhưng khi ta vận động hô hấp dưỡng khí vào phổi, vào tâm can mà dưỡng khí là lửa cháy ngấm. Nó đốt những tinh trùng, huyết

cầu, cơ nhục bài tiết ra ngoài. Đó là luật đào thải ở bên trong, làm thân thể yếu gầy. Đó là một lần chết, thì một giờ, một ngày biết bao sự thay đổi trong người liên miên chết sống. Sự thay đổi lớn lao là một khi thân thể này bị hủy hoại, biến tan ra đất nước gió lửa. Nhưng rồi đất nước gió lửa cũng nhồi trộn lại mà làm hình thể cho thân sau.

Sự thay đổi chẳng những thân xác này mà cho chí tinh thần cũng đều thay đổi, thể cũ qua thể mới, cõi nọ đến cõi kia. Khi xác hình bị hủy hoại thì tánh, thức bị nghiệp lôi đi vào ở một hình thể mới. Cứ mãi biến hóa, biến hóa để rồi không biến hóa nữa. Chết sống để rồi không chết sống nữa. Thay đổi để rồi không thay đổi nữa.

Sự biến hóa thay đổi là một sự gạn lọc để thăng hoa, để thành công, thành tựu được hoàn mỹ, chí chơn, chí thiện. Khác nào vàng còn trong khoáng phải có sự luyện lọc qua nhiều lần.

Nhưng nói biến đổi là nói cái khu xác này, chứ tự tánh không hề biến đổi. Có khu xác này nên có tình thức. Thế là tình thức thuộc về giả tâm, là hậu thiên khí chất, mà tánh là chơn tâm. Chơn tâm hợp cùng giả tâm thành một cái tâm, cũng gọi là tâm. Xác là thể động, tánh là thể tịnh. Tịnh động giao nhau mà có thân người.

– Người là chi? Thân xác tứ đại giả hiệp này phải không? – Không phải, vì nó là giả hợp, không phải là người.

– Cái tâm có phải người không? – Vì tâm là vô thường, tâm ấy không phải là người.

– Tánh có phải người không? – Vì tánh là vô vi, tánh không phải là người.

Người là tâm tánh và thể hiệp lại. Nên trong người có chơn, có giả, có sáng sủa, có mê lầm, có động điều, có tịnh lặng. Nên có đủ thành phần hoặc lôi tri bó buộc, hoặc cởi mở thoát ly. Tóm lại, không ngoài công lệ âm dương biến dịch.

Biến dịch để làm chi? – Đó là một vấn đề ta nên tìm hiểu. Nếu nói sanh ra rồi chết, chết lại rồi sanh thì con người có thấy được nghĩa lý gì, thú vị gì đâu? Mà còn có gì bổ ích?

Sự thay đổi chết sống kia, theo Lão Tử thấy: vạn vật từ trong chỗ không mà sanh ra có; từ chỗ có mà sanh sanh. Sự sanh sanh ấy, Ngài không cho đó là đi ra mà cho đó là sự trở về. Thật vậy, bất cứ nhứt thiết một sự vật nào cũng phải trải qua một vòng trời vô định, hết vòng chuyển hóa thì lại nhập vào với Đại Thể bao la.

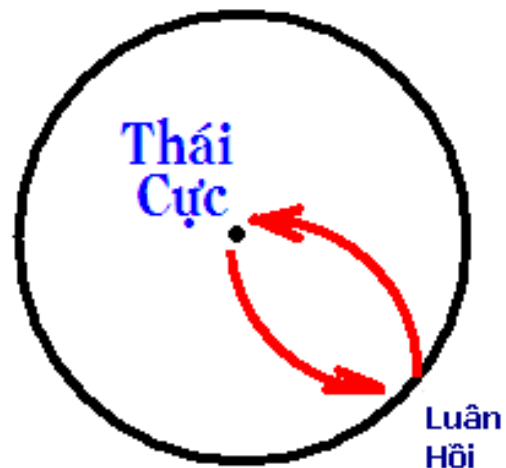
Đây ta cần biết tại sao sanh, tại sao tử? Sanh tử để làm gì – Bao nhiêu vấn đề mà cần giải quyết, không có sự đáp ứng nào rõ ràng hơn là âm dương biến dịch.

Theo Nho giáo, quan niệm sanh tử ở Dịch Lý, hề có sanh ra tức phải có tử. Sanh là sự bắt đầu, mà tử là sự cuối cùng của lẽ Đạo. Nên nói: khi hôn phách hiệp lại là sanh, mà tan ra là tử. Sanh tử là lẽ tất nhiên, hề có sự bắt đầu thì có ngày phải chung kết.

Nhưng chết rồi còn hiểu biết không? Cổ nhân đều tin chết là cái thể xác tan rã chớ cái linh hồn vẫn được tồn tại và tinh anh. “Chết là thể phách, còn là tinh anh.”

Lão giáo cũng nhận như Đạo Dịch nhưng bảo người đã sanh ra, Trời đặt ở đâu, làm người hay làm vật, cứ yên vui an thuận với lẽ sống Trời, giữ còn cái Chơn Tâm không câu nệ, không lo sợ, chẳng thấy sống mà mừng, chẳng thấy sự chết mà buồn. Biết đâu đến chỗ mới lại vui đẹp hơn mà lúc sắp lìa chỗ cũ lại luyến mê đau khổ.

Về Phật giáo, thì vấn đề sanh tử cũng coi là quan trọng nên đặt vấn đề giải thoát trên tất cả đạo sống con người. Vì con người bởi nghiệp





thức vô minh lôi cuốn mãi trong vòng xích nhân duyên, sinh diệt vô thường.”

## KẾT LUẬN

Chúng tôi xin được chia “sẻ với quý vị những lời viết rất chân thành của ông Stefan von Jankovich sau đây để thay lời kết luận: “Tôi là một người bình thường nhưng nhờ ơn Thượng Đế đã cho tôi hiểu biết và thực nghiệm về cái chết và nhớ lại vài tiền kiếp của tôi. Những kinh nghiệm về sự luân hồi đã giúp cho tôi hiểu được ý nghĩa của cuộc đời và mục đích của kiếp sống ở trần gian. (...) Tôi không đòi hỏi quý vị phải tin tôi vô điều kiện nhưng tôi xin mời quý vị hãy tự suy tư trong yên lặng, trong phòng riêng hay trong đêm tối... để tự tìm ra lối đi cho mình. Bởi lẽ mỗi người trong chúng ta đều có một con đường đã được vạch sẵn từ các tiền kiếp, bởi những kinh nghiệm sống của các kiếp trước. Nhưng đến cuối cùng, tất cả mọi con đường đều trở lại cội nguồn, trở lại với tuyệt đối, trở lại với Thượng Đế (Car pour chacun d'entre nous, une voie est tracée depuis les existences antérieures et par les expériences qui en découlent. Mais finalement, tous les chemins mènent à l'origine, à l'absolu, à Dieu).

Đức Chí Tôn dạy:

*Tu hành chịu khổ một phen này,  
Sau đặng tiêu điều chốn lạc đài,  
Thoát kiếp luân hồi muôn tuổi thọ,  
Khỏi vòng lục đạo dứt trần ai!  
Tiêu điều cảnh cũ vô phiến nào,  
Tự toại quê xưa bất tái lai,  
Một bốn đờn thơ Thầy tạc để,  
Muốn nên căn vị gắng công mài!*■

## PHỤ LỤC

### 1. GIÁO ĐIỀU ĐỨC TIN THIÊN CHÚA (LE CREDO CATHOLIQUE)

---

7. Đại Thừa Chơn Giáo, Thiên Lý Bửu Tòa, 2008, tr. 280.

(Theo Wikipedia tháng 11 năm 2008)

(Sau đây là bản phỏng dịch tiếng Việt của chúng tôi từ bản dịch tiếng Pháp đọc được trên Wikipedia).

Giáo điều về Đức Tin Thiên Chúa như đã được lập ra bởi các Hội Nghị cấp Giám Mục tại Nicée (năm 325) và tại Constantinople (năm 381), có thể được dịch ra như sau:

“Con tin vào Một Đấng Thượng Đế Cha Lành Duy Nhất Toàn Năng, Đấng Tạo Hóa ra Trời và Đất và mọi vật nhìn thấy được hay không thấy được.

Con tin vào một Đức Chúa duy nhất, Jésus-Christ, Con độc nhất của Thượng Đế, sanh ra từ Cha có trước các thế kỷ, Ánh sáng của ánh sáng, Thượng Đế Thật của Thượng Đế Thật, phân thân, chớ không phải được tạo ra, đồng thể với Cha là Đấng mà từ đó mọi vật được làm ra.

Đấng, đã vì con người và sự cứu rỗi cho con người, giáng thế làm người từ Thánh Linh và Đức Mẹ Đồng Trinh Marie. Chịu đóng đinh trên Thập Tự Giá cứu chuộc chúng ta dưới Ponce Pilate, Đấng đã chịu khổ hình rồi được chôn cất nhưng đã sống lại vào ngày thứ ba như trong Tiên Tri. Đấng đã lên trời và ngự bên phải của Cha, từ đó Chúa sẽ trở lại trong vinh quang để phán xét người sống và người chết và triều đại của Người sẽ kéo dài muôn đời.

Con tin vào Thánh Linh, đó là Đức Chúa, Người đã hy sinh sự sống, Người xuất phát từ Chúa Cha và Chúa Con, Người được tôn kính và tôn vinh với Chúa Cha và Chúa Con, Người đã nói qua các nhà tiên tri.

Con tin vào Hội Thánh Duy Nhất, Thánh Thiện, Thiên Chúa (trong nghĩa đại đồng: trước khi có sự chia rẽ giữa các Hội Thánh) và Giáo Hội.

Con xưng tội trong một Lễ Rửa Tội duy nhất để được tha lỗi.

Con chờ sự sống lại của những người chết và cuộc sống của thế kỷ sẽ đến. Con chấp thuận đồng ý.”

Sau đây là nguyên văn bản dịch tiếng Pháp trên Wikipedia với lịch sử thành hình:



## HISTORIQUE DU CREDO CATHOLIQUE

(Source: Wikipedia Nov. 2008)

Jusqu'au Ve siècle, la Messe n'avait pas de Credo [réf. nécessaire]. Il fut progressivement introduit dans les rites d'Orient (VIe siècle) en réaction contre diverses hérésies. Le concile de Tolède demanda en 589 "Qu'on fasse retentir le Credo, par ce chant, la vraie foi s'affirme d'une façon éclatante, et l'âme des populations catholiques, revivant sa croyance, se prépare à recevoir la communion du corps et du sang du Christ." Son usage se répandit au VIIIe siècle en Espagne puis aux pays francs, sous l'influence de Charlemagne.

Il ne fut généralisé dans la liturgie romaine qu'en 1014, pour le sacre de l'empereur Henri II: étant initialement destiné à combattre les hérésies, il ne convenait pas à la liturgie du siège apostolique, par nature orthodoxe.

D'introduction tardive, sa place dans la liturgie a été variable. Dans le rite ambrosien, le Credo se place après l'offertoire (et ne comporte pas le mot filioque). Dans le rite mozarabe il est dit après la consécration.

Le Credo tel qu'il fut fixé par les Conciles de Nicée (325) et de Constantinople (381), peut être traduit comme suit:

"Je crois en un seul Dieu Père Tout-Puissant, Créateur du ciel et de la terre et de toutes les choses visibles et invisibles.

Je crois en un seul Seigneur, Jésus-Christ, Fils Unique de Dieu, né du Père avant tous les siècles, Lumière de Lumière, Vrai Dieu de Vrai Dieu, engendré, non créé, consubstantiel au Père, par qui tout a été fait.

Qui, pour nous hommes et pour notre salut, est descendu des cieux s'est incarné du Saint Esprit et de la Vierge Marie, et s'est fait homme. Crucifié pour nous sous Ponce Pilate, Il a souffert sa passion et a été enseveli, Il est ressuscité le troisième jour conformément aux Écritures. Il est monté au Ciel et siège à la droite du Père d'où Il reviendra en gloire juger

les vivants et les morts et dont le Règne n'aura pas de fin.

Je crois en l'Esprit Saint, Qui est Seigneur, Qui donne la vie, Qui procède du Père et du Fils, Qui est adoré et glorifié avec le Père et le Fils, Qui a parlé par les prophètes.

Je crois en l'Église Une, Sainte, Catholique (dans le sens d'universel: c'était avant le schisme entre les Églises) et Apostolique.

Je confesse un unique baptême pour la rémission des péchés.

J'attends la résurrection des morts et la vie du siècle à venir. Amen."

## 2. SỰ LUÂN HỒI SINH TỬ GIẢI THÍCH THEO DỊCH LÝ:

(Trích "Dịch Kinh Huyền Nghĩa – Qũe Kiên," Đúc Trần Hưng Đạo Đại Vương, Đúc Vạn Hạnh Thiền Sư ngự bút, Minh Lý Thánh Hội, Tam Tông Miếu)

Biến dịch: Sao gọi là biến dịch?

Biến nghĩa là biến hóa, dịch nghĩa là thay đổi. Biến dịch là biến hóa thay đổi hình dạng.

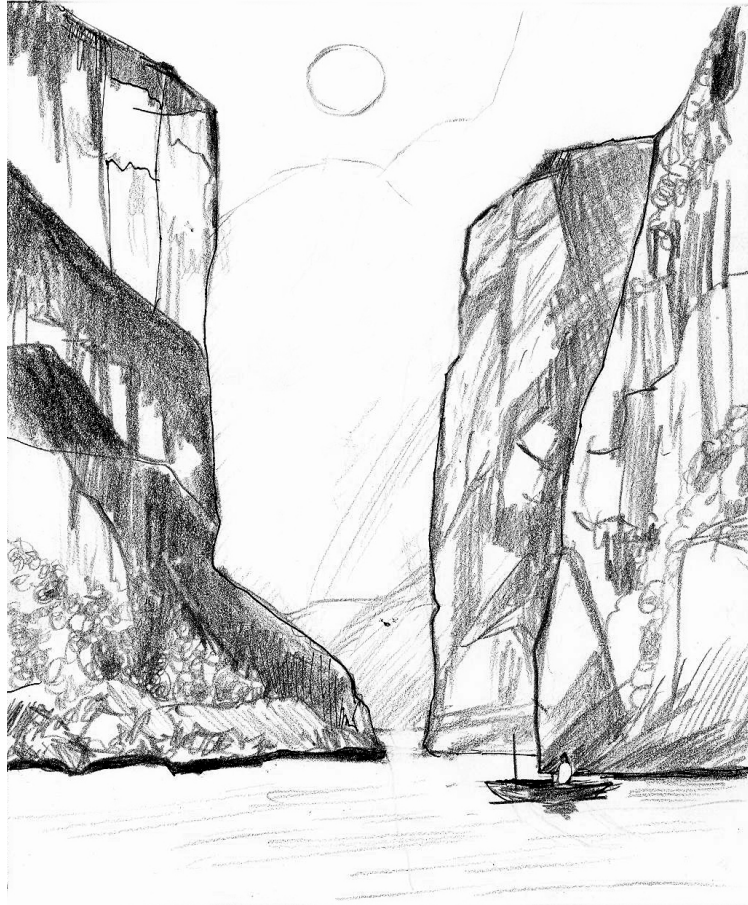
Sự biến dịch trải khắp trời đất vạn vật. Cả không gian và thời gian, không vật nào là chẳng biến dịch. Đó là nghĩa cốt yếu thứ nhất của Kinh Dịch. Như Kiến biến ra Khôn, Khôn biến ra Kiển; Đông biến ra Xuân thì thấy trời mưa, Hạ biến ra Thu thì thấy mây mù.

Ví như tầm là vật bò. Khi hóa bướm lại bay. Đó là biến dịch. Chùng bướm đẻ ra trứng lộn thành tầm. Ấy do biến dịch mà hoàn lại bất dịch. Nghĩa là cái thể thứ ba trở lại hình thể ban đầu, tức nguyên thể.

Đây là Luật Tuần Hoàn bất dịch, kế giao dịch, kế biến dịch. Y nhiên như trước. Dù thấy tuy nói "Bất Dịch" (bất dịch là bất dịch trong bản thể,) chớ bề ngoài (hiện tượng) ta thấy sanh sanh hóa hóa không ngừng, trở sanh thiên hình vạn tượng.

Vạn tượng trong thế gian tranh nhau mà biến dịch. Không có chi vượt ra khỏi cái Luật Tuần Hoàn nói đây, mà Thích và Đạo gọi là Luân Hồi Sinh Tử. ■

# *một chút say* *thơ đời thơ đạo*



## ■ BỬU LONG

*Cụng thơ chén Đạo ly đời*  
*Vén say lữ thảo xin mời vân lâu*  
*Mời trăng kìa giấc đêm nằm*  
*Mây rằm mời trái đi tâm vu ta.*

**T**hi ca là một cõi địa đàng đã có từ rất lâu của nhân loại. Đó là một thế giới không có khởi đầu và kết thúc, không thời gian và không gian, không cánh cổng không tường cao. Đó là cõi mênh mông đầy màu sắc của hội họa mà không cần palette, cọ, bai, hay tấm bố. Đó là chốn ngao du mà thi nhân vén mây chuốc rượu với nhật nguyệt hư không. Đó còn là những chuyến lên đênh huyền hoặc

của cảm xúc, không chút ngăn chia giữa người trí tuệ kẻ ngu khờ, ánh sáng và bóng tối, giữa thuyền đời hay bến Đạo.

Vượt qua bóng tối học vấn và bóng tối của định mệnh. Ánh sáng của nỗi khao khát và niềm rung động của nhà thơ khiếm thị mù chữ Huỳnh Duy Sĩêng, đã chói lòa xô ta vào một cõi bờ lạ lùng của thi ca:

*Vấn thơ đo nỗi nhớ  
Hoàng hôn tím quanh nhà  
Đêm nay bình hết rượu  
Làm sao quên tìm ta.*

Ta, hãy thử ném mình vào cõi lặng lẽ chỉ có riêng một màu đen, để thấu nỗi đau tịch mịch của một kiếp nhân gian:

*Bước đi không kịp với người  
Bóng nghiêng hồn lệch gió trời kéo xô  
Đưa tay rờ cõi hư vô  
Khoảng không trước mặt mơ hồ tương lai.*

Khi bước chân vào vườn địa đàng thơ ca, mỗi chúng ta sẽ trở thành một chân tu mà không hề có giáo điều. Thi nhân trên dòng đời ném vào trang giấy và thời gian những rung động riêng tư, những cảm xúc lạ thường, cung cho nhau những chén rung động bẽ bàng, như những nhà tu gửi vào hư vô tiếng chuông tràng mõ:

*Lang thang tóc bạc chúng cười  
Chén mời nhật nguyệt chén mời hư không.*  
(BÙI GIÁNG)

Giai khúc của tình thơ hay đường nét của câu kinh tiếng mõ trong thi ca có đến được cõi vô tận và đem lại được điều gì cho nhân gian? Hãy bỏ qua chính trị và chiến tranh, để thấy rằng đối với thi nhân trên dòng thơ đời, điều quan trọng nhất với họ, không phải là mong đem lại điều gì cho ai, mà là sự hiến tặng trái tim mình, để đánh đổi những khoảnh khắc vĩnh hằng tĩnh tại trước vẻ đẹp của tình yêu, sông núi, gió trăng, và những nỗi niềm nhân thế...

Với sự chia ly,  
Hãy ngắm KHÚC LY ĐÌNH của Cao Thị Vạn Giã:  
*Mù sương phi cảng nẻo nề  
Thôi anh ở lại buồn về em mang*

*Tiền anh một chén rượu tàn  
Một bàn tay nắm một hàng lệ mau  
Cuộc cờ thế sự binh đao  
Phút giây tái ngộ ngày sau biết còn...*

Bài thơ có nhiều dấu son ở câu hai và câu sáu. Ở câu hai, người ở lại không còn là con người ta nữa, chỉ là nguyên vẹn một nỗi buồn về được khắc tạc thành nhân dạng, để mang mặc khúc u sầu trong lênh đênh vô thức. Nỗi buồn vô tận của cuộc chia tay không dám hẹn về ấy, được nhấn bằng một chữ tái trong câu sáu đầy nữ tính. Đàn ông thường dùng chữ tao ngộ hay tương ngộ. Tái ngộ lại nhói lên với giọng nữ cao mong manh, bí ẩn, yếu ớt mà da diết thương yêu...

Cuộc chia tay của Nguyễn Đình Toàn, thoát nghe có vẻ lạnh lùng, như thần nhiên đóng đi cánh cửa sẽ phải khép. Nhưng khi ngoái nhìn, ta nhận ra một nỗi buồn khô héo, nỗi e sợ phải cạn kiệt trong những ngày mai, nơi sẽ không còn nữa những vết dấu hôm qua...

*Ru em lần cuối cùng này  
Bằng hơi mát của một ngày sắp qua.*

Hay Nguyễn Du, chắc hẳn sẽ là một họa sĩ tài ba khi cầm cọ, vì chỉ với hai nhát bút, ông đã hoàn thành một kiệt tác hội họa mà màu sắc của rừng thu và nỗi buồn chia ly pha trộn vào nhau, làm úa lòng bao tao nhân mặc khách.

*Người lên ngựa, kẻ chia bào  
Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san.*

Thi sĩ trung niên Bùi Giáng, suốt một kiếp lang thang với đêm thẩn ngày thơ, lơ đãng tô vẽ sự chân thành bằng một trường phái kỳ ảo và mộng mị:

*Anh quỳ xuống giờ hai tay bệ vệ  
Chỉ xin nâng một giọt lệ êm đêm.*

Trần Mộc Thôn thì sục sạo, lục lọi từ xa xưa tâm hồn, để rồi nhận ra trong đồng lộn xộn giữa hỗn mang tình, mối tình lớn lao nhất lại chẳng dành cho riêng ai...

*Lục bình tìm đáy cổ ngư  
Ngắt xưa tìm nụ tìm như lai tình.*

Cùng uống chén rượu trên chiếu chia ly, xin nhắc ở đây chút tiên thơ Lý Bạch từ hơn một ngàn hai trăm năm trước:

*Yên thảo như bích ty  
 Tần lang đê lục chi  
 Dương quân hoài quy nhật  
 Thị thiếp đoạn trường thì  
 Xuân phong bất tương thức  
 Hà sự nhập la vi  
 Hải Đà tạt dịch:  
 Cỏ Yên mềm tơ biếc  
 Dầu Tần trĩu cành xanh  
 Chàng nhớ quê da diết  
 Thiếp đứt ruột không đành  
 Gió xuân đâu quen biết  
 Sao lại khê rung mảnh.*  
 Với cảnh,  
 Thi nhân có khi say khướt chỉ với chén rượu  
 lạt đơn sơ. Câu thơ này của cô bé Phạm Thị Lan,  
 lúc mới mười lăm tuổi. Lời giản dị, nhưng phác  
 thảo đã xong một tấm tranh lụa mượt mà với  
 gam màu trong sáng, níu bước chân khách xem  
 tranh. Để rồi, tranh và người, cùng rẽ lòng về  
 với một miền miệt đây quê, hiu hiu hương lúa:

*Chị hai xuống chợ tôi tàn  
 Ướt hai tấm áo một hàng nước mưa.*  
 hay chênh choáng với chung mỹ tửu của  
 Hồ Dzếnh:

*Khói trầm bén giấc mơ tiên  
 Bàng khuâng trắng rải qua miền quạnh hiu  
 Tô châu lớp lớp phù kiều  
 Trăng đêm Dương Tử mây chiều Giang Nam.*  
 Nếu dùng sao để chấm chữ, chữ bén xúng  
 được mời vào khách sạn năm sao. Người ta  
 thường bén duyên, bén hơi, bén gót, bén tiếng...  
 Chứ dám bén mảng tới giấc mơ tiên thì quả là  
 long lanh...

Với tình,  
 Cơn say của Mai Linh mời ngăn ngơ về  
 chung chén với nỗi buồn:  
*Người đà xấp xỉ bốn mươi  
 Ngăn ngơ rơi lá, ngăn người rơi xuân  
 Hồng xác pháo dưới gót chân  
 Quay về nhan sắc có gần không em.*  
 Với tình cha nghĩa mẹ:  
 Câu thơ này của Trúc Thông. Một năm trước

ngày mẹ mất, ông về quê thăm nhà. Nhìn mẹ  
 già như gió trên sông. Lo có ngày gió không thổi  
 nữa, ông viết *Bờ Sông vắng gió*, như một khúc  
 kinh nguyện cầu, dường có lẫn khuất đâu đó  
 những giọt nước mắt thương mẹ:

*Cây cau cũ, giọt hiên nhà  
 Còn nghe gió thổi sông xa một lần  
 Con xin ngăn lại đường gần  
 Một lần rồi mẹ hãy dần dần đi*  
 Hay nỗi buồn đêm chiêu của Phạm Thị  
 Nhưng khi nhìn cha gánh nước bên sông:  
*Cha đi gánh nước bên làng  
 Đò đầy sóng sánh buồn sang bên này  
 Ngâm ngùi ăn miếng trầu cay  
 Không đứng mẹ hỏi kiếp này buồn chi*  
 Lăn lóc trong gió lạnh và hoang sơ. Bùi Giáng  
 và thơ, cùng là tả rơi trong một chiều cuối năm.  
 Ông đi nhật hoa rơi như đang phất phơ tìm nhật  
 chút thân phận lãng du:

*Trong linh hồn một bông hoa  
 Đường như có cõi người ta đàng hoàng.*  
 Đời và Đạo, dường như có một nhịp cầu  
 tương tri, khi Huệ Khải viết về một cảnh sen  
 cũng có cõi người ta đàng hoàng, và ước mong  
 những cảnh sen – người ấy, biết từ già những  
 đưa chen trần ai, để về gối mình trong tình Mẹ  
 mệnh mông...

*Mẹ già lòng vạn cổ  
 Trăng khắc khoải canh tàn  
 Gương ao chưa thêm đóa  
 Lệ theo lệ nổi hàng  
 Thương cảnh sen lang thang.*

Giật mình, chợt nhớ lời Thầy dạy: “Cái sống  
 của cả chúng sanh, Thầy phân phát khắp càn  
 khôn thế giới, khác nào như một nhành hoa  
 trong cội, nó phải đủ ngày giờ nhứt định mới trở  
 bông, và sanh trái đặng trông nữa, biến hóa ra  
 thêm. Nếu như ai bẻ hoa ấy nửa chừng là sát một  
 kiếp sanh, không cho tiến hóa...”

Trong kỳ ba cứu độ, Đức Cao Đài Tiên Ông  
 cùng chư vị Thần Tiên rất nhiều lần gánh Đạo  
 thi để tưới cho sông đời vạn khổ. Những ngày  
 đầu khai Đạo, thơ là những chuyển đồ ngang



bất tận để nối liền Trời và Đất, Thiêng Liêng và con người.

Đêm Noël 1925, đại thi hào đời Đường là Lý Thái Bạch (701-762), lần đầu giảng cơ (như để chuẩn bị đảm nhiệm trọng trách Giáo Tông Vô Vi của Đại Đạo sau này). Lúc ấy, Ngài không cất đi chất tiên thơ tài hoa năm xưa, như điều Ngài sẽ thường làm khi vẽ dạy Đạo sau này:

*Đường trào hạ thế hưởng tam quan  
Chẳng quản công khanh chỉ vị nhân  
Ly rượu trăm thi lời vẫn nhắc  
Tánh tiên muôn kiếp vốn chưa tàn  
Một bầu phong nguyệt say ngơ ngáo  
Đây túi thơ văn đồ chứa chan  
Bồng đảo còn mơ khi bút múa  
Tả tình thế sự, vẽ giang san.<sup>1</sup>*

Theo ngụ ý của người viết, bài thi này có hai chỗ ta cần để tâm:

1. Lời vẫn nhắc, theo nghĩa đen, là lời của nhân gian còn truyền tụng. Nhưng khi nhìn xuống về đối ở câu bốn, và lưu ý chữ vốn, ta thấy chữ lời ở câu trên có thể có nghĩa là phần dư ra từ đồng vốn muôn kiếp tu tiên, để lời được trăm thơ ly rượu. Chữ vốn (still) là một trạng từ (adverb), thì sẽ đối không chỉnh với lời (word) vốn là một danh từ (noun). Vậy, nhiều khả năng, chữ vốn mang nghĩa là vốn liếng- nhân (capital), và lời mang nghĩa lợi ích- quả (profit). Đó là bài học nhỏ về nhân quả, và một ví dụ về chất hài hước dí dỏm thường không thể thiếu ở một bậc văn tài. Hơn nữa, Lý Bạch từ ngàn xưa, Ngài cần gì lời nhắc nhở của thế nhân. Nếu phải chọn giữa lợi danh và thi tữ, ta thừa biết Lý Trích Tiên chọn món nào.

2. Chữ vẽ trong câu cuối:

Nếu chữ vẽ với dấu hỏi, thì Đúc Lý muốn tả tình thế sự và vẻ đẹp (appearance) của giang san. Khi đó, tình thế sự và vẻ giang san là hai nhóm danh từ đi theo động từ tả. Sự kết nối hai nhóm danh từ này sẽ tạo ra đôi chút khập khiễng. Sự

khập khiễng ấy hình như nằm ở chữ vẽ. Nếu cần tả giang san, dùng chữ nét giang san sẽ chêm vào chỗ khập khiễng (có câu: hình sông núi, nét giang san). Dĩ nhiên, ở đây, ta nào dám sửa thơ Đúc Lý. Chỉ mong hiểu đúng ý thơ của Người.

Nếu chữ vẽ với dấu ngã, khi đó vẽ (paint) giang san sẽ xứng với bút múa hơn, và câu thơ, ý thơ sẽ đẹp hơn:

*Bồng đảo còn mơ khi bút múa  
Tả tình thế sự, vẽ giang san.*

Khác với thơ đời, dòng thơ Đạo không thả cho thi nhân riêng một con thuyền để cứ ngao du trôi theo cảm xúc. Dù tự sự, chia sẻ, gieo truyền tình thương hay ý Đạo, thi nhân không dẫu được nguyện ý chân thành muốn đem Đạo vào đời, đem tình thương của Thượng Đế, Thích Ca, hay Thiên Chúa, chia rải với thế nhân.

Trong Vườn thơ Công giáo, ta tìm thấy ở đây một cõi bình an, bàng bạc, tĩnh tại:

*Rêu lòng xanh đã bao phen  
Hồn đêm khắc khoải ánh đèn lắt lay  
Tựa bên lòng Mẹ chiều nay  
Rũ ưu tư của những ngày lãng quên  
Hoàng hôn buông ánh phù du  
Gió lùa nổi gió, lòng ru nổi lòng  
Đa đoan biển thế đục trong  
Sông đời nào đã hết dòng truân chuyên  
Nhìn cây thập tự già nua  
Nắng vàng ngập gió chầy ủa lâu chuông  
Từng mảng chiều mênh mang buông  
Hình như trời đổ một luồng thánh linh.*

(ANPHAVA OMEGA)

Từ rất lâu, Thiên gia dùng thơ kệ để truyền lưu ý Đạo. Giữa bạt ngàn rừng kệ ấy, ta hãy thử bước vào một sơn lâm lạnh giá, chiêm nghiệm chút thiền thi, lắng nghe thơ và người cùng hoan ca, để nghe sơn lâm ấm lại hương khói tịnh đường.

*Tối tàn khô mộc ý hàn lâm  
Kỷ độ phùng xuân bất biến tâm  
Tiêu khách ngộ chi du bất cố  
Dĩnh nhân na đắc khổ truy tâm.*

(ĐẠI MAI PHÁP THƯỜNG, 752-839)

1. Theo Sử Đạo Cao Đài của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

Xin tạm dịch:

*Lạnh rừng trơ một cành khô  
Dù xuân mấy độ lòng vô tình rồi  
Tiểu phu ngoạn bước chẳng coi  
Tri âm mặc khách đường thôi tương phùng.*

Trong Cao Đài, với lời nhất nguyện trong câu kinh nhật tụng: Nam mô nhứt nguyện ĐẠI ĐẠO hoàng khai, thì dù là một giáo sĩ hay tín đồ, hành giả thường dúi vào tay khách trú lời khuyến tu để trở về Cội Nguồn, như căn nhà xưa viết hoa dưới đây:

*Em về tìm lại Nhà Thầy  
Còn đây hơi ấm những ngày yêu thương  
Giang hà mấy độ phong sương  
Còn đây nguyên vẹn Con Đường Quê xưa.*

(HUỆ KHẢI)

Nếu ta tự hỏi có phải Tam Giáo đồng nguyên, thì nhìn sang trang thơ Phật giáo, sẽ hiển hiện câu trả lời, cũng với ước mong về Nơi cũ:

*Còn đây màu tím vô thường  
Mà trong cõi Giác mười phương chưa về  
Nặng lòng với mối tình Quê  
Dấu quanh mấy nẻo vẫn về Cố hương*

(CHIÊU ĐỀ TÁNG)

Quanh mấy nẻo, chữ quanh đơn sơ lại là một điểm nhấn tuyệt tác, phác thảo đủ khúc cheo leo trên đường quay về với bốn lai diện mục, hiển hiện đây ta bà với tứ khổ vây quanh!

Vạn Giáo đồng nguyên, và muôn nẻo rồi cũng chung về một lối, đây cũng là một ý Đạo bất tuyệt của giáo hữu Phạm Văn Liêm:

*Dẫu rằng con nước đục trong  
Muôn sông rồi cũng chung lòng biển xanh.*

Học, hành, rồi say trong men Đạo, Nguyễn Văn Sanh chia sẻ những bước chân của mình trên gập ghềnh nẻo quay về, với chữ vịn chân thật, tài hoa:

*Qua ghềnh thác vịn câu kinh  
Qua năm tháng vịn công trình công phu.*

Trong một giác thiền tĩnh lặng, không gian rồi gần gũi, và cây lá rồi như cũng ân cần tịnh luyện:

*Chợt tiếng lá vịn mình se đêm thắm  
Làm cuộc rơi, được mất có sao đâu.*

(NGUYỄN QUỐC HUÂN)

Một chiếc lá mong manh có thể se cả bóng tối, như ngọn tâm đặng nhỏ bé trong mỗi chúng ta có thể soi rọi đêm dài, để hòa tan với vô tận hư vô. Khi đó biển dâu cũng là hoa mộng, được và mất còn có khác gì nhau.

Khi viết tới đây, với hai chữ được mất, ta vắng nghe lời thơ của Đức Ngô Minh Chiêu sau khi xuất thế (Cao Đài Hội Thánh, 23-4-1967):

*(...) Nhịp vó ký Tái Ông đặc thất  
Tiếng chày kinh nhà Phật thu không  
Trăm năm gẫm khéo bận lòng  
Rủi may âu cũng sắc không đó là.*

Hai chữ vó ký (ký là một loài ngựa quý, chạy ngàn dặm không mệt), đối với chày kinh (kinh là hình con cá kinh chạm ở đầu chày gỗ để động chuông) đã tuyệt hay. Nhưng hai chữ đặc thất đối với thu không mới thượng đẳng thần tiên. Chữ đặc thất theo nghĩa đen là câu chuyện được mất nổi tiếng và ý vị của Tái Ông, chữ thu không theo nghĩa đen là tiếng chuông đóng cửa chùa. Nhưng khi tịnh lòng chiêm nghiệm, ta sẽ thấy hai ý đối tuyệt hay: được một cái mất, hay mất một cái được – khác gì nhau ; thu về một chữ không hay không cần thu lại gì cả – khác gì nhau...

Trong Mùa xuân trong thi ca, sau khi viết một bài thơ vịnh hai câu thơ: Người lên ngựa, kẻ chia bào – rừng phong thu đã nhuộm màu quan san của Nguyễn Du, Bùi Giáng viết: “Viết xong bài ra gục đầu chết giấc một trận. Nghĩa là không đến nỗi chết hẳn. Nhưng chết qua loa. Chết lai rai. Tục gọi là bất tỉnh nhân sự... câu thơ xẻ làm đôi thật khủng khiếp, Thượng Đế chẳng nữa cũng chẳng thể nào dịch được...”

Đọc tới đây, ta có đôi chút ngậm ngùi, buồn cho suốt một đời thơ cá sóng phiêu bồng, Bùi tiên sinh chắc chưa một lần nghe biết về ĐỨC CAO ĐÀI TIÊN ÔNG, và thử nghe Ông Trời làm thơ.

Theo LỊCH SỬ ĐẠO CAO ĐÀI, ngày 25-9 Ất sừu, sau khi tiếp cơ bài thi của Thổ Địa Tài Thần:

*Mộng寐 thói quân bán nước nhà  
Trong vòng túng thiếu lối can qua  
Vinh như khi Sở vinh gấm xứng*

*Lợi kiều hữu Tần lợi xấu xa  
Người trước nghĩ thương cơn tuyết nhuộm  
Lũ sau buồn chạnh nỗi sương pha  
Ngồi chờ thế sự rồi vay trả  
Cửa tịch vui vầy kẻ Thích Ca.*

Bà Cao Quỳnh Cư thỉnh Đức AẢẢ (cũng là Đức Chí Tôn, là Thượng Đế) giải nghĩa cặp luận – câu thứ năm và câu thứ sáu. Thầy đã giảng:

Có câu “Mã bì tuyết thể”, nghĩa là da ngựa, thân tuyết. Chính là trang tướng tài chinh chiến một mình, da ngựa bọc thân, tuyết sương đắp thể. Tỏ là đời ly loạn.

Có câu tục ngữ “Gối đất nằm sương” là chỉ thân chịu nhọc nhằn đau khổ. Câu thi trên mà sửa như vậy thì nhằm điển cố hơn:

*Chạnh trẻ phải cơn sương gối ướt  
Thương già gặp buổi tuyết thân pha.*

Pha nghĩa là hòa lộn, chịu lạnh lùng đến nỗi thân với tuyết cũng lạnh như nhau...

Khi sửa thơ cho Thổ Địa Tài Thần, Thầy để ngó ý thơ sâu sắc trong hai vế đối sương gối ướt và tuyết thân pha.

Sương tượng cho Trời, vô hình, hay chí dương. Đất tượng cho người, hữu hình, hay chí âm. Chạnh trẻ sương gối ướt, như lòng Từ Phụ thương con thơ trong những gian nan ngày đầu khai Đạo ướt gối sương, để kết nối đất trời, giúp Thầy đem Đạo vào đời.

Tuyết mang một màu trắng tinh khôi, tượng cho KHÔNG, cho thuần khiết linh hồn, cho ĐẠO. Thân là một thực thể phức tạp của càn khôn, tượng cho SẮC, thể xác, hay ĐỜI. Buổi tuyết thân pha mang ý nghĩa cuộc sàng lọc tự thân gian khổ để lóng trược khơi thanh, giữa trần ai sắc sắc không không...

Chữ pha tuyết diệu, là một động tác thường làm của giới họa sĩ để pha màu trên palette. Nhưng sự pha trộn giữa tuyết và thân, giữa sắc và không, giữa hình tướng và vô vi, thì chắc Như Lai cũng phải chấp tay, còn Bùi tiên sinh thì gục vùi luôn một giấc sâu thẳm, không chút dáng dấp nào của lai rai còn dây dựa nữa!

Đời người, ta thường đã nếm trải nhiều cơn

say và cảnh say khác nhau. Lúc nhỏ thì say sưa học tập để thành đỗ, lớn lên thì say nhan sắc ái tình, say chén rượu ly bia, say cung đàn khúc nhạc. Say trong hội họa, sắc màu, hay say sưa cùng thơ văn, viết lách. Nhưng, món say đã nhất, theo chúng tôi, là được chìm đắm trong men rượu Đạo. Rồi thân an, lòng tịnh, niềm vui nhẹ như mây như khói, không cầu không tưởng. Rồi niết bàn, bỗng lai về du dương như bằng hữu xóm giếng...

Chúng tôi có duyên may được tiếp xúc với Đạo tử Thanh Hà khi còn tại thế. Nụ cười hiền, phúc hậu ân cần. Lời nói, ánh nhìn của Cô Ba luôn nhẹ nhàng, dịu dàng và đầy thương mến, để giờ đây, chúng tôi được biết thần tiên khi tại thế như thế nào. Người ít nói, và lúc sanh tiền không thấy làm thơ. Vậy mà, khi đắc vị Nguyệt Quang Tiên Nương, về đàn ngày 06-3 Giáp Tý (06-4-1984), Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý đã được tiếp điển một bài thơ rất hay của Đức Tiên Nương, Ngài đã qua đó hé mở một chút cửa Thiên đường:

*Ngửa mặt nhìn trời, trời lồng lộng  
Kê vai tựa đất, đất mênh mông  
Ra về nơi chốn hư không  
Mới hay Tạo Hóa chí công nhiệm mầu  
Không hiện tướng đâu đâu trải khắp  
Bắt tâm hơi ngăn nắp điều hòa  
Ba ngàn thế giới bao la  
Mặc cho thế tục người ta vẽ vờ.*

Khuôn khổ của một bài viết, của chỉ Một Chút Say, trở nên quá nhỏ bé trước rừng Đạo thi mênh mông của Thầy, Mẹ và các Đấng Thiêng Liêng qua cơ bút về trao tặng cho nhân gian suốt hơn tám mươi tám năm qua. Ước mong, những lữ khách trên trần gian tạm bợ, những ai chưa có duyên với niềm vui bao la trong Lễ Đạo, khi tìm hiểu về ĐẠO THI CAO ĐÀI, sẽ bén lòng với ĐƯỜNG ĐẠO, bén hơi với NÈO QUAY VÈ.

Để kết bài, xin được nhắc lại ở đây một bài thơ tiên mà chúng tôi rất tâm đắc và tự hào.

Ngày Rằm tháng ba Giáp Dần (07-4-1974), cũng tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, một vị Đại Tiên giảng cơ cho một bài thi khá dài,

(XEM TIẾP TRANG 112)

TRANG TẬP ĐOÀN GIÁO SĨ

# PHÓNG SỰ BUỔI HỘI NGỘ LIÊN TÔN VỚI CHỦ ĐỀ “HIỆP TÂM VUN ĐẮP AN HÒA” TẠI TRUNG TÂM MỤC VỤ TỔNG GIÁO PHẬN TP.HCM

■ BAN LIÊN GIAO TẬP ĐOÀN GIÁO SĨ

Chiều chủ nhật 27-10-2013, phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý gồm Ban Thường Vụ và Tập Đoàn Giáo sĩ đã tham dự buổi Hội ngộ Liên tôn lần thứ III do Ban Mục vụ Đối thoại Liên tôn Tổng giáo phận TP.HCM tổ chức tại Trung tâm Mục vụ số 6 Bis đường Tôn Đức Thắng.

Đúng 15 giờ, Đức Giám mục Cần Thơ Stêphanô Tri Bửu Thiên – phụ trách Đối thoại Liên tôn và Đại kết của Hội Đồng Giám mục Việt Nam long trọng gióng chiêng khai mạc buổi lễ. Ông bày tỏ tấm lòng thân thiện của mình cùng các tôn giáo và nhấn mạnh rằng cần phải có sự liên tôn giữa các tôn giáo để tìm ra một lối sống an hòa cho nhân sanh. Và ngày 27-10 hằng năm đã được định ước là ngày cầu nguyện hòa bình liên tôn. Ban tổ chức đưa ra chủ đề của buổi cầu nguyện: “Hiệp Tâm Vun Đắp An Hòa”. Các tôn giáo được mời cùng nhau cầu nguyện cho quốc thái dân an, thiên hạ thái bình. Đây cũng là mục đích mà các tôn giáo cùng hiệp nhau vươn tới trong tinh thần liên tôn. Buổi lễ diễn ra theo ba phần: Thiên-Địa-Nhân hòa, Vun đắp An hòa và Cầu nguyện cho An hòa.

Phần đầu là những bài hợp xướng của các ca đoàn Thiên Chúa. Kế tiếp là bài phát biểu của Phó Sư Thượng Minh Thanh – Trưởng Ban Đại diện Tòa Thánh Tây Ninh tại TP.HCM. Phó Sư phát biểu với nội dung: Con người tôn giáo muốn vun đắp an hòa thì cần phải cầu nguyện, đọc kinh. Lấy lời kinh trong bài Khai Kinh của

đạo Cao Đài làm nền tảng: “Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp...”. Muốn có an hòa, con người tôn giáo phải hiệp tâm với nhau, ấy là gốc của Đạo. Ý thứ hai, ông đặt ra những vấn đề trong cuộc sống xã hội với vấn nạn bất công mà mỗi thành viên, từ cá nhân, tổ chức, cộng đồng, thế giới, con người cần phải góp phần giải quyết.

Giờ giải lao, các vị khách mời được xem triển lãm tranh ảnh với chủ đề “Tôn giáo và con người”. Sau đó, chương trình được tiếp tục qua bài phát biểu của Đại Đức Thích Giác Hoàng thuộc Đạo tràng Tịnh xá Trung tâm – “Hài hòa theo Giáo lý nhà Phật” bằng Lục hòa – sáu nguyên tắc hòa hợp đưa đến an vui của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni: Thân hòa đồng trụ, Khẩu hòa vô tranh, Ý hòa đồng duyệt, Giới hòa đồng tu, Kiến hòa đồng giải, Lợi hòa đồng huân. Ông đã nêu lên an hòa trong giới luật, trọng tâm là giải thích Lục Hòa theo quan điểm của Phật Giáo, nội dung nêu lên mọi cá nhân tự làm cho mình an hòa thì đời sống an vui.

Đến tham dự buổi Hội ngộ Liên tôn lần này, Tập Đoàn Giáo Sĩ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đặc biệt đóng góp vào chương trình với bài hợp ca “Chúng ta là nhân loại” của tác giả Thiện Quang. Phần trình bày đã mang đến những phút giây ấm áp, chan hòa yêu thương, được quý Linh mục cũng như tín đồ tôn giáo bạn yêu thích khen tặng: “đã thể hiện chân thành khát vọng An hòa của nhân loại”.



## PHỤ LỤC HÌNH ẢNH

Cuối cùng là phần quan trọng và thiêng liêng nhất của buổi lễ – Cầu nguyện cho An hòa. Quý vị đại diện các tôn giáo gồm: Đạo huynh Lê Đình Thỏa – đại diện Tôn giáo Baha'i, Giáo Sĩ Hồng Mai – Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Sơ Hồng Vân – dòng Đức Mẹ Núi An Khê, Đại Đức Thích Phước Thành – đại diện Phật Giáo, Đạo huynh Trần Cẩm Hiệp – đại diện Phật Giáo Hòa Hảo, Đạo tử Đại Cơ Tam – đại diện Minh Lý Thánh Hội, Mục Sư Lê Thu Tấn – Hội thánh Cơ Đốc Phục Lâm, cùng dâng lời cầu nguyện. Giáo sĩ Hồng Mai, Trưởng Tập Đoàn Giáo Sĩ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo dâng lời cầu nguyện qua ba đoạn trong bài “Cầu nguyện Cơ Quan”:

*Nguyện chung sức mở đường đại chúng  
Đem đạo mẫu công dụng mọi nơi  
Cho người thông cảm cùng người  
Dẹp tan sắc phái phục hồi tình thương  
(...)*

*Đấng Chí Tôn hải hà ngự trị  
Phật Thánh Tiên nhưt lý phát ban  
Hồng trần lòng trẻ đặng an  
Lo tròn hiện tại mở màn tương lai  
Thọ Quy điều trước đài con đại  
Dưới Đạo kỳ cúi lạy Trời Cha  
Hộ con tạo thế nhưn hòa  
Trời Nam xây dựng bửu tòa vạn linh.*

Lời kinh thiêng liêng thể hiện chủ thuyết đại đồng, không phân biệt màu da sắc tóc, dẹp tan sự phân biệt đối xử và phục hồi tình thương yêu đoàn kết. Cầu xin Đấng Chí Tôn giúp sức cho những người chân tu cùng nhau tạo thế nhân hòa để thực hiện mục đích của Đại Đạo.

Buổi Hội ngộ Liên tôn kết thúc giữa lời Kinh Hòa Bình tha thiết, những trái tim khát vọng an hòa, những tấm lòng thiện chí cùng nguyện: “Đem yêu thương vào nơi oán thù, đem thứ tha vào nơi lăng nhục, đem an hòa vào nơi tranh chấp, đem chân lý vào chốn lỗi lầm;... đem tin kính vào nơi nghi nan, chiếu trông cậy vào nơi thất vọng;... dội ánh sáng vào nơi tối tăm, đem niềm vui đến chốn u sầu...” ■



# LỜI KHUYÊN DÀNH CHO NHỮNG AI MUỐN THUYẾT PHỤC NGƯỜI KHÁC

■ CAO BẠCH LIÊN SƯ TÂM

## 1. KHÔNG TRANH CẢI GIÀNH PHẦN THẮNG VỀ MÌNH

Lời một học giả:

Tôi nhớ một bài học quý giá cho tôi ở một bữa tiệc sang trọng:

Lần đó người ngồi cạnh tôi, kể về một câu chuyện hài hước minh chứng cho câu trích dẫn thế này: “Có một vị Thần sắp đặt số mệnh chúng ta, Ngài muốn sao ta phải chịu vậy.” Ông ấy cho rằng câu đó trong kinh Thánh. Tôi biết rõ ông ấy nhầm. Để tỏ ra mình là một người quan trọng và muốn khoe khoang kiến thức của mình, tôi nói: “Ông đã sai rồi.”

Ông ta nói: “Anh bảo sao? Không thể nào sai. Phi lý – Câu trích dẫn này ở kinh Thánh. Tôi chắc chắn như thế.”

Ngồi bên trái tôi là người bạn cũ – là một nhà nghiên cứu nhiều kinh nghiệm, thế là chúng tôi đồng ý giao cho bạn tôi làm trọng tài. Bạn tôi đá vào chân tôi dưới gầm bàn và nói: “Anh đã sai rồi. Ông ấy nói đúng. Câu ấy ở trong kinh Thánh.” Trên đường về tôi bực bội hỏi bạn tôi? Sao bạn lại nói ông ấy đúng? Trong khi đó 100% là bạn biết ông ấy sai.

Đúng thế, dĩ nhiên là thế! Nhưng này anh bạn ơi, chúng ta chứng minh rằng ông ấy sai, điều ấy có ích lợi gì không? Có làm cho ông ấy quý mến cậu? Tại sao cứ phải làm mất thể diện của ông ta, ông ta cũng không hỏi ý kiến cậu, vậy cậu tranh cãi với ông ta làm gì? Cuối cùng chẳng có lợi ích gì cho cậu cả.

Này bạn, “Đừng cố tranh cãi chỉ để giành phần thắng.” Lời dạy của bạn tôi làm tôi ghi nhớ suốt đời – giúp tôi trong cách ứng xử mãi mãi. Từ hôm đó trở đi, tôi biết lắng nghe, chú ý quan sát kết quả của hàng ngàn cuộc tranh luận.

Cuối cùng tôi đã đi đến kết luận rằng trên đời này chỉ có một cách giải quyết tranh cãi tốt nhất, đó là tránh để xảy ra đôi co. Phải tránh nó như tránh rắn độc hay tránh động đất và núi lửa vậy.

Chín trong số mười cuộc tranh cãi đều đưa đến kết quả là ai cũng khẳng định rằng mình đúng, thế rồi hai bên càng xa nhau. Nhưng thật ra kết quả cuối cùng của bất cứ cuộc tranh luận nào là không có ai thắng cả. Bởi

cứ nếu bạn thua, thì rõ ràng là bạn thua. Còn nếu bạn thắng thì bạn cứ thua. Tại sao vậy? Đơn giản là khi bạn thắng một người khác – bạn chứng tỏ rằng kiến thức của đối phương kém, lập luận của anh ta đầy lỗ hổng, đầu óc của anh ta có vấn đề... nghĩa là bạn đã làm lòng tin, lòng tự hào của người đó bị tổn thương. Anh ta sẽ bị quan túc tối vì sự đắc thắng của bạn. Còn bạn đắc chí với “thắng lợi” của mình, bạn quên rằng khi con người bị buộc phải chống lại ý muốn của họ, họ sẽ cố bám lấy ý kiến, quan điểm của họ bằng mọi giá, mọi góc độ dù bằng góc nhìn hẹp nhất. Như vậy, cuối cùng thì bạn đã thua. Bạn đã đánh mất cảm tình với một người đối diện.

Nhà thông thái Ben Franklin thường nói: “Nếu bạn cố tranh cãi để thắng thì cũng là một chiến thắng vô nghĩa, bởi vì bạn sẽ không bao giờ nhận được thiện chí và sự hợp tác của đối phương.”

Cho nên bạn phải cân nhắc, Bạn thực sự muốn gì, cố gắng giành một chiến thắng giả tạo

về mặt lý thuyết hay đạt được thiện chí của một con người? Bạn được gì và mất gì? Thật hiếm hoi khi người ta đạt được cả hai.

Bạn có thể đúng, cực đúng khi nắm thế áp đảo trong một cuộc tranh cãi. Nhưng nếu không thể thuyết phục người khác thì bạn đúng bao nhiêu đi nữa cũng vô ích mà thôi.

Người ta thấy trên một bia mộ đặc biệt có dòng chữ như sau: “Đây là nơi yên nghỉ của William Tay – người cho rằng mình luôn luôn đúng. Nhưng dù sai hay đúng, ông vẫn chết không kém không hơn.”

Trong xã hội loài người đông tây kim cổ, mỗi người đều có quyền suy nghĩ – bày tỏ ý kiến của mình về một vấn đề nào đó.

Nhưng ta nên biết rằng: những suy nghĩ khác nhau, cần có cuộc tranh luận để làm sáng tỏ, thống nhất trong tinh thần hòa ái – khiêm cung – phát biểu nhẹ nhàng để trình bày hiểu biết và suy nghĩ của mình. Người đối diện tiếp nhận lời phát biểu của người khác xem sự khác biệt xem mình sai hay đúng. Không nên khư khư cho rằng chỉ có mình đúng còn người khác sai, cố tranh cãi nảy lửa để bảo vệ quan điểm của mình, thậm chí đả mạt tía tai, giận dữ. Điều đó thật không nên chút nào.

Đức Phật đã dạy: “Oán không bao giờ diệt được oán.”

Tranh cãi không giải quyết được bất hòa, chỉ có lòng khoan dung và thiện chí nhìn nhận sự việc bằng quan điểm của đối phương mới hòa giải được.

Một vài gợi ý giúp bạn tránh những bất đồng và không rơi vào các cuộc tranh cãi không cần thiết.

- Sẵn sàng chấp nhận việc bất đồng quan điểm – nếu có ý kiến bất đồng, đó là cơ hội để bạn kịp điều chỉnh trước khi phạm sai lầm.

- Đừng quá tin vào cảm nhận đầu tiên của bạn: Phản ứng tự nhiên đầu tiên của chúng ta trong tình huống khó chịu là tự vệ. Hãy giữ bình tĩnh và thận trọng với phản ứng đầu tiên của bạn. Nó có thể tệ nhất, thay vì là tốt nhất.

- Kiểm soát cảm xúc của bạn: Hãy nhớ là người ta có thể đánh giá được tính tình của một con người bằng cách làm cho người đó nổi giận.

- Hãy lắng nghe, nhường cho người đối diện một cơ hội chia sẻ. Để cho họ nói hết đừng ngắt lời – tranh cãi hay tự vệ – như vậy là dựng lên một hàng rào chia cắt. Hãy xây nên nhịp cầu chia sẻ cảm thông.

- Tìm những điểm chung – khi nghe đối phương trình bày hãy chú ý những điểm mà bạn tán thành.

- Trung thực nhận lỗi: Hãy nhìn nhận những sai lầm của mình và xin lỗi. Điều này sẽ làm cho đối phương mất vũ khí và giảm thái độ chống đối.

- Hãy xem xét lại cẩn thận lời của đối phương. Hãy nhớ rằng đối phương có thể đúng. Việc tán thành ý kiến của họ ở giai đoạn này sẽ dễ dàng hơn nhiều so với sự chịu đựng cảnh họ vỗ tay nói: “Chúng tôi đã tìm cách dạy dỗ ông, nhưng ông không chịu nghe.” Bạn dễ thất bại vì cứ khẳng khẳng làm theo ý mình.

- Thành thật cảm ơn đối thủ về sự quan tâm của họ: Bất cứ ai mất thì giờ tranh cãi với bạn cũng đều quan tâm tới những chuyện bạn quan tâm. Hãy nghĩ đến họ như những người thực sự muốn giúp đỡ bạn, như thế bạn có thể biến đối thủ thành bạn bè.

Đức Mẹ đã dạy: “*Con hãy yêu thương kẻ ghét mình*” – điều đó thật khó, nhưng nếu làm được là bạn đã thành công bước đầu.

- Đừng hành động vội để cả hai bên có thì giờ suy nghĩ thấu đáo vấn đề sẽ bàn luận tiếp.

Tóm lại:

- Khi thấy đối phương bắt đầu nổi cáu – bạn hãy kết thúc bằng một câu nói vui nào đó.

- Khi tranh luận với một người, bạn cần định hướng để sau cuộc tranh luận bạn sẽ có thêm một người bạn.

## **2. TÔN TRỌNG Ý KIẾN NGƯỜI KHÁC**

Khi Roosevelt còn đương kim Tổng Thống Hoa Kỳ, ông thú nhận rằng khả năng quyết



định đúng của ông cao nhất chỉ ở mức 75%. Khả năng xét đoán của một trong những người lỗi lạc nhất thế kỷ 20 chỉ như thế. Còn chúng ta thì sao? Nếu bạn dám chắc rằng mình quyết định đúng được 55% trong mọi vấn đề, bạn có thể đến trung tâm tài chính Mỹ và kiếm 1 triệu đô la mỗi ngày. Nếu bạn có thu nhập ít hơn thế, có nghĩa là quyết định bạn đưa ra chưa đúng đến 55%. Nếu bạn không đúng đến 55% thì không nên cho rằng người khác sai.

Nếu bạn muốn vạch ra lỗi lầm của người khác bằng lời nói, cái nhìn, hay cử chỉ thì bạn có thể khiến họ tôn trọng bạn hay không? Tất nhiên là không bao giờ, bởi bạn đã nện một quả đấm nặng nề vào trí tuệ, khả năng phán đoán, niềm tự hào và lòng tự trọng của họ. Dĩ nhiên là họ muốn nện lại bạn và sẽ bảo vệ ý kiến của họ đến cùng. Bạn có thể dùng tất cả lý luận logic của các triết gia đông tây kim cổ, nhưng sẽ không có một lý luận nào hợp lý đối với một con tim đang bị tổn thương.

Xin bạn đừng bắt đầu bằng câu nói: “Tôi sẽ chứng minh cho anh thấy là anh sai,” nó cũng đồng nghĩa với câu “Tôi thông minh hơn anh. Để tôi nói cho anh hiểu ra mà thay đổi cái ý định ngu ngốc đó.” Đây thực tế là một thách thức, nó gây ra sự chống đối và khiến người nghe muốn

phản bác bạn ngay trước khi bạn bắt đầu nói. Có điều luôn đúng trong thực tế là trong hai người đang cãi nhau, người tự nhận mình có lỗi là người thông minh hơn.

Làm thay đổi ý kiến của người khác là rất khó, ngay cả trong những điều kiện thuận lợi nhất, và lời khuyên cứng rắn không có kết quả sẽ trở thành nhát búa nảy ngược trở lại chúng ta. Thế thì tại sao chúng ta lại chọn con đường gay go như vậy? Nếu bạn muốn chứng minh một điều gì đó thì nên thực hiện một cách khéo léo, tế nhị để không ai cảm thấy nó.

Tóm lại, “Dạy người, phải khéo léo như không dạy gì cả. Giảng điều chưa biết mà cứ như nhắc lại chuyện đã quên. Bởi một điều đơn giản là đối với người hiểu biết thì chỉ cần nửa lời cũng đủ cho họ nắm rõ mọi điều chúng ta muốn nói.”

- Cách nay trên 300 năm nhà thiên văn học Galileo đã nói: “Bạn không thể dạy ai bất kỳ điều gì, bạn chỉ có thể giúp anh ta tìm thấy điều đó ở bản thân anh ta mà thôi.”

- Một người cha thông minh từng dạy con trai rằng: “Hãy khôn ngoan hơn người khác nếu như con có thể, nhưng đừng cho họ biết con khôn ngoan hơn họ.”

- Nhà hiền triết Socrates thì lập đi lập lại với các học trò của mình: “Tôi chỉ biết có một điều đó là tôi không biết gì cả!”

Nếu có người đưa ra một nhận xét mà bạn nghĩ là sai thì có lẽ bạn nên trả lời: “Tôi có suy nghĩ khác với ông, nhưng có thể là tôi sai. Được rồi, bây giờ chúng ta sẽ xem xét nó. Tôi vẫn thường sai lầm, và nếu như tôi sai, tôi rất muốn chúng ta cùng điều chỉnh nó.”

Câu nói: “Rất có thể tôi sai” chứa đựng một thông điệp nhiệm mầu, không có câu nói nào dễ được thông cảm và chấp nhận bằng cách nói thẳng thắn và chân thành rằng: “Tôi đã sai rồi!” Không ai sống trên đời này lại phản đối hay không đánh giá cao sự nhận lỗi một cách thành thật và khiêm nhường đó.

Bạn sẽ hiếm gặp rắc rối nếu chấp nhận rằng bạn có thể sai lầm. Điều này sẽ chấm dứt tranh cãi và khiến đối phương lịch sự cởi mở và rộng lượng như bạn vậy. Đặc biệt nó sẽ khiến họ cũng muốn chấp nhận rằng chính mình cũng có thể sai lầm.

Một tác phẩm văn học kinh điển trong văn học Mỹ là quyển tự truyện của Franklin—những gợi ý tuyệt vời của tác giả về sự đổi nhân xử thế, tự kiểm chế mình và cải thiện nhân cách bản thân. Franklin vốn được xem là một trong những người tế nhị, khôn ngoan. Ông kể lại việc ông đã thắng được thói quen chủ quan trong lập luận và tự thay đổi mình như thế nào:

“Khi còn là một thanh niên



tôi nói năng bất cần, không đồng ý với ai là tôi nói như tát nước vào mặt người ta, khiến không ai còn muốn tiếp xúc với tôi nữa. Một người bạn lớn tuổi đã thẳng thắn phê bình tôi. Thật tuyệt vời, tôi đã đủ khôn ngoan hiểu rằng nếu không sửa chữa những tật xấu này tôi sẽ lao vào thất bại và tai họa. Tôi đã thay đổi hẳn cách hành xử.”

Franklin kể rằng: “Tôi đã bỏ hẳn lối nói thẳng thừng gây tổn thương tình cảm người khác và mọi lời khẳng định cực đoan bảo vệ ý kiến của mình, thậm chí tôi cảm mình không được sử dụng những từ ngữ chứa đựng định kiến như: “Tôi chắc chắn” “Tôi không thể nào sai được...” mà thay thế bằng những từ: “Theo tôi suy nghĩ là,” “Tôi cảm thấy...” Khi người khác nói sai điều gì, tôi kềm chế thói háng hái bác bỏ ngay lập tức, mà luôn suy xét lựa lời nói rằng ý kiến ấy đúng trong trường hợp, hay hoàn cảnh nào đó, nhưng trong trường hợp này có thể khác đi, v.v.

Chẳng bao lâu, tôi đã thấy rõ lợi ích của sự thay đổi này. Tôi trò chuyện với mọi người cởi mở vui vẻ hơn. Ý kiến đưa ra khiêm tốn hơn, khiến người khác dễ chấp nhận và ít tranh cãi. Lúc đầu tôi khá vất vả vì nó đi ngược với thiên hướng tự nhiên của mình. Nhưng về lâu dài nó giúp tôi thành công trong công việc và ứng xử, đến nỗi trong suốt 50 năm nay,

chưa bao giờ ai nghe một lời giáo điều từ miệng tôi.

• Một vị vua ở Ai Cập cách đây mấy nghìn năm ở Akhotor đã khuyên con trai mình một lời khuyên khôn ngoan mà đến nay vẫn còn nguyên giá trị: “Hãy cư xử khéo léo. Nó sẽ giúp con giành được điều con muốn.”

Nói cách khác, đừng tranh cãi nhau với người đối diện – Đừng chọc giận họ. Hãy cư xử với họ một cách tế nhị, lịch thiệp và chân tình nhất.

Tài năng quý hiếm nhất là tài năng của một người biết nhìn nhận người khác có tài năng hơn mình.

### **3. HÃY THẮNG THẦN THỪA NHẬN SAI LẦM CỦA MÌNH, CŨNG LÀ TỰ THẮNG BẢN THÂN**

Một câu chuyện lý thú:

Cách nhà tôi vài phút đi bộ là khu rừng nguyên sinh mà ở vùng này quen gọi là công viên rừng. Ở đó, mùa xuân nhiều hoa mâm xôi nở trắng xóa, là nơi nhiều chú sóc làm tổ và nuôi con. Tôi thường đến đây cùng với một chú chó foco nhỏ của mình. Vì công viên vắng người, nên tôi không xích cổ và khớp mỏ con foco để nó tự do thoải mái. Một hôm tôi gặp một viên cảnh sát đi trong công viên. Ông xẵng giọng nói với tôi: “Này sao ông lại để cho con chó đi rong trong công viên mà không xích cổ và khớp mỏ nó? Ông không biết đó là vi phạm sao?”

– Vàng tôi biết, tôi nhẹ nhàng nói “Nhưng tôi nghĩ nó không thể gây phương hại gì cho ai ở đây.”

– Ông nghĩ! Hừ, pháp luật không cần biết điều ông nghĩ. Con chó này có thể giết một con sóc hay cắn một đứa bé. Lần này tôi cho qua, nhưng bắt gặp nó như vậy lần nữa thì ông phải trả lời trước pháp luật.”

– Tôi nhẹ nhàng hứa sẽ chấp



hành đúng quy định. Thực tế tôi chấp hành được vài tuần lễ, vì con foc không thích bị mỗ và tôi cũng không muốn như thế – nên đã bỏ nó ra. Mọi việc yên ổn một thời gian, quả là đi đêm có ngày gặp ma. Một buổi chiều nọ, khi tôi và foc đang ung dung đi lên ngọn đồi, bỗng từ sau lùm cây phía trước chúng tôi, hiện ra người đại diện pháp luật hôm nọ, đang đi ngược lại. Tôi biết mình có lỗi nên tôi không đợi viên cảnh sát lên tiếng mà tôi nói trước:

– “Thưa ông sĩ quan, tôi đã sai, tôi có lỗi. Cách đây vài tuần ông đã cảnh báo rằng nếu tôi mang con chó này đến đây lần nữa mà không xích cổ và bị mõm thì ông sẽ phạt tôi.”

– “Đúng thế” – viên cảnh sát dịu giọng – “Tuy nhiên, tôi cũng hiểu ai cũng muốn để cho chú chó cũng đi dạo thoải mái một chút ở một nơi vắng vẻ như thế này.”

– “Vâng ai cũng muốn – nhưng điều đó trái pháp luật” – tôi đáp.

Viên cảnh sát nói: Một con chó nhỏ như thế này thì gây hại gì cho ai chứ.

– Không gây hại, nhưng nó có thể giết những con sóc, tôi nói.

– Được rồi, tôi nghĩ rằng ông quá nghiêm túc đấy, tôi sẽ bày cách cho ông, ông cứ để nó chạy lên đồi và xem như tôi không nhìn thấy nó và chúng ta quên chuyện này đi.

Viên cảnh sát muốn tỏ ra

mình là quan trọng. Khi tôi bắt đầu tự kết án mình. Phong cách bề trên mà ông muốn biểu lộ chỉ còn là thái độ rộng lượng và tha thứ.

Thay vì cãi nhau với viên cảnh sát, tôi nhanh chóng chấp nhận công khai và nhiệt tình, ông ấy hoàn toàn đúng. Còn tôi hoàn toàn sai. Câu chuyện chấm dứt ở chỗ thật thú vị là tôi theo quan điểm của ông ấy và ông ấy theo quan điểm của tôi. Trong khi chỉ cách đây vài tuần, ông ta còn muốn sử dụng pháp luật đối với tôi.

Tự phê phán mình chẳng phải dễ dàng hơn nhiều so với việc nghe lời phê phán từ người khác sao?

Nếu chúng ta chịu nhìn nhận những điều sai trái của mình trước khi người khác có dịp nói ra, chúng ta sẽ có 99% cơ hội được đối xử bằng thái độ hào hiệp, tha thứ và những lỗi lầm sẽ được giảm bớt.

Một câu chuyện khác:

Sau khóa huấn luyện, các học viên phải qua một vòng kiểm tra. Mỗi người sẽ được bạn học nhận xét về mình, những điểm mạnh và những điểm cần sửa chữa. Những nhận xét được ghi ra giấy mà không ký tên. Sau kỳ kiểm tra đó có một học viên đến gặp tôi với tâm trạng thất vọng. Mọi người trong lớp chỉ trích anh ta không tiếc lời, nào là kiêu ngạo, hống hách, ích kỷ, xấu bụng, đáng tẩy chay và tống ra khỏi lớp. Tôi đã

khuyên anh ta là áp dụng nguyên tắc thật thà nhận lỗi. Buổi học kế tiếp, con người “đẩy tội lỗi” đó đứng trước lớp, nhìn thẳng vào mọi người và nói: Tôi biết là tôi không dễ thương chút nào hết. Quả thực tôi đã phạm rất nhiều lỗi lầm trong ứng xử với mọi người. Đọc những lời nhận xét của các bạn, tôi rất buồn, nhưng phải thành thật nhìn nhận rằng nó rất có ích lợi cho tôi. Đây là một bài học nhớ đời, tôi xin được chân thành tiếp thu. Các bạn có thể giúp tôi thêm một lần nữa, viết thêm cho tôi vài dòng chỉ bảo cho tôi cách sửa mình như thế nào? Tôi xin hứa sẽ thay đổi thực sự.

Lời tâm sự chân tình này đã làm cho cả lớp xúc động. Những người tuần trước muốn tống anh ta ra khỏi lớp, thì nay lại khen ngợi sự khiêm tốn của anh ta. Sau đó họ thực sự giúp đỡ động viên anh ta sửa mình, và vượt qua mọi thử thách.

• Nếu bạn đã sai lầm – thì không gì hay bằng thẳng thắn nói rằng “Tôi đã sai.” Nhượng bộ không phải hạ mình, nhận lỗi không là nhục nhã.

• Trong quan hệ với con người, hãy luôn nhớ rằng chúng ta đang giao tiếp với những sinh vật không những có lý trí mà còn có cảm xúc, họ rất dễ bị tổn thương bởi định kiến, nhưng luôn có động lực khi có niềm tự hào và lòng kiêu hãnh.



### 3. MẬT NGỌT TRONG GIAO TIẾP

Khi đang trong cơn giận dữ mà ta có thể trút mọi bức tức vào kẻ đã gây ra nó tin chắc chúng ta sẽ hả hê rất nhiều!

Nhưng đối phương thì sao? Họ sẽ chẳng thể nào chấp nhận giọng điệu gay gắt và thái độ hằn học của ta. Sự cảm thông, tình thương yêu và lòng trắc ẩn chính là phương cách tốt nhất giúp bạn nhận được sự đồng tình của mọi người, chỉ cần kiên nhẫn.

Wilson – Tổng thống thứ 28 của Hoa Kỳ từng nói: “Nếu bạn đưa hai quả dấm ra với tôi, thì tôi lập tức giương hai quả dấm đáp lại bạn. Nhưng ngược lại nếu bạn gặp tôi và nói nhẹ nhàng. Chỉ cần kiên nhẫn và chân thành một chút chúng ta có thể chấp nhận xem xét lại những điều bất đồng với nhau, chúng ta dễ dàng đi đến chỗ hòa hợp.”

Nếu trái tim một người nhức nhối vì bất bình hay ác cảm với bạn thì dù bạn có những lý lẽ đúng đắn nhất trên đời cũng không thể nào khiến người ấy nghĩ theo bạn.

- Những ông bà hay la rầy, ông chủ hay quát tháo, cũng

như những ông chồng bà vợ hay đay nghiến, nên hiểu rõ điều này.

- Cách đây hơn 100 năm, Lincoln đã nói: Có một câu châm ngôn cổ viết rằng: “Một giọt mật ngọt bắt được nhiều ruồi hơn một thùng nước đắng.” Nếu muốn người nào đó thuận theo ý mình thì trước hết bạn phải chứng tỏ rằng bạn là người bạn chân thành của anh ta. Mật ngọt trong tình cảm sẽ chiếm được trái tim và là con đường thên thang dẫn đến lý trí của con người.

- Cách đây nhiều năm khi tôi còn là một đứa bé, đi xuyên qua các cánh rừng tràm để đến một trường học ở nông thôn, tôi đã đọc một truyện ngụ ngôn về “Mặt trời và Gió”. Hai bên tranh cãi nhau xem bên nào mạnh hơn.

Gió nói: “Tôi đã chứng minh tôi mạnh hơn. Ông có thấy cụ già đằng kia không? Tôi đánh cuộc sẽ làm ông cụ cởi áo khoác của mình ra nhanh hơn ông.”

Mặt trời ẩn mình sau một đám mây để gió chứng tỏ uy quyền của mình. Gió thổi

mạnh gần như một cơn bão. Gió thổi càng mạnh bao nhiêu thì cụ già lại càng giữ chặt chiếc áo lại bấy nhiêu. Cuối cùng gió lặng đi chịu thua.

– Khi đó Mặt trời rời khỏi đám mây, dịu dàng tỏa những tia nắng óng ánh xuống mặt đất. Bỗng chốc trán cụ già lấm lấm mồ hôi, rồi cụ chau mày và cởi áo khoác ra. Mặt trời đã cho gió một bài học rằng để nghị nhẹ nhàng bao giờ cũng đem lại hiệu quả hơn sự ép buộc bằng vũ lực.

Aesop – một nô lệ Hy Lạp sống cách đây khá lâu đã viết những câu chuyện ngụ ngôn bắt từ 600 năm trước công nguyên. Nhưng cho đến ngày nay những gì ông đã trải nghiệm và giảng giải về bản chất con người vẫn mãi là chân lý. Mặt trời có thể khiến bạn cởi chiếc áo khoác của mình nhanh chóng hơn gió. Thái độ dịu dàng thân thiện và những lời khen ngợi chân thành có thể khiến người ta thay đổi ý kiến dễ dàng hơn là gây căng thẳng khó chịu. Một lần nữa, bạn hãy ghi nhớ câu nói của Lincoln: “Một giọt mật ngọt bắt được nhiều ruồi hơn một thùng nước đắng.”

Lòng nhân ái và lối ứng xử nhẹ nhàng là biểu hiện của một tâm hồn cao thượng.

Sự chín chắn bắt đầu bằng thái độ thân thiện, dịu dàng và những lời khen ngợi chân thành. Bạn sẽ thành công khi chinh phục được nhân tâm. ■

# PHẬT HOÀNG

# TRẦN NHÂN TÔNG

## ■ DIỆU THUẬN



**D**ân tộc Việt Nam đã có những trang lịch sử oai hùng trải qua các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần. Đặc biệt, đời nhà Trần có rất nhiều bậc minh quân, phần lớn đều là những vị Phật tử đáng kính như: Vua Trần Thái Tông– dưới góc độ nhà Thiền thì Ngài được coi như là một vị thiền sư hiểu thiền rất sâu sắc, tâm thiền rất sáng và sống thiền rất đặc lực; hoặc vua Trần Thánh Tông là một người có sức sống thiền rất vững vàng, có sức tự chủ và sáng suốt mà một vị xuất gia bình thường khó theo kịp. Riêng vua Trần Nhân Tông là một vị vua đặc quả tại tiền,

được xem là một vị Phật sống, là người sáng lập ra thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Ngài vừa là một thiền sư Việt Nam, vừa là một nhà văn hóa, nhà thơ và nhà quân sự lỗi lạc, đồng thời còn là một nhà tư tưởng Việt Nam.

### I. TIỂU SỬ

Theo sử liệu của Nguyễn Lang trong “Phật giáo Việt Nam sử luận” tập I, Nhà xuất bản Văn Học Hà Nội 1994 và sử liệu “Thơ văn Lý Trần” tập 2, Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1989, Ngài tên thật là Trần Khâm, sinh ngày 11-11 năm



Mậu Ngọ (1258), con trưởng của vua Trần Thánh Tông và Nguyên Thánh Hoàng hậu. Khi mới sinh, toàn thân màu da như vàng ròng – sáng chói. Vua cha đặt tên là Phật Kim. Sách Thánh Đăng Ngũ Lục chép: “Đến khi vua ra đời, màu da như vàng ròng. Thánh Tông đặt tên là Kim Phật...”

Sách Đại Việt Sử Ký Toàn Thư ghi: “Được tinh anh của Thánh nhân, đạo mạo thuần túy, nhan sắc như vàng ròng, thể chất hoàn toàn, thần khí tươi sáng... Vai bên tả có một nốt ruồi đen, các nhà tướng số cho rằng: ngày sau sẽ gánh vác việc lớn.”

Ngài đăng quang năm 1279 với niên hiệu là Thiệu Bảo (1279–1284), và Trùng Hưng (1285–1293). Sau đó lên làm Thái Thượng Hoàng và nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông, đến năm 1299 xuất gia và viên tịch năm Mậu Thân (1308) ở am Ngọa Vân, núi Yên Tử.

Ngài vốn là một người xuất chúng, thông minh, hiểu học, tinh thông cả thiên văn, lịch số, binh pháp, thông thạo cả nội<sup>1</sup> ngoại<sup>2</sup> điển. Sách Tam Tổ Thực Lục ghi: “Thánh tính thông minh, đa năng hiểu học, thiệp lịch quần thư, thông nội ngoại điển. Chí ư thiên văn, lịch số, binh pháp, y dược, âm luật, mạc bất giai tạo kỳ khôn áo” (Thánh tính thông minh, tài giỏi, hiểu học, đọc hết các sách vở, thông suốt nội điển và ngoại điển. Thông thạo cả các vấn đề về thiên văn, lịch số, binh pháp, y dược, âm luật).

Trong tâm Ngài đã sớm có mầm mống giải thoát mọi ràng buộc thế gian để tìm đến sự thiên định ngay từ lúc còn thiếu thời, nhưng vì chữ hiếu nên Ngài đã vâng lời thay cha gánh vác việc giang san, lo cho dân cho nước. Đây là một điểm đặc biệt mà dân tộc Việt Nam ta có thể tự hào vì đã có một vị Phật đi theo con đường xuất gia của Phật Thích Ca khi đang sống trong nhung lụa, uy quyền của một bậc đế vương, nhưng đã thấy được nỗi khổ của chúng sanh mà đi tìm sự giải thoát cho bản thân mình và sanh chúng.

1. Nội điển: Kinh Phật.

2. Ngoại điển: sách vở khác.

Ngay từ nhỏ do được thân cận học hỏi giáo lý với Tuệ Trung Thượng Sĩ, một bậc thầy lỗi lạc nên đã tạo nhân duyên lành, cảm rĩ sâu xa vào tâm thức của Ngài, đồng thời phát triển mạnh mẽ trong lòng đất giải thoát. Đây chính là nhân duyên dẫn đến sự ra đời của Thiền Phái Trúc Lâm Yên Tử, một dòng thiền độc đáo, đậm đà sắc thái Việt Nam.

Năm Quý Tỵ 1293 Ngài nhường ngôi lại cho con là Trần Anh Tông lên làm Thái Thượng Hoàng để chỉ dạy cho con việc triều chánh và rất nghiêm khắc trong vấn đề giáo dục con, đồng thời lo sắp đặt mọi việc chuẩn bị cho việc xuất gia. Đến tháng 10 năm Kỷ Hợi 1299, Ngài lên núi Yên Tử xuất gia tu hành. Tại đây, Ngài tu hành chuyên cần tu tập thiền quán, từ khước sự hưởng thụ của thế gian, thực hành 12 hạnh đầu đà (khổ hạnh), lấy hiệu là Hương Vân Đại Đầu Đà, sau đổi là Trúc Lâm Đầu Đà, được người đời tôn xưng là Giác Hoàng Diệu Ngự.

Sau khi lên núi xuất gia, Ngài lập chùa, cất tịnh xá, khai giảng Phật pháp để tiếp độ chúng tăng. Học chúng đua nhau đến rất đông. Sau đó Ngài đến Chùa Phổ Minh ở phủ Thiên Trường lập giảng đường, giảng dạy mấy năm, rồi vân du đến Trại Bồ Chánh lập am Tri Kiến và ở đó.

Trong Tam Tổ Thực Lục có ghi lại vào năm Giáp Thìn (1304), Ngài đi khắp các chốn thôn quê loại bỏ dâm từ<sup>3</sup>, dạy dân thi hành 10 điều thiện. “Chu hành tu lạc, hóa trừ dâm từ, giáo hành thập thiện.”

Ngài được xem là vị Tổ thứ nhứt của dòng thiền Việt Nam. Là người sáng lập nên dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử, một dòng thiền mang đậm nét đặc thù Việt Nam, tích cực dẫn thân vào xã hội xây dựng hưng vượng đất nước bằng từ bi, trí tuệ và đạo đức của Phật giáo. Sau, Ngài được người đời tôn xưng là vị Phật sống.

Vào giờ Tý ngày 21–10 âm lịch năm 1308 ở am Ngọa Vân (núi Yên Tử) sau khi nói lên bài kệ thị tịch giã từ tăng chúng, Ngài đã viên tịch

3. Dâm từ: những nơi thờ thần không chánh đáng.

và được đưa về táng ở Đúc Lăng (nay thuộc tỉnh Thái Bình).

*Nhất thiết pháp bất sinh,  
Nhất thiết pháp bất diệt,  
Nhược năng như thị giải  
Chư Phật thường hiện tiền  
Hà khứ lai chi liễu dã*

**DỊCH NGHĨA:**

*Mọi pháp đều không sinh  
Mọi pháp đều không diệt  
Nếu hiểu rõ như thế  
Thì thấy chư Phật thường hiện diện  
Có đi lại, sinh diệt gì đâu!*

**TÁC PHẨM:**

Theo học giả Lê Mạnh Thát, tác giả của Toàn tập Trần Nhân Tông, thì những gì còn lại trong toàn bộ những trước tác của Vua Trần Nhân Tông hiện nay chỉ gồm 32 bài thơ, 2 bài phú, 2 bài giảng, 2 đoạn ngữ lục, 1 bài văn thơ cùng một số văn thư ngoại giao. Nhưng nổi bật nhất là Cư trần lạc đạo phú và Đặc thú lâm tuyền thành đạo ca đã được Ngài sáng tác vào khoảng sau khi đại thắng quân Nguyên Mông. Đây chính là sự kết tụ cả cuộc đời phi thường của Ngài. Hai tác phẩm văn học nói trên thuộc loại chữ Nôm đầu tiên hết sức có giá trị của văn học Việt Nam còn được bảo tồn cho đến ngày nay.

Đặc thú lâm tuyền thành đạo ca được xem như là một bản kinh sống, đã mở lối cho các



BỨC TRANH CỔ “TRÚC LÂM ĐẠI SĨ XUẤT SƠN” DO HỌA SƯ TRẦN GIÁM NHƯ VẪ NĂM 1363 CÒN LƯU GIỮ ĐẾN NAY. ẢNH CHỤP LẠI: VĂN HIẾN.

tăng sĩ Việt Nam xưa cũng như nay một con đường đi đến bờ giải thoát an vui.

Còn Cư trần lạc đạo phú thì được xem như là một “bản tuyên ngôn của con đường sống đạo mà Phật giáo Việt Nam đã đề ra và đã chi phối cuộc sống của hàng triệu người Phật tử Việt Nam thời vua Trần Nhân Tông và những thế kỷ sau.”<sup>4</sup>

## II. TƯ TƯỞNG CỦA PHẬT HOÀNG TRẦN NHÂN TÔNG

Từ tiểu sử của Phật Hoàng Trần Nhân Tông, ta có thể nhìn thấy tư tưởng của Ngài thể hiện ở ba góc độ sau:

### 1. CON NGƯỜI MINH TRIẾT PHẬT TẠI TÂM

Ngài thấy được trong chúng sanh đều có một cái yếng sáng, một mầm mống Phật hiện diện ngay bên trong tâm mình, đó chính là Phật tánh: “Nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật Tánh”.

Ở điểm này ta thấy các tôn giáo khác cũng có cùng một quan điểm như: Thiên Chúa Giáo quan niệm: Chúa ngự trị trong tâm hồn của anh em, Cao Đài Giáo quan niệm mỗi người đều thọ bửm một điểm Linh Quang nơi Thượng Đế, là một Tiểu Linh Quang trong khối Đại Linh Quang:

*Con là một Thiêng Liêng tại thế  
Cùng với Thầy đồng thể Linh Quang,  
Khóa chìa con đã sẵn sàng,  
Khi vào cõi tục khi sang Thiên đình.*

Con người khi mới sinh ra vốn không có thiện, không có ác, không tồn tại ranh giới giữa phúc và tội “Bản tính tràm ngưng, không thiện, không ác” (Bản tính lặng yên trong trẻo, không thiện, không ác). Phật tính đó gắn liền với con người như hình với bóng, không bao giờ xa rời. “Nên biết rằng tội và phúc vốn là không, nhân quả thực ra chẳng thật. Người người vốn

4. Lê Mạnh Thát, Toàn tập Trần Nhân Tông, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 2000, tr.271.

đủ, ai nấy tròn đầy. Phật tính pháp thân, như hình như ảnh, tùy ẩn tùy hiện, bất tức bất ly.”<sup>5</sup>

Mỗi người đều có sẵn Phật Tánh bên trong, tự mình có một viên ngọc báu, ai ai cũng có thể thành Phật. Nhưng, sở dĩ con người không tìm thấy Phật Tánh là do đã để cho bức màn vô minh, tham ái che lấp bản linh chơn tánh, để cho những phiền não, vọng niệm bịt kín tâm trung, không biết lau chùi cho viên ngọc đó sáng ra mà chỉ lo vất vả tìm kiếm bên ngoài. Con người nếu chỉ lo tìm Phật bên ngoài chẳng khác nào đi tìm lông rùa, sừng thỏ. Muốn thành Phật con người cần phải loại bỏ mọi vọng niệm, để tâm thanh tịnh, giác ngộ, hầu thấu rõ bản tính của mình khi đó không cần phải tìm kiếm Bồ Tát, Thần Tiên, La Hán, hay Phật đà nữa, vì nó ở chính trong tâm ta.

*Thùy phước cánh tương cầu giải thoát,  
Bất phàm hà tất mịch thân tiên.*<sup>6</sup>

Người học đạo, hiểu đạo, tu đạo và đạt đạo cần nhận thức rõ giữa Phật và chúng sinh chỉ khác nhau ở chỗ giác ngộ hoặc không giác ngộ, và sở dĩ con người có khả năng sống tự tại là do họ đã nhận ra một điều đơn giản rằng Phật ở trong tâm con người. Phật chính là tâm thanh tịnh, khi con người hành xử theo đạo lý, thiện hạnh, đạt đến cảnh giới trí tuệ bát nhã của bậc giác ngộ thì con người có thể hợp nhất làm một với Phật, đạt tới sự cực lạc, chứ không cần phải tìm cầu nơi chốn xa xôi. Đó chính là chân lý sâu xa nhưng vô cùng giản dị:

*Biết chân như, tin Bát nhã, chớ còn tìm Phật  
Tổ Tây Đông,*

*Chứng thực tướng, nên vô vi, nào nhọc hỏi  
kinh thiên Nam Bắc.*<sup>7</sup>

Hay trong Cư trần lạc đạo Ngài khuyên:

*“Tịnh độ là lòng trong sạch chớ còn ngờ hỏi đến  
Tây phương*

*Di Đà là tính sáng soi mưa phải nhọc tìm về  
cực lạc.”*

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Di Lạc Thiên Tôn cũng đã giảng dạy tại Trúc Lâm Thiền Điện, 17-7 Quý Sửu (15-8-1973) về sự khác biệt giữa người và Phật, đó là:

*Phật là Phật đã đắc chơn không,  
Người với Phật kia chẳng dị đồng,  
Khác biệt bởi người quên tánh Phật,  
Biết tu, cực lạc ở trong lòng.*

Đức Phật Hoàng Trần Nhân Tông cũng từng nói với đệ tử về nghĩa lý sâu xa của Phật pháp: “Lỗ mũi thẳng xuống cửa mắt, lông mày vắt ngang hố mắt, há dễ tìm thấy được đâu? Nên hãy đi tìm cái đạo không thấy. Ba ngàn pháp môn cùng về tác dụng. Hà sa diệu dụng thấy tại nguồn tâm. Cái gọi là giới môn, định môn, tuệ môn, các người không thiếu. Nên trở về mà tự nghĩ suy. Phàm những tiếng ho hắng, mày dương mắt nháy, tay cầm chân bước, đó là tính gì? Biết được tính đó là tâm gì, tâm tính rõ thông, thì cái gì đúng, cái gì là không đúng. Pháp tức là tính, Phật tức là tâm. Tính nào chẳng phải là pháp? Tính nào chẳng phải là Phật. Tức Tâm tức Phật, tức tâm tức pháp,



Tôn ảnh ngài Điều Ngự Giác Hoàng do họa sĩ Đinh Cường vẽ  
ai dựa theo bản in gỗ, in vào đời Cảnh Thịnh (Bình Thịn 1796)  
của Trúc Lâm Tông Chí Nguyên Thanh của Ngô Thì Nhiệm

5. Tam Tổ Thực Lục.

6. Trần Nhân Tông, Sơn phòng mạn hứng.

7. Trần Nhân Tông, Cư trần lạc đạo, Đệ tứ hội.



pháp vốn chẳng pháp. Túc pháp túc tâm, tâm vốn chẳng tâm, túc tâm túc Phật.”<sup>8</sup>

## 2. ĐỜI ĐẠO SONG TU

Đức Phật Hoàng Trần Nhân Tông được ví như một hình tượng khá sinh động một con chim đại bàng vươn hai đôi cánh đạo và đời hoàn chỉnh, mạnh mẽ và lộng lẫy lạ thường. Triết lý sống của Ngài mang một khí phách phóng dật, siêu thoát của một bậc đại trượng phu thấm nhuần triết lý nổi tiếng của Ngài Huệ Năng là: “Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian giác”. Vì sống trên cõi đời này con người không thể nào thoát khỏi mọi ràng buộc của thế gian, kể cả những bậc ẩn tu nơi thâm sơn cùng cốc; vì thế con người cần phải hiểu rõ bản chất của cuộc đời, làm thế nào dùng để cho mọi thị phi, danh lợi của cuộc đời chi phối. Con người sống với đời, nhưng vẫn vui với đạo, không để cho cõi tục vướng vào tâm mình, không chán đời, không trốn tránh cuộc đời, mà tự tại sống trong bụi bặm trần ai, ung dung giữ niềm vui cao quý, trong sáng lâu bền, chứ không vui cái vui tạm bợ, hư giả của cuộc đời. Đây chính là một mẫu hình Đời – Đạo song tu của Phật Hoàng Trần Nhân Tông.

Ngài nhận thấy hạnh phúc của con người không phải là tiền tài, danh vọng, địa vị... mà hạnh phúc của con người là phục vụ cho mọi người, nó phải xuất phát từ nội tâm con người, từ sự trực ngộ được thể tính thanh tịnh của tự tâm. Ngài chính là một vị vua thấu hiểu Phật lý với tinh thần Bi – Trí – Dũng, nên khi lên ngôi vua trong lúc đất nước có giặc ngoại xâm, từng chứng kiến bao cảnh trạng đau khổ của cuộc sống nhân gian nên Ngài chủ trương xây dựng một thiên phái Trúc Lâm thuần Việt, nhằm tìm một con đường giải thoát cho chính mình, đồng thời giải thoát cho những người khác, luôn quy tụ nhân tâm về một mối, vừa giúp cho phong

hóa nước nhà được thuận hậu, người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, tốt đời đẹp đạo, đồng thời cũng tăng cường sợi dây liên kết lòng người trong thời buổi đất nước loạn ly, rất cần sự đoàn kết tập trung sức mạnh của toàn dân tộc.

Ngài cho rằng người tu hành không cần phải vứt bỏ cuộc sống đời thường của mình, vẫn có thể tu Đạo giữa đời.

*Minh ngồi thành thị*

*Nết dựng sơn lâm*

*Muôn nghiệp lặng an nhàn thể tính*

*Nửa ngày rồi tự tại thân tâm*

*Tham ái nguồn dưng, chẳng còn nhớ châu yêu ngọc quý*

*Thị phi tiếng lặng, được dẫu nghe yến thốt oanh ngâm.*<sup>9</sup>

Nhờ được ấn tâm và thụ giáo của người thầy là Tuệ Trung Thượng Sĩ ( vốn là một cư sĩ tại gia chủ trương gần đạo và đời làm căn bản cho quá trình nhận thức và tu tâm tĩnh trí để đạt đến sự giải thoát và viên mãn), và trải nghiệm qua công cuộc dân nước hào hùng nên Ngài đã dễ dàng khẳng định chân lý giải thoát và nhìn thấy được những giá trị thuận cách từ trong tinh hoa của Đạo Phật, cho việc giáo hóa nhân dân đúng hướng, dựa trên cuộc sống dân tộc đó là sự bình dị, kiệm ước, trọng học, trọng tình, biết tôn thờ sự nghiệp dân nước làm trọng và không cho coi nhẹ bốn phận công dân và lòng tự cường dân tộc.

Trong bài Cư trần lạc đạo, Ngài đã nêu cao một tuyên ngôn tư tưởng cả về đạo và đời, không chỉ riêng cho giới tu hành mà cho toàn dân tộc đó là cần phải đạt đến sự “Nhân hòa”. Đó chính là phương châm để cho dân tộc lớn mạnh. (Đây cũng chính là một điểm tương đồng mà Cao Đài Giáo cũng chủ trương muốn xây dựng thế giới đại đồng cho nhân loại cùng hưởng thì phải đạt được thế Nhân hòa).

Ở thời đại Lý Trần, tinh thần dung hòa Tam giáo cũng rất được coi trọng. Do đó vào thời của Ngài, Phật giáo tuy được coi là nền tảng nhưng

8. Theo Lê Mạnh Thát, Trần Nhân Tông: con người và tác phẩm; phần bài giảng tại Viện Kỳ Lân, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 1999.

9. Trần Nhân Tông, Cư trần lạc đạo



Nho giáo và Đạo giáo cũng rất được phát triển. Tuy tôn sùng Phật học, nhưng thái độ của Ngài đối với các học thuyết khác là một thái độ cởi mở, tôn trọng và tiếp thu trên cơ sở thiển. Ngài nhập thế với một tinh thần tích cực, cởi mở và khai phóng, khiến cho giáo pháp thiển của phái Trúc Lâm trở thành một cầu nối giữa triều đình và nhân dân. Thiển học của Ngài mở ra cho tất cả mọi người, phù hợp với xã hội Việt Nam chứ không đóng khung trong phạm vi nhỏ hẹp của tầng lớp quý tộc hay bó buộc trong triều đình. Chính con đường đời đạo song tu này của dân tộc Việt Nam vốn đã có từ ngàn xưa, là một tiền đề cho Đức Thượng Đế đã chọn đất nước Việt Nam để khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Mặc khác, Ngài cũng thường xuyên chú trọng việc khuyên bảo người dân không ngừng tu dưỡng lời nói và hành vi của mình. Ngài viết: “Xét thân tâm, rèn tình thức, há rằng mong quả báo phô khoe; cầm giới hạnh, địch vô thường, nào có sá cầu danh bán chác. Ăn rau ăn trái, nghiệp miệng chẳng hiểm thừa đắng cay; vận giấy vận sỏi, thân căn có ngại chi đen bạc” và “tích nhân nghi, tu đạo đức, ai hay này chẳng Thích Ca; cầm giới hạnh, đoạn ghen tham, chỉ thực ấy là Di Lặc.”<sup>10</sup>

### 3. CON NGƯỜI CỦA VŨ TRỤ

Nhờ năng lực công phu hành thiển, cùng với cảnh trí yên tĩnh của núi rừng nơi non thiêng Yên Tử, Ngài đã trực nhận được bản lai diện mục của chính mình, vượt ra ngoài sự đối đãi của cuộc sống nhị nguyên thường tình của con người. Trong bài Xuân Vãn, Ngài đã chỉ cho ta thấy chân lý: một niệm mê là chúng sanh, một niệm giác tức Phật. Nếu như trước kia khi còn là một ông hoàng của thuở thiếu thời, chưa thấm nhuần được Lý Đạo, lầm tưởng thế gian này là vĩnh cửu nên trước vẻ đẹp của hoa lá mỗi độ

xuân về thì lòng cảm thấy xao xuyến, mừng vui khi xuân về hoa nở và cảm thấy xót xa tiếc nuối khi xuân đi hoa tàn và mọi vật luôn quyến rũ lấy tâm hồn trẻ dại của Ngài. Nhưng lúc khôn lớn hiểu được Lý Đạo, nhận thức được sự hữu hạn của đời người thì Ngài quyết tâm dứt thân vào cửa thiển, và trải qua bao năm tháng gian lao tu tập, Ngài đã khám phá ra chân lý của vũ trụ, thấu rõ “bản lai diện mục” của chính mình, đó chính là con người bất sinh bất diệt từ vô thủy. Và từ đây Ngài không còn bị quyến rũ bởi những cảnh vật bên ngoài, mà lòng luôn an nhiên tự tại bên nệm cỏ giường thiển.

*Niên thiếu hà tăng liễu sắc không  
Nhất xuân tâm sự bách hoa trung  
Như kim khám phá đông hoàng diện  
Thiển bản bồ đoàn khán trụ hồng.*

DỊCH:

*Thuở bé chưa từng rõ sắc không  
Xuân về hoa nở rộn trong lòng  
Chúa Xuân nay bị ta khám phá  
Nệm cỏ giường thiển ngắm hồng rơi.*

Trong phần lớn các trước tác của Ngài đều bàn luận về thân – tâm, là những thứ chủ yếu gây nghiệp chướng cho đời sống con người. Thân – tâm chính là những cội nguồn nảy sinh dục vọng, khiến cho con người trở thành nô lệ và tội đồ của chính mình. Nó tự làm ngăn trở việc tạo tác tâm an định, chỉ khi nào con người buông bỏ mọi thứ, đạt đến cảnh giới tâm vô niệm, không để cho ngoại cảnh lay động là đã đạt được con đường giải thoát, hưởng thú thanh nhàn.

*Cảnh tịnh an cư tự tại tâm  
Lương phong suy đệ nhập tông lâm  
Thiển sà thu hạ nhất kinh quyển  
Lưỡng tự thanh nhàn thẳng vạn cân.<sup>11</sup>*

DỊCH:

*Cảnh vắng sống yên tâm tự tại  
Bóng từng gió mát thổi từng cơn  
Giường thiển một quyển kinh bên gối  
Hai chữ thanh nhàn vạn nén hơn.*

10. Lê Mạnh Thát, Trần Nhân Tông: Con người và tác phẩm (phần bài giảng tại Viện Kỳ Lân), Nxb Tp.Hồ Chí Minh, 1999.

11. Trần Nhân Tông, Đặc thú lâm tuyên thành đạo ca.

Những bài thơ thiên của Ngài toát lên một sự an nhàn thư thái của một người mà tâm luôn an nhiên, thư thái, vô ưu, thoát ra ngoài mọi sự ràng buộc của cuộc sống thế nhân; một con người có một sự an định nội tâm vững chắc sau bao năm tháng kiên trì khổ luyện tu hành. Trong bài Xuân vãn ta sẽ thấy hình ảnh những con chim diều hót một cách khoan thai, chầm rãi (diều ngũ trì), và trước cảnh mây chiều lướt nhẹ in bóng nước trước hiên nhà, khách và chủ đã cùng nhau thanh thân ngắm màu xanh vi diệu của đất trời (khán thúy vi).

*Dương liễu hoa thâm diều ngũ trì  
Họa đường thiêm ảnh mộ vân phi  
Khách lai bất vấn nhân gian sự  
Cộng ý lan can khán thúy vi.*

**DỊCH:**

*Dương liễu đây hoa, vắng chim ca  
Mây chiều lướt bóng trước hiên nhà,  
Sự đời dâu bể khách không hỏi  
Cùng tựa lan can ngắm trời xa.*

Sự hòa nhập với thiên nhiên, vũ trụ vui với cảnh thiên cũng được thể hiện trong bài Thiên trường vãn vọng. Trần Nhân Tông trước cảnh hoàng hôn buông xuống, từng đàn mục đồng dẫn trâu về, lòng Trần Nhân Tông an nhiên tự tại tận hưởng cuộc sống yên bình, tâm mình và thiên nhiên là một, hòa quyện cùng nhau.

*Thôn hậu thôn tiền đạm tự yên  
Bán vô bán hữu tịch dương biên  
Mục đồng địch lý ngưu quy tận  
Bạch lộ song song phi hạ điền.*

**DỊCH:**

*Sau thôn trước thôn đều mờ mờ như khói phủ  
Bên bóng chiều (cảnh vật) nửa có nửa như không  
Trong tiếng sáo, mục đồng dẫn trâu về hết  
Từng đôi cò trắng hạ cánh xuống đồng.*

Sau cùng, chỗ dựng công đức lực của hành giả tham thiền là: “Phản quan tự kỷ bốn phạm sự”, việc làm này là chính mình phải tự phản tỉnh quay về với chính mình chứ không tìm cầu bên ngoài mà vô ích.

#### 4. CON NGƯỜI PHẢN TỈNH

Khi còn theo học Phật pháp với Tuệ Trung Thượng Sĩ, được Thượng Sĩ hết lòng hướng dẫn và cùng trao đổi những yếu nghĩa thiền tông, Ngài rất tâm đắc câu “Phản quang tự kỷ, bốn phạm sự, bất tùng tha đắc” (Quan sát lại chính mình, đó là bốn phạm không do người khác làm được). Con người phải thường xuyên phản tỉnh hướng vào nội tâm để xem xét về ý nghĩa của kiếp người, sự tồn tại của đời người; những cái đẹp, cái quý, cái cao cả của con người và những giới hạn, bi kịch của đời người. Hướng nội để tự mình soi xét lấy hành vi của bản thân mình, để biết được mình đã làm gì, chưa làm được gì trong cuộc đời, hầu đánh giá chính mình một cách công minh và khách quan, và quan trọng hơn cả là tự mình hiểu mình.

Trong bài thơ Tây chinh đạo trung<sup>12</sup> của vua Trần Nhân Tông làm trên đường hành quân về biên giới phía Tây đã bộc lộ lên tâm trạng và cảm nghĩ chân thật của một nhà thơ đó là, một ông vua tuy nắm trong tay quyền lực cao nhất, nhưng tâm trạng và cảm nghĩ của một con người đời thường, đó là ghét chiến tranh, lòng luôn hướng về hòa bình. Sự “chinh phạt” đó chẳng qua là một sự bất đắc dĩ:

*Thê lương hành sắc thiêm cung mộng  
Liêu loạn nhàn sâu đảo tửu bôi  
Hán Vũ phiên chiêu cùng độc báng  
Nam nhi cấp cấp nhược vi tai?*

**DỊCH:**

*Cảnh đi đường lạnh lẽo lại thêm vương vấn  
giấc mơ cung nội*

*Mối sầu ngọn ngang mượn đến chén rượu  
Hán Vũ Đế đã chuốc lấy lời chê “cùng binh  
độc vũ”*

*Thế thì kẻ làm trai vội vã về việc chinh chiến  
để làm gì?*

Bài thơ thể hiện một sự phản tỉnh rất sâu sắc của một nhà vua, thấy được sự phi lý, vô nghĩa của chiến tranh. Nhưng ở đây không phải là nhà

12. Tây chinh đạo trung: Trên đường đi chinh phạt phía Tây.

vua hèn yếu, sợ sệt, chùn nhụt ý chí chiến đấu, mà việc cầm quân đi đánh giặc khi đất nước bị ngoại xâm là một điều thiết yếu, nhằm bảo vệ bờ cõi, lãnh thổ của quốc gia, mặc dù người cầm vũ khí rất tha thiết yêu hòa bình. Chính nhờ có cái tâm vững vàng, trong sáng nên nhà vua đã làm được điều phi thường, thấy rõ được ranh giới giữa mặt phải và mặt trái chỉ xê xích nhau trong đường tơ kẻ tóc, nên Ngài đã có được tự do trong nhận thức và hành động mà vẫn không sợ đi sai đường.

Cuộc đời là một sự duyên sinh giả hợp, con người muốn thật sự tìm về con người thật của mình thì cần phải đạt đến trạng thái tâm không. Tâm vốn không, cảnh vốn lặng, nhưng do con người cứ mãi chạy theo sự chấp nhận thủ ngã nên làm cho cảnh và tâm xao động, gây ra chướng ngại. Thế cho nên con người cần phải “phản quang tự kỷ” giữ cho tâm mình vô niệm, không điên đảo chạy theo ngoại cảnh.

*Gìn tính sáng mới hầu an,*

*Nén niềm vọng, niệm đừng chẳng thác.*<sup>13</sup>

Phương pháp nén niềm vọng này vừa phải dựa vào phương pháp “vô trụ” không chấp tướng, vừa phải dựa vào phương pháp “vô tướng” (đó là tam vô (ba không): vô niệm, vô tướng, vô trụ của Pháp môn tu tập của đốn giáo). Có làm được như vậy, dù ở trong cõi trần, nhưng tâm vô tạp vô nhiễm, thuận theo tự do, không có trở ngại và đạt tới sự giải thoát tinh thần. Muốn đạt đến cảnh giới của vô niệm, con người không được chấp trước. Theo Ngài thiền không phải là kinh viện, mà là cuộc sống, do đó cần phải “trực chỉ nhân tâm”, “bất lập văn tự”. Nếu như chấp trước vào “hữu cú vô cú” sẽ vô ích.

Trong những dòng thơ của Ngài được một vẻ an nhàn, xuất thế, một thái độ sống an nhiên tự tại trước cảnh đời biến động, vô thường:

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên*

*Cơ tắc xan hề khốn tắc miên*

*Gia trung hữu bảo hưu tâm mịch*

13. Trần Nhân Tông, Cư trần lạc đạo, đệ nhị hội.

*Đối kính vô tâm mặc vấn thiền.*

**DỊCH:**

*Sống đời vui đạo cứ tùy duyên*

*Hễ đối thì ăn, mệt nghỉ liền*

*Trong nhà có báu, đừng chạy kiếm*

*Vô tâm đối cảnh có chi thiền.*<sup>14</sup>

Đối cảnh vô tâm có nghĩa là khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần mà tâm không khởi tham sân si ưu bi khổ não. Đối với ngoại cảnh, dù đẹp xấu, thuận nghịch... khổ vui tâm vẫn không dấy động hay căn trần không dính nhau, đó chính là căn cốt của thiền, chính là vô tâm thiền.

Chân lý sâu xa nhưng vô cùng giản dị là muốn đạt được niềm an lạc nơi tâm, chúng ta phải biết buông xả, tùy duyên vì tất cả vạn pháp đều do duyên sinh, duyên khởi tương tục và tương tác. “Chư pháp tùng duyên sinh, diệt tùng nhân duyên diệt.” Một khi con người nắm vững chân lý này thì con người có thể sống tùy duyên, thung dung tự tại. Tùy duyên ở đây không phải là tùy duyên phi đạo lý hay một nếp sống phóng túng, thả nổi trôi sông mà là tùy duyên bất biến, là sự tỉnh thức trong dòng chảy hiện sinh. Đó chính là chìa khóa mở cánh cửa đưa con người vào cuộc sống an lạc, hạnh phúc. Đồng thời, điểm cốt lõi của con đường giải thoát và tự giải thoát chính là phải tự mình khai phóng nội lực bản thân, nhận thức rõ mọi việc, giữ cho tâm trong, trí sáng, biết bình tâm trước mọi diễn biến của cuộc sống, không để cho tâm bị vướng bận bởi tham sân si, bởi ngoại cảnh.

## **KẾT LUẬN**

Đức Phật Hoàng Trần Nhân Tông cho rằng con người là một chủ thể tự do của chính bản thân mình, mỗi người đều có mầm mống Phật bên trong “tâm tức Phật”. Con người phải nhận thức rõ và hướng vào bên trong mình mà cầu tìm Phật. Thiền của Ngài không thoát ly khỏi cuộc sống, mà ngược lại nó rất gần gũi, giản dị với đời thường, mang hơi thở của cuộc sống,

14. Trần Nhân Tông, Cư trần lạc đạo.

gắn liền với hạnh phúc của nhân sinh. Thiên của Ngài đã gắn cuộc đời của mỗi người với bốn phận làm người, mỗi người chính là một mùa xuân và con người phải sống sao cho khỏi uổng phí mùa xuân đó: “Bất thị tầm thường không quá xuân” (chớ để luống qua mùa xuân một cách tầm thường). Và sau cùng để có thể giải thoát con người phải khai phóng nội lực bản thân mình, giữ tâm trong, trí sáng, bình tâm trước mọi diễn biến của cuộc đời, đồng thời phải “phản quan tự kỷ”.

Tóm lại, Đức Phật Hoàng Trần Nhân Tông vừa là một vị vua anh minh, lo cho dân cho nước; một nhà lãnh đạo kinh luân; một nhà ngoại giao tài ba; một thiền sư lỗi lạc; một nhà văn hóa uyên áo và là nhà thơ xuất sắc của dân tộc. Trên bình diện nào, người ta cũng phát hiện những điều thú vị, kỳ lạ ở Ngài. Nhà nghiên cứu văn học Trần Thị Băng Thanh đã nhận định về Ngài như sau: “Là một con người đa dạng. Trong ông có bản lĩnh quả quyết, vững vàng của một người làm tướng, có cái sắc bén, bình tĩnh, ung dung của một nhà chính trị, ngoại giao; có sự sâu sắc thâm trầm của một nhà thiền học và quán xuyên tất cả là lòng nhân ái, hồn hậu, yêu nước nồng nàn.. của người Việt Nam cùng với một tâm hồn thơ giàu cảm xúc, tinh tế.”<sup>15</sup>

Ngày nay, trong Tam Kỳ Phổ Độ chúng ta tìm hiểu về cuộc đời Ngài để học theo gương của Ngài hầu hành xử cho xứng đáng với người môn đệ Đức Cao Đài là cần phải đời đạo song tu, vừa tích cực dấn thân vào xã hội giúp đời, vừa công phu thiền định để đứng trước những sóng gió, những quyến rũ của cuộc đời tâm mình lúc nào cũng được an nhiên, tự tại như lời Đức Đông Phương Chưởng Quản đã từng dạy là muốn thanh tịnh thì con mắt thấy sắc trần không phân biệt... sự va chạm cảm xúc đối với trần không phân biệt... Người môn đệ

Đức Cao Đài phải là người có đầy đủ tinh thần Bi – Trí – Dũng.■

TƯ LIỆU THAM KHẢO

1. Bách khoa toàn thư mở – Wikipedia Trần Nhân Tông.
2. Nhiều tác giả, Phật Hoàng Trần Nhân Tông (1258–1308).
3. Tuần báo Việt Nam, 18–9–2011, Hoàng dương tư tưởng cao đẹp của Phật Hoàng Trần Nhân Tông.
4. Tiến sĩ Dương Tuấn Anh, Tư tưởng Phật giáo Trần Nhân Tông – Con đường thiền tâm đi vào cuộc sống, Đại học Sư Phạm, Hà Nội.
5. Trang nhà Quảng Đức, Nguồn Trí Bửu, Trần Nhân Tông – Đức vua Phật Hoàng của dân tộc Việt Nam.
6. Pháp Đăng, Thư viện Hoa Sen, Chấn Phật và chấn vua trong con người của Phật Hoàng Trần Nhân Tông.
7. Đạt Ma Khế Định, Những nét siêu thoát của Phật Hoàng Trần Nhân Tông.
8. Tiến sĩ Nguyễn Tài Đông, Việt Nam hóa Phật giáo ở Trần Nhân Tông, Phó Trưởng Phòng Quản lý Khoa học & Đào tạo, Viện triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Tạp chí triết học.
9. Nhà thơ Mai Văn Hoan, An nhiên như Thiền phái Trúc Lâm..., Báo Quân đội nhân dân, Thứ năm 13–9–2012.
10. Phó Giáo Sư– Tiến sĩ Đoàn Thị Thu Vân, Ý thức phản tỉnh – Nét đẹp nhân văn trong thơ thời Trần.
11. Đại đức Tiến sĩ – Thích Không Nhiên, Giá trị phổ quát nhân cách siêu tuyệt của Phật Hoàng Trần Nhân Tông.
12. Tuệ Quang, Sơ lược về tiểu sử Đức Phật Hoàng Trần Nhân Tông.
13. Hòa thượng Thích Chơn Thiện, Chùa Tường Vân – Huế, Sở đặc giải thoát và tư tưởng Phật học, tập 3 – 2013.
14. Thích Huệ Thiện, Tư tưởng thiền học của Phật Hoàng Trần Nhân Tông qua thi kệ Cư trần lạc đạo.■

15. Trần Thị Băng Thanh, Những suy nghĩ từ văn học Trung đại, NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1999, tr.33.





# VAI TRÒ THÍCH HỢP CỦA TÔN GIÁO trong thế giới hiện đại<sup>(\*)</sup>

■ ĐỨC DALAI LAMA THỨ MƯỜI BỐN, MILAN, Ý, 07—12, 2007

ALEXANDER BERZIN SAO CHÉP VÀ HIỆU ĐÍNH SƠ

■ THIÊN CHÍ SƯU TÂM

Vào thời xưa, người ta dùng tín ngưỡng để mang đến niềm an ủi và hy vọng, khi họ phải đối diện với những hoàn cảnh nan giải, những vấn đề ngoài tầm kiểm soát của họ, đó là sự tuyệt vọng. Trong những hoàn cảnh như thế, tín ngưỡng đem lại một ít hy vọng. Thí dụ, thú vật đem lại sự đe dọa vào ban đêm. Vì vậy, trong bóng tối, ta cảm thấy

---

(\*) Trích đăng từ Nguồn: [http://www.berzinarchives.com/web/vi/archives/approaching\\_buddhism/world\\_today/relevance\\_religion\\_modern\\_times.html](http://www.berzinarchives.com/web/vi/archives/approaching_buddhism/world_today/relevance_religion_modern_times.html)

sợ hãi hơn. Ta sẽ thấy an toàn hơn khi có ánh sáng. Nguồn gốc của ánh sáng là từ mặt trời. Vì vậy, mặt trời là một điều gì thiêng liêng và cũng vì thế, một số người đã thờ phượng mặt trời. Lửa mang lại sự ấm áp thoải mái khi ta cảm thấy lạnh. Vì thế, một số người xem lửa là một điều gì tốt đẹp. Lửa đôi khi xuất phát từ sấm sét, đó là một điều huyền bí và vì vậy, lửa và sấm sét đều được xem là thiêng liêng. Đây là những tín ngưỡng nguyên thủy, không chứa đựng triết lý.

Một loại tín ngưỡng khác có lẽ phải nói đến là xã hội Ai Cập cổ xưa. Tôi không biết gì về điều này. Nên văn minh Ai Cập đi ngược về trước sáu hay bảy ngàn năm và đã có tín ngưỡng vào thời đó. Khi đến một trong những trường Đại học ở Cairo, tôi nói là nếu có thêm thời gian, tôi muốn theo học ở đó và nghiên cứu thêm về nền văn minh cổ đại của Ai Cập, nhưng đáng tiếc là tôi không có thời gian. Tuy vậy, dù sao đi nữa, một loại tôn giáo khác gồm có nền văn minh Thung Lũng Indus ở Ấn Độ và nền văn minh Trung Hoa. Họ có những tôn giáo phức tạp hơn với một tư tưởng. Có lẽ nền văn minh Thung Lũng Indus phong phú hơn những nền văn minh khác. Ở Ấn Độ, từ ba hay bốn ngàn năm trước, đã có tín ngưỡng với một triết lý nào đó. Vì vậy, một loại tôn giáo

khác là tín ngưỡng với những khái niệm triết lý nào đó.

Trong loại tôn giáo thứ hai này, có những câu hỏi phổ biến. Một người bạn Do Thái đã nêu ra những câu hỏi này một cách tinh vi: “Tôi” là gì? Tôi đến từ đâu? Tôi sẽ đi về nơi đâu? Mục tiêu của cuộc đời là gì? Đây là những câu hỏi chính. Những câu trả lời cho các thắc mắc này thuộc vào hai loại: hữu thần và vô thần.

Ba ngàn năm về trước ở Ấn Độ, con người đã cố gắng tìm câu trả lời cho sự thắc mắc về “tôi” là gì, bản ngã là gì? Theo kinh nghiệm thông thường, khi con người còn trẻ thì thân thể có diện mạo và hình dáng khác hơn khi đã già. Tâm thức cũng thế, nó khác biệt theo từng giây phút. Nhưng chúng ta có một cảm giác tự nhiên về “cái tôi” – khi “tôi” trẻ, khi “tôi” già. Vì vậy, phải có một chủ nhân cho thân thể và tâm thức này. Chủ nhân phải là điều gì đó độc lập và thường hằng, không thay đổi, trong khi thân và tâm thì đổi thay. Thế nên ở Ấn Độ, ý tưởng về một bản ngã, một linh hồn, một “atman”, bắt nguồn từ đây. Khi thân thể không còn hữu dụng nữa, một linh hồn vẫn duy trì ở đây. Đó là câu trả lời cho câu hỏi “tôi” là gì.

Thế thì linh hồn đến từ nơi nào? Nó có sự khởi đầu và kết thúc hay không? Không có khởi đầu thì khó chấp nhận được, vậy thì phải có một sự khởi đầu, giống như thân thể này cũng có một sự bắt đầu. Thế là Thượng

Đế tạo ra linh hồn, và đối với sự kết thúc, chúng ta đến với sự hiện diện của Thượng Đế, hay cuối cùng hòa nhập vào trong Thượng Đế. Các tôn giáo Trung Đông như Do Thái giáo, Cơ Đốc giáo trong thời kỳ ban đầu, và có thể người Ai Cập nữa, đã tin tưởng vào hậu kiếp. Nhưng đối với Do Thái giáo, Cơ Đốc giáo và Hồi giáo, chân lý tối hậu là Thượng Đế, đấng Tạo Hóa. Đó là cội nguồn của vạn vật. Vị Thượng Đế này phải có quyền năng vô biên, cũng như lòng bi mẫn và trí tuệ vô hạn. Mỗi tôn giáo đều xác định về một lòng bi mẫn vô hạn, như thánh Allah, và Thượng Đế là chân lý tối hậu, vượt ra khỏi kinh nghiệm của chúng ta. Đó là tôn giáo hữu thần.

Thế rồi khoảng ba ngàn năm trước, chúng ta có triết lý Số Luận Sư (Samkhya) ở Ấn Độ. Triết lý này phân chia thành hai phái: một tin tưởng vào Thượng Đế và một cho rằng không có Thượng Đế. Thay vì vậy, phái thứ hai nói về tính chất nguyên thủy, tự tánh (prakrti) và hai mươi lăm loại hiện tượng có thể nhận thức được. Đối với họ, tính chất nguyên thủy thì thường hằng và là đấng tạo hóa. Thế thì các quan điểm vô thần đã có mặt vào trước thời của Đức Phật.

Thế rồi khoảng 2600 năm trước đây, Đức Phật và vị tổ sáng lập Kỳ Na giáo (Jain founder), Mahavira, đã xuất thế. Không ai trong hai vị này đã đề cập đến Thượng Đế, nhưng thay vào

đó, chỉ nhấn mạnh đến nhân và quả. Vì vậy, một phái của Số Luận Sư, Kỳ Na giáo và Phật giáo là những tôn giáo vô thần.

Trong các tôn giáo vô thần, Phật giáo nói rằng các pháp bắt nguồn từ các nhân và duyên của riêng nó, và vì vậy, một trong những bản chất tự nhiên của nhân và quả là sự đổi thay. Sự vật chẳng bao giờ đứng yên bất động. Vì nền tảng của tự ngã hay “tôi” là thân thể và tâm thức, mà hiển nhiên thân và tâm đang thay đổi trong mọi lúc, và vì “tôi” dựa vào hai yếu tố này, “tôi” cũng phải có cùng bản chất với chúng. Nó không thể không thay đổi và thường hằng mãi mãi. Nếu nền tảng đổi thay thì dĩ nhiên cái danh xưng đặt để cho nó cũng phải thay đổi. Vì vậy, không có một linh hồn thường hằng, bất biến – “anatman”, vô ngã. Đây là khái niệm đặc trưng của Phật giáo – vạn pháp liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau. Thế thì trong ba tôn giáo vô thần, mặc dù hai tôn giáo kia chấp nhận luật nhân quả, tuy nhiên, họ xác nhận một bản ngã thường hằng, bất biến.

Trong những tôn giáo có niềm tin và triết lý, có nhiều truyền thống khác nhau. Tất cả đều có hai khía cạnh – triết lý và khái niệm, cũng như sự thực hành. Có một sự khác biệt lớn về khía cạnh triết lý và khái niệm, nhưng thực hành thì giống nhau, thí dụ như lòng từ ái, bi mẫn, tha thứ, bao dung, kỷ luật bản thân. Những triết lý

và khái niệm khác nhau chỉ là những phương pháp để mang lại cho con người ước nguyện và lòng vững tin để thực hành hạnh từ ái, bi mẫn, tha thứ, và v.v... Vì vậy, tất cả những triết lý này có cùng mục tiêu và chủ ý, đó là đem lại cho con người lòng từ ái, bi mẫn và v.v.

Đây là điều rõ ràng trong đạo Phật, Đức Phật đã dạy những khái niệm khác nhau, thường là những điều mâu thuẫn. Một số kinh điển nói rằng các uẩn – thân và tâm – tựa như một kiện hàng và tự ngã là cái gì khâu vá nó.

Một kiện hàng và dụng cụ khâu vá nó không thể giống nhau, thế thì tự ngã phải tách biệt và tồn tại trên thực chất. Một kinh khác nói rằng nghiệp hay những hành vi thì tồn tại, nhưng không có một cá nhân hành động, không có tự ngã trên thực chất. Những kinh điển khác nói không có những hiện tượng bên ngoài. Chỉ có tâm thức và những hiện tượng khác đơn thuần là nội dung của tâm thức, và tâm thức tồn tại; nó thật sự tồn tại. Tuy nhiên, những kinh điển khác nói rằng cả tâm thức lẫn nội dung của nó đều không thật sự tồn tại – không có điều gì thật sự tồn tại cả, thí dụ như Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa, Tâm Kinh đã nói rằng: “không nhân, nhĩ, tử, thiết, thân, ý.” Tất cả những điều này mâu thuẫn với nhau, nhưng tất cả đều xuất phát từ một nguồn cội, đó là Đức Thích Ca Mâu Ni Phật.

Đức Phật đã không giảng dạy tất cả những điều này vì sự lầm lẫn của ngài. Ngài cũng không chủ tâm thuyết giảng chúng để tạo thêm sự bối rối trong hàng môn đồ. Tại sao Ngài lại dạy như thế? Đức Phật đã tôn trọng những căn cơ khác nhau của chúng sanh, và Ngài đã giảng dạy tất cả những điều này để giúp họ. Ngài thấy rằng tất cả những điều này là cần thiết.

Ba ngàn năm về trước, thế giới có thể có khoảng mười hay một trăm triệu người. Bây giờ, có hơn sáu tỷ người. Trong số những người này, chắc chắn có những tâm tánh khác nhau. Chúng ta có thể thấy điều này, ngay cả ở những đứa trẻ có cùng cha mẹ. Ngay cả những cặp song sinh cũng có tâm tư và cảm xúc khác nhau. Vì thế, nhân loại có những tâm tánh khác nhau. Sự khác biệt này cũng do môi trường, địa lý và khí hậu tạo ra. Thí dụ, Á Rập thì nóng và khô. Ấn Độ có những mùa mưa, vì vậy hai nước này khác nhau và con người ở những nơi này cũng có lối sống khác nhau. Có thể trong thời nguyên thủy, con người có nhiều điểm tương đồng hơn ở khắp nơi. Tuy nhiên, vì những sự khác biệt nêu ra ở trên, điều quan trọng là có những phương cách tiếp cận khác nhau trong hiện tại. Tuy nhiên, những khái niệm và triết lý khác nhau không phải là vấn đề thật sự. Quan trọng nhất là chí hướng và mục tiêu của tất cả những yếu tố này, và chúng thật sự giống nhau,

đó là giúp cho con người trở nên tử tế và bi mẫn khi giao tiếp với người khác.

Đối với một số người thì khái niệm về một đấng sáng tạo, Thượng Đế, rất hữu ích. Một lần nọ, tôi đã hỏi một tu sĩ Cơ Đốc lão thành là tại sao Cơ Đốc giáo không tin tưởng vào tiền kiếp. Ông nói rằng, “Bởi vì đời sống trong hiện tại là do Thượng Đế tạo ra.”. Cách suy nghĩ như thế tạo ra một cảm giác mật thiết với Thượng Đế. Cơ thể này bắt nguồn từ tử cung của mẹ ta, vì thế, chúng ta có một cảm giác gắn gũi và thoải mái với mẹ của mình. Trường hợp của Thượng Đế cũng tương tự như thế. Chúng ta bắt nguồn từ Thượng Đế và điều này ban cho ta một cảm giác gắn gũi với ngài. Càng cảm thấy gắn gũi hơn, khuynh hướng tuân theo những lời khuyên của Thượng Đế càng mạnh hơn, đó là việc thực thi lòng từ bi. Vì vậy, cách tiếp cận hữu thần rất mạnh mẽ và hữu ích cho nhiều người hơn là tiếp cận vô thần.

Tốt hơn là hãy giữ lấy truyền

thống tôn giáo riêng của mình. Ở Mông Cổ, các nhà truyền giáo cho người dân \$15 để cải đạo sang Cơ Đốc giáo. Thế là một số người đến với họ và cải đạo mỗi năm, lần này qua lần khác, chỉ để nhận \$15 mỗi lần! Tôi khuyên các nhà truyền giáo này đừng can thiệp vào tín ngưỡng của dân chúng, hãy để người dân ở đó giữ truyền thống Phật giáo của họ. Điều này cũng giống như tôi nói với người Tây phương rằng hãy giữ tôn giáo riêng của họ.

Tốt nhất là hãy thu thập thêm thông tin. Điều này sẽ giúp ta phát triển sự tôn trọng các truyền thống khác. Thế thì, hãy giữ truyền thống Cơ Đốc, nếu bạn là tín đồ Cơ Đốc, nhưng hãy có thêm sự hiểu biết và kiến thức về những truyền thống khác. Còn về mặt phương pháp, tất cả các truyền thống đều giảng dạy một cách thực hành, đó là lòng từ ái, bi mẫn, bao dung. Vì cách thực hành được chia sẻ chung chung, các bạn có thể áp dụng một vài phương pháp của Phật giáo.

Tuy nhiên, khái niệm không có điều gì là tuyệt đối, là một vấn đề hoàn toàn riêng rẽ của Phật giáo. Nó không có lợi ích gì cho người khác đạo học hỏi. Một linh mục Cơ Đốc đã hỏi tôi về tính Không, không tướng, và tôi nói với ông rằng điều này không tốt cho ông. Nếu tôi nói rằng các pháp hoàn toàn phụ thuộc lẫn nhau, điều này có thể làm tổn hại niềm tin mạnh mẽ của ông đối với Thượng Đế. Thế nên, những người như vậy thì tốt hơn là không nên nghe nói về tính Không hay không tướng.

Tóm lại, vì tất cả các tôn giáo lớn có sự thực hành giống nhau, chỉ khác nhau về phương pháp và triết lý, nhưng đều có cùng mục tiêu. Đây chính là nền tảng cho sự tôn trọng lẫn nhau. Vì thế, hãy giữ truyền thống riêng của bạn. Tuy nhiên, nếu các bạn thấy trong buổi nói chuyện của tôi có một số phương pháp của Phật giáo đem lại lợi ích cho bản thân, thì hãy sử dụng chúng. Nếu như thấy chúng không có lợi ích gì, thì hãy bỏ mặc chúng. ■



## THÁNH GIÁO

Chúng Tiên Huỳnh khuyên các em ghi nhớ điều này: Không có cơ hội nào bằng cơ hội này, người tu hành chân chính sẽ thực hiện được cái Đạo tự hữu nơi mình trong sứ mạng Thiên ân. Mất mát vì lợi danh chưa phải là khổ, suốt ngày chật vật vì sự sống chưa phải là khổ, mà những kẻ để thiên chân mờ lấp, tục tánh biến sanh, có ngã có nhân, có oan có trái, sống một cuộc sống tương tàn vì lợi vì danh, sống cuộc sống câu thúc kiểm tỏa bởi tiền bạc tình thức, chết đi lại luân hồi mãi mãi mà không thực hiện được sứ mạng Thiên ân, đó mới là cái khổ bất diệt. (...)

■ CHƯ ĐẠI TIÊN TIÊN KHAI ĐẠI ĐẠO, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 15-10 KỶ MÙI (04-12-1979).



TRANG THƠ

# KHAI ĐẠO

■ ĐỖ THẾ SƠN

Tám tám niên rồi Đại Đạo khai  
Năm châu vang vọng tiếng Cao Đài  
Tình thương Từ Phụ ban cùng khắp  
Tận độ tàng linh chẳng bỏ ai  
Nhân sanh giác ngộ lên đường chánh  
Thế giới khai minh thoát nghiệt đài  
Rực rỡ hoa Đàm xuân đất Việt  
Gieo mầm Thánh đức mở tương lai.■

# KHAI TÂM

■ ĐỖ THẾ SƠN

Từ ấy tâm mình được sáng khai  
Tìm ra ông chủ ấy Cao Đài  
Mây tan trăng tỏ minh châu hiện  
Ý lặng tình trong biết rõ ai  
Vào trong tâm nội tường Thiên ý  
Mở cửa Càn Khôn kiến Phật Đài  
Sắc tức thị không, không thị sắc  
Thanh nhàn tự tại ngộ Như Lai.■

# LÒNG ĐẠO KHAI MINH

■ LÝ NHƯ

Hiếu sinh tận độ Bồng lai ai gửi thệ lời nguyên,  
Ánh Thiêng trao tặng đạo huyền trần ai.  
Rừng Tiên soi bóng Cao Đài,  
Đàn con áo trắng chung tay khơi nguồn.

Xa xôi lòng đạo khắp miền,  
Lần dò nẻo chánh hợp duyên, ngộ lòng.  
Non Nam, Tản xứ khai công,  
Rừng hoang, chim lạc ngóng trông đạo Trời.

Mưa rừng chợt đổ, chợt rơi,  
Gió như ấm lại bên đời hiến dâng.  
Muối dưa ngày tối thanh bần,  
Nuôi lòng chơn niệm thọ ân Đạo Thầy.

Lời kinh nhẹ tỏa xa bay,  
Xô rừng, đập núi ai hay, ai ngờ!  
Tấc lòng nương tựa Thiên Thơ,  
Thánh tòa hiện ẩn huyền cơ đạo mầu.  
Bóng người xưa đã về đâu?  
Xin nay trở lại nhịp cầu chơn linh.  
Cho con thấp nén hương tình,  
Nhận ơn khai hóa, trung trinh, tín thành.

Dầu trăm năm gọi trường canh,  
Thần uy vẫn ngự cao xanh uy hùng.

Trời, người hiệp một cùng chung,  
Thánh Tòa rạng rỡ Huyền Khung Cao Đài.

Chân trần nhẹ bước thiên thai,  
Thánh đường in dấu tiền khai sử vàng.  
Cửa Thiên kia vẫn thắm mang,  
Vọng về hoài bão khả hoàn Đạo Cha.

Chỉ mong lời nói thật thà,  
Chỉ mong mưa thuận gió hòa trần gian.  
Chỉ mong noi ánh Đạo vàng,  
Tâm soi vô niệm xóa tan nghiệp trần.

Một đời trọn đạo, khinh thân,  
Cho ngàn đời nở mùa xuân đạo tình.  
Thánh tòa chẳng đợi khai minh,  
Cửa Thiên rộng mở huyền linh tâm thành.

Hương lòng khói nhẹ thanh thanh,  
Đêm thiền chợt ngộ mộng manh đời người.  
Thánh tòa muôn kiếp cao ngời,  
Thẹn lòng chấp ngã quên lời thế xưa.

*Kính lòng tri ân các bậc tiền khai và các vị tiền  
bối vô danh đã đắp xây và trao tặng Đạo Thầy  
Kỳ Ba.■*

# vui học

## SỬ ĐẠO CAO ĐÀI

### Tập 4



■ TRẦN NGỌC TÂM BIÊN SOẠN

**T**ìm hiểu Sử Đạo Cao Đài không đơn thuần là hiểu về quá khứ mà còn kết nối quá khứ với hiện tại và là nhịp cầu nối tới tương lai. Với thế hệ hậu bối hôm nay, tìm hiểu sử đạo còn góp phần quan trọng vào việc hình thành đạo đức, tác phong đạo hạnh của người tín đồ Đại Đạo.

Qua các câu trắc nghiệm sau đây, nhằm mục đích giúp chúng ta cùng nhau ôn lại, để trân trọng, gìn giữ và phát huy nền Chánh Pháp Đại Đạo của quá khứ, hôm nay và tỏa sáng đến mai sau.

**1. Sau khi Khai Tịch Đạo với chính quyền thuộc địa. Tuân hành Thánh giáo ngày 07–9 Bính Dần: “Các con tức cấp lo phổ độ... Thầy dặn các con phải phân nhau mà đi cho khắp” thì quý Ngài đã phân công làm mấy nhánh để truyền bá đạo Cao Đài ra toàn tỉnh Nam Kỳ?**

- A. 3 nhánh
- B. 4 nhánh
- C. 5 nhánh
- D. 2 nhánh

**2. Địa điểm được chọn cho Lễ Khai Minh Đại Đạo năm Bính Dần là:**

- A. Tòa Thánh Tây Ninh
- B. Chùa Giác Hải
- C. Thánh thất Cầu Kho
- D. Từ Lâm Tự (Gò Kén)

**3. Để chuẩn bị Đại Lễ, Đức Cao Đài đã thiên phong bổ sung chức sắc cao cấp trong đó, ngày 10–9 Bính Dần, Thầy đã ân phong cho Ngài Trần Văn Thụ (Thái Lão Sư Trần Đạo Minh ở Vĩnh Nguyên Tự) phẩm...**

- A. Thái Chưởng Pháp

- B. Hộ Pháp
- C. Ngọc Chưởng Pháp
- D. Thượng Chưởng Pháp

**4. Thầy ân phong cho Ngài Nguyễn Văn Tương (Minh Sư) phẩm...**

- A. Ngọc Chưởng Pháp
- B. Thái Chưởng Pháp
- C. Thượng Chưởng Pháp
- D. Ngọc Đầu Sư

**5. Tại chùa Gò Kén Thầy đã dạy ai sắp xếp cách thờ với đầy đủ tượng Tam Giáo Đạo Tổ, Tam Trấn Oai Nghiêm, phía dưới có Chúa Jésus và Đức Khương Thái Công xếp bên trên Ngài Giáo Tông, cho trọn đủ Ngũ Chi Đại Đạo?**

- A. Như Nhãn
- B. Đức Phạm Công Tắc
- C. Đức Ngọc Lịch Nguyệt
- D. Ngài Thái Thơ Thanh

**6. Về đối ngoại, Thầy đã giao cho ai để lập danh sách mời quan khách?**

- A. Ngài Thượng Trung Nhựt

- B. Ngài Cao Quỳnh Cư
- C. Ngài Thái Thơ Thanh
- D. Ngài Phạm Công Tắc

**7. Cuộc Đại Lễ Khai Minh Đại Đạo (1926) được dự kiến cử hành trong 3 ngày 14–15 và 16 tháng 10 Bính Dần (18–19 và 20 tháng 11–1926) nhưng vì bá tánh thập phương đến tham dự quá đông đảo nên đã kéo dài đến mấy tháng?**

- A. 3 tháng 10 ngày
- B. 3 tháng
- C. 4 tháng
- D. 5 tháng

**8. Đại Lễ Khai Minh Đại Đạo, có mặt đầy đủ chức sắc cao cấp ba phái (Thái, Thượng, Ngọc) thuộc Cửu Trùng Đài và ba vị Hộ Pháp, Thượng Phẩm và Thượng Sanh thuộc Hiệp Thiên Đài cùng chức sắc Nữ phái. Duy chỉ có thiếu một phẩm vị nào, trước khi Đức Chí Tôn ân ban Pháp Chánh Truyền?**

- A. Quyền Giáo Tông
- B. Giáo Tông
- C. Đầu Sư
- D. Cả ba đều sai

**9. Đức Lý Thái Bạch kiêm nhiệm thêm chức trách gì trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ?**

- A. Hộ Pháp
- B. Giáo Tông vô vi
- C. Giáo Chủ
- D. Thượng Chương Pháp

**10. Đức Chí Tôn đã hạ mình lâm trần độ dẫn chư Tiên Khai nhánh Một, nhánh Hai, chỉ dạy đầy đủ tâm hạnh chức sắc đến nghi thức, pháp môn...cho nên tôn giáo mới và**

**hoàn thành giai đoạn chuyển cơ mở đạo Cao Đài bằng Đại Lễ gì và tại đâu vào năm Bính Dần?**

- A. Đại Lễ Khai Minh Đại Đạo tại Thánh thất Tây Ninh
- B. Đại Lễ Khai Minh Đại Đạo tại Chùa Gò Kén
- C. Đại Lễ Khai Tịch Đạo tại Chùa Gò Kén
- D. Đại Lễ Khai Minh Đại Đạo tại Tây Ninh

**11. Lễ Khai Minh Đại Đạo là Đại Lễ khai sáng mới Đạo Trời tại vùng đất Tây Ninh đã nói đến yếu tố gì?**

- A. Thiên Nhân
- B. Thiên Địa
- C. Nhân Địa
- D. Thiên Địa Nhân

**12. Tóm tắt Khai sáng nền Đạo Tam Kỳ qua các giai đoạn thứ tự nào sau đây đúng nhất?**

- A. • Năm Canh Thân, Đức Cao Đài độ dẫn Ngài Ngô Văn Chiêu làm đệ tử.
  - Cuối năm Ất Sửu, Đức Cao Đài thân quý Ngài nhánh Hai tại Sài Gòn làm đệ tử, sau đó phối hợp hai nhánh.
  - Cuối năm Bính Dần, Khai Minh Đại Đạo.
- B. • Cuối năm Ất Sửu, Đức Cao Đài thân quý Ngài nhánh Hai tại Sài Gòn làm đệ tử, sau đó phối hợp hai nhánh.
  - Năm Canh Thân, Đức Cao Đài độ dẫn Ngài Ngô Văn Chiêu (nhánh Một) làm đệ tử.
  - Cuối năm Bính Dần, Khai Minh Đại Đạo.
- C. • Năm Canh Thân, Đức Cao Đài độ dẫn Ngài Ngô Văn Chiêu (nhánh Một) làm đệ tử.
  - Cuối năm Ất Sửu, Đức Cao Đài thân quý Ngài nhánh Hai tại Sài Gòn làm đệ tử, sau đó phối hợp hai nhánh.
  - Khai Tịch Đạo.
- D. Tất cả đều sai. ■

ĐÁP ÁN:

1. A • 2. D • 3. D • 4. C • 5. D • 6. A • 7. B • 8. D • 9. B • 10. B • 11. D • 12. A

## HOW DISTINCT ARE THESE **MAJOR RELIGIONS?**

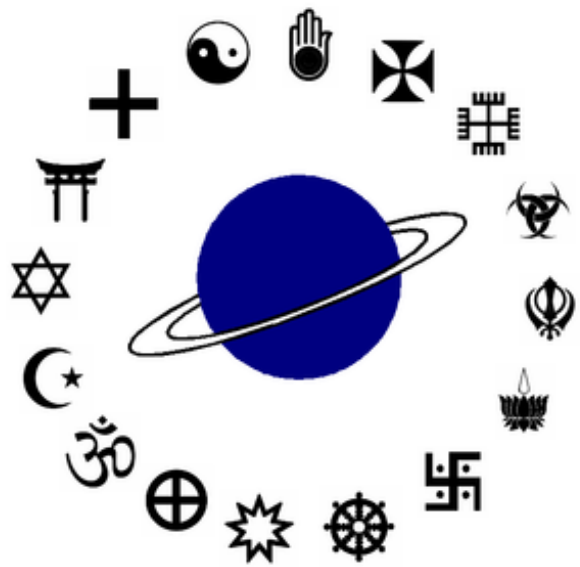
In looking at these major belief systems and their views of God, we find tremendous diversity:

- Hindus acknowledge multitudes of gods and goddesses.
- Buddhists say there is no deity.
- New Age<sup>1</sup> followers believe they are God.
- Muslims believe in a powerful but unknowable God.
- Christians believe in a God who is loving and approachable.

Are all religions worshipping the same God? Let's consider that. New Age teaches that everyone should come to center on a cosmic consciousness, but it would require Islam to give up their one God, Hinduism to give up their numerous gods, and Buddhism to establish that there is a God.

The world's major religions (Hinduism, New Age, Buddhism, Islam, following Jesus Christ) are each quite unique. And of these one affirms that there is a personal, loving God who can be known, now in this life. Jesus Christ spoke of a God who welcomes us into a relationship with him and comes along side us as a comforter, counselor and powerful God who loves us.

In Hinduism, a person is on their own trying to gain release from karma. In New Age, a person is working at their own divinity. In Buddhism it is an individual quest at being free from desire. And in Islam, the individual follows religious laws for the sake of paradise after death. In Jesus' teaching, you see a personal relationship with a personal God – a relationship that carries over into the next life.■



---

LƯỢC DỊCH:

## LÀM THẾ NÀO PHÂN BIỆT ĐƯỢC **CÁC TÔN GIÁO LỚN?**

**K**hi khảo sát các hệ thống đức tin lớn và quan điểm của họ về Thượng Đế, chúng ta thấy sự đa dạng:

- Ấn giáo thừa nhận vô số các vị thần và nữ thần.
- Phật tử nói rằng không có vị thần.



- Người theo phái Tân Thời đại (New Age) tin rằng họ là “Thượng Đế”.
- Tín đồ Hồi giáo tin vào một Thượng Đế quyền năng nhưng bất khả tri.
- Kitô hữu tin vào một Thiên Chúa yêu thương và gần gũi.

Phải chăng tất cả các tôn giáo thờ cùng Thượng Đế? Chúng ta hãy xem xét điều đó. Phái Tân Thời đại dạy rằng tất cả mọi người có thể đạt đến trung tâm của ý thức vũ trụ, nhưng lại đòi hỏi Hồi giáo từ bỏ Thượng Đế của họ, Ấn Độ giáo từ bỏ nhiều vị thần của họ, và Phật giáo phải xác tín Thượng Đế hiện hữu.

Các tôn giáo lớn trên thế giới (Ấn Độ giáo, Tân Thời Đại, Phật giáo, Hồi giáo, Kitô giáo theo Chúa Kitô) đều là khá độc đáo (cá biệt). Và trong số này có tôn giáo khẳng định rằng có một Thượng Đế hữu ngã, yêu thương mà con người có thể cảm nhận được trong cuộc sống này. Chúa Giêsu Kitô đã nói về một Đức Chúa Trời đón nhận mối liên hệ giữa chúng ta với Ngài và đồng hành với chúng ta như một Đấng an ủi, cố vấn và Đấng Thiên Chúa quyền năng yêu thương chúng ta.

Trong Ấn Độ giáo, con người tự nỗ lực thoát khỏi nghiệp chướng. Trong phái “Tân Thời đại”, con người hành động theo thiên tính của mình. Trong Phật giáo, là đi tìm sự giải thoát khỏi lòng ham muốn của bản thân. Và trong đạo Hồi, cá nhân tuân theo giáo luật để được lên thiên đường sau khi chết. Trong giáo lý của Chúa Giêsu, bạn nhìn thấy một mối quan hệ cá nhân với Thiên Chúa hữu ngã – mối quan hệ mang sang kiếp sau.■

#### NEW AGE:

([HTTP://DICTIONARY.REFERENCE.COM/BROWSE/NEW+AGE?S=T](http://dictionary.reference.com/browse/new+age?s=t))

- a. a philosophy, originating in the late 1980s, characterized by a belief in alternative medicine, astrology, spiritualism, etc. 1.
- b. (as modifier): New Age therapies short for New Age music.■

# MỘT CHÚT SAY THƠ ĐỜI THƠ ĐẠO

(TIẾP THEO TRANG 86)

gồm chín mươi tám câu. Nếu ghép những chữ đầu của bảy mươi câu đầu, ta được một bài thơ dạy Đạo và xưng danh sau:

*Lên đường phụng sự quốc dân  
Anh hùng đâu chẳng đem thân giúp đời  
Van xin một tấm lòng người  
Sắc thân huyền nhiệm theo Trời hướng lên  
Duyên xưa cùng Phật Thánh Tiên  
Anh đi đi mãi cõi Thiên quên về  
Mật mờ bến giác sông mê  
Nặng mang nghiệp lực tái tê đường trần  
Đai cân nặng nợ quốc dân  
Tiến trình bảo đảm sắc thân được nào*

Đây là một món quà quý báu của Thần Tiên, kính mời quý bạn hữu yêu thơ tìm lời giải đáp, như một chén TIÊN BÔI kỷ niệm ngày ĐẠI ĐẠO KHAI MINH, để chúng ta ngây ngất tự mời mình một cuộc say nhẹ nhàng trong tràn đầy ON LÀNH THIÊN LƯƠNG...■



THI TIÊN LÝ BẠCH. TRANH: BÛU LONG.

# THỰC PHẨM CHAY

## cho các phi hành gia thám hiểm hỏa tinh

■ V.T. SƯU TÂM • TÂM DIỆU BIÊN DỊCH

Sau một chuyến đi dài vượt hơn 566 triệu km trong 9 tháng, tàu thám hiểm tự điều khiển Curiosity của Cơ Quan Quản Trị Hàng Không và Không Gian Hoa Kỳ (NASA) đã hạ cánh thành công xuống bề mặt sao Hỏa, hành tinh láng giềng gần nhất của Trái đất trong Thái dương hệ, vào lúc 1:32 giờ miền Đông Hoa Kỳ sáng ngày 6/8/2012. Các nhà khoa học sẽ xác minh liệu có dấu vết của sự sống ở đây không. Tuy chưa có câu trả lời nhưng các nhà khoa học Hoa Kỳ đã và đang nghiên cứu thực phẩm dành cho phi hành đoàn sáu người dùng trên đường bay đi và bay về cùng với quãng thời gian ở lại trên sao Hỏa 18 tháng, tổng cộng khoảng ba năm, mà họ dự trù ngày khởi hành vào năm 2030.

NASA ước tính với số lượng thực phẩm 7000 pound cho mỗi người, tổng cộng phải cần đến 42 ngàn pound thực phẩm cho phi hành đoàn 6 người. Thật vô cùng khó khăn khi phải mang theo một khối lượng thực phẩm khổng lồ như vậy. Do đó các nhà khoa học đã chọn giải pháp tự trồng thực phẩm ngay trên phi thuyền và trên sao Hỏa để nuôi phi hành đoàn trong suốt thời gian đi, ở và về lại trái đất.

Các khoa học gia đã chọn chế độ dinh dưỡng chay áp dụng cho các phi hành gia và họ đã nghiên cứu cách trồng rau và những thực phẩm khác trong môi trường y hệt như trong phi thuyền bay ngoài trái đất. Họ cho biết những thực phẩm chay này sẽ được trồng theo kỹ thuật trồng cây trong một dung dịch nước pha chất dinh dưỡng thay vì trong đất.

Để giúp Cơ Quan Quản Trị Hàng Không và Không Gian Hoa Kỳ (NASA) thiết lập một kế

hoạch ẩm thực dành cho các phi hành gia du hành ngoài vũ trụ nhiều năm, một ủy ban năm người, gồm giáo sư nông nghiệp và thực vật học Jean Hunter, bếp trưởng trường đại học Cornell, nhà dinh dưỡng học, kỹ sư thực phẩm và sinh học và giáo viên chuyên dạy nấu ăn chay đã và đang hợp tác để phát triển và thử nghiệm các công thức nấu ăn ngon, bổ dưỡng, và kinh tế dành cho các phi hành gia vũ trụ.

Với một khoản trợ cấp ba năm từ NASA, các nhà nghiên cứu thuộc viện đại học Cornell đã nuôi trồng trong môi trường không gian khép kín 15 đến 30 loại cây. Lúa mì và khoai tây là loại cây lương thực được bổ sung với gạo, đậu nành và đậu phộng, cây salad và các loại thảo mộc tươi, tất cả được phát triển trong trang trại không gian “hydroponically” được điều hòa nhiệt độ và ánh sáng nhân tạo thích hợp.

Từ các thực phẩm đã được nuôi trồng trong môi trường không gian này, họ đã tạo ra được 100 công thức món ăn dành cho phi hành gia được lấy từ hầu hết những thành phần chính của thảo mộc như lúa mì, gạo, đậu nành và rau cải. “Vì chi phí vận chuyển thực phẩm nên chỉ có khoảng 15% lượng calories thực phẩm được sản xuất từ quả địa cầu,” David Levitsky, giáo sư về dinh dưỡng khoa học và tâm lý học tại Cornell cũng là thành viên ban dự án. “Các món ăn của chúng tôi, do đó, thông thường sẽ chứa dưới 10% calories từ các loại thực phẩm mang theo từ quả đất. Những thực phẩm mang từ trái đất này có lẽ sẽ là chất béo, hương vị thịt và sữa dựa trên các loại thực phẩm khác nhau được sử dụng, chủ yếu là đồ gia vị cũng như một xa

xỉ vài, chẳng hạn như sô cô la sẽ cho phép các phi hành đoàn dùng trong bữa ăn đặc biệt hàng tuần và một bữa tiệc hàng tháng, mà mục tiêu là để phá vỡ sự đơn điệu và cô lập của chuyến du hành không gian lâu dài.” ông nói tiếp.

Cũng với khoản tài trợ ba năm từ NASA này, các nhà nghiên cứu đã phát triển chất ngọt và các loại dầu từ lúa mì và khoai tây, họ đã sử dụng các vi sinh vật để giúp chuyển đổi rơm lúa mì và các phế liệu thực vật khác làm thành dầu, và các thặng dư lúa mì và tinh bột khoai tây làm chất tạo ngọt. Họ cũng liên tục thử nghiệm công thức nấu ăn với các thành phần có thể không được cung cấp từ trái đất hoặc trồng trong một thuộc địa không gian.

Những công thức món ăn trên đã được ăn thử nghiệm bởi 16 tình nguyện viên. Các tình nguyện viên chỉ ăn những thực phẩm không gian trong vòng 30 ngày gồm các món ăn: bánh khoai lang, bánh mì kẹp ổ, bánh đậu lăng tì, taco với rau sà lách rắc phô-mai của địa cầu, “chân gà” làm bằng cà rốt, “thịt bò bằm” và nước sốt làm bằng đậu hũ lên men, sốt pesto với rau húng quế và đậu nành, mì ý rau thập cẩm và cheese đậu hũ và kẹo sô-cô-la đậu nành. Sau 30 ngày ăn thử nghiệm, họ trả lời những câu hỏi về sức khỏe và dinh dưỡng. Một tham dự viên đã cảm thấy khỏe hơn sau 30 ngày ăn chay, và hứa sẽ tiếp tục ăn các thực phẩm chay không gian này trong đời sống hàng ngày.

Các món ăn chay trong bảng kê hàng tuần tại Cornell, được đánh giá là ngon, bổ dưỡng và kinh tế. Họ cũng được yêu cầu ăn ít muối (vì muối trong nước tiểu tái chế trong phi thuyền không gian sẽ có hại cho cây trồng), không nhiều chất sắt (đối với thích ứng không gian), không hoạt động lao động nhiều.

Thêm vào đó, một số khoa học gia đã nhận ra giá trị của việc nghiên cứu những chất bổ dưỡng có nguồn gốc thực vật vì những kết quả khảo cứu này cũng sẽ giúp ích cho những người sống trên địa cầu.

“Thực phẩm đóng một vai trò quan trọng trong tâm lý tổng thể của phi hành đoàn bị cô lập, do

đó chúng tôi sẽ phấn đấu để thực hiện một chế độ ăn uống quen thuộc với phi hành đoàn, cung cấp cho họ một cảm giác làm chủ trong việc chuẩn bị thực phẩm và một cảm giác của niềm tự hào, quyền sở hữu trong việc sản xuất các món ăn hấp dẫn và ngon (mặ dù là chay). Chúng tôi sẽ tập trung vào những yếu tố này trong một loạt hội thảo đào tạo lên kế hoạch cho năm thứ ba của dự án.” David Levitsky phát biểu.

Về việc chuyển đổi chế độ dinh dưỡng từ thịt cá sang ăn chay không khó như một số người nghĩ. Đối với những người tình nguyện tham gia cuộc nghiên cứu, vấn đề khó khăn chỉ là lúc ban đầu khi phải làm quen với khẩu vị mới. Bà Jean Hunter, giáo sư nông nghiệp và thực vật tại trường đại học Cornell, chủ nhiệm cuộc khảo cứu ăn chay cho phi hành gia vũ trụ cho biết: “Chúng tôi nhận thấy, thí dụ như, trong khi ném thử, không người nào thích những thứ thể cho sữa, như sữa đậu nành và sữa gạo. Nhưng dần dần họ quen với chúng và không có vấn đề gì khi đã bắt đầu ăn thường xuyên.” ■

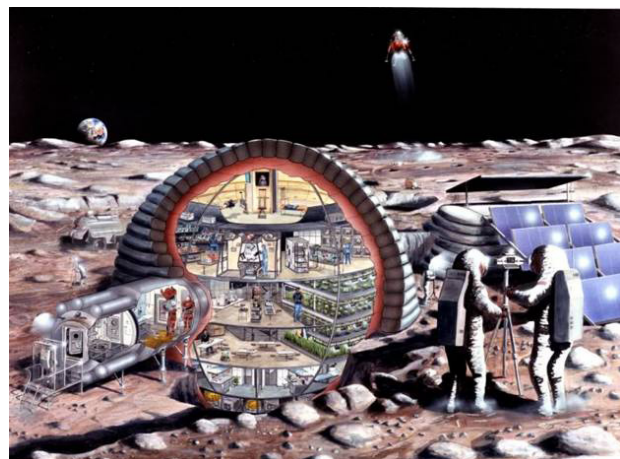
THAM CHIẾU:

[HTTP://WWW.NEWS.CORNELL.EDU/RELEASES/APRIL00/SPACEFOOD.DIET.SSL.HTML](http://www.news.cornell.edu/releases/april00/spacefood.diet.ssl.html)

[HTTP://WWW.NEWS.CORNELL.EDU/RELEASES/JAN98/NASA.FOOD.SSL.HTML](http://www.news.cornell.edu/releases/jan98/nasa.food.ssl.html)

[HTTP://WWW.SCIENCEDAILY.COM/RELEASES/1998/01/980121154146.HTM](http://www.sciencedaily.com/releases/1998/01/980121154146.htm)

SOURCE: THUVIENHOASEN. ■



ẢNH MINH HỌA: NHÀ NUÔI TRỒNG THỰC PHẨM TRONG LỒNG KÍNH TRÊN SAO HỎA (ẢNH: NASA)

**T**rong các thử nghiệm DNA xác định con ruột của bố mẹ, các nhà khoa học đã phát hiện trường hợp đứa trẻ không có liên hệ sinh học với người mẹ, mà chúng mang một DNA khác. Người mẹ trẻ ở bang Washington, Mỹ đã phải đấu tranh với tòa án để giữ đứa bé mà cô mang nặng đẻ đau, vì theo xét nghiệm nó không phải là con ruột cô.

## “CÔ LÀ AI? CÔ ĐANG ÂM MƯU GÌ VỚI BỌN TRẺ?”

Lydia Fairchild, 26 tuổi, sinh nở ba lần. Sau khi sinh đứa thứ ba, cô bị thất nghiệp. Do không đủ điều kiện kinh tế nuôi ba con một mình, Lydia phải viết đơn xin trợ cấp hàng tháng của chính phủ tại địa phương cư trú, tiểu bang Washington. Mọi người trong gia đình cô đều được triệu tập tới Sở Dịch vụ xã hội để chứng minh một số thông tin có liên quan.

Ban đầu, Fairchild nghĩ đó đơn giản là một cuộc triệu tập như thường lệ với một nhân viên xã hội. Nhưng cô không ngờ bị thẩm vấn nghiêm khắc giống như một nghi can tội phạm. Cô chết điếng khi tòa tuyên bố bạn trai cô là bố bọn trẻ. Còn cô, người đã sinh ra chúng lại không phải là mẹ, vì DNA của cô không trùng hợp với chúng.

Lydia Fairchild sẽ còn nhớ mãi cái ngày hôm ấy. Nhân viên tòa án gọi cô đến hỏi một cách đầy ngờ vực: “Cô là ai? Cô đang âm mưu gì với bọn trẻ?” Ngạc nhiên, Lydia trả lời: “Chúng là con tôi mà, sao lại có chuyện âm mưu gì ở đây?” Người đó đáp lại lạnh lùng: “Chúng không phải là con cô. Chúng tôi đã xét nghiệm DNA. DNA của cô và bọn trẻ không giống nhau.”

Từ tòa án trở về, Lydia tưởng như sắp phát điên. Rõ ràng cô là mẹ của ba đứa trẻ. Cô đã mang thai và sinh nở bình thường. Tất cả những người thân trong gia đình, hàng xóm và bác sĩ ở nhà hộ sinh đều biết. Thậm chí, mẫu DNA bố

của bọn trẻ cũng phù hợp với DNA của cả ba đứa. Nhưng tất cả những cái đó đều vô nghĩa trước tòa. Lý thuyết y học đã khẳng định DNA của mẹ và con phải tương đồng. 100% trường hợp đều như vậy. Ngược lại chỉ có thể là giả mạo.

Nghi ngờ xét nghiệm của tòa có sai sót, Lydia xin thực hiện lại xét nghiệm ở một số phòng thí nghiệm độc lập do chính cô lựa chọn. Kết quả vẫn y nguyên, không có chút sai sót nào. Cô, người sinh ra chúng lại không phải là mẹ. Mặc dù, cả ba đứa trẻ đều khẳng khẳng định mẹ chúng chính là Lydia Fairchild – người đang đứng trước mặt chúng.

Tuy nhiên, đó chưa phải là bằng chứng đủ sức thuyết phục. Như vậy, từ chỗ chỉ muốn xin một khoản trợ cấp xã hội hàng tháng để nuôi con, Lydia phải đối mặt với nguy cơ phạm tội: Cô có thể bị buộc tội giả mạo và lạm dụng bọn trẻ, thậm chí là bắt cóc trẻ em. Trong trường hợp đó, lũ trẻ sẽ bị đưa vào trung tâm bảo trợ xã hội và Lydia sẽ không bao giờ gặp lại các con mình. “Cô biết đấy. Chúng tôi có thể đón bọn trẻ đi bất cứ lúc nào”, một nhân viên xã hội nói với Lydia trước khi cô rời khỏi phòng.

## CÓ SỰ NHẦM LẤN?

Sau những giờ “thẩm vấn” xót xa, đầy hoài nghi, Lydia bắt đầu hoảng loạn, cô bước đi loạng choạng. Lydia vội vã trở về nhà tìm những bức ảnh siêu âm trong quá trình cô mang thai của từng đứa con một. Vừa nỗ lực tìm, Lydia kể với cha mẹ mình về kết quả xét nghiệm DNA “quái dị” ấy. Cha mẹ Lydia không tin điều đó.

“Lúc đầu, tôi nghĩ rằng, con bé đang nói đùa. Chắc có sự nhầm lẫn nào đó. Chính tôi là người đưa Lydia đến bệnh viện sinh. Rồi cả ba lần sinh, chính mắt tôi nhìn thấy bọn trẻ do Lydia mang nặng đẻ đau. Tôi còn nhẹ nhàng ẵm chúng lên,



khoe với mọi người trong gia đình và một số bạn bè”, bà Carol Fairchild, mẹ của Lydia kể lại trong sự ngỡ ngàng và đau khổ.

Tiến sĩ Leonard Dreisbach, bác sĩ khoa sản, người trực tiếp ba lần đỡ đẻ cho Lydia khẳng định, Lydia là mẹ của cả ba đứa trẻ. Ông còn cho rằng, trường hợp kỳ lạ của Lydia chắc chắn có sự nhầm lẫn nào đó trong kết quả xét nghiệm DNA. Ông cũng rất sẵn lòng làm chứng trong phiên tòa về “sự thật” này.

Xét về tình, các thành viên ban hội thẩm cũng tin rằng, Lydia Fairchild là mẹ của cả ba đứa trẻ. Nhưng về lý, Lydia Fairchild không có bằng chứng chứng minh, cô và các con có cùng dòng máu. Lydia có thuê luật sư biện hộ cho cô nhưng không ai nhận. Vì họ biết chắc, họ không thể thắng, kết quả DNA đã cho biết điều đó. Sau cùng, Luật sư Alan Tindell “dũng cảm” nhận lời, bởi theo linh cảm ông tin, Lydia không phải là kẻ bắt cóc chúng, mà cô chính là mẹ đẻ.

### **NGƯỜI CÓ DNA TỪ NHIỀU NGUỒN KHÁC NHAU (GENETIC CHIMERISM)**

Trong thời điểm u ám ấy, một tia hy vọng chợt lóe lên. Luật sư Alan Tindell tìm thấy một bài viết trên tạp chí New England Journal of Medicine, có nói đến một trường hợp ở Boston tương tự như của Lydia. Ông đệ đơn lên tòa xin hoãn xét xử khi các xét nghiệm này có thể thực hiện.

Đó là trường hợp của bà Karen Keegan, một bà mẹ 52 tuổi có hai con trai ở Boston. Xét nghiệm trước ca ghép thận của Karen cũng cho thấy DNA của bà và bọn trẻ không giống nhau. Bác sĩ ở đó, mặc dù biết chắc chắn rằng không hề có sự giả mạo nào, nhưng cũng không thể giải thích nổi điều gì đã diễn ra. Họ tiến hành những mẫu xét nghiệm ở máu, tóc, mô miệng nhưng tất cả đều không có DNA của con trai bà.

Các bác sĩ đã tìm hiểu kỹ hơn tuyến giáp của Karen. Lý do khiến các bác sĩ chọn tuyến giáp để xét nghiệm DNA vì trong 100 ml máu ở người bình thường, có 2–2,5 mmol calcium (100 mg/l)

và tồn tại dưới 3 dạng là 40% gắn với protein, 5–10% ở dưới dạng muối kết hợp với phosphat, bicarbonat, citrat; và 50% còn lại tồn tại dưới dạng ion hóa, để đảm bảo cho hoạt động điện sinh lý của các tế bào.

Mỗi ngày, cơ thể hấp thu vào 25 mmol canxi và thải trừ 20 mmol ra phân + 5 mmol ra nước tiểu. Hormon tuyến giáp có vai trò huy động canxi từ xương ra máu, và vitamin D giúp hấp thu canxi vào cơ thể, đưa đến xương. Karen Keegan gặp một vấn đề khá hiếm trong y học gọi là chimerism.

Hiện tượng này xảy ra ở người hay động vật khi hai trứng được thụ thai, hoặc phôi thai kết hợp cùng nhau trong thời kỳ đầu của thai kỳ. Mỗi hợp tử mang một bản sao DNA của bố mẹ, vì vậy hợp tử mới có một bộ gene khác biệt. Về cơ bản, đứa trẻ sinh ra là song sinh của chính nó. Chimerism ở người rất hiếm. Trong các thử nghiệm DNA nhằm xác định con ruột của bố mẹ đã phát hiện trường hợp Chimerism khi đứa trẻ không có liên hệ sinh học với người mẹ – nó mang một DNA khác. Lydia Fairchild là trường hợp điển hình sinh ra một chimera. Người mẹ trẻ ở bang Washington đã phải đấu tranh với tòa án để giữ đứa bé mà cô mang nặng đẻ đau.

Trên thế giới có khoảng 30 trường hợp như vậy được ghi nhận. Thực chất đó là trường hợp hai cá thể song sinh tồn tại trong một cơ thể. Nguyên nhân là do có hai trứng cùng được thụ tinh, nhưng khi trong tử cung, đáng lẽ phải phát triển thành hai trẻ song sinh thì chúng lại “hòa lẫn” vào nhau, và trở thành một bào thai hoàn hảo duy nhất, nhưng có hai mã di truyền khác nhau – hai chuỗi DNA khác nhau.

Nói một cách khác, Karen là hai người trong một cơ thể và điều đó không thể quan sát bằng mắt thường, mà chỉ có thể phát hiện nếu xét nghiệm vật chất di truyền. Đó là lý do DNA trên khắp cơ thể bà lại khác với DNA của các con, nhưng DNA ở tuyến giáp lại giống.

Câu chuyện của Karen khiến Lydia có cơ sở (XEM TIẾP TRANG 123)



# BÍ ĐỎ NHƯ THẦN DƯỢC

■ DS NGUYỄN BÁ HUY CƯỜNG • V.T. SƯU TÂM

## QUÀ TẶNG CỦA THIÊN NHIÊN

Chỉ cần thưởng thức một chén bí đỏ, chúng ta đã làm xong một chuyện tử tế cho sức khỏe của chính mình. Bí rợ thuộc nhóm rau quả rất giàu dinh dưỡng, là “doanh trại” của những “chiến sĩ” chống oxy hóa (antioxidants) xả thân chiến đấu chống lại các gốc tự do (free radicals).

Màu vàng tươi của bí rợ là do sự hiện hữu của beta-carotenes. Đây là những chất chống oxy hóa khét tiếng do được chuyển hóa thành vitamin A khi vào cơ thể. Vitamin A có nhiệm vụ quan trọng là hỗ trợ hệ miễn dịch, do đó có chức năng tăng cường “hàng phòng thủ” của cơ thể, đồng thời giúp cơ thể “nâng cấp” lại những tế bào bị tổn hại vì gốc tự do.

Nhiều nghiên cứu khoa học đã chứng minh rằng những người tiêu thụ thực phẩm giàu beta-carotenes sẽ có tần suất thấp nguy cơ bị một số bệnh ung thư. Cùng với beta-carotenes, thịt bí rợ cũng chứa alpha-carotenes có tác dụng ngăn chặn những căn bệnh thoái hóa như đục thủy tinh thể.

Bí rợ chứa nhiều vitamin C, chất xơ nên luôn tác dụng điều hòa huyết áp. Do chứa một hàm lượng kẽm đáng kể nên ngoài việc hỗ trợ hệ miễn dịch, bí rợ còn có tác dụng hỗ trợ những trường hợp loãng xương. Ngoài những dưỡng chất trên, bí rợ còn chứa nhiều calcium, carbohydrates, folate, sắt, magnesium, vitamin B3, protein, vitamin E...

## GIÁ TRỊ CHỮA BỆNH CAO

Quả và hạt bí rợ là những người bảo vệ cho “túi tiền” của nam giới. Những hóa chất có trong quả và hạt bí rợ gọi là phytosterols, vốn có thể làm gọn lại những tiền liệt tuyến bị phì đại.

Một nghiên cứu được thực hiện tại Budapest – Hungary cho thấy đàn ông bị phì đại tiền liệt tuyến lành tính (benign enlarged prostate) nếu điều trị bằng hạt bí rợ thì bệnh trạng sẽ được cải thiện một cách đáng kể. Sự cải thiện này nhờ vào “song cước”. Một là củng cố dòng nước tiểu, giảm số lần đi tiểu đêm; hai là ức chế sự sản sinh loại hormone sinh dục nam – testosterone, vốn được xem là “đồng phạm” gây phì đại tiền liệt tuyến.

Hạt bí rợ còn là một chất kháng viêm hữu hiệu, có tác dụng tốt trong những trường hợp viêm khớp. Tác dụng kháng viêm của hạt bí rợ đã qua mặt một loại thuốc trị viêm khớp đình đám là Indomethacin vì không gây ra những tác dụng phụ.

Ăn bí rợ còn giúp cơ thể “hóa giải” sự hình thành sỏi calcium oxalate ở thận. Quả bí rợ chứa nhiều L-tryptophan nên được xem là một loại thực phẩm bổ não, đồng thời giúp cơ thể đương đầu với stress.

Y học dân gian (cả đông y và tây y) dùng hạt bí rợ để trị giun. Cọng bí rợ còn là bạn tốt của phụ nữ. Lấy cọng bí rợ đem nấu nước uống sẽ giúp phụ nữ vui đi nỗi đau trong những ngày “đèn đỏ”.■

TRANG SỨC KHỎE

# MUỐN KHỎE ĐẸP

hãy uống một ly nước chanh mỗi ngày



## ■ DIỆU THUẬN SƯU TÂM

Từ xưa, trái chanh được sử dụng như một bài thuốc dân gian có tác dụng kích thích chức năng gan. Nước chanh cũng giúp thanh lọc độc tố trong máu và giữ cho làn da tươi sáng.

Mọi người thường thích dùng các loại đồ uống nóng ấm vào buổi sáng như trà hay café, nhưng bạn hãy thử bắt đầu một ngày mới với một ly nước chanh ấm xem sao. Chỉ cần nửa quả chanh tươi vắt vào một ly nước rồi uống, hoặc thậm chí chỉ cần nhâm nhi nửa quả chanh mỗi ngày, bạn sẽ cảm thấy sức khỏe và làn da của mình được cải thiện rõ rệt.

## HỖ TRỢ CHỨC NĂNG MIỄN DỊCH

Chanh chứa hàm lượng Vitamin C và chất chống oxy hóa cao, có vai trò hỗ trợ chức năng miễn dịch của cơ thể, làm giảm nguy cơ nhiễm trùng đường hô hấp.

Axit ascorbic (hay sinh tố C, vitamin C) trong trái chanh có tác dụng chống viêm, được dùng để hỗ trợ điều trị cho bệnh nhân hen suyễn hoặc mắc các triệu chứng hô hấp khác. Axit ascorbic còn giúp hấp thụ sắt trong cơ thể, mà sắt đóng vai trò quan trọng trong chức năng miễn dịch. Chanh cũng chứa saponin được chứng minh



có đặc tính kháng khuẩn, giúp ngăn chặn bệnh cúm và cảm lạnh.

### **KIỂM HÓA CƠ THỂ**

Mặc dù vị chua của loại trái cây này khiến chúng ta tưởng chanh mang tính axit, nhưng thực tế chanh là một trong các loại thực phẩm kiềm hóa nhất cho cơ thể. Chanh chứa cả ascorbic và axit citric yếu nên dễ dàng được cơ thể hấp thụ cho phép các khoáng chất trong chanh giúp kiềm hóa máu.

### **HỖ TRỢ TIÊU HÓA**

Flavonon trong trái cây họ nhà cam – quýt được ví như là một loại thuốc bổ tiêu hóa. Chất này được chứng minh có thể làm sạch và kích thích gan, cho nên nước chanh thường được dùng để hỗ trợ tiêu hóa axit clohydric trong dạ dày, giúp tiêu hóa tốt hơn. Vitamin C còn giúp giảm nguy cơ viêm loét dạ dày do vi khuẩn *Helicobacter pylori* gây ra.

### **LÀM SẠCH DA**

Vitamin C và các chất chống oxy hóa giúp chống lại sự phá hủy của các gốc tự do (đây là nguyên nhân hàng đầu gây lão hóa, các rối loạn về tim mạch và vô số bệnh hiểm nghèo khác). Việc hấp thụ các chất chống oxy hóa (có trong trái chanh) có thể giúp bù đắp thiệt hại về gốc tự do và giảm thiểu nếp nhăn.

Hơn nữa, bạn có thể sử dụng nước cốt chanh để bôi lên da, giúp giảm các đốm mụn đỏ và làm mờ sẹo. Nhờ những công dụng trên mà từ xa xưa, chanh được sử dụng như một bài thuốc dân gian có tác dụng kích thích chức năng gan. Nước chanh cũng giúp thanh lọc độc tố trong máu, giữ cho làn da tươi sáng.

### **HỖ TRỢ CHỮA LÀNH CÁC VẾT THƯƠNG**

Axit ascorbic (hay sinh tố C, vitamin C) được tìm thấy trong chanh giúp thúc đẩy quá trình làm lành vết thương và là chất dinh dưỡng cần thiết trong việc duy trì các mô liên kết, giúp

xương và sụn chắc khỏe. Vitamin C có tác dụng chống viêm, đây là dưỡng chất cần thiết trong việc duy trì sức khỏe và hồi phục các tổn thương trên cơ thể.

### **THANH LỌC CƠ THỂ**

Bắt đầu buổi sáng với một ly nước chanh nóng sẽ có tác dụng kích thích tiêu hóa cho cả ngày. Hơn nữa uống vào thời điểm này là rất có lợi vì chanh giúp làm sạch cơ thể, nhất là đào thải những độc tố xuất hiện trong đường tiêu hóa vào ban đêm.

### **TĂNG NĂNG LƯỢNG**

Nước chanh cung cấp cho cơ thể một nguồn năng lượng khi nó đi vào đường tiêu hóa, đồng thời giúp làm giảm cảm giác lo âu, trầm cảm. Ngay cả hương thơm của loại trái cây này cũng có tác dụng làm dịu hệ thần kinh. ■



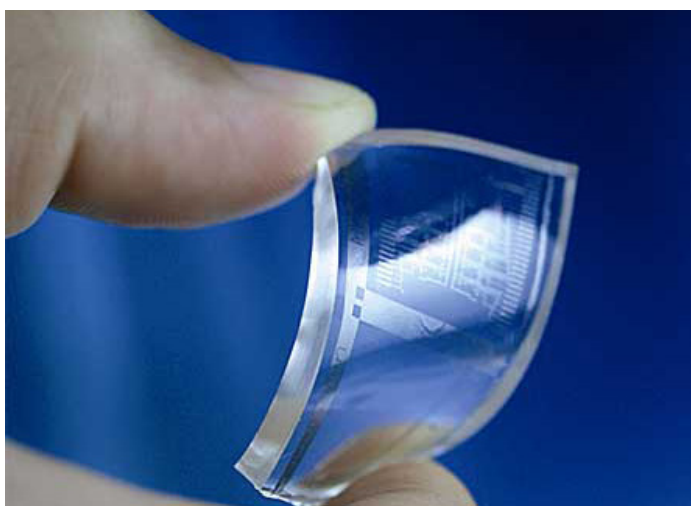
**BẠN MUỐN KHỎE ĐẸP? HÃY BẮT ĐẦU NGÀY MỚI VỚI MỘT LY NƯỚC CHANH. ẢNH: FITNEA.**



vật liệu mới có thể làm biến đổi thế giới

# GRAPHENE

■ HỒNG PHÚC TỔNG HỢP



SIÊU VẬT LIỆU GRAPHENE.

Các nhà khoa học và công nghệ Mỹ đã phát hiện ứng dụng không có giới hạn của loại vật liệu mới: Graphene – một vật liệu công nghệ cao cứng hơn thép và nhẹ hơn cả lông chim – trong các lĩnh vực của cuộc sống con người và dự báo vật liệu mới này sẽ tác động rất lớn đến nền kinh tế Mỹ, thậm chí có thể làm thay đổi cả thế giới.

Graphene là một loại vật liệu mới được tạo thành từ một lớp nguyên tử cacbon liên kết với nhau theo hình tổ ong được 2 nhà khoa học người Nga Andre Geim và Konstantin Novoselov phát hiện 7 năm trước và đã đem lại cho 2 nhà khoa học này Giải thưởng Nobel Vật lý năm 2010.

Nó thường được lấy từ bề mặt chì có độ dẫn điện gấp 100 lần so với đồng, có độ dẻo dai gấp 200 lần so với thép và rất mềm dẻo. Vì thế Graphene được chú ý là vật liệu có thể sử dụng để tạo ra các máy tính dạng đồng hồ đeo tay hay các màn hình mỏng như tờ giấy. Các nhà khoa học và công nghệ Mỹ dự báo Graphene sẽ tạo ra cuộc cách mạng trong thông tin không dây, đặc biệt con người có thể phóng vệ tinh với kích thước bằng tòa nhà

nhiều tầng nhưng trọng lượng chưa bằng trọng lượng của miếng thịt nướng.

Người ta có thể tải về điện thoại thông minh một băng hình có độ phân giải cao chỉ trong thời gian tính bằng nano giây. Hãng sản xuất điện thoại thông minh sớm khai thác tính năng ưu việt của Graphene sẽ chiến thắng trong cuộc cạnh tranh khốc liệt trên thị trường điện thoại thông minh thế giới.

Trong y tế, nhờ Graphene, các bác sĩ có thể sử dụng các loại dược phẩm mới với liều lượng cao để tiêu diệt tế bào ung thư nhưng không gây hại những tế bào lành. Graphene có thể sử dụng chế tạo máu nhân tạo, giúp con người tránh được nguy cơ bị truyền máu nhiễm virus hoặc không phải mất nhiều thời gian tìm kiếm các loại máu hiếm. Graphene có thể được sử dụng làm thuốc chữa bách bệnh cho người già.

Nhờ nghiên cứu mới của các nhà khoa học Đại học Wayne State thuộc bang Michigan (Mỹ), các bác sĩ có thể điều trị hiệu quả bệnh Alzheimer bằng việc cấy các điện cực Graphene vào não người bệnh. Các điện cực Graphene có tuổi thọ tới 5 năm thay thế các điện cực chỉ có tuổi thọ tính bằng tháng như hiện nay, góp phần cải thiện cuộc sống của nhiều triệu người bệnh trên thế giới. Các điện cực Graphene cũng có thể được sử dụng điều trị hiệu quả những tổn thương cột sống và khiếm thị.

Chỉ mới 3 tuần trước đây, các nhà khoa học Mỹ đã phát hiện khả năng sử dụng Graphene để kích thích sự phát triển của các mô trong cơ thể người. Ứng dụng này của Graphene mở ra khả năng chữa khỏi các khuyết tật bẩm sinh về tim, căn bệnh đã được nghiên cứu điều trị thử nghiệm hơn 100 năm qua nhưng chưa thành công.

Trong lĩnh vực máy tính, nghiên cứu của các nhà khoa học Viện Rensselaer ở bang New York đã loại bỏ được trở ngại lớn trong lĩnh vực vi điện tử. Họ đã biến một tấm Graphene siêu mỏng thành các bóng bán dẫn siêu nhỏ, mở ra khả năng chế tạo máy vi tính siêu nhỏ cũng như những vi mạch cứng siêu nhỏ trong tương lai.

Các nhà khoa học trên dự báo vào cuối thập kỷ này, thế giới có thể có máy tính kích thước đặt trong lòng bàn tay nhưng có sức mạnh tính toán bằng 10.000 máy tính hiện nay. Graphene cũng tạo ra cuộc cách mạng trong lĩnh vực chế tạo màn hình siêu mỏng và siêu lớn. Người ta có thể mang tivi này trong túi đến bất cứ đâu và treo lên tường để thưởng thức các chương trình truyền hình.

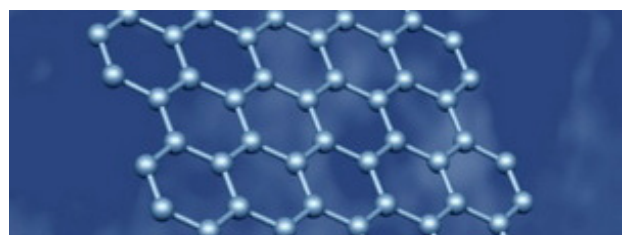
Trong quân sự, các nhà khoa học Đại học Texas ở thành phố Dallas đã sử dụng Graphene để làm biến mất các vật thể khỏi tầm mắt của con người. Những tấm áo choàng vô hình này sẽ giúp tàng hình các phương tiện quân sự như xe tăng, pháo... thậm chí cả con người trước mắt đối phương.

Tóm lại, giới khoa học nhận định Graphene sẽ góp phần định hình mọi lĩnh vực đời sống hàng ngày của con người vào cuối thập kỷ này

Nhóm nghiên cứu khoa học do Giáo sư Đại học Khoa học và công nghệ Ulsan Baik Jong-beom đứng đầu đã phát triển công nghệ sản xuất đại trà graphene, vật liệu ứng dụng hiệu quả trong ngành điện tử.

Các nhà nghiên cứu gặp khó khăn trong việc thương mại hóa Graphene do vật liệu này mới chỉ được lấy một lượng rất ít bằng việc sử dụng chất axit mạnh. Tuy nhiên, nhóm cộng sự của Giáo sư Baik lần đầu tiên đã phát hiện graphen lớp mỏng dễ dàng được phân loại khi xay với tốc độ cao cùng với chì và CO<sub>2</sub> rắn. Nhóm nghiên cứu dự đoán sẽ giảm thiểu ô nhiễm môi trường và sản xuất đại trà Graphene do có thể lấy nước làm dung môi thay vì chất độc hại như axit sulfuric và axit nitric. Kết quả nghiên cứu được đăng trên Tạp chí Viện hàn lâm khoa học quốc gia Mỹ.■

(<http://www.vietnamplus.vn/Home/Tao-ra-cong-nghe-san-xuat-dai-tra-vat-lieu-Graphene/20123/133178.vnplus>).



**T**huở còn nhỏ, chúng tôi thường nghe ông bà kể lại những thiên tai, nào là bão lụt, nào giặc cào cào xảy ra vào những năm Rồng xa xưa. Sự tàn phá mùa màng nhà cửa, người vật, khi nghe cũng cảm thấy hãi hùng. Thế cho nên chúng tôi tò mò muốn biết hình dạng và sức mạnh của rồng ra sao?

Qua hình vẽ, rồng mình dài, có kỳ, có vảy, có đuôi, riêng đầu miệng hàm và râu gọi lên những nét oai dũng.

Những nhà điêu khắc, đúc tượng, hay họa sĩ tạo hình rồng và cho màu sắc rất đẹp. Thường thường chúng tôi thấy hình của rồng nhiều nhất trong những ngôi đền tôn vinh cao quý của đời, của Đạo, như ở cung điện, lăng tẩm của các vị vua chúa xưa kia, hoặc những nơi tượng trưng vị trí cao nhất của nước, của đại diện tối cao về phần đời để lo về giáo dục dân sinh và quốc kế. Danh từ bệ rồng, sân rồng, hay long thể dùng để ám chỉ cái ngôi cao tột của đời.

Hoặc ở chùa chiền, là những nơi tôn nghiêm để tín đồ sùng thượng chiêm bái Đấng Giáo Tổ của mình, nơi phổ truyền giáo lý và chơn pháp, chúng tôi cũng nhận thấy có chạm trổ hình rồng rất tinh vi khéo léo, nhất là ở những Thánh đường của Đại Đạo Cao Đài, là bệ ngọc thờ Đức Cha Trời có đúc tượng rồng quấn quanh theo cột trụ tiền điện hoặc chánh điện. Nơi đây tượng trưng cho Đấng Tối Cao về tinh thần, dưới có các vị lãnh giáo đảm trách phần giáo dân vi thiện.

Rồng được chọn đặt để ở vị trí cao trọng vì đứng đầu trong hàng tứ linh “Long, Lân, Quy, Phụng”. Có nơi là sứ mạng thiên cơ được trang hoàng Long châu phía trước điện tiền, còn Hồ phục ở hậu điện, để lồng vào đó lý Đạo sâu xa cho người học Đạo tu trì.

Chúng tôi nhớ lại lúc hầy còn cắp sách đến trường, vừa biết đọc, biết viết, là được học sử về dân tộc Việt có Lạc Long Quân Quốc Tổ, là dòng

giống con Rồng cháu Tiên, một giống nòi thanh cao, cho nên đã tạo được một dòng lịch sử oai hùng.

Còn về tín ngưỡng, thân nhiếp được tinh ba của Tam Giáo Đạo, đồng thời dân tộc này hoan hỷ chấp nhận tiếp đón tất cả tôn giáo du nhập vào. Thế nên được Đức Thượng Đế đoái thương đấm con cái từ lành ban trao cho một nền Quốc Đạo bao gồm trọn vẹn cả Pháp môn hữu vi và Pháp đạo vô vi.

Về địa hình đất nước, được tưới mát bởi dòng Cửu Long Giang linh thiêng bắt nguồn từ Tây Tạng huyền bí. Từ mảnh đất linh trên núi cao nhứt hoàn vũ chảy dài trên 4.000 cây số, uốn mình quanh qua các xứ Phật, đi ngang Lào, Thái Lan, Campuchia và cuối cùng chảy vào Việt Nam, rồi đổ ra biển Nam Hải bằng 9 cửa, trong số đó có cửa Hàm Long. Cửu Long Giang nên thơ hùng vĩ với nhiều ghềnh thác, chở nặng phù sa đem bồi bổ cho dải đất mẹ phì nhiêu, xanh tốt.

Trong bài Kinh Nghinh Thánh nơi Thánh tịnh Thiên Thai (Định Tường) có đoạn như sau:

*Cửu Long Giang dài sâu rộng lớn,  
Bắt nguồn từ Tây Tạng cao nguyên,  
Bốn ngàn cây số có trên,  
Trải qua nhiều nước làm biên giới rành.  
Cửu Long Giang sông xanh huyền bí,  
Cửu Long Giang tú khí linh thiêng,  
Thủy triều hùng hậu sông Tiền,  
Đắp bồi một dải đất liền phì nhiêu.  
Là Định Tường thủy triều kết tụ,  
Báu linh xuất cảm tú giang san,  
Địa linh nhưn kiệt vẻ vang,  
Anh hùng đạo đức nữ nam nối truyền.*

Là tín hữu Cao Đài, thường nghe Ông Trên nhắc đi nhắc lại hai tiếng Long Hoa, là trường thi phán xét công, tội nhân loại trong buổi cuối cùng.

Có bước vào đường tu mới lần dò thám nhập về ý nghĩa của rồng hay rồng thiêng cũng thế. Về yếu lý của Rồng, chúng tôi xin trích ra sự tích

“Vẽ Vách” trong quyển Dưỡng Chơn Tập của Đạo trưởng Minh Thiện lúc sinh thời ( Đức Bác Nhã Thiền Sư Tam Tông Pháp Chủ) phiên dịch sách chữ Hán ra quốc âm có ghi ở đoạn chú thích như sau: :Ông Trương Tăng Diêu vẽ bốn con rồng ở trên vách tường chùa An Lạc tại Kim Lăng mà không điểm nhãn (chấm con người) lại nói rằng điểm nhãn cho nó thì nó bay đi. Ai nghe cũng cho lời nói đó là hoang đường. Họ Trương mới điểm nhãn thử một con rồng cho biết. Bỗng chút sấm sét nổi lên đánh đổ vách tường, con rồng được điểm nhãn bèn cỡi mây về trời, chỉ còn mấy con rồng kia ở lại mà thôi.”

Do đó người sau hay dùng chữ “vẽ vách” để chỉ những chỗ yếu lý. Trong Kinh Dịch, Thánh nhân mượn hình tượng rồng để chỉ hào dương của quẻ Kiển, biến hóa mạc trắc vô cùng, thần diệu vô phương, 6 hào dương hay sáu rồng ở thời vị khác nhau, để dạy người về lẽ thịnh suy bỉ thối, tiến thoái đúng thời, đúng vị, hầu khai thông cho cuộc sống đạo đời được an vui.

Trong Kinh Ngọc Hoàng Bửu Cáo của đạo Cao Đài có câu: “*Thời thừa lục long, du hành bất tức.*” Đạo trưởng Tổng Lý Huệ Lương giải thích trong Cao Đài Giáo sơ giải:

“Ngôi Thái Cực Thánh Hoàng theo thời mà vận đi khắp Trời (không gian), không hề ngừng nghỉ chút nào. Đó là lời nói lóng. Trong Kinh Dịch có câu: Thừa lục long dĩ ngự Thiên: Sáu rồng là quẻ Kiển có 6 hào thuộc Dương như là:

1. Hào Sơ cửu: Tiềm Long

2. Hào Cửu nhị: Hiện Long

3. Hào Cửu tam: Tịch Tích

4. Hào Cửu tứ: Tại Uyên

5. Hào Cửu ngũ: Phi Long

6. Hào Thượng cửu: Kháng Long.

Rồng tượng trưng hào dương ở Trời mà cũng ở người tu luyện, nên trong Pháp môn có đề cập đến chữ “Long thăng Hổ giáng”, hoặc dụng “Kiển nguyên” mà đạt đến điểm đạo mầu vi.

Thế cho nên Thiêng Liêng đã từng dạy rằng: chỉ có người giác ngộ, chơn tu mới thấy được Rồng Thiêng. Rồng Thiêng ở đây là hào dương mầu nhiệm. Trước khi con người muốn đạt phần dương linh tánh và tinh khiết trong sạch về thể chất, phải trau dồi tâm tánh vượt khỏi phần âm mới trọn vẹn. Đức Tôn Sư đã bảo: Hễ tinh thần trong sạch thuộc dương, tâm địa xấu xa như bản thuộc âm. Vui thuộc dương, buồn thuộc âm, lạnh thuộc dương, dữ thuộc âm, tình thương cao thượng thuộc dương, tình thương thấp hèn thuộc âm, tánh tình dễ thương thuộc dương, tánh tình khiến người ghét thuộc âm, tinh thần thanh tịnh thuộc dương, tinh thần loạn động thuộc âm, v.v.

Rồng Thiêng trong Đạo pháp còn tiềm ẩn. Ngày nào tâm người được chí thiện chí mỹ xứng đáng là con cái Chí Tôn Thượng Đế mới cảm nhận được Rồng Thiêng.

Là người tu hành, chúng tôi ước mong sẽ có người nghe thấy Rồng thiêng để cùng vui mừng trong cảm mến và cảm phục mà theo gương cho bước đường tu học.■

---

## CÂU CHUYỆN DNA

(TIẾP THEO TRANG 116)

thuyết phục quan tòa cho cô thêm thời gian. Cuối cùng, sau hàng loạt xét nghiệm, bác sĩ kết luận rằng Lydia cũng là một trường hợp chimerism. Hồ sơ vụ án được khép lại với một kết thúc có hậu: Lydia được công nhận là mẹ đẻ của các con cô và được nhận trợ cấp hàng tháng. Mỗi lần nhớ lại chuyện đã qua, Lydia vẫn thầm cảm ơn Karen: “Nếu không có bà ấy, tôi đã mất con.”

Câu chuyện của Lydia được lưu kỹ lưỡng trong hồ sơ xử án của tòa án tiểu bang Washington. Họ xem đây là “một vụ án y khoa” hiếm gặp. Còn phía y học và các nhà khoa học, đặc biệt là những nhà chuyên môn nghiên cứu về DNA cả về con người và động vật, họ xem đó là một bước tiến mới.■





# Chuyện

## HAI NGƯỜI QUÉT RÁC

Vào sáng Chủ Nhật, có thể là do ngày nghỉ rảnh rỗi, một người đàn ông trung niên lúi húi quét dọn trước cửa nhà. Ông cầm chiếc chổi và đồ hốt rác quét sạch vỉa hè rồi quét dọc theo lề đường, cẩn thận gom tất cả đám cát, bao ny-lông, mẩu thuốc lá, ly giấy, lá khô và đủ thứ rác rưởi của xã hội văn minh vào thùng, đập nắp cẩn thận, đặt ngay ngắn xuống lòng đường, để ngày mai xe rác của thành phố lấy đi. Hình như ông là người duy nhất ở khu phố này cầm chổi quét lòng đường và vỉa hè. Thói thường đều cho rằng chuyện đường phố sạch dơ để thành phố lo.

Hơi đâu “bao đồng” chuyện nhà nước? Thế nhưng cứ mỗi lần qua khu Japan Town, ông lại cảm phục người Nhật về tinh thần tự trọng và yêu mến thành phố của họ. Lúc nào ông cũng thấy những ông, bà Nhật lúi húi quét dọn vỉa hè và lòng đường. Chính vì thế mà cả khu Japan Town lúc nào cũng sạch trơn. Chỉ cần bước qua ranh giới của Japan Town là một hình ảnh thật tương phản. Sự sạch sẽ, khang trang chỉ cách nhau một sợi chỉ.

Có lần ông dừng xe lại hỏi thăm thì được các ông bà Nhật nói: “Chúng tôi quan niệm rằng đường phố thuộc về

người dân, không hoàn toàn thuộc về chính phủ. Do đó giữ gìn đường phố sạch sẽ cũng là trách nhiệm của người dân. Đồng ý là chúng tôi có đóng thuế để thành phố lo chuyện vệ sinh nhưng giờ đây thành phố có quá nhiều việc phải lo hoặc lo không xuể. Chúng tôi không ngồi đó than trời trách đất. Nếu muốn sở rác phục vụ tốt hơn thì chúng tôi lại phải đóng thêm thuế. Thôi thì chúng tôi chia sẻ trách nhiệm với nhà nước mà cũng là để giữ gìn đường phố của chính mình. Chẳng mất mát gì cả. Tới một thành phố khang trang sạch sẽ người ta cảm phục cả đất nước lẫn con người ở đó. Chúng tôi

yêu khu phố của chúng tôi và cũng muốn khách vãng lai yêu mến nó.”

Chính vì cảm phục người Nhật mà tuần nào ông cũng làm công việc này mà chẳng than phiền chi cả. Khi nhận thấy vỉa hè và lòng đường đã khá sạch, ông toan thu dọn để bước vào nhà thì một thanh niên từ xa bước tới, miệng phì phèo điếu thuốc. Chỉ cần nhìn cách ăn mặc và đi đứng người ta có thể nhận ra đây là một chàng thanh niên ngang tàng. Khi tới chỗ ông đang đứng, người thanh niên rít hơi cuối cùng rồi coi như không có ai, thản nhiên quăng mẩu thuốc lá xuống đường. Nhìn mẩu thuốc lá nằm tênh hênh trên mặt vỉa hè sạch trơn, dường như nó có vẻ “phá hoại” và trêu người, cho nên người đàn ông tức giận, lớn tiếng gọi người thanh niên:

– Này, yêu cầu quay lại nhặt tàn thuốc lá lên nghe!

Người thanh niên đã đi cách xa ông khoảng năm, sáu bước, nghe gọi thế quay đầu lại nhìn với vẻ hết sức ngạc nhiên. Anh ta ngạc nhiên vì có thể cả trăm lần quăng mẩu thuốc lá như thế này mà chẳng ai phản ứng gì, nay có một “gã điên” làm chuyện không giống ai. Anh ta quay lại, sẵn giọng hỏi:

– Ông nói gì?

– Yêu cầu cậu nhặt mẩu thuốc lá lên!

Mặt chàng thanh niên đỏ gay:

– Bộ đường phố này của ông hả?

Người đàn ông trả lời ngay:

– Không phải của tôi nhưng tôi quét dọn sạch sẽ. Người tự trọng không bao giờ xả rác bừa bãi. Cậu hiểu điều đó không? Tôi yêu cầu cậu nhặt lên!

Tự ái bị tổn thương, người thanh niên không cần phân biệt đúng – sai, nói như gây sự:

– Không nhặt thì sao?

Sự lớn tiếng qua lại giữa hai bên làm người trong nhà chạy ra, người qua lại trên hè phố tò mò đứng lại. Cuối cùng tất cả đều thấy đây không phải chuyện đại sự cho nên xúm vào can gián. Cuối cùng người thanh niên hậm hực bỏ đi còn người đàn ông đứng phân bua một hồi rồi bực bội bước vào nhà.

▪

Ba ngày sau, tại một khu phố khác cách đó khoảng năm, sáu con đường người ta thấy một vị sư đang quét rác tại cổng một ngôi chùa. Hôm nay là Thứ Hai, chùa vắng, Phật tử đi làm hết, sau hai ngày cuối tuần bận rộn với sinh hoạt và lễ lạc, rác đã thấy lai rai trên sân. Ngoài ra, còn lá trên cây rụng xuống cho nên thấy trụ trì ra công quét dọn, vừa vận động vừa làm sạch trong ngoài. Đối với người xuất gia, quét rác cũng là “công phu”. Sau khi cổng chùa đã sạch sẽ, sư toan

đẩy thùng rác trở vào thì một chàng thanh niên tà tà bước tới. Đây chính là anh chàng đã gây sự với người đàn ông quét rác ba ngày trước. Khi đi tới cổng chùa, có thể do vô tình, do quán tính, cố tật, hoặc đãng trí, sau khi mở bao thuốc lá, chàng ta rút ra một điếu, châm lửa. Thấy bao thuốc đã hết, chàng ta quăng cả chiếc bao trống không dưới chân bức tường cạnh cổng chùa rồi thản nhiên bước đi. Thế nhưng khi bước đi khoảng năm, sáu thước, có thể do nhớ lại cuộc “đụng độ” với người đàn ông trước đây, chàng ta quay đầu lại xem sự thể như thế nào. Trái với phỏng đoán của mình, vị sư bình thản bước tới chân bức tường, cúi xuống nhặt bao thuốc lá lên, quay lại thùng rác, mở một bao rác nhỏ, bỏ bao thuốc lá trống vào bên trong, cột trở lại, bỏ vào thùng rác rồi lặng lẽ đẩy thùng rác vào bên trong sân chùa, không hề quay nhìn chàng thanh niên... đang ngạc nhiên đứng đó.

▪

Ngày hôm sau, chàng thanh niên tới thăm vị sư. Sau khi giới thiệu mình chính là người xả rác trước cổng chùa. Chàng ta kể lại chuyện “đụng độ” với người đàn ông rồi hỏi:

– Thưa thầy, tại sao cùng một chuyện mà thầy lại có lối cư xử nhẹ nhàng hơn người đàn ông kia?

Sư hiền từ đáp:

– Người đàn ông đó là một công dân tốt. Một công dân tốt do làm tròn bổn phận của mình cho nên thường thẳng thắn nói lên cái sai của người khác để cùng nhau sửa chữa trong tinh thần ôn hòa. Tuy nhiên cách hành xử giữa một người thường và một người xuất gia có khác nhau. Người xuất gia không nói về cái lỗi của kẻ khác mà kham nhẫn để kẻ phạm lỗi giác ngộ mà tu sửa. Hai lối hành xử đó không cái nào hơn cái nào, “vạn pháp đều bình đẳng”, chỉ tùy duyên ứng xử mà thôi. Một căn nhà, một ngôi chùa, một khu phố hoặc nơi làm việc cần phải sạch sẽ. Sự sạch sẽ làm trang nghiêm cuộc sống và thế giới. Ngay đầu

óc chúng ta cũng cần sạch sẽ. Muốn sạch sẽ thì phải quét rác. Một chiếc máy điện tử muốn tốt cũng phải “đổ rác”. Đầu óc con người muốn thanh tịnh, sạch sẽ cũng phải “đổ rác” – đổ bớt rác rưởi của tâm hồn. Những ý nghĩ bất tịnh, tương tranh, thù hận, đố kỵ, tị hiềm, những tư tưởng loại trừ, kỳ thị, ghét bỏ đều là rác rưởi của tâm hồn. “Quét rác” và “đổ rác” là việc làm thường xuyên của người nào muốn tâm hồn thanh tịnh. Từ thanh tịnh mà có thanh thản. Vì thanh thản cho nên không động tâm. Vì tâm không động cho nên ít gây đổ vỡ.

▪  
Ba ngày sau, chàng thanh niên tìm tới nhà người đàn

ông, nói lời xin lỗi. Chàng học được một bài học nơi sư: “Thay vì xả rác xuống đường hoặc nơi công cộng thì nên xả bớt rác trong tâm hồn mình.”

#### LỜI NGƯỜI KỂ CHUYỆN:

Ngoài đức tính kham nhẫn, có thể sư đã đạt tới mức “vô phân biệt”. Sư cứ thấy rác thì quét mà không hề phân biệt rác từ cây đổ xuống, Phật tử xả ra, nam hay nữ, lạ hay quen cho nên rác của chàng thanh niên cũng thế thôi. Chính vì “vô phân biệt” cho nên sư không động tâm. Không động tâm cho nên sư đã quét rác trong trạng thái “vô tâm”. Mà vô tâm thì an lành.■

ĐÀO VĂN BÌNH (CALIFORNIA, 20 THÁNG 9, 2013).



# giá trị của **NGHỊCH** **CẢNH**



## ■ PHONG HIẾU SUU TÂM

**N**hững nông dân ở miền Nam Alabama đã quen trồng chỉ mỗi một thứ là cây bông (dùng để se chỉ, dệt vải).

Một năm kia, những con sâu bọ đã tàn phá cả vùng. Năm sau những người nông dân đem nhà cửa của họ đi cầm cố để có tiền và lại tiếp tục trồng cây bông, hy vọng vào một kỳ gặt hái tốt đẹp. Thế nhưng khi những cây bông bắt đầu mọc, những con sâu bọ đó lại đến và phá sạch hầu hết các cánh đồng.

Một số ít những người “sống sót” qua 2 năm đó đã quyết định trồng thử một thứ mà trước đây họ chưa bao giờ trồng – Cây đậu phộng. Và kết quả là cây đậu phộng của họ nhanh chóng được thị trường ưa chuộng, đến nỗi lợi tức của năm đó đủ để họ trả hết nợ của 2 năm trước. Kể từ đó họ trồng đậu phộng và rất phát đạt.

Và rồi bạn biết những người nông dân đó làm gì không? Họ trích một phần trong tài sản to lớn của mình để dựng một đài kỷ niệm ngay giữa trung tâm thành phố để ghi công “những con sâu bọ”. Bởi nếu không vì những con sâu đó họ sẽ không bao giờ khám phá ra đậu phộng. Họ sẽ mãi mãi đủ ăn với nghề trồng cây bông từ thế hệ này qua thế hệ khác.

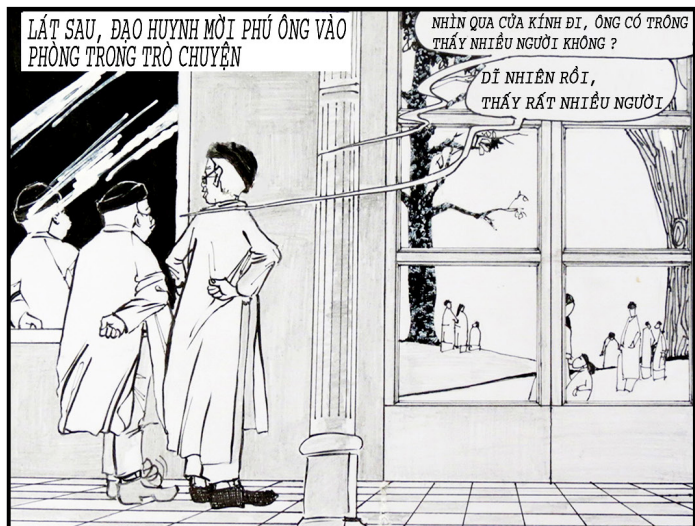
Chúng ta thường than oán mỗi khi rơi vào nghịch cảnh. Thế nhưng nghịch cảnh đều có giá trị của nó. Và nếu chúng ta không bỏ cuộc, không đầu hàng, ngược lại nếu chúng ta coi đó như là những cơ hội để phấn đấu vươn lên, chắc chắn chúng ta sẽ khám phá được những giá trị quý báu.■



# TRANG TRUYỆN TRANH

## LỚP BẠC MỎNG ĐÁNG THƯƠNG

ý: Thiên Gia  
Vẽ: Cọ Trắng





# THEO · DÒNG · ĐẠO · SỰ

## ■ THANH HIỂN



**02-7 QT (08-8-2013)** Lễ khánh thành ngôi Tam Đài Thanh Minh Đền, Long An.

**07-7 QT (13-8-2013)** Lễ vía Đức Hồng Quân Lão Tổ tại Thánh tịnh Như Ý Linh Thần Đài - Lái Thiêu, Bình Dương.

**13-7 QT (16-8-2013)** Lễ kỷ niệm ngày thành Đạo của Đức Liễu Tâm Chơn Nhơn tại Thánh thất Từ Vân, Q. Phú Nhuận, TP.HCM.

**18-8 QT (22-9-2013)** Lễ vía Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo tại Họ Đạo Long Vân, Thủ Đức, TP.HCM.

**23-8 QT (27-9-2013)** Lễ kỷ niệm khai tịch Đạo tại Nam Thành thánh thất, Q.1, TP.HCM (hình 1).

**27-8 QT (01-10-2013)** Lễ vía Đức Khổng Thánh



Tiên Sư tại Thánh tịnh Minh Kiến Đài, Q. Gò Vấp, TP.HCM.

**03-9 QT (07-10-2013)** Lễ kỷ niệm ngày viên tịch Đầu sư Ngọc Lịch Nguyệt tại thánh tịnh Vĩnh Sơn Quang, Tiền Giang.

**08-9 QT (12-10-2013)** Lễ kỷ niệm lạc thành lần thứ 64 thánh tịnh Tam Thanh Bửu Điện, Long An.

**14-9 QT (18-10-2013)** Lễ kỷ niệm lần thứ 78 ngày thành lập Thánh Tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc, Q.8, TP. HCM.

**19-9 QT (23-10-2013)** Lễ vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát trùng dịp kỷ niệm 45 năm thành lập thánh thất Minh Tân Cao Tiên Đền, Q.6, TP. HCM. ■

